

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐẶNG THỊ THẢO

BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ KHU VỰC BIÊN GIỚI
VIỆT NAM - CAMPUCHIA Ở ĐÔNG NAM BỘ HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC



HÀ NỘI, 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐẶNG THỊ THẢO

**BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ KHU VỰC BIÊN GIỚI
VIỆT NAM - CAMPUCHIA Ở ĐÔNG NAM BỘ HIỆN NAY**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC
MÃ SỐ: 9.31.02.01**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS. TS. TRỊNH THỊ XUYỀN



HÀ NỘI, 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận án này là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Luận án được hoàn thành dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS.TS Trịnh Thị Xuyên. Các số liệu và kết quả sử dụng trong luận án là trung thực, bảo đảm tính khách quan, khoa học và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, tin cậy.

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Tác giả Luận án



Đặng Thị Thảo

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

LLVT	: Lực lượng vũ trang
MTTQ	: Mặt trận Tổ quốc
UBND	: Ủy ban nhân dân
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

	<i>Trang</i>
Biểu đồ 3.1: Kết quả đánh giá về kế hoạch, hoạt động triển khai phân giới cắm mốc và tôn tạo, tăng dày cột mốc	112
Biểu đồ 3.2: Kết quả đánh giá về kế hoạch và hoạt động tuần tra, phối hợp tuần tra biên giới của hai tỉnh biên giới Tây Ninh và Bình Phước, Việt Nam	115
Biểu đồ 3.3: Kết quả đánh giá về kế hoạch và hoạt động bảo đảm an ninh tư tưởng	124
Biểu đồ 3.4: Kết quả đánh giá về kế hoạch và hoạt động kiện toàn hệ thống chính trị cơ sở	130
Biểu đồ 3.5: Kết quả Khảo sát đánh giá hoạt động chia sẻ thông tin, hợp tác, giao lưu giữa chính quyền, lực lượng vũ trang và Nhân dân khu vực biên giới về kinh tế, an ninh, văn hoá, xã hội	138
Biểu đồ 4.1: Kết quả điều tra lựa chọn giải pháp “Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, vận động quần chúng Nhân dân”	164
Biểu đồ 4.2: Kết quả khảo sát lựa chọn giải pháp “Triển khai mạnh mẽ, hiệu quả kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh quốc phòng khu vực biên giới”	166
Biểu đồ 4.3: Kết quả khảo sát lựa chọn giải pháp “Tăng cường	171

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: <u>TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN</u>	9
1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu	9
1.2. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu và hướng nghiên cứu của đề tài luận án	43
Chương 2: <u>NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ KHU VỰC BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN</u>	47
2.1. Một số khái niệm cơ bản	47
2.2. Nội dung và chủ thể thực hiện bảo đảm an ninh chính trị biên giới trên đất liền	54
2.3. Những yếu tố tác động đến bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền	68
2.4. Ý nghĩa của bảo đảm an ninh chính trị biên giới trên đất liền	81
Chương 3: <u>THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ KHU VỰC BIÊN GIỚI VIỆT NAM - CAMPUCHIA Ở ĐÔNG NAM BỘ HIỆN NAY</u>.....	90
3.1. Những yếu tố tác động đến bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia ở Đông Nam Bộ	90
3.2. Tình hình bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia ở Đông Nam Bộ từ 2016 đến 2024	108
3.3. Đánh giá hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia ở Đông Nam Bộ từ 2016 đến 2024	139
Chương 4: <u>MỘT SỐ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ KHU VỰC BIÊN GIỚI VIỆT NAM - CAMPUCHIA Ở ĐÔNG NAM BỘ TRONG THỜI GIAN TỚI</u>	147
4.1. Dự báo những yếu tố tác động tình hình bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Đông Nam Bộ thời gian tới	147
4.2. Giải pháp bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia ở Đông Nam Bộ thời gian tới	159
KẾT LUẬN	190
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN LUẬN ÁN	193
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	194
PHỤ LỤC	210

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII trình Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng Cộng sản Việt Nam nêu rõ: “Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng; sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước... kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước”[37; 67-68]. Đây không chỉ là mục tiêu, động lực của toàn Đảng, toàn Quân, toàn Dân trong quá trình xây dựng và bảo vệ tổ quốc, mà còn là nhiệm vụ then chốt của công tác bảo đảm an ninh quốc gia, đặc biệt là an ninh chính trị trong tình hình mới. Tuy nhiên để bảo đảm an ninh chính trị trong bối cảnh hiện nay, khi tình hình kinh tế, an ninh, chính trị thế giới có nhiều thay đổi nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Trong nước, bên cạnh những thuận lợi hết sức cơ bản trên các lĩnh vực thì kinh tế Việt Nam những năm qua đang đứng trước nhiều thách thức lớn. Ở lĩnh vực chính trị, bốn nguy cơ mà Đảng chỉ ra vẫn còn tồn tại, trong đó có nguy cơ “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch nhằm chống phá Việt Nam; tình trạng suy thoái về đạo đức, tư tưởng, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến, tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức vẫn hiện hữu; an ninh biển đảo đang đứng trước những thách thức to lớn; khu vực biên giới giữa Việt Nam và các nước láng giềng trong đó có Campuchia còn tồn tại nhiều vấn đề đe dọa đến vai trò lãnh đạo của Đảng, tính hiệu lực, hiệu quả của bộ máy Nhà nước và độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia như: chưa hoàn thành phân giới cắm mốc với Campuchia; tình trạng buôn người, buôn lậu, buôn bán ma túy qua biên giới ngày càng phức tạp; quá trình di cư tự do; sự xuất hiện của các loại tôn giáo lạ, tà đạo... Tình hình đó đặt ra những trách nhiệm nặng nề cho hệ thống chính trị nói

chung và hệ thống chính trị cơ sở tại khu vực biên giới nói riêng phải quan tâm giải quyết nhằm giữ vững an ninh, an toàn dọc tuyến biên giới, góp phần vào công cuộc xây dựng bảo vệ tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị, an ninh quốc gia.

Trong quá trình phát triển, những năm qua Đông Nam Bộ luôn được xem là đầu tàu kinh tế, trung tâm văn hoá – xã hội nhưng cũng là khu vực có tầm quan trọng to lớn về an ninh, quốc phòng của cả nước và phía Nam. Bởi trên thực tế, Đông Nam Bộ không chỉ là khu vực kết nối giữa duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên với Tây Nam Bộ mà còn có các tỉnh biên giới tiếp giáp với Campuchia. Địa hình, địa thế này cùng với nhiều thách thức trên các lĩnh vực đã đặt ra nhiệm vụ lớn lao cho Đông Nam Bộ trong phát triển kinh tế, ổn định chính trị, xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng nhất là tại các khu vực biên giới. Ý thức được tình hình và trách nhiệm, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên tuyến biên giới các tỉnh Đông Nam Bộ thời gian qua có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được những thành tựu quan trọng như: hệ thống chính trị các cấp, đặc biệt là ở các xã, huyện vùng sâu, vùng xa, giáp biên được tăng cường. Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền từng bước được củng cố vững chắc, an ninh chính trị nội bộ cơ bản ổn định. Các vấn đề về đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội, trong đó công tác xóa đói, giảm nghèo tại các xã, huyện có đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo sinh sống được cấp ủy, chính quyền quan tâm giải quyết và đạt được nhiều kết quả tích cực. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định; nền quốc phòng toàn dân, an ninh Nhân dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận biên phòng toàn dân và an ninh Nhân dân được tăng cường. Khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố vững mạnh; Quan hệ giữa chính quyền, Nhân dân địa phương, Bộ đội biên phòng của Việt Nam và Campuchia ngày càng được cải thiện, góp phần giữ vững an toàn, an ninh trên dọc tuyến biên giới.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở những xã, huyện vùng sâu, vùng xa, biên giới khu vực Đông Nam Bộ vẫn còn phức tạp. Đời sống của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Ở một số nơi do sự yếu kém của hệ thống chính trị cơ sở vẫn còn tệ quan liêu, xa dân, thậm chí còn vi phạm chính sách an sinh xã hội gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, chia rẽ giữa Đảng, Nhà nước, quân đội, công an với Nhân dân, chia rẽ giữa người Kinh với đồng bào tôn giáo và đồng bào dân tộc thiểu số... Thêm vào đó, các thế lực thù địch, phản động lợi dụng những vấn đề dân tộc, tôn giáo, “dân chủ”, “nhân quyền”, lợi dụng đời sống của Nhân dân còn khó khăn, sự suy thoái, biến chất, quan liêu, tham nhũng của một bộ phận cán bộ để tuyên truyền, xuyên tạc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Các đảng đối lập bên phía Campuchia luôn có những hành động tuyên truyền sai sự thật về mối quan hệ Việt Nam - Campuchia, kích động người dân, đưa người dân Campuchia đến khu vực biên giới gây rối làm bất ổn về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tại các khu vực này nhất là vào mỗi dịp bầu cử tại Campuchia làm ảnh hưởng không nhỏ đến quan hệ giữa chính quyền và Nhân dân hai nước.

Xuất phát từ những cơ sở lý luận và thực tiễn đang đặt ra trong việc bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia nhất là an ninh lãnh thổ, an ninh tư tưởng và an ninh thể chế tại Đông Nam Bộ, nghiên cứu sinh lựa chọn nội dung: **“Bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia ở Đông Nam Bộ hiện nay”** làm đề tài luận án tiến sĩ chuyên ngành Chính trị học của mình.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài hướng đến mục tiêu bổ sung, hoàn thiện hơn một số vấn đề lý luận chung nhất về bảo đảm an ninh chính trị ở khu vực biên giới đất liền.

Đánh giá được thực trạng bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia ở Đông Nam Bộ từ 2016 – 2024 và đề xuất được những giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng bảo đảm an ninh chính trị ở khu vực này trong giai đoạn từ 2025 đến 2035 và tầm nhìn 2045.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm rõ những vấn đề lý luận về bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền như: một số khái niệm, chủ thể, nội dung, các yếu tố tác động và ý nghĩa của bảo đảm an ninh chính trị.

- Khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động bảo đảm an ninh chính trị (an ninh lãnh thổ, an ninh tư tưởng, an ninh thể chế) tại khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia ở Đông Nam Bộ từ 2016 - 2024, chỉ ra những thành công, hạn chế trong các hoạt động này.

- Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng bảo đảm an ninh chính trị tại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia ở Đông Nam Bộ trong giai đoạn từ 2025 đến 2035 và tầm nhìn 2045.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia ở Đông Nam Bộ.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung: Bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới có nội hàm rộng, diễn ra trên nhiều khía cạnh nhưng đề tài chủ yếu tập trung nghiên cứu hoạt động bảo đảm an ninh chính trị trên ba nội dung (an ninh lãnh thổ, an ninh tư tưởng và an ninh thể chế) tại khu vực biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia ở Đông Nam Bộ.

- Không gian: Tại hai tỉnh Tây Ninh và tỉnh Bình Phước, gồm có 8 huyện và 35 xã biên giới. Trong đó, tỉnh Tây Ninh có 5 huyện, thị xã và 20 xã; Bình Phước có 3 huyện và 15 xã).

- Thời gian: Từ năm 2016 đến 2024. Dự báo cho giai đoạn 2025 - 2035

Lý do lấy mốc 2016 bởi vì sau những biến động chính trị ở Campuchia đặc biệt là cuộc bầu cử Quốc hội khoá V, năm 2013. Các Đảng đối lập ở Campuchia trong đó có Đảng Cứu quốc dân tộc Campuchia (CNRP) đã có nhiều động thái chống lại đảng cầm quyền CPP về vấn đề bản đồ, lãnh thổ. Năm 2015 Đảng CNRP cáo buộc chính quyền Thủ tướng Hun Sen sử dụng bản đồ giả trong phân giới cắm mốc với Việt Nam và đưa người dân đến các cột mốc giáp ranh Việt Nam – Campuchia để gây rối, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn khu vực biên giới[136]. Trên tinh thần thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII (năm 2016) của Đảng về “kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của tổ quốc”. Vì vậy, từ 2016 trở đi hoạt động bảo đảm an ninh chính trị dọc tuyến biên giới Việt Nam – Campuchia trong đó có các tỉnh Đông Nam Bộ đã được đẩy mạnh, tăng cường hơn.

4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Qua đó giúp tác giả có nhận thức đúng đắn, đầy đủ, khoa học trong xây dựng, đánh giá và giải quyết vấn đề.

Phương pháp phân tích, tổng hợp: Đây là hai phương pháp quan trọng cần thiết sử dụng để thu thập, phân tích và khai thác thông tin từ các nguồn có sẵn liên quan đến nội dung nghiên cứu: bao gồm các văn bản của các cơ quan, tổ chức có liên quan đến bảo đảm an ninh, an ninh chính trị khu vực biên giới; Các báo cáo, số liệu thống kê qua các mẫu nghiên cứu; các công trình nghiên cứu trước đó liên quan đến nội dung nghiên cứu. Sử dụng phương pháp này sẽ giúp cho tác giả khái quát hóa các nội dung liên quan đến đề tài.

Phương pháp Logic, lịch sử: Đây là những phương pháp được tác giả sử dụng trong suốt quá trình triển khai luận án bởi hai phương pháp này giúp

tác giả đánh giá, lập luận vấn đề nghiên cứu theo trình tự thời gian, theo nội dung và bản chất của vấn đề. Do vậy sẽ làm cho vấn đề nghiên cứu được trình bày, lập luận khoa học, hợp lý hơn.

Phương pháp nghiên cứu điều tra xã hội học: Thông qua chọn mẫu khảo sát, thiết kế bảng hỏi, xử lý kết quả điều tra, người nghiên cứu mong muốn thu thập những tư liệu về bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới từ đó có cơ sở mô tả, đánh giá thực trạng hoạt động này từ năm 2016 đến 2024. Trong phương pháp này, tác giả tập trung thiết kế nội dung bảng hỏi xoay quanh những vấn đề thực tiễn mà các chủ thể của hệ thống chính trị và quần chúng Nhân dân khu vực biên giới đã thực hiện trong bảo đảm an ninh lãnh thổ, an ninh tư tưởng, an ninh thể chế; những vấn đề ảnh hưởng thuận lợi hay khó khăn đến bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới và những giải pháp mà các cấp uỷ Đảng, chính quyền, Nhân dân cho là hiệu quả. Những nội dung khảo sát này được đánh giá theo mức độ từ thấp đến cao như: chưa tốt, tốt, rất tốt; không thường xuyên, thường xuyên; không tác động, ít tác động, tác động nhiều... Đối tượng khảo sát là các cán bộ, đảng viên đang công tác trong hệ thống chính trị và người dân trong tổng số 8 huyện và 17 xã biên giới của hai tỉnh Tây Ninh và Bình Phước với khoảng 200 bảng hỏi. Thông qua phương pháp điều tra xã hội học giúp tác giả có cơ sở khoa học trong việc nhận định tình hình, đánh giá thực trạng, xây dựng giải pháp phù hợp, đáp ứng đặc điểm và nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị tại khu vực biên giới Đông Nam Bộ thời gian tới.

Ngoài ra, luận án còn sử dụng phương pháp so sánh, đối chiếu để thấy sự giống và khác nhau giữa đối tượng nghiên cứu, nội dung nghiên cứu, kết quả nghiên cứu trong các điều kiện, không gian cụ thể, các giai đoạn trước và sau năm 2016. Từ đó giúp tác giả có căn cứ, cơ sở để khẳng định hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ từ 2016 đến 2024 là cần thiết, có ý nghĩa to lớn trong bảo vệ Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

- Luận án làm sáng tỏ hơn các khái niệm, nội dung, chủ thể, những yếu

tổ ảnh hưởng và ý nghĩa của bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền. Từ đó xây dựng khung lý thuyết cho nội dung nghiên cứu của đề tài là bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền Việt Nam – Campuchia ở Đông Nam Bộ từ 2016 đến 2024 dưới góc độ Chính trị học.

- Đánh giá thực trạng bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia ở Đông Nam Bộ từ 2016 đến 2024 trên ba nội dung: an ninh lãnh thổ, an ninh tư tưởng và an ninh thể chế. Qua đó biết được cách thức mà các chủ thể thực hiện trong bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới như: ban hành chủ trương, kế hoạch; xây dựng đề án, chương trình; bố trí lực lượng, huy động nguồn lực... Đồng thời cũng thấy được những thành công, hạn chế của hoạt động bảo đảm an ninh chính trị ở khu vực này.

- Đưa ra những dự báo về những yếu tố ảnh hưởng đến bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở hai chiều cạnh thuận lợi và khó khăn, thách thức, kết hợp với những thành công, hạn chế trong bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ từ 2016 đến 2024, tác giả xây dựng những giải pháp cụ thể nhằm bảo đảm an ninh chính trị cho khu vực này hiệu quả hơn trên cả ba nội dung: an ninh lãnh thổ, an ninh tư tưởng và an ninh thể chế trong thời gian tới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

- Hệ thống hóa vấn đề lý luận về an ninh chính trị, an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền.

- Làm sáng tỏ tầm quan trọng của việc bảo đảm an ninh chính trị đặc biệt là an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền đối với quá trình xây dựng, phát triển của vùng Đông Nam Bộ nói riêng và Việt Nam nói chung.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Kết quả của công trình nghiên cứu này sẽ là cơ sở khoa học, là nguồn tư liệu để các nhà chính trị tham khảo, vận dụng vào việc thực thi

chính sách ở các địa phương, nhất là các địa phương khu vực biên giới.

- Là nguồn tài liệu tham khảo phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, giảng dạy của giảng viên, học viên các trường Đại học, các trung tâm nghiên cứu liên quan chuyên ngành Chính trị học và Quan hệ quốc tế...

7. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, luận án có kết cấu gồm 04 chương:

- Chương 1: Tổng quan về tình hình nghiên cứu liên quan đề tài luận án
- Chương 2: Những vấn đề lý luận về bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền
- Chương 3: Thực trạng bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia ở Đông Nam Bộ hiện nay.
- Chương 4: Dự báo tình hình và một số giải pháp bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia ở Đông Nam Bộ thời gian tới.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

Liên quan chủ đề luận án đã thu hút khá nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Vì thế, nhiều công trình khoa học, sách chuyên khảo, bài viết trên các tạp chí đã đề cập ở mức độ khác nhau về chủ đề này.

1.1.1. Tình hình nghiên cứu lý luận về an ninh quốc gia, an ninh chính trị

1.1.1.1. Tình hình nghiên cứu lý luận về an ninh quốc gia, an ninh chính trị

Trước sự biến động mau lẹ, phức tạp của tình hình kinh tế, an ninh, chính trị thế giới từ đầu thế kỷ XXI đến nay đã làm cho nhiều quốc gia - dân tộc trong đó có Việt Nam nhìn nhận, đánh giá lại tình hình và quan tâm nhiều hơn tới an ninh quốc gia, an ninh chính trị. Vì thế, cũng đã có nhiều công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế làm sáng tỏ một số nội dung:

- Ở phương diện làm rõ khái niệm, nội hàm an ninh quốc gia, an ninh chính trị phải kể đến một số công trình tiêu biểu như:

Joseph J. Romm (1993), “Defining national security the nonmilitary aspect”, Published by the Council on Foreign Relations Press, 58 East 68th St., New York, NY 10021. (Joseph J. Romm (1993) [145], “*Định nghĩa an ninh quốc gia, an ninh phi truyền thống*”. Đây là một công trình khá công phu khi nghiên cứu về khái niệm và nội hàm của an ninh quốc gia. Trong cuốn sách, tác giả dành một chương bàn về khái niệm an ninh quốc gia. Tác giả cho rằng nếu an ninh quốc gia trước đây luôn được hiểu chung là an ninh quốc phòng thì nay không thể hiểu như vậy được nữa. Bởi các yếu tố liên quan đến an ninh quốc gia không chỉ là vấn đề quân sự, mặc dù yếu tố quân sự giữ vai

trò quan trọng nhưng đi cùng với nó là yếu tố kinh tế, môi trường, năng lượng, thuốc phiện (phi quân sự)... Vì thế, cần nhìn nhận an ninh quốc gia chính là sự bảo vệ quốc gia trước các mối đe dọa trên.

Cùng chung quan điểm và cách tiến cận này còn có tác giả Bijan Karimi (2016), “Applying the Economic, Homeland and National Security Analysis Framework”, Homeland Security Affairs, Volume 12 Essay 4; Peter J. Katzenstein Conclusion “National Security in a Changing World”. (Bijan Karimi (2016), *“Vận dụng cấu trúc phân tích an ninh kinh tế, an ninh nội địa, và an ninh quốc gia”* [146] *Các vấn đề an ninh nội địa, Tập 12, bài luận số 4; Peter J. Katzenstein phần kết luận “An ninh quốc gia trong một thế giới đầy biến động”*). Trong bài viết, ngoài việc đưa ra khung phân tích để làm nổi bật vai trò của yếu tố kinh tế đối với an ninh quốc gia thì tác giả cũng đề cập đến một số khái niệm như an ninh nội địa, an ninh quốc gia, an ninh kinh tế... Trong đó, an ninh quốc gia được hiểu là khả năng duy trì lợi ích của quốc gia, giữ cho các quan hệ kinh tế, thể chế xã hội... khỏi các mối đe dọa từ bên ngoài.

Công trình *“Nhận thức của Đảng cộng sản Việt Nam về an ninh chiến lược từ 1986 đến nay”* của Phan Duy Quang [93]. Để làm rõ nội hàm và sự phát triển nhận thức của Đảng cộng sản Việt Nam về an ninh chiến lược qua các thời kỳ, tác giả đã dành khá nhiều dung lượng của Chương một cho việc làm rõ quá trình hình thành, nhận thức về an ninh và an ninh quốc gia. Tác giả khảo cứu, phân tích các quan điểm khác nhau trên thế giới và cuối cùng tác giả tập trung làm rõ nội hàm khái niệm an ninh quốc gia theo Luật an ninh quốc gia Việt Nam năm 2004. Đồng thời tác giả cũng đã làm rõ cách thức bảo đảm an ninh quốc gia của một số nước trên thế giới và Việt Nam. Đối với Việt Nam, cách thức mà Việt Nam bảo đảm an ninh quốc gia chính là “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chính sách hòa bình, hữu nghị, mở rộng giao lưu và hợp tác với tất cả các nước trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ

quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi. Nhà nước có chính sách xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học, công nghệ, an ninh, quốc phòng, đối ngoại vững mạnh, giữ vững ổn định chính trị để bảo đảm an ninh quốc gia.”

Trước bối cảnh mới, việc nhận thức rõ hơn, đầy đủ hơn về an ninh quốc gia từ đó xây dựng phương án bảo đảm an ninh quốc gia cũng là một vấn đề rất quan trọng. Vì thế, trong công trình *“Những điểm mới về an ninh quốc gia trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng”* của tác giả Tô Lâm [67] đã tập trung làm rõ các vấn đề trên. Nội dung cuốn sách tập trung vào bối cảnh mới, tình hình mới và những điểm mới trong nhận thức của Đảng về an ninh quốc gia và bảo vệ an ninh quốc gia. Đồng thời chỉ ra điểm nổi bật về an ninh quốc gia và bảo vệ an ninh quốc gia. Theo tác giả, “Trong tình hình mới, khái niệm bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội” không chỉ được hiểu là trạng thái vững vàng, ổn định của một chủ thể chính trị độc lập, có chủ quyền trong quan hệ quốc tế, mà còn bao hàm cả sức mạnh tổng hợp và khả năng ứng phó linh hoạt của quốc gia trước các mối đe dọa bên trong và bên ngoài nhằm bảo đảm trạng thái vững vàng, ổn định của quốc gia, khu vực và toàn cầu. Tư duy về phạm vi, mục tiêu bảo vệ an ninh quốc gia không bó hẹp trong các vấn đề an ninh chính trị, quân sự truyền thống, mà còn bao quát cả những vấn đề an ninh phi truyền thống”.

Trên cơ sở lý luận về an ninh quốc gia, thì lý luận về an ninh chính trị - một bộ phận quan trọng của an ninh quốc gia cũng được nhiều tác giả quan tâm. Tiêu biểu như:

Tác giả OZ. Hassan (2015), Political security: from the 1990s to the Arab Spring, Contemporary Politics, Vol. 21, No. 1, 86–99, (OZ. Hassan (2015), *An ninh chính trị: Từ những năm 1990 đến Mùa xuân Ả Rập, Chính trị đương đại, Tập 21, Số 1, 86–99*) [151]. Công trình đã bàn luận sự thay đổi

trong nội hàm an ninh chính trị từ những năm 1990 đến Mùa xuân Ả Rập. Trong đó tác giả cho rằng, theo Báo cáo Phát triển Con người năm 1994 định nghĩa an ninh chính trị là ngăn chặn sự đàn áp của chính phủ, vi phạm có hệ thống về quyền con người và các mối đe dọa từ quân sự hóa. Tuy nhiên dưới sự biến động chính trị của các nước tại một số khu vực như: Trung Đông, Bắc Phi, Đông Âu... thì an ninh chính trị lại được gắn liền với các vấn đề về hỗ trợ nhân đạo và sự can thiệp. Đến những năm 2000 lại được thể chế hóa thành học thuyết “Trách nhiệm Bảo vệ” (R2P) của chính phủ sở tại và của hệ thống thế giới đối với người dân.

Với bài viết: *“Góp bàn về nội hàm khái niệm an ninh chính trị ở Việt Nam hiện nay”* của tác giả Mai Thị Hồng Liên [72]. Trong công trình, tác giả đi từ lịch sử của vấn đề an ninh, an ninh quốc gia theo cả hai nghĩa rộng và hẹp. Từ đó tác giả bàn luận về khái niệm an ninh chính trị ở Việt Nam hiện nay. Theo tác giả, an ninh chính trị là một bộ phận cấu thành không thể thiếu của hệ thống an ninh quốc gia, do sự đa nghĩa của phạm trù chính trị nên còn có nhiều cách hiểu khác nhau về an ninh chính trị. Tuy nhiên, nếu hiểu chính trị là nhà nước và hoạt động theo đuổi mục tiêu giành, giữ, thực thi quyền lực nhà nước của các cấp độ chủ thể; là sự tham gia của người dân vào công việc của nhà nước thì có thể hiểu: An ninh chính trị có nội hàm chính là đảm bảo sự ổn định chính trị và trật tự xã hội, tức đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của quyền lực chính trị trong quốc gia đó. Với nghĩa này, an ninh chính trị bao hàm sự ổn định và phát triển vững chắc của chế độ chính trị trong quốc gia và sự bất khả xâm phạm đến các quyền cơ bản của quốc gia. Theo đó, cấu trúc của an ninh chính trị về cơ bản gồm: an ninh về tư tưởng chính trị; an ninh về thể chế chính trị; an ninh trên lĩnh vực tôn giáo, dân tộc và văn hoá - xã hội. Ngoài ra trong công trình, tác giả cũng đã đi vào bàn luận một số nội dung liên quan về an ninh chính trị và bảo đảm an ninh chính trị ở Việt Nam.

- Ở phương diện các yếu tố tác động, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia,

an ninh chính trị:

Vì an ninh quốc gia nói chung và an ninh chính trị nói riêng là những nội dung liên quan đến sự sống còn, tồn tại hay không tồn tại của một quốc gia - dân tộc hoặc một chế độ chính trị nên các yếu tố hợp thành, tác động, chi phối chúng cũng rất phong phú, đa dạng, trên nhiều lĩnh vực, nhiều khía cạnh khác nhau. Nếu xét theo phạm vi của quốc gia - dân tộc có yếu tố bên trong, có yếu tố bên ngoài. Còn xét theo lĩnh vực thì có yếu tố kinh tế, văn hoá, quân sự hoặc theo lịch sử vấn đề có yếu tố truyền thống, phi truyền thống... Mặc dù ở phương diện nào thì chúng đều có chung đặc điểm là các yếu tố ảnh hưởng, tác động đến quá trình thực hiện bảo đảm an ninh quốc gia, bảo đảm an ninh chính trị và đã được các nhà nghiên cứu đề cập ở những mức độ khác nhau.

Khi cho rằng yếu tố kinh tế là yếu tố tác động, ảnh hưởng thậm chí là chi phối an ninh quốc gia, an ninh chính trị thì tác giả Bijan Karimi (2016) với công trình nghiên cứu “Applying the Economic, Homeland and National Security Analysis Framework”, Homeland Security Affairs, Volume 12 Essay 4. (*Bijan Karimi (2016), “Vận dụng cấu trúc phân tích an ninh kinh tế, an ninh nội địa, và an ninh quốc gia”, Các vấn đề an ninh nội địa, Tập 12, bài luận số 4; Peter J. Katzenstein phần kết luận “An ninh quốc gia trong một thế giới đầy biến động”*) [146] đã chứng minh rất rõ luận điểm này. Trong bài viết, tác giả đã sử dụng khung phân tích nhằm làm rõ mối quan hệ giữa kinh tế, an ninh kinh tế với an ninh nội địa và an ninh quốc gia. Sau những dẫn giải, lập luận dựa trên khung phân tích đánh giá các yếu tố ngoài kinh tế tác động đến an ninh nội địa, an ninh quốc gia như sức mạnh quân sự, thông tin, ngoại giao... kết hợp với thực tiễn sinh động qua trường hợp Hoa Kỳ, tác giả đi đến kết luận: Một nền kinh tế ổn định thúc đẩy một xã hội ổn định. Thu nhập quốc dân giảm sẽ dẫn đến tính ổn định giảm. Khi tính ổn định giảm sẽ gây ra tình trạng bất ổn dân cư, bất ổn xã hội và bất ổn môi trường an ninh quốc gia... an ninh quốc gia chỉ có thể được cải thiện thông qua đảm bảo an

ninh con người mà trực tiếp nhất vẫn là an ninh kinh tế.

Ngoài yếu tố kinh tế thì yếu tố quân sự, văn hoá, điều kiện địa lý, tự nhiên (môi trường), các phong trào xã hội... cũng đã tác động đến an ninh quốc gia.

Nếu James D. Ramsay and Terrence M. O’Sullivan khẳng định trong công trình nghiên cứu “There’s a Pattern Here: The Case to Integrate Environmental Security into Homeland Security Strategy”, Homeland security affairs, Volume 9, article 6 (May 2013) [147] (*“Có một mô hình ở đây: Tình thế để sát nhập an ninh môi trường vào chiến lược an ninh nội địa”, Các vấn đề an ninh nội địa, tập 9, bài số 6 (tháng 5 2013) của mình rằng: Sự thay đổi của khí hậu, của các yếu tố tài nguyên thiên nhiên không chỉ làm ảnh hưởng đến các cá thể trong mỗi quốc gia mà còn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh quốc gia, khu vực và thế giới. Bởi, các vấn đề khí hậu, môi trường, tài nguyên... ảnh hưởng trực tiếp đến thực phẩm, nguồn nước, thương mại toàn cầu, hàng hoá, sức khoẻ cộng đồng nhất là đối với các quốc gia chậm phát triển, đang phát triển. Nếu các vấn đề trên không được quan tâm sẽ dẫn đến bất ổn xã hội, bất ổn chính trị thậm chí là xung đột chính trị.*

Thì dưới góc nhìn Văn hoá, tác giả Svetlana và Jasmina thông qua công trình “Culture as national security interest”, Internatinal scientific, Security and peace Journal, 304:323.21 Scientific article (*Svetlana và Jasmina “Văn hóa như là lợi ích an ninh quốc gia”, Tạp chí an ninh và hoà bình, khoa học quốc tế, 304:323.21) [148] cũng khẳng định: Từ trước đến nay, văn hoá luôn được nghiên cứu với ý những giá trị, chứ không nghiên cứu nhiều về mối liên quan giữa văn hoá và an ninh quốc gia. Muốn thấy được giá trị của văn hoá trong vấn đề an ninh quốc gia thì phải xem xét, phân tích những chức năng của văn hoá. Chính vì thế trong bài viết của mình các tác giả đã đi vào phân tích một số chức năng như: chức năng sinh tồn, chức năng giao tiếp, chức năng quy phạm, chức năng an ninh và bảo vệ, chức năng tích lũy. Mỗi chức năng trên đều có*

vai trò nhất định của mình đối với an ninh quốc gia vì các chức năng này nó quy định sự tồn tại, sự gắn kết, duy trì các giá trị bảo vệ sự tồn tại, sự phát triển đặc biệt cho phép tích lũy các giá trị vật chất, tinh thần... của cả quốc gia - dân tộc hay nhân loại.

Khi nói đến bảo đảm an ninh quốc gia, các nhà nghiên cứu cũng không quên chỉ ra các yếu tố của môi trường quốc tế và khu vực, cụ thể bài viết: *“Những tác động của tình hình quốc tế, trong nước và một số giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia trong thời kỳ hội nhập quốc tế”*, của tác giả Nguyễn Hồng Quân [94] và công trình *“Phòng ngừa các tội xâm phạm an ninh quốc gia ở Việt Nam hiện nay”* của tác giả Nguyễn Thị Thanh Thuý [107], Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2020. Trong các bài viết này hai tác giả chỉ ra rằng, quãng thời gian kể từ khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa (XHCHN) khu vực Đông Âu sụp đổ đến nay, là quãng thời gian tình hình an ninh, kinh tế, chính trị thế giới và khu vực có nhiều thay đổi: chiến tranh cục bộ vẫn diễn ra nhiều nơi; nhiều điểm nóng mới xuất hiện; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn; khủng hoảng tài chính, chiến tranh thương mại, tiền tệ giữa các nước lớn; các loại tội phạm xâm hại an ninh quốc gia xuất hiện nhiều hơn như khủng bố, hoạt động phá hoại chính sách, hoạt động phá rối an ninh... trước bối cảnh đó, đặt an ninh quốc gia của các chủ thể trong cộng đồng quốc tế trước nhiều thách thức, buộc các chủ thể phải quan tâm, ưu tiên hàng đầu trong các vấn đề đối nội và đối ngoại. Ngoài ra, trong các công trình này, tác giả cũng gợi mở một số giải pháp cho an ninh quốc gia trong tình hình mới.

Cùng cách tiếp cận trên, tác giả Phạm Ngọc Anh - Trần Văn Dũng với bài viết *“Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và an ninh quốc gia trong tình hình mới”*, [3] đã minh chứng rõ nét hơn, cụ thể hơn về tác động của các yếu tố bên ngoài tác động đến an ninh quốc gia Việt Nam. Nội dung cuốn sách tập trung làm rõ cạnh tranh thương mại Mỹ - Trung, chỉ ra những ảnh hưởng của cuộc

chiến thương mại hai nước đến thế giới, khu vực và Việt Nam. Đối với Việt Nam, sự ảnh hưởng đến an ninh chính trị khá nhiều như: gia tăng các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia từ các thế lực thù địch; thông qua đầu tư, giao lưu, hợp tác phát triển, các thế lực thù địch một mặt đẩy mạnh các hoạt động, mặt khác thúc đẩy quá trình diễn biến hoà bình; lợi dụng các vấn đề được dư luận quốc tế quan tâm như dân tộc, tôn giáo, nhân quyền... để áp đặt điều kiện, gây sức ép về chính trị đối với Việt Nam thông qua vốn đầu tư, viện trợ...; đẩy mạnh quan hệ móc nối, câu kết, hậu thuẫn, chỉ đạo giữa các thế lực thù địch bên ngoài với các đối tượng phản động trong nước... Đây là những nội dung rất hữu ích giúp người nghiên cứu hiểu rõ được mối nguy hại, đe dọa của an ninh quốc gia trong tình hình mới.

1.1.1.2. Công trình nghiên cứu lý luận về bảo đảm an ninh chính trị và bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới.

Bảo đảm an ninh chính trị nói chung và bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới nói riêng là hoạt động có chủ đích của các cơ quan, lực lượng liên quan trong việc bảo vệ sự an toàn, thịnh vượng của chế độ chính trị, của hệ thống chính quyền, Nhân dân và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Chính vì thế nội dung của nó rất rộng, được nhiều học giả đề cập ở những khía cạnh khác nhau. Cụ thể:

Khi bàn về những khái niệm, nội dung liên quan đến công tác bảo đảm an ninh chính trị và bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới, tác giả Liu Xue Lian刘雪莲, Ou Yang Hao Yue欧阳皓玥, 从共存安全到共生安全：基于边境安全特殊性的思考, 《国际安全研究》2019年第2期. (Liu Xue Lian 刘雪莲, Ou Yang Hao Yue 欧阳皓玥, “Từ an ninh cùng tồn tại đến an ninh cộng sinh: suy nghĩ về tính đặc thù của an ninh biên giới”, *Nghiên cứu an ninh quốc tế*, Số 2, 2019) [152]. Trong nghiên cứu này, các tác giả đã bàn sâu chủ đề

giữ vững an ninh biên giới trong bối cảnh đường biên giới ngày càng “mềm hoá”. Nếu trước đây, biên giới thường được hiểu là khu vực quân sự, thực hiện chức năng quân sự để bảo vệ quốc gia (an ninh cộng tồn) thì ngày nay, trước sự phát triển của toàn cầu hoá đặt ra nhiều vấn đề như phát triển kinh tế, buôn lậu, ma tuý, buôn người, dịch bệnh cùng với nhiều đặc điểm tương đồng về tự nhiên, văn hoá... đã làm cho khu vực biên giới có nhiều thay đổi. Vì thế, về mặt lý luận và thực tiễn trong giữ vững an ninh chính trị, an ninh biên giới cũng phải được nhìn nhận và đánh giá lại. Trên cơ sở những lập luận đó, các tác giả đã cung cấp thêm một khái niệm mới - “an ninh cộng sinh”. Theo các tác giả, “an ninh cộng sinh chính là trạng thái mà các chủ thể không tồn tại độc lập riêng rẽ trước các mối đe dọa chung, là sự kết hợp hài hoà, cùng phát triển. Sự kết hợp hài hoà không làm mất đi cái riêng mà ngược lại là kế thừa và lưu giữ cái riêng, không phải là thay thế mà bổ sung và phụ thuộc lẫn nhau cùng phát triển”. Vì thế, việc nhận thức đúng tính cộng sinh ở khu vực biên giới sẽ làm cho các chủ thể bảo đảm được an ninh, an ninh chính trị vì an ninh cộng sinh liên quan mật thiết đến sự phát triển. Không có phát triển sẽ không bảo đảm được an ninh.

Trong bài viết *“Khái niệm đấu tranh phòng, chống hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia ở khu vực biên giới của bộ đội biên phòng”* của tác giả Nguyễn Ngọc Thanh [102] làm rõ hơn nội hàm khái niệm, nội dung, chủ thể thực hiện của công tác phòng chống hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia khu vực biên giới. Theo tác giả, bảo vệ an ninh quốc gia khu vực biên giới là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân mà trực tiếp là quân dân khu vực biên giới do Bộ đội biên phòng làm nòng cốt, chuyên trách. Tuy nhiên, để thực hiện tốt vai trò nòng cốt của Bộ đội biên phòng trong phòng, chống hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia khu vực biên giới thì việc đầu tiên phải làm rõ về mặt lý luận, thực tiễn nội hàm của khái niệm này. Từ cách lập luận đó, tác giả cho rằng về bản chất của khái niệm chính là làm rõ những nội dung liên quan hoạt động phòng ngừa, điều

tra xử lý, vận dụng tổng hợp được các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia.

Công tác bảo đảm an ninh chính trị và bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới không chỉ chịu tác động của những yếu tố nội sinh như tiềm lực kinh tế, quốc phòng, thể chế, cơ chế... của chủ thể thực hiện mà nó còn chịu tác động của các yếu tố ngoại sinh. Minh chứng cho các yếu tố ngoại sinh tác động đến bảo đảm an ninh chính trị và an ninh chính trị khu vực biên giới phải kể đến công trình: *“Mùa xuân Ả Rập và những bài học đối với công tác bảo đảm an ninh chính trị”*, của Vũ Hồng Thanh [103]. Bài viết ngoài tập trung vào bối cảnh ra đời, những diễn biến bất ổn của Mùa xuân Ả Rập thì còn bàn đến những hệ lụy của sự bất ổn này đối với thế giới và khu vực. Theo tác giả, những bất ổn này ngoài việc bên trong các quốc gia không thể giải quyết thỏa đáng các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội giữa chính quyền và người dân; công tác nắm tình hình, dự báo tình hình của nhà nước còn yếu kém thì địa - chiến lược, địa - kinh tế của khu vực này là vấn đề dẫn đến những bất ổn cho các quốc gia. Vì nằm ở tâm điểm địa - kinh tế, địa - chính trị, cầu nối Đông - Tây, giàu có về tài nguyên nên luôn nằm trong vùng ảnh hưởng, giằng co, tranh giành lợi ích giữa các nước lớn. Nên khi các nước lớn càng đẩy mạnh cạnh tranh chiến lược, thì khu vực này cũng khó tránh khỏi những thảm kịch bất ổn chính trị, an ninh... Từ việc đánh giá những vấn đề làm bất ổn chính trị an ninh của khu vực này, tác giả đưa ra một số kinh nghiệm cho công tác bảo đảm an ninh chính trị của Việt Nam.

Tương tự cách tiếp cận trên, tác giả Bùi Đức Anh cũng có bài viết: *“Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia”*, [2]. Bài viết này, tác giả phân tích những tác động tích cực của hội nhập kinh tế quốc tế đối với sự phát triển đất nước nói chung và chủ quyền, an ninh biên giới nói riêng. Theo tác giả, “Khu vực biên giới có những lợi thế riêng như tiếp giáp với các nước láng giềng, tiềm năng to lớn về du

lịch, thương mại... khu vực biên giới nếu biết phát huy những thế mạnh vốn có của mình khi tham gia hội nhập kinh tế sẽ đóng góp và hưởng lợi từ kết quả hội nhập. Theo đó, kinh tế khu vực biên giới phát triển cả theo chiều rộng và theo chiều sâu, khoảng cách chênh lệch vùng miền được rút ngắn, đời sống kinh tế - xã hội khu vực biên giới được cải thiện, dân trí từng bước được nâng cao, niềm tin của Nhân dân các dân tộc khu vực biên giới với Đảng, Nhà nước, chế độ được củng cố. Qua đó, sức mạnh tại chỗ được huy động và đảm bảo cho bảo vệ chủ quyền an ninh được tăng cường”. Tuy nhiên, trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cũng có những tác động tiêu cực đến bảo vệ chủ quyền an ninh, biên giới quốc gia như chủ quyền kinh tế quốc gia bị hạn chế, phụ thuộc kinh tế, bản sắc văn hoá, nhiều loại hình tội phạm, chênh lệch vùng miền... Vì vậy, để phát huy những tác động tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế đến bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia cần: đẩy mạnh công tác tư tưởng, thông tin tuyên truyền, kết hợp kinh tế đối ngoại với bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia, xây dựng chính sách mậu biên hợp lý.

1.1.2. Công trình nghiên cứu về thực tiễn bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới của một số quốc gia trên thế giới.

An ninh quốc gia nói chung, an ninh chính trị và an ninh chính trị biên giới nói riêng đều là những vấn đề sống còn đối với bất kỳ quốc gia - dân tộc nào trong cộng đồng quốc tế, nhất là trong bối cảnh quốc tế mới hiện nay. Tuy nhiên, do những giới hạn nhất định về nguồn tư liệu, ngoại ngữ nên xin tập trung vào một vài vấn đề của một số quốc gia sau:

- Cộng hoà Liên Bang Nga.

Liên Bang Nga là nước có đường biên giới tiếp giáp với nhiều quốc gia vì thế cũng phát sinh nhiều vấn đề phức tạp. Một phần sự phức tạp này do lịch sử để lại, một phần liên quan đến tham vọng, chiến lược của Nga và các nước lớn. Xuất phát từ đó nên Nga cũng là nước có nhiều hoạt động, kinh nghiệm

trong bảo đảm an ninh quốc gia và bảo đảm an ninh biên giới.

Trong bối cảnh mới, Nga đứng trước nhiều thách thức đe dọa đến an ninh quốc gia, trong đó quan trọng nhất là từ các vấn đề chính trị và các vấn đề kinh tế. Làm rõ vấn đề này, tác giả В.С.Карлаков, “Современные политико-экономические вызовы национальной безопасности Российской Федерации”, Вестник Финансового университета. 2019; 9 (6). (*V.S. Karlkov, “Những thách thức kinh tế và chính trị hiện đại đối với an ninh quốc gia của Liên bang Nga”* [158]. Bài viết cho chúng ta thấy những vấn đề thực tế về chính trị và kinh tế đang thách thức, đe dọa đến an ninh quốc gia Nga. Trong đó những thách thức về chính trị phải kể đến như vấn đề khủng bố có nguồn gốc từ các nước láng giềng Trung Á; mối quan hệ căng thẳng giữa Nga với các nước Tây Âu từ việc Nga sáp nhập bán đảo Crim, NATO mở rộng về phía Đông, sự xích lại trong quan hệ giữa các nước Trung Á với Trung Quốc, hay nước láng giềng thân tín nhất là Belarus cũng có nhiều vấn đề chưa tìm được tiếng nói chung với Nga trong quá trình phát triển, thậm chí là các vấn đề nội bộ của nền chính trị Nga. Bên cạnh những thách thức về chính trị nêu trên thì những thách thức về kinh tế cũng đặt ra nhiều áp lực đến duy trì an ninh quốc gia Nga. Với việc bao vây, cấm vận của các nước phương Tây, từ vấn đề toàn cầu hoá cho đến vấn đề chính sách xuất nhập khẩu, cải cách cơ cấu kinh tế... đều là những nội dung buộc Nga phải có những kế hoạch, chiến lược phát triển cụ thể, hài hoà. Có như vậy mới duy trì, bảo đảm an ninh quốc gia Nga trong bối cảnh mới.

Khi bàn về những mối đe dọa đến an ninh biên giới của Nga hiện nay, không thể không nói đến công trình: “Современные угрозы безопасности границ и устойчивого развития”, của tác giả Г.В. Лепеш, Вопросы сервисной техники и технологий № 4(46), 2018. (*G.V. Lepes, “Các mối đe dọa hiện đại đối với an ninh biên giới và phát triển bền vững”* [159]. Trong công trình nghiên cứu này, tác giả làm rõ mối quan hệ khu vực biên giới giữa

Nga và các nước láng giềng, tìm ra những tồn tại, khó khăn trong hợp tác khu vực biên giới như: vấn đề thị thực, vấn đề buôn lậu, vấn đề mậu biên, vấn đề khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia... trong đó vấn đề thị thực được đánh giá là rào cản lớn nhất trong quan hệ Nga - Ucraina và một số nước châu Âu, nhất là sau khi Nga sát nhập bán đảo Crum; vấn đề mậu biên, giao thông biên giới cả trên bộ và trên biển cũng là rào cản giữa Nga và một số nước như Phần Lan, Thụy Điển, Ba Lan, Litva hoặc một số khu vực biên giới của Nga với các nước Trung Quốc, Mông Cổ... là những khu vực xa trung tâm Nga nên khá khó khăn về giao thông, trình độ dân cư... đã tạo nên những trở ngại cho phát triển khu vực biên giới của Nga với các nước này. Tuy nhiên, trong các khu vực biên giới thì biên giới giữa Nga và Belarus được xem là khu vực ổn định hơn cả. Vì quan hệ hai nước khá tốt nên đạt được nhiều thoả thuận, từ đó làm cho cán cân xuất nhập khẩu, đi lại của công dân hai nước đạt nhiều thành tựu. Với đặc điểm đa dạng về loại hình biên giới, cùng với những khó khăn, phức tạp trong từng mối quan hệ với các nước láng giềng, để giải quyết những vấn đề thách thức này theo tác giả cần phải có sự điều chỉnh trong quan hệ chính trị giữa Nga và các nước láng giềng, có sự phối kết hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc thực hiện bảo đảm an ninh, phát triển khu vực biên giới, đồng thời cải cách một số vấn đề liên quan đến mậu biên, mặt hàng xuất nhập khẩu, cấp giấy tờ...

Cụ thể hơn, sâu hơn khi bàn về phương pháp bảo vệ an ninh biên giới của Liên Bang Nga, tác giả Григорьев В. Н với bài viết: “Способы охраны границы Российской Федерации”, Социальные и политические науки. 2010, №1(16). (*Grigoriev V. N, “Các phương pháp bảo vệ biên giới Liên bang Nga”* [160] đã cho chúng ta thấy rõ điều này. Bài viết đi từ khái quát, khoanh vùng, phân loại các mối đe dọa an ninh biên giới đối với Nga đến việc đưa ra các phương pháp và các chủ thể thực hiện bảo đảm an ninh biên giới. Theo tác giả có 3 nhóm là mối đe dọa đến an ninh khu vực biên giới Nga gồm: Nhóm

thứ nhất là các mối đe dọa có ảnh hưởng lớn hơn đến vị thế của quốc gia trong cộng đồng quốc tế. Chúng không gây nguy hiểm nghiêm trọng, nhưng một quốc gia mạnh không có quyền để xảy ra những hành vi vi phạm dù là nhỏ trên biên giới của mình. Nhóm đe dọa thứ hai là các hành vi phạm tội có khả năng gây mất ổn định tình hình ở khu vực biên giới Nga và gây thiệt hại vật chất cho đất nước. Nhóm mối đe dọa thứ ba không chỉ có thể làm trầm trọng thêm tình hình ở biên giới, kéo theo những thiệt hại đáng kể về vật chất, mà còn ảnh hưởng đến an ninh của đất nước nói chung. Với ba nhóm đe dọa an ninh này, tùy vào điều kiện và nguồn lực cụ thể có thể áp dụng ba phương thức bảo đảm an ninh khu vực biên giới như: Phương thức tác chiến; Phương thức tác chiến - phục vụ; Phương thức tự thanh tra (tự giám sát). Để đạt được hiệu quả tối ưu trong bảo đảm an ninh biên giới phải xác định công việc này không chỉ của riêng một cơ quan nào trong hệ thống chính phủ nhưng nó phải được giao cho cơ quan Biên phòng, Bộ Quốc phòng và các cơ quan chủ quản cụ thể ở khu vực biên giới của Nga.

- Cộng hoà Ấn Độ.

Cũng như nhiều quốc gia khác trong khu vực châu Á, Ấn Độ cũng là nước còn tồn tại nhiều vấn đề về an ninh khu vực biên giới. Để quản lý biên giới có hiệu quả trên cơ sở chỉ ra các vấn đề đang tồn tại trong vấn đề an ninh biên giới của Ấn Độ không thể không nói đến công trình “Indian border security poor management in evidence” của tác giả Gurmeet Kanwal, Institute of Peace and Conflict Studies, No 55, October, 2007. (*Gurmeet Kanwal, “Bằng chứng về sự quản lý yếu kém trong an ninh biên giới của Ấn Độ”*[149]). Trong bài viết này, tác giả đã khái quát những vấn đề đang tồn tại về an ninh biên giới giữa Ấn Độ với Trung Quốc, Pakistan, Nepal, Myanmar như: Chưa phân định ranh giới rõ ràng, vi phạm các hiệp định đã ký, buôn lậu, tội phạm xuyên quốc gia, ma túy hoặc sự phối kết hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý biên giới của Ấn Độ... đã làm cho tình hình biên giới thiếu ổn định, phức tạp, ảnh

hưởng đến an ninh quốc gia, an ninh biên giới. Vì vậy, để quản lý biên giới tốt hơn cần đặt vấn đề quản lý biên giới thuộc Bộ Nội vụ, phải có sự phối hợp giữa lực lượng quân sự và bán quân sự, thậm chí nên sử dụng công nghệ để giám sát các hoạt động biên giới, luôn trong thế chủ động đối phó với những đe dọa an ninh và phải có sự gắn kết, phối hợp giữa các cơ quan chức năng với người dân biên giới.

Cùng chung với cách tiếp cận trên còn có công trình: “India’s approach to border management from barriers to bridges” của tác giả Pushpita Das, Manohar parrikar institute for defence studies and analyses ... New Delhi, 2021. (*Pushpita Das, “Sự tiếp cận của Ấn Độ đối với vấn đề quản lý biên giới từ rào cản tới sự kết nối”, Manohar parrikar, Viện nghiên cứu và phân tích các vấn đề quốc phòng... New Delhi, 2021*) [150]. Cuốn sách là công trình nghiên cứu công phu, bao gồm 11 chương, đề cập đến các nội dung như: các mối đe dọa an ninh đối với biên giới của Ấn Độ; cách thức Ấn Độ xây dựng, bảo vệ an ninh khu vực biên giới (cơ sở hạ tầng, đường sắt, các trạm kiểm soát, hải quan, thương mại...) và bàn về những cơ chế hợp tác song phương với các nước láng giềng. Theo tác giả, sự hợp tác và phối hợp với các nước láng giềng là công việc rất quan trọng bởi nó cho phép Ấn Độ và các quốc gia như Nepal, Bhutan, Myanmar, Banglades... thiết lập được những cơ chế tương tác hiệu quả, tìm ra hướng giải quyết được những tranh chấp, xung đột, cho phép khai thác các nguồn lực và triển khai chiến lược quản lý biên giới chung. Từ đó góp phần xoa dịu sự ngờ vực, xây dựng lòng tin, phát triển tinh thần phối hợp, hợp tác giữa các nước.

- Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.

Trong tất cả các quốc gia ở khu vực Đông Á, có lẽ Trung Quốc là nước có loại hình biên giới phong phú và có các vấn đề an ninh biên giới phức tạp nhất. Từ thực tế đó nên Trung Quốc cũng có rất nhiều hoạt động nhằm bảo đảm an ninh quốc gia nói chung và bảo đảm an ninh khu vực

biên giới nói riêng.

Khi bàn về tình hình chung của an ninh biên giới, tác giả 张保平(Zhang Bao Ping) với công trình: “我国边境安全的基本态势” đăng trên 太平洋学报 2018年第4期 (Zhang Bao Ping 张保平: “Tình hình cơ bản về an ninh biên giới ở nước ta” [153] đã cho chúng ta thấy tình hình biên giới Trung Quốc trong gần 40 năm qua, kể từ khi nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời. Theo tác giả, 20 năm đầu sau khi nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời, tình hình an ninh biên giới có nhiều diễn biến phức tạp, căng thẳng, có lúc xung đột biên giới đã diễn ra. Tuy nhiên, trong 20 năm trở lại đây an ninh biên giới Trung Quốc được xem như ổn định và bình yên hơn. Trung Quốc là một quốc gia giáp ranh với nhiều quốc gia, mỗi quốc gia lại có đặc điểm, tình hình hoàn toàn khác nhau, những vấn đề tồn tại khu vực biên giới giữa Trung Quốc với các quốc gia này cũng khác nhau. Có những khu vực biên giới tiềm ẩn vấn đề xung đột quân sự, xung đột dân tộc, tôn giáo nhưng cũng có khu vực biên giới lại đứng trước các vấn đề an ninh phi truyền thống khác như buôn ma túy, buôn người, buôn lậu, rửa tiền... Vì thế, trong quá trình phát triển của Trung Quốc hiện nay nhiệm vụ quan trọng hàng đầu mà Trung Quốc cần phải thực hiện là phấn đấu giữ vững trạng thái yên bình của an ninh biên giới, góp phần ổn định tình hình an ninh biên giới, chính là góp phần xây dựng và phát triển đất nước Trung Quốc.

Tiếp nối nội dung công trình trên, tác giả M.V. Kazanin với bài viết: “вызов и три для пограничной безопасности Китайской Народной Республики”, Евразийский профсоюз: Вопросы международных отношений, Выпуск 5(14), 2015 - (M.V. Kazanin, “Thách thức và ba vấn đề an ninh biên giới của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa”, Công đoàn Á - Âu: Các vấn đề quan hệ quốc tế, Số 5(14), 2015) [161] sẽ cho chúng ta thấy rõ hơn những thách thức an ninh của biên giới Trung Quốc và phương thức mà

Trung Quốc thực hiện để bảo đảm an ninh biên giới. Theo tác giả, nếu như cách đây 50 năm, các mối đe dọa đối với an ninh biên giới của Trung Quốc chủ yếu mang tính chất quân sự trực tiếp, thì giờ đây, các mối đe an ninh phi truyền thống lại chiếm ưu thế như: Nếu vấn đề Triều Tiên không được kiểm soát sẽ xuất hiện làn sóng tị nạn; Trên các vùng biên giới khác đặc biệt là vùng biển Đông và Hoa Đông sẽ xuất hiện tình trạng buôn người, buôn lậu, ma túy, khủng bố, cướp biển... Để loại bỏ những thách thức và mối đe dọa trên đối với sự ổn định an ninh biên giới, chính quyền Trung Quốc đang thực hiện nhiều biện pháp khác nhau, bao gồm: các biện pháp có tính chất chính trị (tương tác với chính quyền các quốc gia láng giềng); Biện pháp trừng phạt (đối với các loại tội phạm) và biện pháp có tính chất kinh tế đối ngoại.

Bên cạnh các công trình mang tính khái quát trên, giới nghiên cứu Trung Quốc cũng đã nghiên cứu những nội dung cụ thể trong hoạt động bảo đảm an ninh quốc gia và an ninh biên giới của Trung Quốc như:

Công trình: “*边境多民族口岸社区非传统安全问题研究 ——以中缅边境片马口岸为例*” của tác giả 李智环 (Li Zhi Huan), đăng trên 贵州民族研究, 2019 年第 6 期. (*Li Zhi Huan 李智环, “Nghiên cứu vấn đề an ninh phi truyền thống khu vực cửa khẩu đa dân tộc ở biên giới - thực tiễn ở cửa khẩu PianMa biên giới Trung Quốc - Myanmar”, Nghiên cứu dân tộc Quý Châu, số 6, 2019*) [154] Trong bài viết này, tác giả cho rằng cùng với sự phát triển của thời đại và sự tiến bộ xã hội, các cửa khẩu đã đóng một vai trò quan trọng trong việc xây dựng một cộng đồng chung tương lai giữa các nước láng giềng, và các vấn đề an ninh phi truyền thống tại khu vực biên giới như sinh thái, dân số, kinh tế, trị an... ngày càng được tập trung tại các khu vực cửa khẩu này, khiến mối quan hệ “như răng với môi” giữa các quốc gia láng giềng ngày càng thêm sâu sắc. Trong quá trình phát triển, hiện nay khu vực cửa

khẩu Pianma đang xuất hiện hàng loạt các vấn đề an ninh phi truyền thống, có tính đại diện cao trong số các cửa khẩu biên giới giữa Trung Quốc và Myanmar. Để thúc đẩy sự phát triển tại các cửa khẩu và bảo vệ an ninh khu vực biên giới, thì một mặt các quốc gia cần phải dựa trên cơ sở thấu hiểu lẫn nhau, liên tục tiếp xúc và hiệp thương với nhau để thực hiện việc “thông biên”, mặt khác cộng đồng tại các khu vực cửa khẩu cũng cần nỗ lực tự cường để xây dựng năng lực phát triển kinh tế của mình, phát huy tác dụng quan trọng của nền văn hóa mỗi nước trong sự nghiệp phát triển khu vực cửa khẩu.

Ở khía cạnh trị an xã hội khu vực biên giới, tác giả 覃进标 (Qin Jin Biao), với bài viết “对边境地区社会治安防控的思考—以广西边境地区为例” đăng trên 广西警官高等专科学校学报, 2013 年第 2 期 (Qin Jin Biao 覃进标, “Suy nghĩ về kiểm soát an ninh xã hội ở khu vực biên giới - từ thực tiễn khu vực biên giới Quảng Tây”, *Tạp chí trường Cao đẳng Cảnh sát Quảng Tây*, số 2, 2013 [155], đã chỉ ra rằng vấn đề trị an xã hội khu vực biên giới liên quan mật thiết đến an ninh, ổn định của đất nước. Bảo vệ trị an xã hội khu vực biên giới chịu ảnh hưởng bởi bối cảnh địa lý, bối cảnh văn hóa con người và tình hình trị an xã hội tại khu vực biên giới. Các cơ quan công an muốn thực hiện có hiệu quả việc bảo vệ trị an xã hội khu vực biên giới cần phải nhận thức rõ được thực tiễn phức tạp của trị an xã hội, tăng cường bảo vệ vĩ mô cũng như thực hiện nghiêm và mạnh mẽ hơn các hình thức bảo vệ vi mô trị an xã hội khu vực biên giới, gia tăng hình thức bảo vệ như bảo vệ bằng nhân lực, bảo vệ bằng vật lực, bảo vệ bằng khoa học kỹ thuật.

Trong vấn đề lao động ảnh hưởng đến an ninh khu vực biên giới, mà cụ thể là biên giới giữa Trung Quốc - Myanmar có bài viết: “中缅边境地区外籍务工人员与边疆安全” của tác giả 黄彩文, đăng trên tạp chí 学术探索 2016 年 8 月 - (Huang Cai Wen 黄彩文, He Guang Han 和光翰, “Người lao động nước ngoài tại khu

vực biên giới Trung Quốc -Myanmar và an ninh biên giới”, *Nghiên cứu Học thuật*, số 8, 2016) [156]. Bài viết đặt vấn đề từ sự phát triển kinh tế nhanh chóng và ảnh hưởng quốc tế ngày càng gia tăng của Trung Quốc, các hoạt động biên giới cũng không ngừng được mở rộng, chính điều này dẫn đến một lượng lớn lao động nước ngoài du nhập vào Trung Quốc và được thể hiện rõ nhất tại khu vực quận Đức Hoàng - khu vực biên giới giữa Trung Quốc - Myanmar. Sự du nhập lao động Myanmar và các hoạt động sôi nổi tại khu vực biên giới một mặt thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội tại khu vực này, nhưng mặt khác cũng mang lại rất nhiều mối nguy cơ và thách thức về vấn đề trị an và an ninh biên giới. Bài viết chỉ ra rằng cần phải cố gắng thực hiện công tác chia sẻ thông tin, tích cực xây dựng cơ chế hợp tác, xây dựng thể chế đào tạo bồi dưỡng, không ngừng tìm kiếm các mô hình phát triển phù hợp, thúc đẩy sâu rộng quản lý vùng biên giới... là những cách thức, giải pháp để đối phó với lượng lớn lao động nhập cư Myanmar du nhập vào Trung Quốc và là phương thức hiệu quả để bảo vệ ổn định khu vực biên giới Trung Quốc - Myanmar, cũng như sự ổn định an ninh lâu dài của Trung Quốc.

Quản lý biên giới thông qua xây dựng mô hình chính phủ phục vụ cũng là mục tiêu mà Trung Quốc chủ trương tiến hành nhằm bảo đảm an ninh quốc gia và an ninh biên giới. Bàn về chủ đề này có bài viết: “西藏边境县服务型政府建设影响因素实证研究” trên 西藏发展论坛 2017年第2期 – (Bai Li You 白利友, “Nghiên cứu việc quản lý biên giới đất liền của Trung Quốc”, *Bối cảnh mới*, số 5, 2017) [157]. Nội dung bài viết chỉ ra rằng: Xây dựng chính phủ phục vụ tại các huyện biên giới Tây Tạng đã trở thành một quá trình quan trọng trong việc cải cách sâu rộng chính quyền khu tự trị Tây Tạng, chính vì vậy làm thế nào để nâng cao trình độ của chính phủ phục vụ và định hình lại chức năng hành chính của chính phủ là vấn đề thu hút sự quan tâm thảo luận của chính phủ và giới học thuật. Dựa trên thành quả nghiên cứu trước đây về xây dựng

chính phủ phục vụ, bài viết đưa ra 04 giả định ảnh hưởng đến xây dựng chính phủ phục vụ huyện biên giới Tây Tạng, đó là tổ chức cán bộ, sự tham gia của người dân, môi trường thể chế và trình độ phục vụ chính phủ điện tử, từ đó đề ra một mô hình khái niệm về xây dựng chính phủ phục vụ huyện biên giới Tây Tạng. Trên cơ sở các bảng hỏi điều tra, tác giả tiến hành phân tích, quy nạp tài liệu, đồng thời sử dụng điều tra định lượng để khảo sát 04 biến lượng ảnh hưởng đến lộ trình xây dựng chính phủ dịch vụ huyện biên giới Tây Tạng. Kết quả cho thấy, môi trường thể chế có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến việc xây dựng chính phủ phục vụ, chính vì vậy trong quá trình xây dựng chính phủ phục vụ huyện biên giới Tây Tạng cần đặt trọng tâm vào hoàn thiện môi trường thể chế ở địa phương và tăng cường xây dựng dịch vụ chính quyền điện tử, đồng thời cũng cần tích cực nâng cao sự tham gia của người dân và tổ chức đội ngũ cán bộ.

1.1.3. Công trình nghiên cứu về thực tiễn bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Việt Nam.

Cũng như các chủ thể khác trong cộng đồng quốc tế, việc bảo đảm an ninh chính trị nói chung, an ninh chính trị khu vực biên giới quốc gia nói riêng là việc làm hết sức cần thiết và luôn được Việt Nam coi trọng. Vì thế, xoay quanh chủ đề này có khá nhiều công trình nghiên cứu đề cập ở những khía cạnh khác nhau. Tuy nhiên có thể tóm lược trong 3 vấn đề sau đây:

- Công trình về hoạt động, giải pháp của các chủ thể thực hiện bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới.

Bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới là trách nhiệm, công việc của cả hệ thống chính trị nhưng trước hết phải có sự lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của Nhà nước. Khi bàn về hai chủ thể này, tác giả Nguyễn Quang Dũng có bài viết: “*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước về kết hợp kinh tế với quốc phòng an ninh, đối ngoại trong quản lý bảo vệ biên giới quốc gia thời kỳ hội nhập*” [29] đăng trên tạp

chí Khoa học giáo dục biên phòng số 31, 3/2013. Trong bài viết, tác giả khẳng định “sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước là yếu tố tiên quyết, quyết định sự thành công của hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới. Quản lý nhà nước về biên giới quốc gia là một nội dung của quản lý nhà nước. Tuy nhiên, do có những đặc trưng riêng biệt nên hoạt động này vừa là quản lý chủ quyền lãnh thổ vừa là quản lý bảo vệ đường biên, cột mốc quốc giới, quản lý an ninh trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới theo sự phân cấp thẩm quyền. Tuy nhiên trong thực tế, sự lãnh đạo của Đảng, hoạt động quản lý của Nhà nước về kết hợp kinh tế với quốc phòng an ninh, đối ngoại trong bảo vệ biên giới quốc gia còn chung chung, ở tầm vĩ mô, thiếu cụ thể, thống nhất... Từ việc phân tích và lấy dẫn chứng cho những bất cập trên. Tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước về công tác này như: Hoàn thiện nội dung và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, gắn quyền hạn với trách nhiệm trong việc thực hiện chức năng lãnh đạo của các cấp uỷ đảng; Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về an ninh, quốc phòng, biên giới quốc gia, trong đó xác định rõ nguyên tắc, biện pháp, trình tự, thủ tục kết hợp kinh tế với an ninh, quốc phòng, đối ngoại.

Tiếp nối chủ đề trên tác giả Nguyễn Thái Sinh với bài viết: *“Tăng cường quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững”*, [96]. Theo tác giả, phát triển nhanh, bền vững và quản lý bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia có mối quan hệ mật thiết với nhau, làm tiền đề cho sự tồn tại của nhau. Nếu sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước là mục tiêu, cơ sở cho quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia thì việc tăng cường vai trò quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia sẽ tạo điều kiện quan trọng, tất yếu cho phát triển nhanh, bền vững của Việt Nam theo định hướng XHCN. Để phát huy mối quan hệ đó theo tác giả cần thực hiện một số nội dung: Quản lý bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia phải góp phần tạo ra môi trường

trong nước và quốc tế thuận lợi đảm bảo cho đất nước phát triển nhanh, bền vững; quản lý bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia phải góp phần bảo vệ bảo vệ vững chắc an ninh kinh tế, lợi ích quốc gia dân tộc, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững; quản lý bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia phải tạo ra môi trường hợp tác, đầu tư, kinh doanh thuận lợi, tham gia có hiệu quả vào quá trình phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội khu vực biên giới...

Tác giả Nguyễn Văn Hưởng với bài: *“Giữ vững an ninh chính trị - xã hội để hội nhập và phát triển”* [56]. Nội dung bài viết tập trung làm rõ vai trò, những đóng góp của lực lượng an ninh Nhân dân trong giữ vững an ninh chính trị - xã hội trong bối cảnh mở cửa hội nhập quốc tế. Trải qua quá trình hình thành, phát triển, lực lượng an ninh Nhân dân có nhiều đóng góp: Tham mưu cho Đảng, Nhà nước ban hành nhiều chủ trương, quyết sách đúng, kịp thời trên lĩnh vực bảo đảm an ninh quốc gia; Phát hiện, đấu tranh làm thất bại nhiều âm mưu của kẻ địch, giữ vững an ninh quốc gia; Đấu tranh với hoạt động lợi dụng về “dân chủ, nhân quyền”, ngăn chặn ý đồ tập hợp lực lượng hình thành tổ chức chính trị đối lập trong nội địa....

Tác giả Trần Hữu Phúc có bài viết: *“Biện pháp ngoại giao của Bộ đội biên phòng trong quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia”* [90]. Theo tác giả, biện pháp ngoại giao hay còn gọi là đối ngoại biên phòng không chỉ là hoạt động công khai theo pháp luật mà còn là hoạt động nghiệp vụ của Bộ đội biên phòng. Hoạt động này hướng đến việc thực hiện các biện pháp ngoại giao nhằm xây dựng đường biên giới hoà bình, hữu nghị với các nước láng giềng, đồng thời nắm bắt tình hình an ninh biên giới, phòng ngừa, ngăn chặn các hoạt động xâm hại an ninh quốc gia. Với tầm quan trọng đó nên biện pháp ngoại giao của Bộ đội biên phòng luôn được chú trọng. Nội dung của biện pháp ngoại giao gồm: Thực hiện và tham gia đàm phán, trao đổi, hội đàm định kỳ hoặc đột xuất với lực lượng bảo vệ biên giới và các cơ quan liên quan của

các nước láng giềng; phối hợp với lực lượng bảo vệ biên giới nước láng giềng trong quản lý, bảo vệ biên giới, hệ thống mốc giới, giữ gìn an ninh, trật tự khu vực biên giới; trao trả, tiếp nhận người, tang vật, phương tiện vi phạm hiệp định về quy chế biên giới; tiếp xúc, gặp gỡ cán bộ, nhân viên của lực lượng bảo vệ biên giới nước láng giềng hoặc thăm viếng xã giao theo quy định. Thực hiện tốt các nội dung trên cùng với việc tuân thủ các nguyên tắc trong đối ngoại của Bộ đội biên phòng sẽ giúp giữ vững an ninh quốc gia trong đó có an ninh chính trị khu vực biên giới.

Vai trò của Bộ đội biên phòng còn được thể hiện rõ hơn trong bài viết: *“Vai trò của Bộ đội biên phòng trong giải quyết “điểm nóng” về an ninh quốc gia ở khu vực biên giới”* [11] của tác giả Đặng Xuân Bình. Trong bài viết ngoài phân tích một số khái niệm liên quan như điểm nóng về an ninh quốc gia và giải quyết điểm nóng về an ninh quốc gia, những biện pháp thực hiện khi có những vấn đề có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia thì tác giả cũng đã dẫn giải, minh chứng về vai trò, những biện pháp thực hiện khi tham gia giải quyết điểm nóng khu vực biên giới của Bộ đội biên phòng. Từ các quy định cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật, tác giả kết luận: Khi tham gia giải quyết các “điểm nóng” về an ninh quốc gia ở khu vực biên giới, Bộ đội biên phòng là lực lượng đóng vai trò quan trọng, tham gia trong khuôn khổ các hoạt động tuyên truyền, vận động quần chúng, bảo vệ trụ sở các cơ quan đảng, chính quyền và các mục tiêu quan trọng khác.

- Công trình về hoạt động bảo đảm an ninh chính trị biên giới ở một số vùng, miền của Việt Nam.

Do điều kiện tự nhiên, văn hoá – xã hội, dân tộc... của các vùng, miền Việt Nam khá đa dạng, phong phú. Vì thế, hoạt động bảo đảm an ninh chính trị, đặc biệt là an ninh chính trị khu vực biên giới cũng có những đặc trưng riêng. Tiêu biểu cho chủ đề này có thể dẫn giải một số công trình:

Ở khu vực miền núi phía Bắc, tác giả Lê Văn Nam với công trình:

“Phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở các tỉnh biên giới phía Bắc” [84]. Cuốn sách có kết cấu 3 phần. Phần thứ nhất, bàn về cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh; Phần thứ hai, thực trạng và những vấn đề đặt ra trong phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở một số tỉnh biên giới phía bắc; Phần thứ ba, quan điểm và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở các tỉnh biên giới phía bắc trong thời kỳ mới. Với các nội dung cơ bản trên, công trình đã làm rõ các khái niệm, nội dung trong phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh, chỉ ra những nhân tố ảnh hưởng, làm rõ thực trạng và đề xuất những giải pháp phù hợp với điều kiện, đặc thù khu vực bên giới phía Bắc trong tình hình mới.

Nghiên cứu về khu vực biên giới Tây Nguyên, tác giả Mai Thị Hồng Liên có bài viết: *“Đảm bảo an ninh chính trị ở các tỉnh Tây Nguyên trong tình hình mới”* [73]. Trong bài viết, tác giả đã khái quát đặc điểm tình hình kinh tế, xã hội và vị trí chiến lược của Vùng Tây nguyên trong đảm bảo an ninh quốc gia và an ninh chính trị. Đồng thời, phân tích tình hình bảo đảm an ninh chính trị ở Tây nguyên trên ba phương diện: an ninh tư tưởng chính trị, an ninh thể chế và an ninh tôn giáo, dân tộc, văn hoá. Theo tác giả, bảo đảm an ninh tư tưởng chính trị ở Tây nguyên chính là việc các cấp uỷ đảng luôn coi trọng công tác tư tưởng, thường xuyên truyền truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Trong bảo đảm an ninh thể chế ở Tây nguyên, tác giả khẳng định *“Bảo đảm an ninh thể chế chính trị ở nước ta hiện nay là đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể cùng sự tham gia chính trị của người dân”*. Do vậy, thời gian qua, các cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể ở Tây Nguyên không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với toàn xã hội, phát huy tính tiên phong, gương mẫu của người đứng đầu. Bộ

máy chính quyền được kiện toàn để đáp ứng yêu cầu thực tiễn... Bảo đảm an ninh chính trị trên lĩnh vực tôn giáo, dân tộc, văn hoá - xã hội. Với nhiều việc làm thiết thực như đưa công an chính quy về đảm nhiệm các chức danh công an xã, phát triển mô hình dân quân tự quản... đã góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và phát triển bền vững vùng Tây Nguyên.

Khu vực Tây Nam Bộ cũng là khu vực trọng yếu trong bảo đảm an ninh chính trị và an ninh chính trị vùng biên. Với bài viết: *“Giữ vững an ninh, phát triển kinh tế khu vực biên giới Tây Nam”* của tác giả Hồng Đăng [43]. Bài viết đã khái quát cho chúng ta bức tranh tổng thể những thành tựu của hoạt động giữ vững an ninh, phát triển kinh tế của một số tỉnh biên giới Tây Nam như Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp trong xử lý vi phạm về buôn lậu, ma túy, xâm canh, xâm cư, xuất nhập cảnh... đồng thời, tác giả cũng chỉ ra những bất cập cần tháo gỡ trong thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính. Những bất cập này cần được quan tâm, tháo gỡ để các lực lượng chức năng tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong bảo đảm an ninh, phát triển kinh tế - xã hội khu vực biên giới.

- Thực tiễn hoạt động bảo đảm an ninh chính trị biên giới giữa Việt nam với các nước láng giềng.

Việt Nam có biên giới trên bộ với ba nước là Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào, Vương quốc Campuchia và Cộng hoà nhân dân Trung Hoa. Do mỗi khu vực biên giới có những đặc điểm riêng nên nội dung bảo đảm an ninh khu vực biên giới giữa Việt Nam với ba nước cũng khá phong phú. Tuy nhiên, để làm rõ trọng tâm công tác bảo đảm an ninh chính trị và an ninh chính trị khu vực biên giới nên tập trung vào một số công trình tiêu biểu sau:

Trong thực tiễn bảo đảm an ninh chính trị và an ninh chính trị biên giới với Lào tác giả Nguyễn Đình Chiến có công trình: *“Nghiên cứu các giải pháp tăng cường ổn định chính trị, an ninh biên giới Việt - Lào trong tình hình mới”* [26]. Đề tài có kết cấu 3 chương, lần lượt làm rõ các nội dung: Lý luận

thực trạng về ổn định chính trị, an ninh biên giới Việt - Lào, trong đó phân tích các khái niệm, khái quát thực trạng ổn định chính trị, an ninh biên giới từ sau 1975 đến 2010. Phân tích những thành tựu và hạn chế, chỉ ra những nhân tố tác động đến ổn định chính trị, an ninh biên giới hai nước như: đặc điểm tự nhiên, lịch sử, dân cư, tình hình thế giới, khu vực, tình hình mỗi nước... qua đó đưa ra dự báo và đề xuất những giải pháp tăng cường ổn định chính trị, an ninh biên giới Việt - Lào trong tình hình mới.

Cụ thể hơn với nội dung: *“Đảm bảo an ninh chính trị vùng dân tộc thiểu số biên giới Việt - Lào tỉnh Điện Biên hiện nay”* của Đặng Thị Thanh Hoa [50] đã làm rõ một số một số vấn đề lý luận chung về an ninh chính trị, đảm bảo an ninh chính trị vùng dân tộc thiểu số biên giới đất liền như: một số khái niệm, các quan điểm của Đảng, Nhà nước trong đảm bảo an ninh chính trị vùng dân tộc thiểu số, chủ thể, trách nhiệm của chủ thể; nội dung và các nhân tố tác động, ảnh hưởng đến đảm bảo an ninh chính trị vùng dân tộc thiểu số biên giới đất liền của Việt Nam.... Qua khảo sát thực trạng đảm bảo an ninh chính trị vùng dân tộc thiểu số biên giới Việt - Lào tỉnh Điện Biên từ năm 2005 đến năm 2016. Tác giả, rút ra những vấn đề có ý nghĩa như những bài học kinh nghiệm trong đảm bảo an ninh chính trị vùng dân tộc thiểu số biên giới Việt - Lào tỉnh Điện Biên. Đồng thời, đưa ra những dự báo về khả năng diễn biến tình hình, những thuận lợi, khó khăn trong đảm bảo an ninh chính trị vùng dân tộc thiểu số biên giới Việt - Lào tỉnh Điện Biên thời gian tới; từ đó đề xuất các giải pháp đảm bảo an ninh chính trị vùng dân tộc thiểu số biên giới Việt - Lào ở tỉnh Điện Biên.

Trong hoạt động bảo đảm an ninh chính trị, an ninh chính trị khu vực biên giới với Trung Quốc, tác giả Vũ Đình Liêm có công trình: *“Hoạt động đảm bảo an ninh, trật tự của Bộ đội biên phòng ở khu vực biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc”* [69]. Nội dung cuốn sách phân tích những diễn biến phức tạp của tình hình an ninh, trật tự cũng như các phương thức thủ đoạn

khôn khéo của các thế lực thù địch, phản động trong tình hình mới. Thực tế trên, làm cho các vấn đề liên quan đảm bảo an ninh, trật tự lại được đặt ra cần kíp hơn, nhất là ở khu vực biên giới. Từ cách đặt vấn đề đó, tác giả đã đi sâu, phân tích những vấn đề lý luận chung và thực tiễn về đảm bảo an ninh, trật tự của bộ đội biên phòng - lực lượng có vai trò trọng yếu ở khu vực biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc. Đồng thời, đưa ra những dự báo tình hình và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ đội biên phòng tại khu vực này.

Trong hoạt động bảo đảm an ninh chính trị và an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia, nhiều bài viết đã phân tích làm rõ thực trạng hoạt động, hợp tác về an ninh chính trị, an ninh chính trị khu vực biên giới giữa hai nước. Điển hình là công trình: *“Thực trạng an ninh chính trị biên giới Việt Nam - Campuchia”* của hai tác giả Nguyễn Huy Hoàng và Trần Xuân Hiệp [49]. Theo các tác giả, an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia là một trong những nội dung quan trọng trong mối quan hệ giữa hai nước. Thông qua các vấn đề, sự kiện, số liệu đã chứng minh được những nội dung hợp tác đảm bảo an ninh chính trị khu vực biên giới giữa hai nước trong thời gian qua có nhiều tiến triển, từ việc phối hợp thực hiện các văn bản xây dựng đường biên giới hoà bình, hữu nghị, đến việc hợp tác trong phòng chống các loại tội phạm, tuyên truyền, nâng cao ý thức nhân dân, trong quản lý, bảo vệ đường biên giới... Tuy nhiên, để tiếp tục có những thành tựu trong hợp tác, bảo đảm an ninh chính trị giữa hai nước, nhóm tác giả gợi mở một số giải pháp như: Chủ động tích cực phối hợp với Campuchia sớm hoàn thành công tác phân giới cắm mốc; tăng cường công tác tuyên truyền về đảm bảo an ninh tuyến biên giới đất liền; xây dựng và triển khai các chính sách phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng; nâng cao năng lực của các lực lượng vũ trang khu vực biên giới; tăng cường công tác thông tin, dự báo chiến lược liên quan an ninh, quốc phòng tuyến biên giới và tăng cường phối hợp giữa các bộ, ban, ngành địa phương trong đảm bảo an ninh tuyến biên giới đất liền giữa Việt Nam -

Campuchia.

Cùng chung chủ đề trên, hai tác giả Bùi Nam Khánh, Đỗ Thị Thanh Bình có bài viết: “*Hợp tác giữa Việt Nam và Campuchia trong đảm bảo an ninh tuyến biên giới đất liền*” [64]. Nội dung bài viết tập trung phân tích thực trạng hợp tác giữa Việt Nam và Campuchia trong đảm bảo an ninh tuyến biên giới đất liền từ năm 2009 đến 2018. Trong đó có công tác phân giới cắm mốc, xây dựng đường biên giới hữu nghị, hoà bình; hợp tác trong đấu tranh chống lại các hoạt động phá hoại công tác phân giới cắm mốc; hợp tác trong đấu tranh chống các loại tội phạm. Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được thì hợp tác giữa hai nước trong đảm bảo an ninh trên tuyến biên giới đất liền cũng còn tồn tại nhiều hạn chế như: công tác phân giới cắm mốc vẫn chưa đạt mục tiêu mà hai nước đề ra, các lực lượng đối lập tại Campuchia lợi dụng vấn đề phân giới cắm mốc để phá hoại mối quan hệ hai nước, việc hợp tác giữa hai quốc gia trong xử lý các điểm nóng, phức tạp biên giới còn hạn chế, công tác phối hợp giữa hai nước, các địa phương trong công tác tuyên truyền, chia sẻ thông tin, phối hợp xử lý các vấn đề an ninh biên giới chưa đáp ứng yêu cầu. Trên cơ sở đó, các tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác giữa hai nước trong đảm bảo an ninh tuyến biên giới đất liền như: phối hợp trong tuyên truyền, nâng cao nhận thức của Nhân dân hai nước, tăng cường mối quan hệ cấp cao giữa lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các bộ, ban, ngành địa phương liên quan, đẩy nhanh quá trình đàm phán phân giới cắm mốc, củng cố cơ chế hợp tác an ninh...

1.1.4. Công trình nghiên cứu thực tiễn về an ninh biên giới, bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ.

Đông Nam Bộ không chỉ là khu vực kinh tế trọng điểm mà còn là khu vực trọng yếu về an ninh, quốc phòng của phía Nam và cả nước. Vì thế đã thu hút được nhiều sự quan tâm nghiên cứu trên các phương diện. Đối với nội dung về an ninh chính trị khu vực biên giới và bảo đảm an ninh chính trị khu

vực biên giới ngoài một số công trình bàn về quan hệ xuyên biên giới, thực tiễn tình hình an ninh chính trị khu vực biên giới... thì hầu hết các công trình tập trung vào hoạt động của lực lượng vũ trang mà chủ yếu là của Bộ đội biên phòng. Vì thế xin nêu một số công trình tiêu biểu:

Ở cấp quân khu, có bài viết: *“Quân khu 7 xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới, biển, đảo tổ quốc”* của tác giả Trần Đơn [45]. Theo tác giả, Quân khu 7 là địa bàn chiến lược quan trọng của cả nước, những năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng cùng với sự nỗ lực, phấn đấu không ngừng, Quân khu 7 đã hoàn thành nhiều nhiệm vụ quan trọng mà Đảng và Nhà nước giao phó. Trong các nhiệm vụ đó có nhiệm vụ xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Tuy nhiên, do đặc thù biên giới khu vực Quân khu 7 quản lý tiềm ẩn nhiều vấn đề phức tạp như tình trạng xâm canh, xâm cư, chặn thả gia súc, hoạt động buôn lậu, tệ nạn xã hội, tội phạm... cùng với các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch nên tình hình an ninh chính trị khu vực biên giới còn nhiều khó khăn. Để tiếp tục có được nhiều thành tích trong quản lý nhà nước, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, biển, đảo trên địa bàn, Quân khu 7 cần tiếp tục làm tốt các công việc: Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các tỉnh, thành phố trên địa bàn; Thường xuyên chăm lo, tạo sự đoàn kết, thống nhất giữa Đảng uỷ, Bộ tư lệnh quân khu với các tỉnh, thành trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân; chỉ đạo thực hiện tốt việc phối kết hợp chặt chẽ giữa các lực lượng chức năng với cấp uỷ, chính quyền địa phương trên địa bàn; Chỉ đạo lực lượng vũ trang quân khu nắm chắc tình hình, kịp thời tham mưu cấp uỷ, chính quyền địa phương về các vấn đề liên quan khu vực biên giới.

- Ngoài những hoạt động của Quân khu 7, thì các tỉnh có đường biên giới ở khu vực Đông Nam Bộ cũng có nhiều hoạt động trong bảo đảm an ninh chính trị và an ninh chính trị khu vực biên giới như tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước và Tây Ninh.

Khi bàn về hoạt động quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tác giả Trương Văn Tài có bài viết: *“Bộ đội biên phòng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới biển, đảo”* [101]. Trong bài viết, tác giả đã khái quát vị thế, tầm quan trọng, nhiệm vụ mà Bộ đội biên phòng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện trong quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới biển, đảo. Trước thực tiễn còn nhiều khó khăn về sự hiện diện của các loại tội phạm, các hoạt động tôn giáo trái pháp luật, tàu thuyền nước ngoài xâm phạm chủ quyền, xuất nhập cảnh trái phép, buôn bán, sử dụng trái phép chất cấm, vũ khí, vật liệu gây nổ... nên việc quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới biển, đảo cũng đối mặt với nhiều thách thức. Để thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của mình, theo tác giả, Bộ đội biên phòng tỉnh cần tiếp tục thực hiện một số biện pháp: tập trung xây dựng lực lượng Bộ đội biên phòng tỉnh vững mạnh về mọi mặt; tăng cường công tác nắm bắt tình hình, chủ động phối hợp chặt chẽ với các lực lượng quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh khu vực biên giới; tích cực tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương xây dựng nền biên phòng toàn dân vững mạnh, tạo cơ sở cho việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới.

Là tỉnh có chung biên giới đất liền với Campuchia nên Bình Phước cũng có nhiều hoạt động trong bảo đảm an ninh chính trị và an ninh chính trị khu vực biên giới như chủ trương xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh trước bối cảnh mới. Chủ trương và nội dung của xây dựng khu vực phòng thủ được tác giả Nguyễn Tấn Hưng phân tích trong bài viết: *“Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh Bình Phước thời kỳ mới”* [55]. Bài viết bên cạnh làm rõ vai trò, vị trí và tầm quan trọng của việc xây dựng khu vực phòng thủ thì tác giả đã tập trung phân tích các nội dung mà tỉnh Bình Phước đã làm để hướng đến xây dựng khu vực phòng thủ đạt mục tiêu đề ra. Với phương châm “xây dựng về chính trị - tinh thần là cơ sở; kinh tế - văn hoá - xã hội là trung tâm; an ninh - quốc

phòng là trọng yếu; xã, phường vững mạnh là nội dung cơ bản, xuyên suốt”. Vì thế trong lãnh đạo, chỉ đạo và thực thi rất quyết liệt và trách nhiệm. Ngoài việc ban hành, thực thi các Nghị quyết, Quyết định, tỉnh uỷ và Uỷ ban Nhân dân tỉnh luôn chú trọng, đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền, bồi dưỡng kiến thức an ninh - quốc phòng cho các đối tượng, trước hết là đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp. Đồng thời tỉnh đã tiến hành chăm lo lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, nâng cao chất lượng tổng hợp của lực lượng vũ trang địa phương... Với tinh thần và trách nhiệm đó nên tỉnh Bình Phước đã có nhiều kết quả trong xây dựng khu vực phòng thủ, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh - quốc phòng.

Cùng với chủ trương của tỉnh thì Bộ đội biên phòng tỉnh Bình Phước cũng có nhiều hoạt động cùng với tỉnh thực hiện tốt công tác bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới, phát triển lực lượng biên phòng tỉnh vững mạnh. Những nội dung này được thể hiện trong công trình: *“Bộ đội biên phòng tỉnh Bình Phước thực hiện tốt công tác đối ngoại biên phòng”* của tác giả Bùi Minh Soái [97] và công trình *“Bộ đội biên phòng tỉnh Bình Phước đẩy mạnh xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện”* của tác giả Phùng Tiến Lãng [68]. Trong đó nội dung bài viết *“Bộ đội biên phòng tỉnh Bình Phước thực hiện tốt công tác đối ngoại biên phòng”* của tác giả Bùi Minh Soái tập trung làm rõ Khu vực biên giới giữa Bình Phước và Campuchia là khu vực rất thuận lợi trong giao thương, xuất nhập cảnh nhưng cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất ổn định về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, với đặc điểm là nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, có quan hệ thân tộc, dòng họ phức tạp, đời sống khó khăn, trình độ dân trí không đều... nên việc quản lý, bảo vệ biên giới, nhất là kiểm soát xuất - nhập cảnh và đối ngoại biên phòng gặp nhiều trở lực. Để đáp ứng tình hình mới và khắc phục khó khăn, đồng thời để quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, Đảng uỷ, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai toàn diện các mặt công tác,

với nhiều giải pháp đồng bộ. Trong đó chủ trương thực hiện tốt công tác đối ngoại biên phòng; duy trì mối quan hệ đoàn kết với chính quyền, lực lượng bảo vệ biên giới của Campuchia; kết hợp chặt chẽ đối ngoại biên phòng với ngoại giao Nhân nhân.

Tương tự như tỉnh Bình Phước, tỉnh Tây Ninh nói chung và Bộ đội biên phòng tỉnh nói riêng cũng có nhiều hoạt động nhằm bảo đảm an ninh chính trị và an ninh chính trị khu vực biên giới. Cụ thể, tác giả Lê Thị Bân với bài viết: *“Giữ vững hoà bình, an ninh biên giới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh thời kỳ hội nhập”* [10], đã khái quát tầm quan trọng về vị trí chiến lược, đặc biệt là về an ninh quốc phòng, an ninh biên giới của Tây Ninh. Tác giả chỉ ra những thời cơ và thách thức đan xen trong quá trình hội nhập. Trong đó, thách thức lớn nhất là sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, bằng chiến lược “diễn biến hoà bình” chúng ra sức lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, vấn đề biên giới, quá trình toàn cầu hoá để thực hiện chiến tranh tâm lý, kích động quần chúng Nhân dân chống phá Đảng, Nhà nước, phá hoại mối quan hệ truyền thống tốt đẹp giữa Việt Nam và Campuchia. Để bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới Tây Ninh đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp quan trọng như: Chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng hệ thống chính trị cơ sở toàn diện, hoạt động có hiệu quả; Xây dựng lực lượng biên phòng, công an, dân quân tự vệ vững mạnh; Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường an ninh quốc phòng; Đẩy mạnh công tác đối ngoại Nhân dân, đối ngoại quân sự, công an, biên phòng.

Ở khía cạnh thực trạng quan hệ biên giới của tỉnh, nhóm tác giả Lý Văn Ngoan và Lê Minh Hiếu có bài viết: *“Quan hệ xuyên biên giới với việc đảm bảo quốc phòng, an ninh (nghiên cứu thực tiễn tỉnh Tây Ninh)”* [87]. Nội dung bài viết đã khái quát về mối quan hệ xuyên biên giới của cư dân vùng biên tỉnh Tây Ninh với cư dân các địa phương Campuchia ở góc độ quan hệ kinh tế; quan hệ láng giềng, hợp tác tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau; quan hệ

trong đời sống văn hoá tinh thần. Trong đó các tác giả khẳng định, do yếu tố văn hoá, lịch sử, địa lý... mối quan hệ xuyên biên giới của cư dân hai nước ảnh hưởng khá nhiều tới đảm bảo quốc phòng an ninh biên giới cả theo hướng tích cực và tiêu cực. Nếu tích cực là giúp tạo nên sự gắn kết cộng đồng, sự chia sẻ, giao lưu văn hoá, giúp đẩy mạnh hợp tác kinh tế, tăng tình hữu nghị, giảm thiểu xung đột, nắm bắt thông tin kịp thời... thì mặt tiêu cực chính là di cư bất hợp pháp, buôn lậu, buôn người, buôn vũ khí trái phép gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự khu vực biên giới. Trước thực tế trên, để đảm bảo quốc phòng an ninh trong mối quan hệ xuyên biên giới, nhóm tác giả đã đưa ra các giải pháp: Nhận thức của chính phủ hai nước về quan hệ xuyên biên giới cần đầy đủ hơn, tạo điều kiện cho các xã, đồn biên phòng hai bên gặp gỡ trao đổi thông tin, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, chính quyền hai nước đầu tư nhiều hơn vào xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng hai bên.

Trên cơ sở thực trạng nhiều vấn đề ở khu vực biên giới đang đặt ra, với tư cách là lực lượng nòng cốt, Bộ đội biên phòng tỉnh cũng có nhiều hoạt động như *“Bộ đội biên phòng Tây Ninh làm tốt công tác tham mưu và tham gia xây dựng nền biên phòng toàn dân vững mạnh”* của Vũ Viết Lợi [74]. Bài viết vừa khái quát tầm quan trọng về địa chiến lược của tỉnh Tây Ninh đối với khu vực và cả nước. Đồng thời cũng chỉ ra những thách thức, khó khăn mà tỉnh Tây Ninh đang phải đối mặt trong quá trình phát triển và giữ vững an ninh biên giới như: chiến lược diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch khi họ lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, nhân quyền, sự yếu kém của hệ thống chính, các tệ nạn, các loại tội phạm khu vực biên giới. Trước những thách thức đó, Bộ đội biên phòng tỉnh đã triển khai những công việc trong công tác tham mưu: Tham mưu lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục; Tham mưu trong phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo kết hợp với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia; Tham mưu xây dựng Bộ đội biên phòng tỉnh vững mạnh, toàn diện.

Cụ thể hơn về những hoạt động của Bộ đội biên phòng tỉnh, tác giả Nguyễn Hoài Phương có bài viết: “*Bộ đội biên phòng tỉnh Tây Ninh đẩy mạnh công tác vận động quần chúng ở khu vực biên giới*” [91]. Trong bài viết, tác giả khái quát những thuận lợi, khó khăn, tồn tại của khu vực biên giới giữa Tây Ninh và Campuchia. Trong đó, thuận lợi lớn nhất chính là đời sống tinh thần, vật chất của người dân khu vực biên giới những năm qua đã từng bước được cải thiện nhưng đi cùng với nó là rất nhiều vấn đề khó khăn như đời sống người dân vùng sâu, vùng xa chưa ổn định, cơ sở chính trị một số xã chưa vững chắc, hoạt động truyền đạo, xuất nhập cảnh trái phép vẫn diễn ra, gian lận thương mại, các loại hình tội phạm tiếp tục gia tăng... trước tình trạng trên, Đảng uỷ Bộ đội biên phòng phối hợp cùng tỉnh uỷ, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo, lãnh đạo thực hiện chủ trương tăng cường, đổi mới công tác vận động quần chúng ở khu vực biên giới xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh, phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, quốc phòng an ninh vững chắc. Thực hiện chủ trương trên Bộ đội biên phòng tỉnh đã tiến hành nhiều biện pháp: Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho Nhân dân (về pháp luật, về ý thức chính trị...), cùng dân tham gia xây dựng ấp, xã văn hoá; giúp dân đẩy mạnh sản xuất, chăm lo xây dựng đời sống văn hoá; tham gia chúc mừng, thăm hỏi dân, chúc sắc tôn giáo mỗi dịp lễ tết... Vì thế đã tạo được lòng tin trong Nhân dân, cùng nhân phát triển kinh tế xã hội, giữ vững an ninh vùng biên.

Ngoài các công trình tiêu biểu trên, liên quan chủ đề này còn có nhiều bài viết đăng trên các tạp chí điện tử như: Lê Hồng Vương, “*Kinh nghiệm quản lý, ngăn ngừa các “điểm nóng” trên thế giới của Bộ đội biên phòng Tây Ninh*” [139]; Trương Thị Hoài, “Giải pháp góp phần xây dựng hệ thống chính trị ở các xã biên giới của tỉnh Bình Phước hiện nay” [51], Đỗ Danh Vượng, “Phát huy sức mạnh “biên giới lòng dân” quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới quốc gia [140]; Nguyễn Tài Sơn, “Xây dựng “Thế trận lòng dân” vững chắc ở biên giới Tây Ninh” trên tạp chí điện tử Biên Phòng, ngày 10/11/2018 [98]...

1.2. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.2.1. Những kết quả đạt được của các công trình nghiên cứu

Qua các công trình nghiên cứu tiêu biểu nêu trên có thể thấy, an ninh chính trị nói chung, an ninh chính trị khu vực biên giới nói riêng là nội dung quan trọng, thiết thực đối với công tác bảo đảm an ninh quốc gia. Vì thế đã được các nhà khoa học đề cập ở những khía cạnh, phương diện khác nhau và đạt được những kết quả đáng ghi nhận:

Thứ nhất, các công trình đã đề cập đến một số vấn đề liên quan về an ninh chính trị như: khái niệm, nội dung, chủ thể và định hướng những giải pháp cần thực hiện để bảo đảm an ninh chính trị, nhất là trong bối cảnh mới. Kết quả đó giúp cho người nghiên cứu nắm chắc khung lý luận về an ninh chính trị, có những cơ sở để triển khai nội dung an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia.

Thứ hai, an ninh chính trị biên giới đã được khai thác ở khía cạnh những nhân tố tác động, lực lượng thực hiện, kinh nghiệm của một số nước và Việt Nam... Vì thế, đây được xem là cơ sở trực tiếp để luận án tham khảo trong việc xây dựng nội dung, xác định chủ thể, vai trò chủ thể cũng như đánh giá thực trạng và đưa ra những giải pháp cần thực hiện trong bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền giữa Việt Nam - Campuchia.

Thứ ba, phương thức hoạt động, chủ thể và giải pháp thực hiện bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam với các nước láng giềng đã được các nhà nghiên cứu đề cập đến ở những không gian, thời gian và đối tượng khác nhau. Do vậy, luận án hoàn toàn có thể tin tưởng tham khảo, kế thừa khi triển khai những nội dung này cho hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia.

Thứ tư, một số công trình nghiên cứu đã bàn luận đến mối quan hệ giữa Việt Nam - Campuchia nói chung; chính quyền, Nhân dân hai tỉnh biên giới

khu vực Đông Nam Bộ với chính quyền, Nhân dân biên giới của Campuchia nói riêng. Từ đó, giúp tác giả có cái nhìn tổng thể về mối quan hệ giữa hai nước thời gian qua trên một số lĩnh vực, và cũng trên cơ sở này có thể xây dựng nội dung, đưa ra những giải pháp phù hợp trong bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới của hai nước trong thời gian tới.

Thứ năm, khi bàn về chủ thể thực hiện bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ, nhiều bài viết tập trung khai thác vai trò, hoạt động của Bộ đội biên phòng - lực lượng nòng cốt, chuyên trách trong công tác này. Qua đó tác giả có căn cứ, cơ sở để hiểu rõ hơn và có thể kế thừa để xây dựng nội dung hoạt động, phương thức hoạt động của Bộ đội biên phòng trong bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia ở Đông Nam Bộ, nhất là hoạt động phân giới cắm mốc, tuần tra, tuyên truyền, vận động và xây dựng thể thống chính trị cơ sở...

Thứ sáu, qua những công trình nghiên cứu về thực tiễn an ninh chính trị, an ninh biên giới của một số quốc gia có thể rút ra một số kinh nghiệm lớn mà Việt Nam có thể vận dụng như:

Vấn đề an ninh chính trị, an ninh biên giới luôn phức tạp. Những nguy cơ đe dọa, thách thức an ninh không chỉ đến từ vấn đề an ninh truyền thống mà còn cả từ các vấn đề an ninh phi truyền thống; không chỉ là các yếu tố từ bên trong mà còn có cả các yếu tố bên ngoài. Vì vậy, cần phải có cách nhìn nhận đánh giá toàn diện, phù hợp, nhất là trong bối cảnh mới với nhiều biến động chính trị, an ninh, kinh tế phức tạp, khó đoán định như hiện nay.

Muốn quản lý tốt tình hình an ninh, trật tự an toàn khu vực biên giới cần có các giải pháp đồng bộ, trong đó đặc biệt chú trọng phát triển nguồn lực, cải thiện cơ sở hạ tầng; điều chỉnh cơ chế chính sách; phải có sự phối hợp, phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các cơ quan quản lý, lực lượng chức năng làm nhiệm vụ ở khu vực biên giới; Tập trung cải cách, xây dựng hệ thống chính trị khu vực biên giới theo hướng phục vụ và cần phải duy trì mối quan hệ ổn định với các nước láng giềng ...

1.2.2. Những vấn đề, khoảng trống chưa được nghiên cứu

Bên cạnh những kết quả lớn đạt được, thì còn nhiều vấn đề mà các công trình nghiên cứu trên chưa đề cập hoặc đề cập ở mức sơ sài:

Thứ nhất, rất ít công trình nghiên cứu một cách toàn diện về các vấn đề lý luận an ninh chính trị, nhất là an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền.

Thứ hai, mặc dù đã đề cập đến chủ thể thực hiện bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới nhưng chủ yếu nói về lực lượng vũ trang, tiêu biểu nhất là Bộ đội Biên phòng, còn các chủ thể khác như các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc, quần chúng Nhân dân... thì rất ít công trình nghiên cứu đề cập. Nếu có cũng chưa được sâu sắc, toàn diện.

Thứ ba, nội dung thực hiện bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới nói chung và khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia nói riêng chủ yếu được khai thác cơ bản ở khía cạnh an ninh lãnh thổ, còn an ninh thể chế, an ninh tư tưởng rất ít công trình khai thác, đề cập các vấn đề này.

Thứ tư, các công trình nghiên cứu về nội dung, chủ thể thực hiện bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam với các nước láng giềng nói chung, an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia nói riêng hầu hết đã được các nhà nghiên cứu đề cập từ thời gian trước năm 2015. Do vậy, trong bối cảnh mới hiện nay sẽ thiếu tính lịch sử, cụ thể.

Thứ năm, chưa có công trình nào tập trung làm rõ toàn diện từ vấn đề lý luận như khái niệm, nội dung, chủ thể, cách thức... đến thực trạng, giải pháp cho bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia ở khu vực Đông Nam Bộ từ 2016 đến 2024.

1.2.3. Những vấn đề luận án lựa chọn nghiên cứu

Từ việc nghiên cứu nội dung các công trình khoa học về an ninh quốc gia, an ninh chính trị và an ninh chính trị khu vực biên giới trong và ngoài nước. Luận án tiếp tục nghiên cứu, giải quyết một số vấn đề sau:

- Bổ sung, hoàn thiện thêm khung lý luận về an ninh chính trị khu vực

biên giới đất liền, bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền nói chung, khu vực biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia nói riêng như làm rõ các khái niệm; chủ thể và nội dung bảo đảm an ninh chính trị; các yếu tố ảnh hưởng và ý nghĩa của bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới.

- Trên cơ sở nội dung, luận án đánh giá thực trạng bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia qua thực tiễn ở khu vực Đông Nam Bộ từ năm 2016 - 2024.

- Từ đó dự báo về tình hình bảo đảm an ninh chính trị và gợi mở những giải pháp nhằm bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia ở Đông Nam Bộ trong thời gian sắp tới.

Những Nội dung luận án lựa chọn sẽ trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu:

1. Tại sao phải nghiên cứu bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền Việt Nam – Campuchia và bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền Việt Nam – Campuchia ở Đông Nam Bộ?

2. Nội dung bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền Việt Nam – Campuchia và bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền Việt Nam – Campuchia ở Đông Nam Bộ là gì? Ai sẽ tham gia thực hiện và thực hiện bằng cách nào?

3. Hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền Việt Nam – Campuchia ở Đông Nam Bộ giai đoạn 2016 đến 2024 đạt được những kết quả gì, có hạn chế, khó khăn nào?

4. Giải pháp nào để bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền Việt Nam – Campuchia ở Đông Nam Bộ đạt kết quả tốt hơn trong thời gian tới?

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ KHU VỰC BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN

2.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

Để có thể hiểu về khái niệm bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới trên đất liền, trước tiên cần phải làm rõ một số khái niệm liên quan:

- *Biên giới quốc gia:*

Năm 1648 với Hoà ước Wesphalia đã chính thức đánh dấu sự ra đời của các quốc gia hiện đại trong cộng đồng quốc tế. Các quốc gia hiện đại ra đời ngoài các đặc trưng về ngôn ngữ, dân cư, bộ máy nhà nước thì lãnh thổ là phần không thể thiếu. Để xác định lãnh thổ, chủ quyền riêng giữa các quốc gia với nhau thì biên giới quốc gia chính là yếu tố căn cốt nhất. Một quốc gia có biên giới hợp pháp, hoà bình, ổn định, hữu nghị chính là cơ sở để bảo vệ vững chắc cho quá trình phát triển.

Với Việt Nam, khi bàn về biên giới quốc gia, Luật biên giới quốc gia Việt Nam năm 2003 khẳng định: “Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế xã hội, tăng cường quốc phòng và an ninh của đất nước”. Theo đó, tại Điều 1, Luật biên giới quốc gia năm 2003, cũng đưa ra khái niệm về biên giới quốc gia: “Biên giới quốc gia nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đường và mặt thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Còn theo Từ điển bách khoa Công an nhân dân năm 2005 thì biên giới quốc gia là: “Đường xác định giới hạn phạm vi chủ quyền của một quốc gia đối

với vùng đất và lòng đất phía dưới, vùng biển, đáy biển, lòng đất dưới vùng đáy biển đó và khoảng không chiếu thẳng từ vùng đất và vùng biển đó. Biên giới quốc gia gồm biên giới trên đất liền, biên giới trên biển, biên giới trên không” [137; tr.27].

Từ các khái niệm trên, chúng ta có thể hiểu biên giới quốc gia một cách khái quát như sau: *“Biên giới quốc gia chính là đường và mặt thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia đối với vùng đất, lòng đất phía dưới, vùng biển, đáy biển, lòng đất dưới vùng đáy biển và khoảng không chiếu thẳng từ vùng đất và vùng biển đó. Biên giới quốc gia gồm biên giới trên đất liền, biên giới trên biển, biên giới trên không”*.

Theo Khoản 1 Điều 5 của Luật Biên giới quốc gia năm 2003, “Biên giới quốc gia được xác định bằng Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập hoặc do pháp luật Việt Nam quy định”.

- *Khu vực biên giới quốc gia trên đất liền:*

Theo Nghị Định số 34/2000/NĐ - CP ngày 18/8/2000 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều 6 luật Biên giới quốc gia năm 2003 thì: *“Khu vực biên giới đất liền nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm các xã, phường, thị trấn có địa giới hành chính tiếp giáp với đường biên giới quốc gia trên đất liền”* [86; tr.12].

Mọi hoạt động trong khu vực biên giới phải tuân theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết. Trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết có quy định khác với hai văn bản pháp luật trên thì thực hiện theo quy định của Điều ước quốc tế.

Trong khu vực biên giới có vành đai biên giới, ở những nơi có yêu cầu cần thiết phải đảm bảo cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và kinh tế thì thiết lập vùng cấm.

Vành đai biên giới là phần lãnh thổ nằm tiếp giáp với đường biên giới quốc gia có chiều sâu tính từ đường biên giới trở vào nơi hẹp nhất là 100 m, nơi rộng nhất không quá 1.000 m, trừ trường hợp đặc biệt sẽ do Thủ tướng Chính phủ quy định; Phạm vi cụ thể của vành đai biên giới do Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới xác định sau khi đã thống nhất với Bộ quốc phòng, Bộ công an, các ngành hữu quan và báo cáo Chính phủ[86].

Đường biên giới quốc gia trên đất liền là một đường cụ thể được vạch rõ ràng trên mặt đất và được đánh dấu trên thực địa bằng hệ thống mốc hoặc các dấu hiệu khác, được vẽ trên các bản đồ và được ghi trong các Hiệp ước, Hiệp định, Nghị định thư biên giới [114; tr.8].

Việc bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới là trách nhiệm, nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang, chính quyền địa phương và mọi công dân”.

Tóm lại, khu vực biên giới quốc gia trên đất liền là một bộ phận hết sức quan trọng của lãnh thổ quốc gia. Trong quá trình phát triển, các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam phải luôn đặt mục tiêu bảo vệ khu vực biên giới quốc gia lên hàng đầu bởi đây là vùng đệm quyết định sự ổn định phát triển bên trong trong tương quan với các yếu tố bên ngoài. Đồng thời duy trì toàn vẹn lãnh thổ, độc lập, chủ quyền của mỗi quốc gia - dân tộc.

- *An ninh*

Theo Từ điển từ Hán Việt, “an là yên, ninh là không rối loạn” [142; tr.5] như vậy nghĩa của từ an ninh có thể hiểu là “yên ổn không rối loạn”.

Cụ thể hơn, trong Đại từ điển Tiếng Việt do Nguyễn Như Ý biên soạn thì “An ninh” nghĩa là trật tự xã hội, tình hình chính trị yên ổn, không lộn xộn, không nguy hiểm” [137; tr.25].

Trong Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam (2004) định nghĩa: “An ninh là trạng thái ổn định, an toàn, không có dấu hiệu nguy hiểm đe dọa sự

tồn tại và phát triển bình thường của cá nhân, của từng tổ chức, của từng lĩnh vực hoạt động xã hội hoặc của toàn xã hội” [115; tr.25].

Như vậy, có thể hiểu “*an ninh là trạng thái mà ở đó các cá nhân, tổ chức, quốc gia – dân tộc và nhân loại không bị nguy hiểm, đe dọa, uy hiếp bởi bất cứ yếu tố nào*”. An ninh có thể xem là một loại giá trị, giá trị đó phản ánh nhu cầu mong muốn, khát vọng thiết yếu và là điều kiện cơ bản, quan trọng hàng đầu nhằm đảm bảo cho sự phát triển của mỗi cá nhân, của mỗi quốc gia và toàn nhân loại. Lịch sử phát triển của xã hội loài người từ khi có nhà nước, với tư cách là chủ thể đại diện cho quốc gia, dân tộc, nhà nước là chủ thể chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh cho cư dân, quốc gia và cho chính bản thân quyền lực của nhà nước.

- *An ninh quốc gia*

Nói đến an ninh quốc gia chính là nói đến sự an toàn, ổn định và phát triển bền vững về mọi mặt của một quốc gia như: chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, dân cư, lãnh thổ... vì thế an ninh quốc gia không chỉ chứa đựng một nội dung mà nó bao hàm nhiều lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội.... Để bảo đảm cho quá trình phát triển, không một quốc gia nào lại xem nhẹ vấn đề an ninh quốc gia bởi nếu không giữ được an ninh quốc gia sẽ không duy trì được sự ổn định, cũng không thể đảm bảo được sự phát triển đặc biệt là sự tồn tại và phát triển bền vững.

Theo Điều 3, Luật an ninh quốc gia Việt Nam năm 2004 xác định: “*An ninh quốc gia là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc*” [78; tr.8].

Bảo vệ an ninh quốc gia là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân. Để giữ vững an ninh quốc gia Việt Nam cần thực hiện nhiều giải pháp trong đó đặc biệt chú trọng xây dựng lực lượng bảo vệ an ninh quốc gia, tuyên truyền, giáo dục và đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ an

ninh quốc gia. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia được tập trung vào 05 nội dung, 05 nội dung này được quy định rất rõ trong Điều 14, Luật an ninh quốc gia năm 2004, đó là:

“Bảo vệ chế độ chính trị và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc;

Bảo vệ an ninh về tư tưởng và văn hoá, khối đại đoàn kết toàn dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

Bảo vệ an ninh trong các lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, đối ngoại và các lợi ích khác của quốc gia;

Bảo vệ bí mật Nhà nước và các mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia;

Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại và loại trừ các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia” [78; tr.16].

- An ninh chính trị

An ninh chính trị là phạm trù được các nhà nghiên cứu chính trị rất quan tâm và hầu hết đều cho rằng nó gắn liền với phạm trù quyền lực, gắn liền với các chủ thể chính trị trong quá trình theo đuổi quyền lực. Theo tác giả Mai Thị Hồng Liên, trong công trình “*Góp bàn về nội hàm khái niệm an ninh chính trị ở Việt Nam hiện nay*” thì an ninh chính trị là một bộ phận cấu thành không thể thiếu của hệ thống an ninh quốc gia, do sự đa nghĩa của phạm trù chính trị nên còn có nhiều cách hiểu khác nhau về an ninh chính trị. Tuy nhiên, nếu hiểu chính trị là nhà nước và hoạt động theo đuổi mục tiêu giành, giữ, thực thi quyền lực nhà nước của các cấp độ chủ thể; là sự tham gia của người dân vào công việc của nhà nước thì có thể hiểu: *An ninh chính trị có nội hàm chính là đảm bảo sự ổn định chính trị và trật tự xã hội, tức đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của quyền lực chính trị trong quốc gia đó. Với nghĩa này, An ninh chính trị bao hàm sự ổn định và phát triển vững chắc của chế độ chính trị trong quốc gia và sự bất khả xâm phạm đến các quyền cơ bản của quốc gia* [72].

Trong Từ điển bách khoa công an Nhân dân năm 2005, thì “*An ninh chính trị là sự ổn định và phát triển bền vững của chế độ chính trị*” [137; tr. 89]. Khái niệm này vừa khẳng định an ninh chính trị là một bộ phận của an ninh quốc gia, đồng thời cũng chỉ ra rằng an ninh chính trị chính là sự giữ vững, ổn định, phát triển của chế độ chính trị mà chế độ chính trị của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam chính là: lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động; sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam đối với hệ thống chính trị; sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội theo định hướng XHCN và việc đảm bảo độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Vì thế có thể hiểu an ninh chính trị một cách cụ thể như sau: “*An ninh chính trị là một bộ phận quan trọng của an ninh quốc gia, trong đó nhiệm vụ chính là duy trì sự ổn định và phát triển của nền tảng tư tưởng của Đảng, của thể chế chính trị; sự lãnh đạo của Đảng, sự an toàn nội bộ; hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy Nhà nước; bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng của tổ quốc*”.

Kể từ khi Hoà ước Westphalia ra đời cho đến nay, vấn đề trung tâm của an ninh chính trị là các đe dọa, thách thức về chủ quyền quốc gia. Các thách thức, đe dọa chủ quyền quốc gia này tập trung vào ba nhóm chính:

- Chủ quyền lãnh thổ, bao gồm cả đất liền, không phận và hải phận.
- Thể chế chính trị, bao gồm cả chế độ chính trị và các thiết chế chính trị cụ thể của chế độ đó.
- Tư tưởng chính trị, bao gồm cả hệ tư tưởng chính trị nền tảng cũng như các giá trị và chuẩn mực văn hóa chính trị.

Trong ba nhóm trên, có thể thấy, các đe dọa mất chủ quyền về lãnh thổ là thách thức truyền thống quan trọng nhất, vì đây chính là đặc điểm cơ bản của một quốc gia dân tộc hiện đại, và đương nhiên là đe dọa lớn nhất đến ổn định chính trị, độc lập dân tộc [52;tr.260-261].

- *Bảo đảm an ninh chính trị:*

Từ điển tiếng Việt của Nguyễn Hoàng Phê biên soạn (2010) cho rằng:

“Bảo đảm là việc làm cho chắc chắn thực hiện được, giữ gìn được hoặc có đầy đủ những gì cần thiết”.

Tương tự, theo tác giả Vũ Đình Liêm, thì “Bảo đảm” là “tạo điều kiện để chắc chắn giữ gìn được hoặc thực hiện được hoặc có được những gì cần thiết” [69; tr.13].

Như vậy, bảo đảm an ninh chính trị có thể được hiểu là: *“Những việc làm có chủ đích, chắc chắn của các chủ thể chính trị trong duy trì sự ổn định, phát triển của nền tảng tư tưởng chính trị, thể chế chính trị, an toàn nội bộ, hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy Nhà nước và giữ vững độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia”*.

Từ vấn đề trung tâm của an ninh chính trị là các đe dọa, thách thức về chủ quyền quốc gia mà các mối đe dọa, thách thức này tập trung ở 3 nhóm chính như đã trình bày ở trên nên chúng ta có thể thấy, nội dung của bảo đảm an ninh chính trị cũng sẽ tập trung vào: 1) bảo vệ chế độ chính trị; bảo vệ tư tưởng chính trị; 2) bảo vệ thể chế chính trị (tính hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước) và 3) bảo vệ an ninh lãnh thổ.

- Bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới trên đất liền.

Từ khái niệm khu vực biên giới trên đất liền theo Luật biên giới năm 2003 và từ cách hiểu về bảo đảm an ninh chính trị, có thể hiểu; *“Bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới trên đất liền là những hoạt động có chủ đích, chắc chắn của cả hệ thống chính trị và quần chúng Nhân dân nhằm duy trì, củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng; tính hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước tại khu vực biên giới và giữ vững độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia”*.

Theo cách hiểu trên thì chủ thể thực hiện bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền cũng sẽ bao gồm cả hệ thống chính trị, trong đó lực lượng chủ đạo là lực lượng vũ trang mà nòng cốt là Bộ đội biên phòng; Chính quyền các cấp và quần chúng Nhân dân. Nội dung bảo đảm an ninh chính trị

khu vực biên giới đất liền chính là bảo vệ vai trò và vị trí, nền tảng tư tưởng của Đảng, thể chế chính trị (tính hiệu lực, hiệu quả của bộ máy chính quyền) và bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ của đất nước Việt Nam.

2.2. NỘI DUNG VÀ CHỦ THỂ THỰC HIỆN BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN

2.2.1. Nội dung bảo đảm an ninh chính trị biên giới trên đất liền

Khi bàn về các thách thức, đe dọa chủ quyền quốc gia - vấn đề trung tâm của an ninh chính trị thì các nhà nghiên cứu thường cho rằng những thách thức này tập trung trong ba nhóm chính là: 1) những thách thức, đe dọa về an ninh lãnh thổ; 2) Những thách thức, đe dọa về an ninh thể chế; 3) những thách thức, đe dọa về an ninh tư tưởng. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng những thách thức, đe dọa về chủ quyền lãnh thổ sẽ là đối tượng nghiên cứu của lĩnh vực quốc phòng nên sẽ chỉ tập trung bàn về thách thức của an ninh chính trị ở hai vấn đề là an ninh thể chế và an ninh tư tưởng [52; tr.260-261]. Sự khu biệt về nội hàm này cho phép chúng ta có sự phân tách giữa các lĩnh vực nghiên cứu rõ ràng hơn, tránh được sự trùng lặp. Nhưng xét trên bình diện tổng thể của vấn đề quyền lực chính trị thì chủ chương, hoạt động, mục tiêu của các chủ thể bảo đảm an ninh chính trị, an ninh quốc gia là thống nhất. Hơn thế nữa, khi xem xét những đe dọa, thách thức về an ninh lãnh thổ nếu đặt ở một khu vực địa lý khác, sâu trong nội địa quốc gia thì vấn đề an ninh lãnh thổ cũng không phải là vấn đề quan trọng, ưu tiên hàng đầu trong bảo đảm an ninh chính trị. Ngược lại, với khu vực biên giới trên đất liền thì việc bảo đảm an ninh lãnh thổ là công việc hết sức cần thiết bởi:

Thứ nhất, Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ là cơ sở khẳng định chủ quyền quốc gia, là điều kiện căn cốt để xây dựng đường biên giới hoà bình hữu nghị giữa Việt Nam với các nước láng giềng. Từ đó tạo nên những yếu tố cần thiết cho quá trình ổn định, phát triển bên trong lãnh thổ từ kinh tế, chính trị đến văn hoá, xã hội và duy trì mối quan hệ tốt đẹp với

các chủ thể bên ngoài lãnh thổ. Điều đó cắt nghĩa rằng: nếu không giữ vững chủ quyền lãnh thổ sẽ không có sự ổn định phát triển bên trong nội địa và không thể duy trì mối quan hệ láng giềng hữu nghị với các nước bên ngoài phạm vi lãnh thổ.

Thứ hai, Hoạt động bảo vệ, giữ vững độc lập, chủ quyền không chỉ là hoạt động riêng biệt của quân đội mà còn có sự đóng góp to lớn của cả hệ thống chính trị đặc biệt là hệ thống chính trị cơ sở và Nhân dân khu vực biên giới đất liền. Trong đó có những hoạt động trực tiếp như ban hành chủ trương, kế hoạch liên quan phân giới, cắm mốc, tôn tạo, bảo vệ đường biên mốc giới; hoạt động gặp gỡ, trao đổi, ký kết các vấn đề liên quan đường biên, mốc giới... có những hoạt động gián tiếp như chủ trương, hoạt động trong phát triển kinh tế - xã hội; trong giữ vững trật tự, an toàn xã hội; trong tuyên truyền, vận động bảo vệ an ninh biên giới, thành quả phân giới, cắm mốc; huy động mọi nguồn lực xã hội bảo vệ đường biên, mốc giới...

Thứ ba, Suy cho cùng thì mục tiêu của việc giữ vững an ninh lãnh thổ hướng đến cũng là bảo vệ Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Mà mục tiêu này cũng là mục tiêu chung của mọi hoạt động bảo đảm an ninh chính trị và rộng hơn là an ninh quốc gia. Vì thế cũng không nhất định phải tách rời an ninh lãnh thổ ra ngoài nội hàm của an ninh chính trị.

Với các lý do trên, tác giả cho rằng việc nghiên cứu và triển khai các nội hàm bảo đảm an ninh chính trị biên giới đất liền nên được xem xét ở cả ba nội dung: an ninh lãnh thổ, an ninh tư tưởng và an ninh thể chế.

- Nội dung bảo đảm an ninh lãnh thổ

Bảo đảm an ninh lãnh thổ là tổng hợp những cách thức, phương pháp mà các chủ thể liên quan tiến hành nhằm giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia - dân tộc, tạo tiền đề, cơ sở cho sự ổn định chính trị, phát triển kinh tế, xã hội tại chính khu vực biên giới và trong nội địa. Các nội dung thực hiện bảo đảm an ninh lãnh thổ tập trung vào ban

hành chủ trương, kế hoạch và những hoạt động cụ thể như:

+ *Hoạt động phân giới, cắm mốc trên thực địa và tôn tạo, tăng dày cột mốc, cọc dấu.*

Sau khi có sự thống nhất và đạt được những thoả thuận về mặt pháp lý của hai quốc gia có chung biên giới thì cũng là lúc mà các chủ thể liên quan thực hiện việc phân giới cắm mốc trên thực địa. Ở cấp quốc gia sẽ ban hành những chủ trương, kế hoạch, chỉ tiêu giao cho các tỉnh biên giới thông qua Bộ ngoại giao và Uỷ ban biên giới quốc gia, Bộ Quốc phòng... để các tỉnh biên giới có căn cứ, cơ sở tiến hành chỉ đạo và tiến hành phân giới cắm mốc. Ở cấp độ tỉnh biên giới - Tỉnh uỷ sẽ ban hành các kế hoạch liên quan phân giới cắm mốc, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, ban ngành trong tỉnh. Thành lập ban chỉ đạo phân giới cắm mốc (sau khi hoàn thành phân giới cắm mốc đổi là Ban chỉ đạo biên giới). Ban chỉ đạo phân giới cắm mốc sẽ kết hợp cùng với các lực lượng liên quan của hệ thống chính trị từ cấp tỉnh tới huyện, xã và lực lượng vũ trang, đặc biệt là Bộ đội biên phòng tỉnh tiến hành hoạt động phân giới cắm mốc trên thực địa mà trung ương giao cho theo đúng các văn bản, Hiệp định Việt Nam đã đạt được trước đó với nước bạn. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ báo cáo lại Trung ương về tiến độ, kết quả đạt được và tổ chức tuyên truyền thành quả phân giới cắm mốc của tỉnh cho Nhân dân trong tỉnh và cả nước theo chỉ đạo của trung ương.

Để bảo vệ lãnh thổ thiêng liêng, chủ quyền quốc gia không chỉ có hoạt động phân giới cắm mốc (mốc chính và mốc phụ) mà còn có hoạt động tôn tạo, tăng dày cột mốc, cọc dấu. Dưới tác động của yếu tố thời gian, các hiện tượng tự nhiên hoặc cũng có thể là hành vi của con người cho nên nhiều cột mốc, cọc dấu bị hư hại cần phải được sửa chữa, tôn tạo hoặc có những nơi vì địa hình quá khó khăn mà việc xây dựng cột mốc không thể liên tục, gần nhau mà phải có các cọc dấu hỗ trợ cho công tác này. Vì thế sau khi phân giới cắm mốc xong thì hoạt động tôn tạo, tăng dày cột mốc, cọc dấu cũng là công việc

thường xuyên mà các chủ thể phải thực hiện. Ở cấp trung ương, Ủy Ban biên giới quốc gia, các bộ, ngành liên quan ban hành các văn bản, kế hoạch khảo sát định kỳ cùng với địa phương. Các địa phương (tỉnh biên giới) dưới sự chỉ đạo của Trung ương cũng ban hành các kế hoạch và phân công các lực lượng liên quan, phối hợp với trung ương tiến hành hoạt động khảo sát. Sau khi khảo sát, tùy vào tình hình thực tế mà tỉnh xây dựng kế hoạch, giao nhiệm vụ cụ thể cho các chủ thể để tiến hành việc tôn tạo, tăng dày cột mốc, cọc dấu. Hoạt động này thường được các tỉnh biên giới tiến hành định kỳ theo tháng hoặc theo quý.

+ *Hoạt động xây dựng các công trình bảo đảm an ninh lãnh thổ khu vực biên giới như: Đường vành đai biên giới, cụm dân cư biên giới, trạm tuần tra biên giới...*

Để tạo điều kiện tốt hơn cho quá trình bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ; bảo vệ an ninh khu vực biên giới ... thì việc xây dựng các tuyến đường tuần tra biên giới, trạm tuần tra, cụm dân cư liền kề chốt dân quân, đồn biên phòng để tăng lực lượng hỗ trợ bộ đội biên phòng trong giữ vững an ninh vùng biên là những công việc hết sức cần thiết. Trên tinh thần đó, Đảng và Nhà nước thông qua các cơ quan như: Bộ quốc phòng, Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Xây dựng... kết hợp cùng với các tỉnh biên giới hoàn thành các công việc liên quan đến các công trình khu vực biên giới. Ở các tỉnh biên giới, dưới sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước tiến hành xây dựng kế hoạch, đề án trên cơ sở khảo sát thực tế, xin ý kiến chỉ đạo, kinh phí của trung ương, kết hợp với các bộ, ban, ngành liên quan tiến hành xây dựng các cụm công trình biên giới. Tỉnh phân công nhiệm vụ cho các sở, ngành, Ban chỉ đạo phân giới cắm mốc, lực lượng vũ trang và Nhân dân hoàn thành các hạng mục được trung ương cho phép.

+ *Hoạt động tuần tra và phối hợp tuần tra bảo vệ an ninh biên giới*

Đây là hoạt động của lực lượng chức năng khu vực biên giới, mà nòng cốt, cơ bản là Bộ đội biên phòng. Hoạt động này hướng đến bảo vệ các công

trình biên giới không bị xâm phạm, phá huỷ; phát hiện và xử lý kịp thời những sự vụ, sự việc liên quan đến an toàn, an ninh và những hoạt động vi phạm pháp luật khác xảy ra tại khu vực biên giới như: buôn lậu, vượt biên trái phép... Vì thế phải được Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương, trong đó có lực lượng vũ trang thực sự quan tâm và thực hiện nghiêm túc. Bởi nếu làm tốt công tác này sẽ duy trì, giữ vững thành quả phân giới cắm mốc, bảo vệ được các công trình biên giới, phát hiện và xử lý kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật gây mất an ninh, an toàn cho khu vực biên giới. Đồng thời tăng khả năng gắn kết, trao đổi giữa các lực lượng chức năng của Việt Nam với phía nước bạn láng giềng. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng, các quân khu, Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng các tỉnh biên giới chủ động tham mưu UBND các tỉnh biên giới, xây dựng kế hoạch và bố trí nhân lực, vật lực tham gia công tác này nhằm bảo đảm tối đa trật tự an ninh, an toàn khu vực biên giới và giữ vững độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

- Nội dung bảo đảm an ninh tư tưởng chính trị

An ninh tư tưởng chính trị là một trong những nội dung quan trọng của an ninh chính trị. Bảo đảm an ninh tư tưởng là tổng hợp những cách thức, phương pháp mà các chủ thể liên quan tiến hành nhằm hướng đến bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ Đảng, Nhà nước trước những luận điệu xuyên tạc, sai trái, thù địch, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên, Nhân dân vào Đảng, Nhà nước và chế độ chính trị, đánh bại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch nhất là trong bối cảnh mới phức tạp như hiện nay. Để hoàn thành nhiệm vụ này, cả nước nói chung và khu vực biên giới nói riêng tiến hành rất nhiều hoạt động như: Ban hành chủ trương, kế hoạch và triển khai các hoạt động, cụ thể:

+ *Hoạt động trong bảo vệ nền tảng tư tưởng, chế độ chính trị, bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước trước các luận điệu xuyên tạc, sai trái và chiến lược “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch.*

Xét về tương quan lực lượng giữa các chủ thể trong cộng đồng quốc tế giữa một bên là các nước đi theo đường hướng phát triển XHCN và một bên là các nước tư bản chủ nghĩa thì nguồn lực, vị thế quốc tế của các nước tư bản chủ nghĩa vẫn vượt trội hơn. Nhưng không vì họ có ưu thế hơn mà họ bỏ đi việc chống phá các nước XHCN, làm cho các nước này sụp đổ từ bên trong thông qua chiến lược “Diễn biến hoà bình”. Là một nước XHCN, Việt Nam vừa tiến hành hoạt động xây dựng và bảo vệ tổ quốc nhưng cũng luôn quan tâm đến chiêu trò chống phá của các thế lực thù địch. Vì thế, Việt Nam luôn có nhiều chủ trương, kế hoạch và hành động để thực hiện nhiệm vụ này. Đảng thông qua việc ban hành chủ trương, thông qua bộ máy giúp việc của Đảng như: Ban dân vận Trung ương, Ban Tuyên giáo trung ương... cùng các Bộ, Ban, Ngành liên quan xây dựng kế hoạch, đề án... giao nhiệm vụ cho các địa phương trong đó có các tỉnh biên giới thực hiện các biện pháp như tuyên truyền, vận động, giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, thành lập các tổ, ban như Ban chỉ đạo 35, tổ tuyên truyền... thực hiện nhiệm vụ nâng cao nhận thức, trình độ lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng Nhân dân; cảnh giác trước các luận điệu xuyên tạc, tuyên truyền phổ biến chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước và xử lý nghiêm minh những trường hợp vi phạm, tiếp tay tuyên truyền các luận điệu sai trái, xuyên tạc.

+ *Hoạt động trong công tác dân tộc, công tác tôn giáo.*

Là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo, đặc biệt là khu vực biên giới với đặc điểm tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, ít người, trình độ dân trí không đồng đều... nên các thế lực thù địch lợi dụng để chống phá Đảng, Nhà nước; tập hợp lực lượng thành lập các nhà nước tự trị, tuyên truyền đạo lạ, tà đạo làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự khu vực biên giới... Ý thức tầm quan trọng đó, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn chú trọng công tác dân tộc, tôn giáo bằng cách ban hành nhiều chủ trương, kế hoạch, thông qua các cơ quan đoàn thể của Đảng, chính phủ để phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, thực

hiện tự do tôn giáo, tín ngưỡng của đồng bào các dân tộc... Tại các địa phương biên giới, để thực hiện nhiệm vụ trên, đồng thời ngăn chặn, phòng chống việc lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo thì địa phương cũng thành lập các cơ quan chuyên trách về vấn đề dân tộc, tôn giáo, ban hành các kế hoạch, đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số; thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch bổ nhiệm người dân tộc thiểu số tham gia trong hệ thống chính trị các cấp; Vận động, tuyên truyền đồng bào dân tộc, tôn giáo tham gia vào đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương; Tuyên truyền, vận động đồng bào có đạo thực hiện chủ trương “tốt đời, đẹp đạo”, duy trì mối quan hệ dân tộc hai bên khu vực biên giới theo đúng tinh thần quan hệ hai nước và pháp luật của hai nước có chung biên giới... Kết hợp các lực lượng chức năng như công an, biên phòng quản lý chặt chẽ tình hình an ninh, xuất nhập cảnh, buôn bán, các tệ nạn ở khu vực biên giới giữa Việt Nam và các nước láng giềng.

+ Hoạt động trong phòng, chống phát tán tài liệu giả, thông tin sai sự thật và lợi dụng mạng xã hội làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, chế độ chính trị và Nhà nước.

Bên cạnh các hoạt động phòng, chống chiến lược “diễn biến hoà bình”, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo nêu trên. Để bảo đảm an ninh tư tưởng khu vực biên giới, nhất là việc lợi dụng mạng xã hội để tuyên truyền sai sự thật nhằm xuyên tạc, chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng, vai trò của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước của các thế lực thù địch thì cả hệ thống chính trị của Việt Nam từ trung ương đến địa phương cũng phải quan tâm và có nhiều hoạt động như: Ban hành kế hoạch, bố trí lực lượng chuyên trách, tăng cường công tác giáo dục, vận động, tuyên truyền; xử lý nghiêm minh các đối tượng phát tán tài liệu, thông tin sai sự thật nhằm làm hoang mang, dao động tư tưởng trong quần chúng Nhân dân; kịp thời nắm bắt dư luận, nâng cao hoạt động dự báo, nắm bắt tình hình các yếu tố có thể tác động, làm ảnh hưởng đến đời sống tinh thần, vật chất của

Nhân dân... trong các hoạt động trên, thì hoạt động liên quan vận động, tuyên truyền được xem là một trong những hoạt động quan trọng hàng đầu, cần được quan tâm, đẩy mạnh hơn vì nó tác động trực tiếp đến nhận thức, hành vi của cán bộ, đảng viên và đặc biệt là Nhân dân trong bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới nói chung, bảo đảm an ninh tư tưởng nói riêng.

- Nội dung bảo đảm an ninh thể chế

Bảo đảm an ninh thể chế khu vực biên giới đất liền chính là tổng hợp các hoạt động, biện pháp nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, phát huy hiệu lực, hiệu quả của bộ máy Nhà nước; ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng, an toàn trật tự khu vực biên giới; không tạo kẽ hở để các thế lực thù địch có thể lợi dụng chống phá, duy trì mối quan hệ tốt đẹp với các nước láng giềng và giúp đất nước ngày càng ổn định, phát triển bền vững. Để đạt được mục tiêu đó, các chủ thể khu vực biên giới cần tập trung vào ban hành chủ trương, kế hoạch, đề án và triển khai thực hiện các đề án, kế hoạch đưa ra, cụ thể cần tập trung vào:

+ Hoạt động xây dựng tổ chức cơ sở đảng vững mạnh.

Tổ chức cơ sở Đảng luôn có vai trò quan trọng, được đánh giá là nền tảng của Đảng, hạt nhân chính trị ở cơ sở bởi đây là bộ phận trực tiếp đưa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng vào quần chúng và tổ chức cho quần chúng thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương, của Đảng và chính sách của Nhà nước; là tổ chức nối liền các cơ quan lãnh đạo cấp trên của Đảng với quần chúng, đồng thời là nơi giáo dục, rèn luyện, kết nạp và sàng lọc đảng viên, nơi đào tạo cán bộ cho Đảng, nơi đảm bảo tính tiên phong của đảng viên. Tầm quan trọng đó đã đặt nền móng, động lực cho công tác xây dựng đảng ở cơ sở nhất là khu vực biên giới trên đất liền, nơi có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, cửa ngõ giao lưu với nước bạn. Nếu ở nơi này không có tổ chức cơ sở đảng vững mạnh sẽ ảnh hưởng lớn đến các nhiệm vụ chính trị như: bảo vệ đường biên mốc giới theo tinh thần nền quốc phòng toàn

dân, thế trận an ninh nhân dân; phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ Đảng, Nhà nước, duy trì mối quan hệ truyền thống tốt đẹp với các nước láng giềng... Vì thế, công tác trước tiên trong bảo đảm an ninh thể chế chính trị khu vực biên giới đất liền chính là phải xây dựng, phát triển các tổ chức cơ sở Đảng theo hướng vững mạnh, hiệu quả, cán bộ, đảng viên phải “vừa hồng, vừa chuyên”. Để có được kết quả tốt, các cấp uỷ Đảng cần phải tiến hành lựa chọn nguồn lực kết nạp đảng, đổi mới phương thức hoạt động, nhất là khâu sinh hoạt định kỳ, khâu kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên.

+ Hoạt động trong xây dựng hệ thống chính quyền cơ sở vững mạnh.

Hệ thống chính quyền cơ sở giữ vai trò hết sức quan trọng trong kết nối, thực thi mọi chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước với Nhân dân. Hệ thống chính quyền cơ sở vững mạnh sẽ càng tăng thêm sức mạnh, nguồn lực cho quá trình xây dựng và phát triển của đất nước. Để làm được điều đó, Đảng, Nhà nước và các tỉnh biên giới phải có nhiều chủ chương, kế hoạch, đề án và hoạt động thiết thực nhằm phát triển nguồn nhân lực, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hợp lý để có đội ngũ cán bộ tốt và nền công vụ hiệu quả; phải duy trì một bộ máy ổn định, không cồng kềnh; Tuyển dụng, bố trí, sắp xếp, sử dụng, bổ nhiệm cán bộ hợp lý, phù hợp với điều kiện của đất nước và địa phương; có các biện pháp chế tài, xử lý cán bộ khi vi phạm đạo đức, pháp luật...

+ Hoạt động của hệ thống chính trị trong giải quyết vấn đề người Việt di cư tự do và giữ gìn an ninh, trật tự khu vực biên giới.

Khu vực biên giới giữa Việt Nam với các nước láng giềng là khu vực có nhiều điểm tương đồng về điều kiện tự nhiên, văn hoá, dân tộc, tôn giáo... Vì thế, từ lịch sử cho đến nay khó tránh khỏi tình trạng nhiều người Việt tìm cách sang nước bạn sinh sống và cũng nhiều người Việt sau một thời gian vì nhiều lý do khác nhau, trong đó có những lý do liên quan cuộc sống mưu sinh, liên quan

đến dòng tộc huyết thống; liên quan việc. chính quyền nước sở tại thay đổi về chính sách định cư... nên đã tìm cách về Việt Nam. Khi người Việt di cư tự do về, phần lớn trong tình trạng điều kiện kinh tế khó khăn, trình độ văn hoá thấp, không có giấy tờ tùy thân hoặc không chứng minh được nhân thân. Đứng trước trạng huống đó, để bảo đảm an ninh biên giới và ổn định, phát triển kinh tế - xã hội vùng biên. Đảng, Nhà Nước Việt Nam đã có nhiều chủ trương và chính sách nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện cho người Việt di cư tự do về có cuộc sống ổn định. Trên tinh thần ấy, chính quyền địa phương khu vực biên giới phải xây dựng kế hoạch, đề án nhằm giải quyết các vấn đề cụ thể như: giấy tờ tùy thân, chỗ ở, việc làm, giáo dục, y tế... cho cộng đồng người Việt. Ngoài ra, để giữ vững an ninh, trật tự an toàn khu vực biên giới, các chủ thể của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng còn tăng cường các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, hoạt động phối kết hợp nhằm nắm bắt tình hình, xây dựng, thực thi phương án, đề án để giải quyết các vấn đề như: xâm canh, xâm cư, di cư tự do, buôn lậu, tội phạm xuyên quốc gia. Đây là công việc không dễ dàng vì đòi hỏi sự thống nhất và quyết tâm cao độ của hệ thống chính trị, nhất là chính quyền cơ sở và lực lượng Bộ đội biên phòng các tỉnh biên giới.

+ Hoạt động của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong bảo vệ an ninh biên giới.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội luôn có vai trò to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Đối với hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới trên đất liền, vai trò của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cũng được phát huy cao độ trong việc tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia tích cực vào phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, tiếng kèn vùng biên... từ đó giúp Nhân dân nâng cao cảnh giác trước các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, góp phần cùng các cấp uỷ đảng, chính quyền và lực lượng vũ trang (LLVT) hoàn thành mục tiêu trong bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới; MTTQ Việt Nam

và các tổ chức chính trị - xã hội còn thực hiện hoạt động tập hợp toàn dân, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của nhân dân từ đó tham mưu cho Đảng, Nhà nước đưa ra những chủ trương đúng đắn phù hợp trong chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia phát triển kinh tế - xã hội... Khu vực biên giới trên đất liền là khu vực có nhiều đặc điểm khác biệt, khó khăn, phức tạp hơn so với các khu vực khác trong nội địa về điều kiện kinh tế - xã hội, dân cư, dân tộc, tôn giáo. Những đặc trưng này luôn là cơ hội để các thế lực thù địch lợi dụng chống phá Đảng và Nhà nước. Đây cũng là đặc điểm tạo nên những khó khăn trong công tác đưa Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống... Vì thế việc tăng cường, phát huy vai trò của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tại khu vực biên giới đất liền trong các hoạt động bảo đảm an ninh chính trị phải luôn được quan tâm và tạo mọi điều kiện nhất là trong bối cảnh mới hiện nay.

+ Hoạt động phối hợp giữa hệ thống chính trị Việt Nam với nước láng giềng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an toàn, an ninh, trật tự khu vực biên giới

Khu vực biên giới là nơi hội tụ, giao thoa, kết nối, hợp tác nhiều mặt giữa Việt Nam và các nước láng giềng nhưng đồng thời cũng là nơi xuất hiện nhiều hoạt động ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn và phát triển của khu vực biên giới nói riêng và nội địa của mỗi nước nói chung như tình trạng buôn lậu, buôn người, ma túy, xuất nhập cảnh trái phép... Vì thế, một mặt chính phủ Việt Nam, chính quyền các tỉnh biên giới vừa phải quan tâm, có kế hoạch ổn định phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh, trật tự phía mình nhưng đồng thời cũng phải tăng cường hợp tác với phía nước láng giềng trên các lĩnh vực thông qua các kế hoạch, hoạt động, qua đó sẽ tạo nên mối quan hệ láng giềng hữu nghị, giữ cho khu vực biên giới luôn ổn định và phát triển.

2.2.2. Chủ thể thực hiện bảo đảm an ninh chính trị biên giới trên

đất liền

Theo Điều 31, Luật biên giới quốc gia năm 2003 quy định: “Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới là nhiệm vụ của Nhà nước và của toàn dân, trước hết là của chính quyền Nhân dân khu vực biên giới và các lực lượng vũ trang. Tại Điều 8, Luật An ninh quốc gia năm 2004 cũng khẳng định “Bảo vệ an ninh quốc gia là sự nghiệp của toàn dân. Cơ quan, tổ chức, công dân có trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật”. Từ các văn bản pháp lý trên có thể thấy, chủ thể chính thực hiện bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền là cả hệ thống chính trị trong đó:

Cấp trung ương có: Đảng, Chính phủ, các bộ, ban, ngành, MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua vai trò lãnh đạo sẽ đề ra đường lối, chủ trương cho cả hệ thống chính trị bằng cách xây dựng các Nghị quyết, chiến lược...; Chính phủ sẽ cụ thể hoá đường lối của Đảng bằng các cơ chế, chính sách, pháp luật, kế hoạch.. cho từng bộ, ban ngành, chính quyền địa phương liên quan đến hoạt động an ninh quốc gia, an ninh chính trị; MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội có vai trò giám sát, phản biện, tuyên truyền, vận động... để giúp Đảng, Chính phủ, chính quyền địa phương, Nhân dân hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ chung của quốc gia trong bảo đảm an ninh chính trị. Tuy nhiên, do phạm vi nghiên cứu của luận án là khu vực biên giới nên các chủ thể ở cấp trung ương không phải là các chủ thể trực tiếp thực hiện bảo đảm an ninh chính trị mà chủ yếu giữ vai trò chỉ đạo, định hướng cho các chủ thể ở địa phương nên trong luận án sẽ không bàn luận làm rõ vai trò, hoạt động của các chủ thể này.

Cấp địa phương có: các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, các cơ quan, đoàn thể, lực lượng vũ trang và quần chúng Nhân dân cùng tham gia hoạt động bảo đảm an ninh chính trị, cụ thể:

Các cấp uỷ Đảng: với vai trò là lực lượng lãnh đạo, chỉ đạo ở địa phương, là chủ thể cụ thể hoá các chủ trương, đường lối, chính sách và pháp

luật của Đảng, Nhà nước thành chủ trương của Đảng tại địa phương, lãnh đạo hệ thống chính trị cơ sở và Nhân dân địa phương thực hiện bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới trên tất cả các nội dung theo đúng nguyên tắc: “bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước, sự phân cấp và phối hợp chặt chẽ giữa trung ương với địa phương”. Các cấp uỷ đảng lãnh đạo thông qua việc ban hành Nghị quyết, Chiến lược, kế hoạch phát triển... nhằm cụ thể các nhiệm vụ, mục tiêu mà Đảng và Nhà nước giao phó cho cơ sở. Các cấp uỷ Đảng lãnh đạo thông qua việc xây dựng chủ trương, kế hoạch ổn định và phát triển hệ thống chính trị cơ sở, tổ chức cơ sở Đảng và tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát đối với chính quyền, LLVT, MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị xã hội; đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục, nêu gương... để đạt được mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Chính quyền các cấp: Hệ thống chính quyền từ cấp tỉnh xuống cấp xã là những chủ thể cụ thể hoá chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và Nghị quyết, Kế hoạch... của cấp uỷ địa phương trong hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới vào thực tiễn. Hệ thống chính quyền các cấp tuỳ theo chức năng, nhiệm vụ, phân cấp thực hiện hoạt động đề xuất, tham mưu cấp uỷ các cấp; ban hành các kế hoạch, chương trình cụ thể; điều hành, giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đoàn thể và Nhân dân địa phương cùng phối hợp thực hiện các chương trình, kế hoạch đề ra; Tiến hành kiểm tra, đánh giá, tổng kết các hoạt động đã giao cho các sở ngành, chính quyền cấp huyện, xã, phường, thị trấn và báo cáo kết quả với cấp uỷ cấp trên.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cơ sở: là những chủ thể tiến hành hoạt động tuyên truyền, vận động, cùng hệ thống chính trị, Nhân dân phối hợp thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, Chỉ thị cấp uỷ cấp trên và các chương trình, kế hoạch do chính quyền địa phương đề ra; Giám sát thực hiện và đề xuất những nội dung nhằm

duy trì sự đoàn kết thống nhất của cả hệ thống chính trị và sự gắn bó máu thịt giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị nói chung và bảo đảm an ninh chính trị nói riêng; Lắng nghe tâm tư nguyện vọng của xã hội, kịp thời kiến nghị những thiếu sót, hạn chế của các chủ trương, kế hoạch, chương trình... của cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương để cùng hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu đề ra một cách tốt nhất.

Lực lượng vũ trang: Là chủ thể nòng cốt, quan trọng trong thực hiện bảo đảm an ninh quốc gia, đặc biệt là an ninh chính trị, an ninh biên giới. Theo Điểm C, Khoản 1, Điều 22 của Luật An ninh quốc gia 2004 thì “Bộ đội biên phòng, cảnh sát biển là cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia ở khu vực biên giới trên đất liền và khu vực biên giới trên biển”[78; tr.22]. Theo Khoản 2, Điều 31 của Luật Biên giới quốc gia năm 2003 quy định “Bộ đội Biên phòng là lực lượng nòng cốt, chuyên trách, phối hợp với lực lượng công an Nhân dân, các ngành hữu quan và chính quyền địa phương trong hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới theo quy định của pháp luật” [75; tr.20]. Từ đó chúng ta thấy, lực lượng vũ trang mà nòng cốt là Bộ đội Biên phòng thực hiện tham mưu, tiến hành các chương trình, kế hoạch cụ thể của Bộ quốc phòng; tham mưu và phối hợp với chính quyền, cơ quan, đoàn thể, Nhân dân địa phương thực hiện các chương trình, hành động, kế hoạch của địa phương; Phối hợp với chính quyền, lực lượng vũ trang và Nhân dân nước bạn trong bảo đảm an ninh quốc gia và an ninh chính trị khu vực biên giới...

Quần chúng Nhân dân: là chủ thể đặc biệt quan trọng trong bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới bởi đây là lực lượng trực tiếp thực hiện các công việc, nhiệm vụ về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, ổn định chính trị, an ninh khu vực biên giới mà địa phương đề ra. Dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng cơ sở, chính quyền địa phương, các cơ quan đoàn thể... quần chúng Nhân dân nêu cao tinh thần chủ động, đoàn kết, hợp tác sẽ giúp cho khu vực biên giới ổn định

và phát triển. Ngược lại nếu Nhân dân không đoàn kết, phối hợp với chính quyền địa phương sẽ làm cho an ninh, kinh tế khu vực biên giới gặp nhiều trở lực, khó khăn, tạo điều kiện cho các thế lực thù địch chống phá... làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển, ổn định của cả quốc gia.

2.3. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ KHU VỰC BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN

2.3.1. Tình hình thế giới và khu vực

- Tình hình an ninh, chính trị thế giới và khu vực diễn biến phức tạp

Khi đánh giá về tình hình thế giới và khu vực, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cộng sản Việt Nam nhận định: “Thế giới đang trải qua những biến động to lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và quyết liệt hơn, làm ra tăng rủi ro đối với môi trường kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế...” [37; tr.105]. Sự thay đổi trên của tình hình thế giới trong giai đoạn vừa qua đã đặt các chủ thể trong cộng đồng quốc tế trước nhiều cơ hội và thách thức, đặc biệt là những cơ hội và thách thức về an ninh chính trị.

Về cơ hội: Khi hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo, chi phối các mối quan hệ trong cộng đồng quốc tế sẽ giúp các chủ thể có những cơ hội để tìm được tiếng nói chung, duy trì được những lợi ích chung. Khi lợi ích chung được duy trì, tính đan xen, lệ thuộc giữa các chủ thể trong cộng đồng quốc tế cũng được ra tăng. Điều này đã tạo điều kiện cho các chủ thể vừa bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc vừa duy trì được mối quan hệ hài hoà với các chủ thể khác. Do đó, hạn chế xung đột, chạy đua vũ trang - giảm thiểu những thách thức an ninh đe dọa trực tiếp tới độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và các lợi ích quốc gia khác trên tất cả các lĩnh vực.

Về thách thức: Mặc dù hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển vẫn là xu

thế chủ đạo, là khát vọng của các chủ thể trong cộng đồng quốc tế. Nhưng vì những toan tính chiến lược, vì những vấn đề do lịch sử để lại, vì những bất đồng trong quá trình tìm kiếm quyền lực quốc tế, những bất cập từ quá trình thực thi quyền lực trong mỗi quốc gia đã làm cho một số chủ thể, khu vực trong tình trạng chiến tranh, xung đột. Khi những xung đột cục bộ diễn ra, một mặt làm cho môi trường hợp tác bị đe dọa, đứt gãy, ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia - dân tộc. Mặt khác nhiều cuộc xung đột còn ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến độc lập, chủ quyền của các quốc gia khác. Vì thế làm cho nhiều quốc gia đứng trước bờ vực chiến tranh hoặc buộc phải chuẩn bị sẵn sàng các yếu tố để thích nghi với tình trạng chiến tranh. Điều đó đã đẩy an ninh chính trị nhiều nước trước các mối đe dọa nghiêm trọng, buộc các chủ thể này phải thay đổi chiến lược, sách lược đối nội, đối ngoại, thậm chí mua sắm vũ khí, chạy đua vũ trang... làm tăng áp lực nợ công, làm dấy lên mối nghi ngờ của các nước láng giềng, khu vực. Do đó đã làm ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, an ninh chính trị.

- Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt

Thế giới từ đầu thế kỷ XXI trở lại đây, chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ vượt bậc của nhiều nước lớn. Sự phát triển mạnh mẽ này làm cho nguồn lực và vị thế quốc tế của họ cũng thay đổi theo. Bối cảnh ấy đã đẩy môi trường quốc tế đứng trước sự cạnh tranh gay gắt giữa các cường quốc đang “tại vị” và những cường quốc đang “trỗi dậy”. Khi cuộc chạy đua, cạnh tranh giữa các nước này diễn ra cũng là lúc tình hình an ninh chính trị, kinh tế quốc tế có nhiều biến động. Tình thế này vừa tạo ra cơ hội hợp tác mới cho các chủ thể nhưng cũng vừa đặt các chủ thể vào thế “giằng co chiến lược”, buộc phải thực hiện chính sách “phòng bị nước đôi” hay “chọn bên” trong quan hệ quốc tế. Khi cuộc chiến “chọn bên” diễn ra dù các quốc gia chọn đứng về bên nước lớn nào cũng sẽ là thiệt thòi. Thậm chí có trường hợp đặt an ninh quốc gia trước bờ vực chiến tranh. Vì vậy, để giảm bớt điều này nhiều quốc gia đã

lựa chọn phương cách “Tự chủ chiến lược”. Nhưng để “Tự chủ chiến lược” thì đòi hỏi các quốc gia phải có tư duy độc lập (đặc biệt là tư duy chính trị) và có nguồn lực kinh tế, khoa học công nghệ, quân sự quốc phòng đủ mạnh. Đây là những thách thức không nhỏ cho quá trình bảo đảm an ninh chính trị của các quốc gia đang phát triển, chậm phát triển vì họ buộc phải giải quyết bài toán giữa phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh quốc phòng và đối ngoại.

- Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ

Thế giới thời gian qua chứng kiến sự phát triển vượt bậc về khoa học - công nghệ, với cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư dựa trên 3 lĩnh vực chính là: Kỹ thuật số, công nghệ sinh học và lĩnh vực vật lý đã và đang phá vỡ cấu trúc của hầu hết các ngành công nghiệp ở mọi quốc gia, báo trước sự chuyển đổi của toàn bộ hệ thống sản xuất, quản lý và quản trị toàn cầu. Trong đó, sẽ chuyển nền kinh tế từ kinh tế sử dụng nhiều tài nguyên, nhân công giá rẻ sang nền kinh tế tri thức. Vì thế, giải quyết việc làm, khai thác và sử dụng tài nguyên hiệu quả cũng trở thành tâm điểm thách thức của các quốc gia đã và đang dựa vào các vấn đề này để phát triển kinh tế. Trong bối cảnh đó, nhiều nước trên thế giới trong đó có Việt Nam cần phải có sự điều chỉnh về cơ chế, chính sách, nếu không có chiến lược trong quản lý, sử dụng tài nguyên và đặc biệt không đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn lao động chất lượng cao sẽ không thể đáp ứng với sự thay đổi về mọi mặt đến từ cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0. Từ đó, an ninh quốc gia, an ninh con người cũng sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Ngoài ra, với thành tựu của cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0 cũng sẽ mang đến nhiều tiện ích to lớn cho xã hội loài người như Big data, Internet kết nối vạn vật, điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo... nhưng nếu không được kiểm soát tốt thì nó lại là mối nguy cơ đe dọa trực tiếp đến an ninh quốc gia, an ninh chính trị bởi các lực lượng thù địch, chống phá sẽ lợi dụng thành tựu

của khoa học - công nghệ để tiến hành hoạt động móc nối, thu thập thông tin bí mật nhà nước, bí mật nội bộ, xâm hại an ninh quốc gia. Chúng sử dụng các thiết bị nghe lén, phát tán các phần mềm gián điệp vào các địa chỉ IP kết nối internet để thu thập dữ liệu, thông tin hoặc dùng các phương tiện kỹ thuật để chia rẽ Nhân dân với Nhà nước, với Đảng hoặc gây nghi ngờ, kích động thù hằn dân tộc giữa nhân dân các nước, làm cho tình hình an ninh chính trị mỗi quốc gia đứng trước nhiều thử thách lớn.

- Vấn đề toàn cầu hoá

Toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế là xu thế khách quan lôi cuốn ngày càng nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam tham gia. Toàn cầu hoá không chỉ là hệ quả tất yếu của sự phát triển khoa học - công nghệ, của sự phân công lao động quốc tế mà còn là nhu cầu bức thiết của các quốc gia trong quá trình hội nhập và phát triển. Tuy nhiên, toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế cũng mang tính hai mặt. Một mặt nó tạo ra cơ hội trong gắn kết, hợp tác cùng phát triển nhưng mặt khác nó cũng làm mờ biên giới quốc gia, tạo ra nhiều thách thức mới về an ninh kinh tế, an ninh chính trị, gắn kết xã hội như: sự chênh lệch vùng miền, khoảng cách giàu nghèo, vấn đề môi trường, việc làm, tội phạm xuyên quốc gia, tệ quan liêu tham nhũng, tự diễn biến, tự chuyển hoá trong đội ngũ lãnh đạo, quản lý... Điều này không chỉ tạo ra những bất ổn trong xã hội, ảnh hưởng đến phát triển bền vững của quốc gia, ảnh hưởng trực tiếp đến hợp tác giữa các quốc gia nhất là các quốc gia có chung đường biên giới trên nhiều phương diện. Hơn thế nó còn tạo ra nhiều nguy cơ đe dọa đến sự tồn vong của chế độ chính trị, vai trò lãnh đạo của Đảng chính trị, chủ quyền an ninh quốc gia. Từ đó, sẽ làm cho quốc gia bị suy yếu từ bên trong, mất khả năng bảo vệ, chống đỡ trước sự chống phá của các thế lực thù địch bên ngoài.

- Những vấn đề an ninh phi truyền thống

Kể từ sau khi chiến tranh Lạnh kết thúc cho đến nay, thế giới ngoài việc phải đối diện với nhiều nguy cơ đe dọa an ninh đến từ các yếu tố nằm trong

nhóm an ninh truyền thống thì còn có sự đe dọa, thách thức đến từ các yếu tố nằm trong nhóm an ninh phi truyền thống như: ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, đói nghèo, khủng bố... Khi các vấn đề này xuất hiện đã làm cho các quốc gia luôn trong tâm thế chuẩn bị sẵn sàng mọi nguồn lực và phương cách để thích ứng, giải quyết các vấn đề này. Tuy nhiên, việc giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống khá phức tạp, đôi khi có những vấn đề mà một vài quốc gia hợp tác với nhau cũng không thể giải quyết được mà phải có sự chung tay của nhiều quốc gia. Vì thế nó làm tăng tính tùy thuộc giữa các quốc gia. Mặt khác, khi các vấn đề an ninh phi truyền thống xuất hiện, buộc các chủ thể phải đặt yếu tố an ninh, sức chống chịu, sự phát triển lên hàng đầu nên sự phân tán quyền lực trong quan hệ quốc tế cũng diễn ra mạnh mẽ. Đưa trật tự thế giới vận động theo hướng đa cực, đa trung tâm, nhiều tầng nấc. Khi sự phân tán này diễn ra càng mạnh thì sự cạnh tranh chiến lược, tập hợp lực lượng, chạy đua vũ trang cũng diễn ra càng rõ. Quá trình đó làm tăng sức ép của các nước lớn lên các nước vừa và nhỏ, đặt ra nhiều thách thức an ninh quốc gia cho các chủ thể này khá toàn diện không chỉ về kinh tế, khoa học công nghệ mà còn về an ninh, chính trị, môi trường, văn hoá – xã hội... Bởi nhiều nước lớn để khẳng định quyền lực của mình đã tận dụng nguồn lực, vị thế quốc tế ép buộc các nước khác phục tùng, lệ thuộc, do đó cũng đã ảnh hưởng đến độc lập, tự chủ, tự quyết của nhiều quốc gia - dân tộc.

Từ năm 2019 đến nay, nhân loại chứng kiến sự xuất hiện của dịch bệnh Covid - 19. Sự xuất hiện của Covid - 19 đã làm cho đời sống an ninh, kinh tế toàn cầu có những thay đổi lớn. Covid - 19 không chỉ đe dọa trực tiếp đến an ninh con người mà còn đặt ra thách thức cho khoa học - công nghệ, cho quá trình phát triển kinh tế, ổn định an ninh chính trị toàn cầu. Khi khoa học - công nghệ chưa đuổi kịp diễn biến của mầm bệnh thì cũng là lúc mà chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy bởi biên giới các quốc gia đã bị chặn đứng, đóng cửa, hàng hoá không được thông quan.... Theo đó, quá trình hợp tác liên

kết giữa các quốc gia có chung biên giới trên các phương diện hợp tác, trao đổi về kinh tế, an ninh - chính trị, văn hoá xã hội.. cũng bị gián đoạn mà thay vào đó là các hoạt động ngăn cản dòng người, hàng hoá qua lại khu vực biên giới để nhằm kiểm soát dịch bệnh.

- Mối quan hệ giữa Việt Nam với các nước láng giềng

Là quốc gia nằm ở khu vực Đông Nam Á lục địa, Việt Nam có quan hệ nồng ấm với các chủ thể trong và ngoài khu vực. Đặc biệt trong quan hệ với 03 nước láng giềng có chung biên giới đường bộ là Trung Quốc, Lào và Campuchia. Trải qua nhiều biến cố thăng trầm của lịch sử, đến nay Việt Nam và Trung Quốc đã trở thành đối tác chiến lược toàn diện, “Cộng đồng chia sẻ tương lai” trên tinh thần 16 chữ vàng. Với Lào và Campuchia, Việt Nam dành cho hai chủ thể này quan hệ “Đặc biệt” - một mối quan hệ mà không phải chủ thể nào trong cộng đồng quốc tế cũng dễ dàng có được trong quan hệ với Việt Nam. Trên cơ sở đó, Việt Nam và các nước láng giềng đã đạt được nhiều thành tựu lớn trên các lĩnh vực từ chính trị, kinh tế đến văn hoá, xã hội, giáo dục, y tế... những thành tựu này tạo điều kiện hết sức thuận lợi cho việc ổn định, hợp tác giữa Việt Nam với các nước, tạo nên môi trường hoà bình, phát triển trong khu vực. Tuy nhiên, trong quá trình hợp tác, liên kết giữa Việt Nam với từng nước láng giềng vẫn còn có những bất cập, nhất là trong bối cảnh Trung Quốc ngày càng thể hiện tham vọng nước lớn, phát huy ảnh hưởng quốc tế. Trung Quốc đã có nhiều động thái về kinh tế, chính trị nhằm xích lại gần hơn với Lào và Campuchia, đặc biệt là Campuchia. Điều này làm cho Campuchia thay đổi chiến lược và cách ứng xử của mình với các vấn đề nội khối ASEAN, về vấn đề biển Đông... Vì thế làm thay đổi cục diện an ninh chính trị của khu vực Đông Á, làm ảnh hưởng đến độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

2.3.2. Tình hình trong nước

- Thành tựu và khó khăn của đất nước sau gần 40 năm đổi mới

Sau gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, thể và lực của Việt Nam đã có bước thay đổi mạnh mẽ. Theo Tổng cục thống kê, 09. Tháng đầu năm 2024 mức tăng trưởng đạt 6,82%, quy mô nền kinh tế đạt khoảng 450 tỷ USD, theo đó thu nhập bình quân đầu người ước đạt gần 5,4 triệu đồng/người/tháng, trong đó thành thị đạt gần 6,7 triệu đồng/người/tháng và nông thôn là gần 4,7 triệu đồng/người/tháng [111]; cùng với kinh tế thì tình hình an ninh, chính trị, xã hội cũng ổn định, quốc phòng an ninh được giữ vững và tăng cường; quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được ra tăng, hiện Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 193 nước, trong đó có 3 nước quan hệ đặc biệt, 6 nước đối tác chiến lược toàn diện, 12 nước đối tác chiến lược và 12 nước đối tác toàn diện [138]... những thành tựu trên đã tạo nguồn lực vật chất, tinh thần, điều kiện cần và đủ cho quá trình bảo đảm an ninh quốc gia nói chung, an ninh chính trị và an ninh chính trị khu vực biên giới nói riêng.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được thì cũng còn tồn tại nhiều vấn đề khó khăn, thách thức, ảnh hưởng đến quá trình bảo đảm an ninh quốc gia, an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền của Việt nam như:

Về kinh tế: Kinh tế của Việt Nam sau một thời gian phát triển, vượt qua những cuộc khủng hoảng kinh tế lớn toàn cầu, khu vực, mặc dù đã đạt được nhiều con số ấn tượng trong tăng trưởng (bình quân 7%/năm) và chuyển đổi cơ cấu ngày càng hợp lý, đảm bảo cân đối giữa công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ nhưng những khó khăn vẫn tiếp tục tồn tại: đó là nền kinh tế phát triển chưa bền vững, chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid, của khủng hoảng kinh tế toàn cầu gây ra, xu hướng già hoá dân số, quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá tăng mạnh, tình trạng buôn lậu qua biên giới, gian lận thương mại, sơ hở trong quản lý tiền tệ, xuất nhập khẩu, quản lý thị trường... đã ảnh hưởng xấu đến sự phát triển kinh tế. Do đó, cũng ảnh hưởng đến nguồn lực bảo đảm an ninh quốc gia, an ninh chính trị cũng như mối quan hệ hợp tác kinh tế giữa Việt Nam với các

nước trong khu vực và trên thế giới.

Về chính trị: Những năm qua, cơ chế thị trường đã đưa nền kinh tế Việt Nam phát triển năng động, đạt được nhiều thành tựu to lớn nhưng những mặt trái của cơ chế thị trường đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến tư tưởng, lối sống, đạo đức... của Nhân dân và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Dưới các chiêu bài của các thế lực thù địch nhiều nơi, nhiều cán bộ đảng viên dao động, mất niềm tin vào chế độ chính trị, vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, ủng hộ các hoạt động đi ngược lại với truyền thống của dân tộc, đạo đức con người. Nhiều cán bộ, đảng viên thái hoá, biến chất, tham ô, tham nhũng, mất cảnh giác với các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch nên đã ảnh hưởng đến sự đoàn kết, thống nhất nội bộ và đến niềm tin của Nhân dân. Đây là những vấn đề tác động lớn đến bảo đảm an ninh chính trị, an ninh tư tưởng và an ninh thể chế nhất là trong tình hình khó khăn, nhạy cảm như hiện nay.

Về xã hội: Tình trạng mâu thuẫn trong nội bộ Nhân dân, khiếu kiện tập thể diễn biến phức tạp ở nhiều địa phương. Một số nơi, các phần tử xấu, bất mãn đã có những hành vi vi phạm pháp luật, gây rối làm mất an toàn, an ninh, trật tự xã hội. Đặc biệt những nơi vùng sâu, vùng xa, biên giới do trình độ dân trí thấp, cán bộ cơ sở xa rời quần chúng Nhân dân, tạo những điều kiện thuận lợi để các thế lực thù địch tuyên truyền đạo trái phép, tuyên truyền sai quan điểm của Đảng, Nhà nước, kích động thù hằn dân tộc, đòi lập ra các nhà nước tự trị, làm ăn phi pháp khu vực biên giới hoặc thiếu tính hợp tác với chính quyền sở tại trong phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội hay giữ mối quan hệ hoà hảo với dân dân nước láng giềng...

Tất cả những điều trên đều là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến công tác bảo đảm an ninh chính trị của Việt Nam vì nó liên quan trực tiếp đến nhận thức, đến ban hành chủ trương, kế hoạch, đến huy động nguồn lực và những giải pháp ứng phó phù hợp với bối cảnh mới, điều kiện mới của các chủ thể thực hiện bảo đảm an ninh chính trị và đặc biệt là an ninh chính trị khu vực

biên giới.

- Quyết tâm của hệ thống chính trị

Bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới giữa Việt Nam với các nước láng giềng luôn được xác định là công việc quan trọng, khó khăn, phức tạp bởi nó không chỉ đơn thuần là giải quyết những vấn đề phát sinh đang đặt ra mà nó còn hướng đến phòng ngừa những mối đe dọa đến sự tồn vong của chế độ chính trị, thể chế chính trị, đảng chính trị, chủ quyền quốc gia...vì thế trách nhiệm này không chỉ của riêng một cá nhân, một tổ chức mà là công việc, trọng trách của cả hệ thống chính trị và Nhân dân. Tuy nhiên, các chủ thể trong hệ thống chính trị giữ vai trò quan trọng bởi đây là những chủ thể tiên quyết liên quan việc định hướng chủ trương, đường lối, triển khai lực lượng, huy động nguồn lực... Trong bảo đảm an ninh chính trị, nếu các chủ thể của hệ thống chính trị đồng lòng, quyết tâm về tư tưởng, nhất quán trong hành động thì mọi hoạt động sẽ xuyên suốt, hiệu quả. Ngược lại nếu không có chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng; triển khai quyết liệt bằng các biện pháp kinh tế, chính trị, ngoại giao của Chính phủ, bộ ngành trung ương và chính quyền địa phương; cách thức phù hợp trong tuyên truyền, vận động, thuyết phục của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thì sẽ không có được kết quả tốt đẹp trong công tác bảo đảm an ninh chính trị nói chung, an ninh chính trị khu vực biên giới nói riêng.

Bên cạnh sự quyết tâm của hệ thống chính trị ở góc độ đối nội, cùng thống nhất, đồng thuận trong bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới thì những năm qua, nhờ có những thuận lợi cơ bản từ môi trường an ninh chính trị quốc tế và khu vực, nhờ những thành tựu về vật chất và tinh thần sau gần 40 năm đổi mới của đất nước. Việt Nam đã duy trì được sự thống nhất, đoàn kết quyết tâm của cả hệ thống chính trị và Nhân dân trong quan hệ đối ngoại hài hoà với các nước láng giềng. Sự quyết tâm và đồng lòng này được thể hiện:

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn chủ trương và duy trì mối quan hệ gắn bó, thân ái với đảng cầm quyền như Đảng Nhân dân Campuchia (CPP) của Vương quốc Campuchia, Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Nhân dân cách mạng Lào. Luôn có những chuyến thăm cấp cao giữa hai bên và luôn có những định hướng, chủ trương kịp thời trong xử lý các vấn đề hợp tác, liên kết hoặc những vấn đề phát sinh giữa Việt Nam với các nước;

Chính phủ Việt Nam, thông qua các bộ, ngành trung ương đã triển khai nhiều hoạt động hợp tác, liên kết cụ thể trên các lĩnh vực với các nước bạn. Luôn có sự thăm viếng, trao đổi, hợp tác giữa Quốc hội, chính phủ, bộ, ngành giữa Việt Nam với các nước láng giềng trên tinh thần thẳng thắn, tôn trọng, bình đẳng và cùng có lợi;

Chính quyền địa phương, nhất là các tỉnh biên giới luôn chủ động hợp tác, giao lưu về kinh tế, văn hoá, xã hội với phía các tỉnh đối diện các nước bạn, thông qua các kế hoạch, chương trình... của địa phương để không ngừng củng cố gắn bó mối quan hệ giữa các tỉnh, huyện, xã khu vực biên giới nói riêng và giữa Việt Nam với các nước láng giềng nói chung trên tinh thần thân thiện, cởi mở, hợp tác cùng có lợi...

Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ trung ương đến địa phương trên cơ sở đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước luôn sẵn sàng trao đổi, hợp tác, giao lưu và thúc đẩy mạnh mẽ mọi hoạt động với các nước bạn nhất là mảng đối ngoại Nhân dân. Qua đó giúp Nhân dân hai nước gắn kết với nhau và thông qua các biện pháp tuyên truyền, vận động đã giúp Nhân dân Việt Nam có được những hiểu biết đúng đắn, kịp thời chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và những kế hoạch của địa phương trong hợp tác, liên kết và xử lý các vấn đề phát sinh trong quan hệ Việt Nam - Campuchia, Việt Nam - Lào, Việt Nam - Trung Quốc.

- Những thuận lợi và thách thức trong quan hệ giữa Việt Nam với các

nước láng giềng

Về thuận lợi: Việt Nam và các nước láng giềng, có chung biên giới, lại có nhiều điểm tương đồng về lịch sử, văn hoá. Trong đó, các yếu tố về lịch sử, văn hoá như là những sợi dây vô hình tạo dựng, duy trì và thắt chặt mối quan hệ giữa các nước, trong khi các yếu tố văn hoá thúc đẩy quá trình hợp tác giữa chính phủ và Nhân dân thì lịch sử lại chỉ ra mối quan hệ khăng khít, khó có thể tách rời về vận mệnh nhất là giữa Việt Nam với Lào và Campuchia, bởi trong giai đoạn chống chủ nghĩa thực dân, đế quốc giành độc lập dân tộc vào thế kỷ thứ 19, 20 cả ba nước đều có chung một kẻ thù, đều có chung một nhiệm vụ. Vì thế, mà quá trình này đã gắn chặt vận mệnh của ba nước với nhau. Đối với Campuchia, sau khi thoát khỏi sự cai trị của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, tình hình chính trị Campuchia bất ổn, đẩy Nhân dân Campuchia vào nạn diệt chủng Pôn pốt - Iêng Xary. Nhằm đưa dân tộc thoát ra khỏi thời kỳ lịch sử đen tối này, một lực lượng yêu nước do ông Hunsen dẫn đầu đi về phía Việt Nam, yêu cầu và nhận được được giúp đỡ từ phía Việt Nam. Thực hiện tinh thần tương thân, tương ái, giúp bạn là giúp chính mình nên Việt Nam đã giúp lực lượng cách mạng yêu nước Campuchia xây dựng lực lượng và cuối cùng đưa quân đội của mình vào giải phóng dân tộc Campuchia khỏi nạn diệt chủng Pôn pốt. Sau đó, trước sự đề nghị của chính phủ mới, Việt Nam đã giúp dân tộc Campuchia về vật chất, tinh thần để khôi phục đất nước... những dấu ấn lịch sử này không chỉ thể hiện tinh thần tương trợ, giúp đỡ giữa các dân tộc mà nó còn đặt nền móng vững chắc cho mối quan hệ giữa Việt Nam với các nước trên nhiều lĩnh vực trong đó có những hoạt động liên quan bảo đảm an ninh chính trị nói chung và an ninh chính trị khu vực biên giới nói riêng.

Ngoài lịch sử, văn hoá còn có điểm hết sức thuận lợi giúp Việt Nam và các nước láng giềng luôn duy trì và tạo điều kiện cho nhau trong bảo đảm an ninh chính trị của mỗi bên đó chính là điều kiện về mặt địa lý, tự nhiên. Trong

đó, yếu tố có chung biên giới đã giúp các nước nhận ra rằng sẽ không có một bên biên giới nào phát triển hài hoà, ổn định nếu bên kia không ổn định, không phát triển. Hoặc nếu không có sự hợp tác, liên kết giữa hai bên thì việc giải quyết những vấn đề xuyên biên giới là điều không thể... Vì thế, để giải quyết các vấn đề chung, bảo đảm cho sự ổn định hai bên biên giới và củng cố mối quan hệ giữa Việt Nam với các nước. Thời gian qua, Việt Nam và các nước láng giềng đã tận dụng tối đa lợi thế này trong hợp tác, chia sẻ thông tin nhất là những thông tin liên quan an ninh chính trị khu vực biên giới.

Bên cạnh yếu tố lịch sử, văn hoá, địa lý thì những thành tựu cụ thể đạt được trong quan hệ giữa Việt Nam với các nước láng giềng trên nhiều lĩnh vực giai đoạn vừa qua từ kinh tế, an ninh, chính trị, văn hoá, xã hội, giáo dục, y tế... hay những thành tựu trên các kênh, phương diện như đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân cũng đều là những mảng sáng trong quan hệ giữa Việt Nam với các nước láng giềng. Những thành tựu này đã làm tăng tính tuỳ thuộc, sự hợp tác liên kết. Vì thế, đây cũng là những yếu tố hết sức thuận lợi, tạo điều kiện để các nước cùng hợp tác giải quyết các vấn đề an ninh chính trị, nhất là tại khu vực biên giới.

Về khó khăn, thách thức: Một trong những thách thức lớn ảnh hưởng đến quan hệ giữa Việt Nam với các nước láng giềng không thể không bàn tới là vấn đề khai thác và sử dụng hợp lý nguồn nước trên dòng sông Mêkong. So với Lào, Trung Quốc... Việt Nam là nằm ở hạ lưu sông Mêkong. Mọi hoạt động xây đập, chặn nước, không chia sẻ thông tin đầy đủ của các nước thượng nguồn trong đó có Trung Quốc và Lào, thậm chí là Campuchia khi muốn xây dựng các đập thủy điện, các kênh đào dẫn nước từ dòng chính sông Mekong đều ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh con người của Việt Nam. Vì vậy, nếu không tìm được tiếng nói chung trong vấn đề này, sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình hợp tác, liên kết giữa các nước, trong đó có vấn đề an ninh chính trị.

Trong quan hệ với Trung Quốc, có lẽ vấn đề khó khăn, phức tạp nhất chính là vấn đề biển Đông. Với những đòi hỏi phi lý về chủ quyền và những hành động thực thi của Trung Quốc đã đe dọa, xâm phạm đến chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ trên biển của Việt Nam. Đây là vấn đề nan giải, khó có thể đạt được sự thống nhất trong thời gian ngắn. Hiện tại, dù Việt Nam và Trung Quốc đã đạt được những thành tựu hợp tác ấn tượng trên các lĩnh vực nhưng nguy cơ ảnh hưởng quan hệ hai nước đến từ vấn đề biển Đông vẫn luôn hiện hữu. Do vậy, ở góc độ chiến lược phát triển quốc gia và bảo đảm an ninh chính trị nói chung, an ninh chính trị khu vực biên giới nói riêng khó tránh khỏi những trạng huống cò xát lợi ích, chi phối quan hệ hai nước.

Trong quan hệ với Campuchia, do đặc thù chính trị của Campuchia là đất nước đa đảng, dù đảng Nhân dân Campuchia (CPP) những năm qua luôn là đảng cầm quyền nhưng khó tránh khỏi những hoạt động chống phá đến từ các đảng chính trị đối lập. Với Việt Nam, các đảng đối lập thường tìm cách chia rẽ mối quan hệ Việt Nam - Campuchia trong phân giới cầm mốc và hợp tác kinh tế của Việt Nam tại Campuchia. Trong phân giới cầm mốc họ luôn tuyên truyền rêu rao sai sự thật, luôn cho rằng Việt Nam xâm chiếm đất của Campuchia nên họ tiến hành kêu gọi người dân Campuchia biểu tình chống phá dọc tuyến biên giới, nhổ cọc tiêu, cản trở san ủi đất trong quá trình làm đường vành đai... Thêm vào đó, do nhu cầu phát triển đất nước và sự cạnh tranh chiến lược của các nước lớn hiện nay, làm cho Campuchia cũng nằm trong vùng ảnh hưởng chiến lược, vì thế các nước lớn trong đó có Mỹ và Trung Quốc đã tăng cường can dự vào Campuchia. Sự can dự này một mặt giúp Campuchia có những cơ hội hợp tác, phát triển nhưng mặt khác cũng đặt ra những khó khăn lớn về đối ngoại. Thực tiễn cho thấy, những năm qua, Trung Quốc đã can dự rất sâu vào đời sống kinh tế tại Campuchia, qua đó nhiều vấn đề chính trị Campuchia đưa ra hướng giải quyết chưa thoả đáng, làm ảnh hưởng đến đoàn kết, thống nhất nội bộ của ASEAN, làm tình hình

tranh chấp trên biển Đông thêm phức tạp. Bối cảnh đó kết hợp với thực tế là Việt Nam và Campuchia chưa hoàn thành phân giới cắm mốc trên bộ và trên biển, chưa giải quyết được dứt điểm vấn đề cộng đồng người Việt, vấn đề khai thác sử dụng hợp lý nguồn nước trên dòng sông Mêkong... đã làm cho quan hệ hai nước và sự hợp tác trong giải quyết một số vấn đề an ninh chính trị khu vực biên giới gặp nhiều trở lực nhất là về trao đổi thông tin, hợp tác, trao đổi qua lại giữa chính quyền và Nhân dân khu vực biên giới.

2.4. Ý NGHĨA CỦA BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN

Bảo đảm an ninh chính trị nói chung, an ninh chính trị khu vực biên giới nói riêng là hoạt động có ý nghĩa to lớn đối với sự ổn định và phát triển bền vững của chế độ chính trị, vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy Nhà nước từ trung ương đến địa phương và cả hệ thống chính trị, đồng thời góp phần duy trì mối quan hệ hữu nghị giữa các nước láng giềng có chung biên giới, từ đó thúc đẩy, tạo dựng một môi trường hoà bình, ổn định, phát triển trong khu vực và trên thế giới. Cụ thể:

- Bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền góp phần bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ chính trị.

Khu vực biên giới trên đất liền là khu vực có nhiều đặc điểm khác biệt về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, dân cư... so với những khu vực khác. Do vậy, để phát huy thế mạnh, khắc phục những hạn chế và quản lý tốt khu vực này đòi hỏi Đảng, Nhà nước phải có sự quan tâm, đầu tư đúng đắn. Nếu có chủ trương, chính sách phù hợp sẽ mang lại những nguồn lợi to lớn, thiết thực trên tất cả các lĩnh vực trong đó có sự ổn định và phát triển bền vững của chế độ chính trị, của Đảng, Nhà nước. Ngược lại, nếu không có chính sách phù hợp thì đây sẽ là khu vực tiềm ẩn nhiều nguy cơ ảnh hưởng đến sự tồn vong của của Đảng, Nhà nước và của cả chế độ chính trị. Bởi khu vực biên giới vừa là cửa ngõ giao thương với các nước láng giềng, vừa là nơi có vị trí chiến lược trọng yếu về quốc phòng - an ninh, cũng là nơi giao thoa về văn

hoá giữa các cộng đồng dân tộc thiểu số có chung cội nguồn nằm ở hai bên biên giới... trong bối cảnh đây là khu vực xa trung tâm, có điều kiện kinh tế, cơ sở hạ tầng khó khăn, trình độ dân trí còn thấp, vì thế “mảnh đất màu mỡ” này luôn bị các thế lực thù địch lợi dụng để tuyên truyền, xuyên tạc sai sự thật về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước hòng chia rẽ mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Với tầm quan trọng đó, đây thực sự là khu vực mà Đảng và Nhà nước luôn phải đặc biệt quan tâm. Từ khi lãnh đạo đất nước đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam luôn có nhiều chủ trương, chính sách phù hợp với khu vực biên giới, có nhiều hoạt động để bảo đảm giữ vững an ninh khu vực này như xây dựng hệ thống chính trị cơ sở; phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội; đẩy mạnh bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn khu vực biên giới; tăng cường công tác dân tộc, tôn giáo; thúc đẩy hợp tác với các nước bạn láng giềng trên tất cả các lĩnh vực; tiến hành phân giới cắm mốc... những hoạt động này đã giúp cho khu vực biên giới đất liền được ổn định, phát triển. Từ đó, củng cố hơn vai trò lãnh đạo của Đảng; tạo dựng niềm tin, uy tín của Đảng với Nhân dân trong và ngoài nước góp phần bảo vệ Đảng, Nhà nước trước sự chống phá của các thế lực thù địch; duy trì sự gắn kết máu thịt giữa Đảng và Nhân dân; đồng thời phát huy được sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

- Bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền giữ vai trò to lớn trong bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia

Bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới có nhiều nội dung, nhưng trước hết là việc liên quan đến bảo vệ an ninh lãnh thổ, muốn bảo vệ an ninh lãnh thổ thì việc làm có ý nghĩa, tiên quyết nhất chính là hoạt động phân định, cắm mốc biên giới. Đây là hoạt động không chỉ có ý nghĩa về đánh dấu chủ quyền quốc gia, mà còn là hoạt động tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ chủ quyền quốc gia, thực thi chủ quyền quốc gia, đồng thời còn là cơ sở để xây

dựng mối quan hệ, hợp tác giữa Việt Nam với chủ thể khác có chung biên giới trên nhiều lĩnh vực khác như: kinh tế, an ninh, văn hoá, xã hội được tiến hành thuận lợi hơn; thậm chí chặn đứng mọi âm mưu phá hoại, xâm lược lãnh thổ của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

Ngoài hoạt động phân giới, cắm mốc còn có các hoạt động khác liên quan bảo vệ an ninh lãnh thổ như: bảo vệ, tôn tạo, tăng dày cột mốc, phòng chống hoạt động phá hoại cột mốc, cọc dấu; hoạt động tuần tra của các lực lượng chuyên trách; hoạt động trao đổi thông tin, hợp tác, giao lưu giữa Việt Nam với các nước láng giềng... tất cả những hoạt động này dù diễn ra ở mức độ và quy mô khác nhau trên phạm vi dọc tuyến biên giới nhưng đều hướng chung đến một mục tiêu lớn, bao trùm là duy trì, bảo vệ biên giới quốc gia, toàn vẹn chủ quyền quốc gia. Điều đó cắt nghĩa cho chúng ta thấy, nếu hoạt động bảo đảm an ninh lãnh thổ được tiến hành thường xuyên sẽ giúp các chủ thể trong cộng đồng quốc tế nói chung, Việt Nam nói riêng không những có đường biên giới hoà bình, ổn định, phát triển; tạo dựng mối quan hệ láng giềng tốt đẹp mà còn bảo vệ được chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ - điều mà bất kỳ một quốc gia - dân tộc độc lập, tự chủ nào cũng cần phải có nhất là trong bối cảnh hiện nay. Khi mà các thách thức, đe dọa đến chủ quyền, an ninh quốc gia không chỉ có các vấn đề an ninh truyền thống mà còn có nhiều vấn đề xuất phát từ an ninh phi truyền thống.

- Bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền là cơ sở cho quá trình ổn định, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng của quốc gia

Khu vực biên giới đất liền là cửa ngõ trong giao thương kinh tế, văn hoá, xã hội; là nơi có vị trí chiến lược quốc phòng quan trọng nhưng cũng là nơi còn nhiều khó khăn, phức tạp như: có điều kiện kinh tế, cơ sở hạ tầng đặc biệt là kết nối giao thông yếu kém; trình độ dân trí thấp, nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống; dân cư thưa thớt; tiềm ẩn nhiều loại hình tội phạm kinh

tế, tội phạm an ninh, xã hội.... Tuy nhiên, với các hoạt động bảo đảm an ninh chính trị, trong đó có hoạt động bảo đảm an ninh lãnh thổ, an ninh tư tưởng và an ninh thể chế đặc biệt là với chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội gắn với an ninh - quốc phòng ở các tỉnh biên giới; chiến lược quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh Nhân dân đã giúp khu vực này không những có điều kiện ổn định trong phát triển kinh tế - xã hội mà còn bảo đảm về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn trên dọc tuyến biên giới. Giúp người dân khu vực biên giới yên tâm sản xuất, kinh doanh, có nhiều việc làm, có điều kiện cải thiện cuộc sống, cơ sở hạ tầng cũng từng bước đổi mới, kết nối giao thông thông suốt. Đồng thời, thúc đẩy hoạt động giao lưu, hợp tác, kết nghĩa với Nhân dân nước bạn láng giềng trên nhiều lĩnh vực, qua đó phát huy được vai trò là vùng đệm, là phen dậu, thành trì vững chắc của an ninh nội địa; là cửa ngõ thông thương, kết nối giữa Việt Nam với khu vực và thế giới. Vì vậy có thể nói, làm tốt công tác an ninh chính trị khu vực biên giới cũng chính là cơ sở, điều kiện cần và đủ để ổn định phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng cho toàn bộ quốc gia từ bên trong lẫn bên ngoài mà trước hết là tại khu vực biên giới.

- Bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền tạo sự gắn kết hơn mối quan hệ giữa các chủ thể trong hệ thống chính trị cơ sở

Khi triển khai các hoạt động liên quan đến bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới, cũng là lúc mà cả hệ thống chính trị phải vào cuộc. Đây là công việc chung, trách nhiệm chung của nhiều chủ thể mà trước hết là của các cấp uỷ Đảng, hệ thống chính quyền, MTTQ Việt Nam, LLVT, các tổ chức chính trị - xã hội và quần chúng Nhân dân. Mỗi một chủ thể đều có vị trí, vai trò riêng trong hoạt động bảo đảm an ninh chính trị như: Các cấp uỷ cụ thể hoá chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để xây dựng chủ trương lãnh đạo hệ thống chính trị ở địa phương; chính quyền các cấp cụ thể hoá chủ trương của cấp uỷ thành kế hoạch, chương trình, giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đoàn thể cùng phối hợp thực hiện, MTTQ Việt Nam, lực

lượng vũ trang và các tổ chức chính trị - xã hội tùy vào vai trò, vị trí và nhiệm vụ được giao tiến hành thực hiện kế hoạch, chương trình và phối hợp với nhau thực hiện nhằm đạt kết quả, mục tiêu đề ra... Tuy nhiên, không vì vai trò, nhiệm vụ khác nhau mà các chủ thể trong hệ thống chính trị có thể tách rời, độc lập với nhau mà trái lại phải có sự thống nhất, hợp tác cùng nhau thực hiện theo đúng tinh thần Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý; lực lượng vũ trang trong đó Bộ đội biên phòng là nòng cốt; phát huy vai trò giám sát, phản biện của MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội... Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ sẽ giúp các chủ thể hiểu hơn, gắn kết hơn, phát huy tối đa hơn nữa vai trò, vị trí của mình để cùng hướng đến mục tiêu chung là bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân, duy trì tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị. Khi “Trên dưới đồng lòng, dọc ngang thông suốt” thì cũng là lúc mà mọi chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước được đi vào thực tiễn cuộc sống, người dân khu vực biên giới được yên tâm làm ăn, phát triển kinh tế, ổn định đời sống văn hoá, tinh thần... Đồng thời, trong thực hiện hoạt động bảo đảm an ninh chính trị sẽ giúp các chủ thể phân định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, tránh chồng chéo, làm thay hoặc hỗ trợ lẫn nhau, tạo điều kiện cho nhau thực hiện nhiệm vụ chung, tăng sự gắn kết hơn. Từ đó, giúp Nhân dân ngày càng củng cố niềm tin vào Đảng, Nhà nước, đội ngũ cán bộ, đảng viên; ngăn chặn được các nguy cơ gây ảnh hưởng đến mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân làm cho khu vực biên giới cũng như khu vực nội địa được ổn định và phát triển bền vững.

- Bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền là tiền đề quan trọng giúp duy trì mối quan hệ gắn bó, hữu nghị giữa Việt Nam với các nước láng giềng.

Biên giới quốc gia không chỉ là khu vực đánh dấu chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ mà còn là nơi giao lưu, hợp tác giữa các chủ thể của cộng đồng quốc tế, trong đó có Việt Nam với các nước láng giềng. Khi hoạt động bảo đảm an

ninh chính trị được triển khai, thì mức độ tương tác giữa Việt Nam với các nước láng giềng ngày càng sâu rộng hơn, thậm chí mức độ tùy thuộc trong mối quan hệ cũng được biểu hiện rõ hơn. Hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền không chỉ là công việc nội bộ bên trong của Việt Nam mà còn là sự tương tác hai chiều giữa Việt Nam với nước láng giềng. Từ hoạt động an ninh lãnh thổ như phân giới, cắm mốc, tôn tạo, tăng dày cọc mốc, xây dựng đường vành đai biên giới, tuần tra bảo vệ an ninh biên giới giữa các lực lượng chức năng... đến hoạt động an ninh tư tưởng, an ninh thể chế như sự tăng cường hợp tác phát triển kinh tế, xã hội, ngăn chặn hoạt động truyền đạo trái phép, tệ nạn buôn lậu, buôn người, buôn ma túy, xâm canh xâm cư... tất cả các hoạt động này nếu không có sự tương tác, không có sự phối hợp trên tinh thần tôn trọng, bình đẳng, cùng có lợi thì rất khó có thể hoàn thành. Ngược lại nếu có sự tương tác, hỗ trợ tốt sẽ giúp khu vực biên giới ổn định, phát triển, giúp Việt Nam và các nước láng giềng duy trì tìm được nhiều lợi ích chung, duy trì được tiếng nói chung trong nhiều vấn đề. Từ đó, giúp Việt Nam và các nước láng giềng có được mối quan hệ bền chặt, không để cho các thế lực thù địch bên ngoài lợi dụng, chia rẽ, chống phá. Do vậy, hoạt động bảo đảm an ninh chính trị càng diễn ra thường xuyên thì sự gắn kết giữa Việt Nam với các nước láng giềng càng toàn diện và sâu rộng,

- Bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền góp phần vào hoà bình, ổn định, phát triển của khu vực và thế giới

Hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới luôn hướng đến mục tiêu bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ chính trị; tính hiệu lực, hiệu quả của bộ máy; sự phát triển, an toàn, thịnh vượng của cả quốc gia - dân tộc trên các lĩnh vực; Duy trì mối quan hệ gắn bó với các quốc gia láng giềng, khu vực. Khi các mục tiêu này được thực hiện thì nó không chỉ đem lại lợi ích thiết thực cho các quốc gia trực tiếp liên quan - những quốc gia có chung đường biên giới. Mà nó còn góp phần tạo nên một môi trường hoà bình, hữu nghị

cho các nước xung quanh, thậm chí là khu vực và cả thế giới. Trước bối cảnh toàn cầu hoá diễn ra ngày càng sâu rộng, sự tùy thuộc giữa các chủ thể là không tránh khỏi. Nếu giai đoạn trước đây, sự tùy thuộc này chủ yếu được đề cập ở góc độ kinh tế, thì ngày nay, ngoài kinh tế các chủ thể còn tùy thuộc nhau khá nhiều về điều kiện an ninh, môi trường an ninh... điều đó có nghĩa là, chỉ cần có một vài quốc gia, ở những khu vực nhất định nào đó có môi trường an ninh căng thẳng, xung đột thì ngay lập tức các chủ thể khác trong khu vực và trên thế giới cũng bị ảnh hưởng theo. Việt Nam và các nước láng giềng đều là những chủ thể có địa - kinh tế, địa - chiến lược quan trọng ở khu vực Đông Nam Á, rộng hơn là châu Á - Thái Bình Dương. Sự tham gia của Việt Nam và các nước láng giềng vào chuỗi cung ứng toàn cầu, vào các vấn đề an ninh khu vực ngày càng sâu rộng. Trong điều kiện ấy, nếu vấn đề biên giới giữa Việt Nam và các nước láng giềng không được giải quyết tốt, xuất hiện nhiều bất đồng, thậm chí là xung đột thì hệ quả là phương hại trực tiếp đến lợi ích quốc gia của mỗi bên, đến tình đoàn kết hữu nghị của hai nước mà còn làm cho tình hình an ninh, chính trị, kinh tế của khu vực cũng ảnh hưởng theo. Do vậy, việc bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới trên đất liền là việc làm có ý nghĩa to lớn. Góp phần duy trì sự ổn định, phát triển của mỗi nước cũng như sự hoà bình, ổn định, phát triển của cả khu vực và trên thế giới.

Tiểu kết chương 2

Trong chương 2, trên cơ sở nghiên cứu lý luận, tác giả đã đưa ra một số khái niệm liên quan đến nội dung nghiên cứu như: an ninh quốc gia, an ninh chính trị, bảo đảm an ninh chính trị, biên giới quốc gia, khu vực biên giới quốc gia trên đất liền, bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền. Đây là những khái niệm cơ bản giúp tác giả có thể hiểu rõ nội hàm của vấn đề nghiên cứu, từ đó hiểu vấn đề nghiên cứu của luận án là gì để định hướng đúng nội dung nghiên cứu.

Cũng trong chương này, tác giả còn tập trung làm rõ nội dung và chủ thể thực hiện bảo đảm an ninh chính trị. Trong đó, nội dung của bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền tác giả đã lập luận và triển khai những trên ba phương diện là: bảo đảm an ninh lãnh thổ; bảo đảm an ninh tư tưởng và bảo đảm an ninh thể chế. Đi cùng với những nội dung của bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền là chủ thể thực hiện các hoạt động này. Căn cứ vào chủ trương, đường lối của Đảng và những văn bản pháp lý của các cơ quan Nhà nước ban hành thì chủ thể thực hiện hoạt động này là cả hệ thống chính trị. Trong đó, Đảng có vai trò lãnh đạo thông qua việc ban hành chủ trương, đường lối, nghị quyết, kiểm tra, giám sát... Chính phủ, các bộ, ngành trung ương, hệ thống chính quyền cơ sở có vai trò triển khai, cụ thể hoá chủ trương của Đảng thành các hành động, chương trình phù hợp với thực tiễn địa phương, giao nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể cho sở ngành và LLVT, MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội của địa phương; LLVT có nhiệm vụ thực hiện kế hoạch của Bộ quốc phòng, chính quyền địa phương, tham mưu cho cấp quản lý và chính quyền địa phương những phương án, kế hoạch hành động; MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị có nhiệm vụ vận động, tuyên truyền, giám sát, phản biện để cùng hệ thống chính trị hoàn thành mục tiêu đề ra; quần chúng Nhân dân có nhiệm vụ thực hiện đúng chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và những kế hoạch, chương trình của địa

phương, cùng tham gia vào công tác bảo vệ an ninh trật tự, an toàn biên giới như tố giác tội phạm, lên án những hành vi sai trái, vi phạm pháp luật...

Ngoài ra trong chương này, tác giả còn chỉ ra các yếu tố tác động, ảnh hưởng đến bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới từ cả hai khía cạnh là quốc tế khu vực (yếu tố bên ngoài) và trong nước (yếu tố bên trong). Đồng thời cũng phân tích những ý nghĩa to lớn của hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền đối với vị thế, vai trò của Đảng, tính hiệu lực, hiệu quả của bộ máy Nhà nước và sự hưng thịnh, bền vững của dân tộc Việt Nam. Đồng thời, hoạt động này cũng đóng góp to lớn đối với tiến trình hoà bình, ổn định, phát triển khu vực và thế giới.

Chương 3

THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ KHU VỰC BIÊN GIỚI VIỆT NAM - CAMPUCHIA Ở ĐÔNG NAM BỘ HIỆN NAY

3.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ KHU VỰC BIÊN GIỚI VIỆT NAM - CAMPUCHIA Ở ĐÔNG NAM BỘ

3.1.1. Đặc điểm tự nhiên – xã hội của khu vực Đông Nam Bộ trong quan hệ với Campuchia

Đông Nam Bộ là khu vực địa lý nằm giữa, tiếp nối các vùng Nam Trung Bộ, Nam Tây nguyên với đồng bằng sông Cửu Long. Đồng thời, là khu vực có địa hình tiếp giáp với Campuchia ở phía Tây bắc. Do đó, đã giúp Đông Nam Bộ có nhiều lợi thế trong phát triển kinh tế, giao lưu văn hoá nhưng cũng là khu vực có địa bàn trọng yếu, chiến lược về an ninh, quốc phòng.

Đông Nam Bộ có 6 tỉnh thành gồm: Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu. Trong đó, Tây Ninh và Bình Phước là hai tỉnh có đường biên giới tiếp giáp với Campuchia, tổng chiều dài đường biên giới của hai tỉnh gần 500km, chạy qua 8 huyện (3 huyện của tỉnh Bình Phước là Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập và 5 huyện của tỉnh Tây Ninh là Trảng Bàng, Bến Cầu, Tân Châu, Châu Thành, Tân Biên). Địa hình của 8 huyện biên giới có đặc điểm chung là khu vực trung chuyển giữa đồi núi cao nguyên với đồng bằng nên về cơ bản gò núi thấp và khá bằng phẳng so với nhiều khu vực miền núi của Việt Nam. Tuy nhiên, ở một số huyện biên giới như Lộc Ninh, Bù Gia Mập, Tân Biên.. thì rừng rậm, địa hình hiểm trở hơn các huyện biên giới khác. Vì thế, việc phát triển kinh tế cũng như bảo đảm an ninh quốc phòng, an ninh biên giới cũng gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển kinh tế, phân giới cắm mốc, tuần tra biên giới, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn khu vực biên giới...

Khí hậu đặc trưng của Đông Nam Bộ và các huyện biên giới của khu vực là khí hậu cận xích đạo, nóng nắng quanh năm với hai mùa mưa và khô

rất rõ rệt. Về mùa mưa, lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 1.500 - 2.000 mm. Đây là yếu tố vừa tạo điều kiện cho phát triển kinh tế, đặc biệt là nông, lâm nghiệp nhưng cũng mang lại thách thức cho quá trình xây dựng, quản lý khu vực biên giới, cửa khẩu biên giới. Dưới tác động của yếu tố thiên nhiên như mưa, lũ... cộng với quá trình xâm canh, xâm cư của người dân khu vực biên giới đã làm cho nhiều tuyến biên giới bị hư hỏng, thậm chí tạo nên sự khác biệt, chênh lệch giữa bản đồ và thực địa nên cản trở đến quá trình phân định cắm mốc biên giới. Nhiều tuyến biên giới do địa hình và điều kiện tự nhiên không thuận lợi nên việc xây dựng, bảo vệ mốc giới, tuần tra biên giới... cũng gặp nhiều trở lực.

Đông Nam Bộ với đặc điểm là trung tâm kinh tế phát triển năng động, là cửa ngõ thông thương nhiều vùng kinh tế phía Nam với các tỉnh thành trong cả nước, là khu vực kết nối Việt Nam với nhiều nước khu vực Đông Nam Á qua các tuyến đường biên giới cả bằng đường biển và đường bộ. Vì thế, đây cũng là khu vực xuất hiện nhiều loại hình tội phạm như: tội phạm buôn lậu, buôn ma tuý, buôn người, tội phạm truyền đạo trái phép, tội phạm xuyên quốc gia, thậm chí cũng là địa bàn dừng chân của các phần tử phản động chống phá Đảng, Nhà nước. Thực tế đó đã đặt các tỉnh thành khu vực Đông Nam Bộ, đặc biệt là các tỉnh biên giới như Tây Ninh và Bình Phước luôn phải đề cao việc bảo đảm an ninh quốc phòng vì nếu không giữ vững an ninh quốc phòng, an toàn trật tự trong đó có khu vực biên giới sẽ không thể bảo đảm phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội cho khu vực Đông Nam Bộ và cả nước.

Ngoài đặc điểm về tự nhiên, thì lịch sử cũng được xem là yếu tố tác động không nhỏ đến quá trình hợp tác, liên kết giữa Đông Nam Bộ và Campuchia. Đặc biệt là giai đoạn lịch sử hiện đại khi cả Việt Nam - Campuchia đều có chung một kẻ thù, đều có chung một mục tiêu giải phóng dân tộc khỏi sự đàn áp, cai trị của các nước tư bản phương Tây. Riêng khu vực Đông Nam Bộ còn có mối quan hệ lịch sử gắn bó hơn với Campuchia trong giai đoạn 1976

-1979. Vì đây là thời kỳ lực lượng yêu nước của Campuchia do ông Hunsen dẫn đầu đã tìm cách vượt biên, đi về hướng Việt Nam (địa bàn dừng chân đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam chính là huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước hiện nay) mong nhận được sự giúp đỡ từ Việt Nam để Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng. Với tinh thần “tương thân, tương ái”, “giúp bạn là giúp chính mình” khu vực Đông Nam Bộ dưới sự chỉ đạo của Trung ương trong giai đoạn này là nơi nuôi dưỡng, tiếp sức để Đoàn 259 - tiền thân của lực lượng vũ trang đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia ra đời. Không chỉ có vậy, các tỉnh khu vực thuộc miền Đông Nam Bộ lúc bấy giờ như tỉnh Sông Bé (nay là Bình Dương và Bình Phước) dưới sự chỉ đạo trực tiếp của tỉnh uỷ đã hỗ trợ trực tiếp cho Nhân dân tỉnh Kratie xây dựng lực lượng vũ trang yêu nước, giúp đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật, giáo viên... Sự giúp đỡ của quân đội và Nhân dân các tỉnh Đông Nam Bộ đã giúp cho lực lượng vũ trang yêu nước Campuchia không ngừng lớn mạnh. Chính những lực lượng này đã phát huy vai trò của mình kết hợp với các lực lượng cách mạng trong nước Campuchia và quân tình nguyện Việt Nam, tạo thành lực lượng hùng mạnh, đánh đổ chế độ diệt chủng Pôn Pốt, cứu dân tộc Campuchia khỏi hoạ diệt chủng[48; tr.349].

Quan hệ tộc người giữa hai tỉnh khu vực Đông Nam Bộ với các tỉnh giáp biên Campuchia cũng là yếu tố tạo nên sự gắn kết mật thiết giữa chính quyền và Nhân dân hai nước. Trải qua quá trình giao lưu và tiếp biến văn hoá, kết hợp với sự gần gũi về địa lý, sự tương đồng lịch sử, lại nằm trong cơ tầng văn hoá bản địa Đông Nam Á nên quan hệ tộc người hai bên biên giới cũng phát triển từ rất sớm. Nhiều thế hệ người Việt đã sang các tỉnh giáp biên của Campuchia sinh sống, kết hôn, làm ăn kinh tế và ngược lại. Vì thế, khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ không chỉ diễn ra hoạt động thăm thân mà còn có nhiều hoạt động khác liên quan hợp tác kinh tế, giao lưu văn hoá giữa chính quyền và Nhân dân hai bên khu vực biên giới. Các hoạt động này một mặt tạo nên sự gắn kết, tương thân, tương ái trong cộng đồng dân cư khu vực biên giới, giảm thiểu

nguy cơ gây xung đột, giúp Nhân dân khu vực biên giới có cuộc sống yên ổn, yên tâm làm ăn, phát triển kinh tế, giúp chính quyền các huyện, xã khu vực biên giới thuận lợi trong hoạt động quản lý, nhất là kịp thời bắt tâm tư, tình hình, những thông tin có giá trị trong việc gìn giữ an ninh trật tự, an toàn khu vực biên giới, góp phần xây dựng khu vực biên giới hoà bình, ổn định và phát triển. Tuy nhiên, những hoạt động trên cũng biểu hiện nhiều vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình bảo đảm an ninh trật tự, an toàn khu vực biên giới như vấn đề di cư bất hợp pháp, xâm canh, xâm cư. Đặc biệt, với đặc điểm khu vực này đa phần người dân là người dân tộc thiểu số, văn hoá tín ngưỡng còn lạc hậu, kinh tế chậm phát triển hơn các vùng khác nên rất dễ trở thành đối tượng bị lôi kéo, dụ dỗ của các lực lượng tội phạm vào các hoạt động trái pháp luật như buôn lậu, vận chuyển hàng cấm, buôn người, buôn vũ khí trái phép... Do đó gây nên những khó khăn cho chính quyền địa phương trong quản lý hộ khẩu, hộ tịch, gìn giữ trật tự an ninh, an toàn khu vực biên giới.

3.1.2. Môi quan hệ giữa chính quyền và Nhân dân khu vực biên giới Đông Nam Bộ với các tỉnh biên giới Campuchia

Quan hệ Việt Nam và Campuchia thời gian qua với phương châm: “Láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài” đã giúp hai nước đạt được nhiều thành tựu to lớn trên các lĩnh vực. Đây là cơ sở quan trọng để các tỉnh biên giới khu vực Đông Nam Bộ tiếp tục đẩy mạnh và duy trì mối quan hệ ổn định, phát triển với các tỉnh, huyện, xã biên giới của Campuchia.

Đối với Bình Phước:

Bình Phước là tỉnh miền núi thuộc khu vực Đông Nam Bộ, có diện tích tự nhiên là 6.871.543 km², nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là cửa ngõ, cầu nối giữa Đông Nam Bộ với Tây Nguyên và Campuchia; về đơn vị hành chính, Bình Phước có 8 huyện, 2 thị xã, 1 thành phố với 111 xã, phường, thị trấn. Tuyến biên giới của tỉnh có đường biên giới dài hơn 258km, có

28 cột mốc chính và 353 cột mốc phụ, 01 cửa khẩu quốc tế, 02 cửa khẩu chính, 01 cửa khẩu phụ, 01 lối mở qua lại biên giới. Khu vực biên giới gồm 15 xã trên địa bàn 3 huyện là Lộc Ninh, Bù Đốp và Bù Gia Mập. Bình Phước tiếp giáp với 7 xã thuộc 4 huyện của 3 tỉnh của Vương quốc Campuchia là Tbong Khmun, Kratie và Mondulakiri [134]. Thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, tỉnh Bình Phước nói chung và 03 huyện biên giới nói riêng đã duy trì mối quan hệ tốt đẹp, phát triển ngày càng sâu rộng, ổn định với các tỉnh, huyện, xã phía nước bạn Campuchia và đạt được một số kết quả tiêu biểu:

Trong lĩnh vực chính trị, an ninh, quốc phòng: Hàng năm các cấp, các ngành và huyện thị của hai bên thường xuyên tổ chức các đoàn đại biểu sang gặp gỡ, thăm hỏi, giao ban, trao đổi thông tin, ký kết các biên bản hợp tác về an ninh, quốc phòng. Hai bên thường xuyên tổ chức các Đoàn đại biểu sang thăm và dự các ngày Lễ, Tết theo tinh thần hợp tác, giúp đỡ. Ngoài ra hai bên còn tổ chức các đoàn đi thăm, khám chữa bệnh, tặng quà; giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; hỗ trợ nhau về kỹ thuật chuyên môn nghiệp vụ, hỗ trợ vật chất, tinh thần khi gặp khó khăn nhất là giai đoạn phòng chống Covid 19...

Trong lĩnh vực thương mại, đầu tư: Tỉnh Bình Phước có 01 cửa khẩu quốc tế (Hoa Lư), 02 cửa khẩu chính (Hoàng Diệu và Lộc Thịnh); 01 cửa khẩu phụ (Tân Tiến); 01 lối mở (Lộc Tấn - Tuần Lung). Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu của tỉnh đạt 595,98 triệu USD vào năm 2023. Trong đó, xuất khẩu đạt 91,24 triệu USD, nhập khẩu đạt 504,74 triệu USD. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu: Thực phẩm, đồ gia dụng, phân bón... Nhập khẩu các mặt hàng chính gồm: Sắn lát, than củi, hạt điều thô, chuối (ăn quả), cao su thiên nhiên... Hiện trên địa bàn tỉnh chỉ có 02 dự án đầu tư ra nước ngoài tại Campuchia do nhà đầu tư Bình Phước thực hiện còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký là 87.847.969 USD. Các dự án đầu tư trong lĩnh vực trồng, khai thác, chế biến và kinh doanh các sản phẩm cây cao su [21].

Trong lĩnh vực nông nghiệp: Những năm qua, tuy còn gặp nhiều khó

khẩn nhưng tỉnh Bình Phước luôn thống nhất quan điểm sẵn sàng hỗ trợ và giúp đỡ các tỉnh giáp biên thuộc Vương quốc Campuchia trong khả năng của mình có thể mạnh như: về phát triển các giống cây cao su, tiêu, điều... giống gia cầm, gia súc cũng như kỹ thuật chăm sóc, trồng trọt các loại cây lâu năm. Chính vì vậy, tỉnh Bình Phước luôn quan tâm và sẵn sàng hỗ trợ các tỉnh Campuchia khi có nhu cầu đề xuất...

Ngoài ra trong các lĩnh vực khác như du lịch, giao thông vận tải, y tế, giáo dục đều là những nội dung mang đến nhiều kết quả tốt đẹp trong quan hệ, hợp tác giữa Bình Phước và các tỉnh phía Campuchia.

Đối với Tây Ninh:

Tây Ninh là tỉnh thuộc khu vực miền Đông Nam Bộ, và nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía nam có 05 huyện, thị xã, 20 xã và 43 ấp biên giới; với dân số khoảng gần 1,2 triệu người, diện tích tự nhiên là 4.035 km², Tây Ninh có đường biên giới dài khoảng 233,789km với 48,6 km đường sông; tiếp giáp với 03 tỉnh Tboung Khmum, Prey Veng và Svay Rieng của Vương quốc Campuchia [128].

Là một tỉnh biên giới, việc tăng cường mối quan hệ hợp tác song phương giữa tỉnh với các địa phương, đặc biệt là các tỉnh giáp biên thuộc Vương quốc Campuchia luôn là nhiệm vụ quan trọng trong chương trình, kế hoạch hàng năm của tỉnh. Thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, các cấp uỷ Đảng đã phối hợp tốt với các sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các huyện, thị xã và thành phố triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ, tạo thành sức mạnh tổng hợp cho cả hệ thống chính trị, thực hiện có kết quả nhiệm vụ công tác đối ngoại, trong đó nổi bật là quan hệ hợp tác song phương giữa tỉnh với các tỉnh giáp biên đạt kết quả tích cực, đảm bảo an ninh chính trị, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Tính đến 2024, tỉnh Tây Ninh đã ký và triển khai thực hiện 04 Thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp tỉnh với 04 tỉnh thuộc Vương quốc

Campuchia, các sở, ban, ngành và UBND các huyện giáp biên triển khai ký kết 36 văn bản thỏa thuận hợp tác, quy chế phối hợp với các đối tác phía Campuchia nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hai bên trong công tác phối hợp trao đổi thông tin, giải quyết các vấn đề phát sinh trên tuyến biên giới, công tác phân giới cắm mốc và tuyên truyền, vận động cư dân biên giới hiểu và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về biên giới.

Quan hệ kinh tế - thương mại giữa hai bên phát triển không ngừng. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016 - 2023 đạt khoảng 4.940 triệu USD chiếm khoảng 22% trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam - Campuchia. Tổng trị giá mua, bán, trao đổi của cư dân biên giới đạt 89,45 triệu, trong đó, trị giá bán: 54,19 triệu USD, trị giá mua: 35,26 triệu USD. Mặt hàng mua, bán chủ yếu của cư dân biên giới: rau củ quả, cá, thịt, bánh, kẹo, gạch, phân bón, hàng tạp hóa, heo hơi, gà sống, trâu, bò, lúa, củ mì, mủ cao su, hạt điều [128].

Hàng năm, theo thỏa thuận hợp tác, các địa phương có ký kết đều phối hợp với tỉnh trao đổi đoàn cấp cao thăm, chúc mừng nhân dịp các ngày lễ lớn của hai dân tộc, sơ kết thỏa thuận hợp tác, giao lưu văn hóa, văn nghệ... Tỉnh cũng đã đón tiếp nhiều đoàn Đại sứ, Tổng lãnh sự, các tổ chức kinh tế của Campuchia có nhu cầu tìm hiểu hợp tác lĩnh vực kinh tế, kết nối phát triển du lịch...

Về công tác hỗ trợ: nhằm duy trì quan hệ đoàn kết, hữu nghị truyền thống và hợp tác phát triển giữa Tây Ninh với các tỉnh thuộc Vương quốc Campuchia, tỉnh và các cơ quan chức năng thuộc tỉnh đã hỗ trợ các tỉnh giáp biên, các tỉnh có quan hệ mật thiết hàng tỷ đồng mỗi năm.

Với các hoạt động và kết quả thiết thực trong các lĩnh vực nêu trên đã góp phần quan trọng vun đắp tình đoàn kết hữu nghị hai nước Việt Nam - Campuchia nói chung, hai tỉnh Tây Ninh, Bình Phước và các địa phương

Campuchia nói riêng. Tạo tiền đề hai bên phối hợp, liên kết, hợp tác trong nhiều vấn đề trong đó có an ninh chính trị khu vực biên giới.

3.1.3. Tình hình đảng phái chính trị ở Campuchia

Khác với Việt Nam, Campuchia là đất nước có nhiều đảng phái chính trị hoạt động, cùng tranh giành ảnh hưởng trong đời sống chính trị. Tính đến thời điểm hiện tại ở Campuchia có 3 đảng lớn là Đảng Nhân dân Campuchia (CPP), Đảng Mặt trận đoàn kết dân tộc vì một nước Campuchia độc lập, trung lập, hoà bình và thống nhất (FUNCINPEC) là hai đảng chính đang cầm quyền. Đảng Cứu quốc Campuchia (CNRP) là đảng đối lập chính và khoảng 58 đảng phái khác [144]. Trong đó có 46 đảng được Bộ Nội vụ Campuchia đã cho phép được tham gia các hoạt động tranh cử[43]. Các đảng phái đối lập tại Campuchia vào mỗi dịp tranh cử hoạt động rất mạnh, họ gây nhiều áp lực cho đảng cầm quyền CPP trên hầu hết các lĩnh vực lớn như chính trị, an ninh, kinh tế, xã hội...

Trong quan hệ giữa Campuchia và Việt Nam, các đảng đối lập cũng gây nhiều áp lực cho Đảng CPP. Có nhiều vấn đề đã bị các đảng đối lập chính trị hoá nhưng rõ nhất là hai vấn đề: Phân định cắm mốc biên giới và vấn đề cộng đồng người Việt tại Campuchia. Hai vấn đề này luôn được các đảng đối lập lợi dụng để chống phá và nhằm chia rẽ mối quan hệ đoàn kết, gắn bó giữa chính quyền, Nhân dân hai nước. Đồng thời cũng là vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến việc bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới giữa Việt Nam và Campuchia nói chung và tại khu vực Đông Nam Bộ nói riêng. Cụ thể:

Việc phân định cắm mốc biên giới giữa Việt Nam và Campuchia là một quá trình dài, phức tạp. Trải qua nhiều khó khăn đến cuối năm 2018, hai nước đã hoàn thành phân giới được khoảng 1.045km đường biên giới (đạt khoảng 84%), xây dựng được 2.047 cột mốc tại 1.553 vị trí, đạt tổng khối lượng công việc 84%. Ngày 05/10/2019 tại thủ đô Hà Nội, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam và Thủ tướng Chính phủ Campuchia đã ký “Hiệp ước bổ sung Hiệp ước

hoạch định biên giới quốc gia năm 1985 và Hiệp ước bổ sung năm 2005 giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia” và chúng kiến hai Chủ tịch Ủy ban liên hợp phân giới cắm mốc biên giới đất liền hai nước ký “Nghị định thư phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia” ghi nhận thành quả 84% phân giới cắm mốc giữa hai nước [91]. Trong suốt quá trình phân giới cắm mốc trên đất liền, các Đảng chính trị đối lập của Campuchia có nhiều hoạt động chống phá, cản trở quá trình phân giới cắm mốc như giai đoạn 1989 - 1993, nhiều lực lượng đối lập ở Campuchia đặt vấn đề xét lại hiệu lực của Hiệp ước hoạch định biên giới 1985[48; tr.170]; Năm 2009, ông Samraisy - Chủ tịch đảng Samraisy đến tỉnh Sveng Rieng nhỏ 6 cọc tiêu phục vụ công tác phân định cắm mốc biên giới; năm 2015, một Nghị sĩ đảng Cứu quốc Campuchia đưa người dân Campuchia đến cột mốc 203 giáp ranh giữa tỉnh Svay Rieng và Long An gây rối làm ảnh hưởng trật tự an ninh và cản trở công tác phân định cắm mốc; Thậm chí họ còn rêu rao chính quyền Thủ tướng Hun Sen sử dụng bản đồ giả trong phân giới cắm mốc với Việt Nam để trục lợi cá nhân[12; tr23-29] ... với những hoạt động chống phá đó đã dẫn đến việc phân định cắm mốc dọc tuyến biên giới đất liền giữa Việt Nam và Campuchia, trong đó có khu vực Đông Nam Bộ vẫn chưa thể hoàn thành. Việc phân giới cắm mốc chưa thể hoàn thành triệt để đặt ra nhiều vấn đề trong quá trình hợp tác, liên kết giữa hai nước và khu vực biên giới của mỗi bên như vấn đề lãnh thổ, vấn đề phát triển kinh tế, ổn định xã hội, giao lưu văn hoá... đặc biệt là bảo đảm an ninh quốc phòng, an ninh chính trị khu vực biên giới.

Việt Nam và Campuchia là hai nước láng giềng, có chung biên giới, đồng thời có nhiều điểm tương đồng về lịch sử, văn hoá. Vì thế, từ rất sớm người Việt đã sang Campuchia sinh sống. Người Việt sinh sống ở Campuchia chịu áp lực rất lớn vì một mặt không có giấy tờ tùy thân, không có địa vị pháp

lý nên gặp rất nhiều khó khăn trong đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội... nhưng mặt khác cộng đồng người Việt còn là chủ đề mà các đảng chính trị hướng đến lợi dụng để chống phá chính quyền ông Hunsen, chống phá đảng CPP. Vào mỗi dịp tranh cử, một số Đảng chính trị đối lập lên án Đảng CPP tạo đã điều kiện tốt cho người Việt tham gia vào đời sống chính trị của Campuchia hoặc họ thường thổi phồng nguy cơ đồng hoá, thực dân hoá của Việt Nam, kích động chia rẽ thù hằn dân tộc [48; tr.326]. Hành động này không những ảnh hưởng đến quan hệ chính trị hai nước mà còn tác động trực tiếp đến đời sống, tâm lý của người Việt ở Campuchia. Nhiều người Việt lo lắng, sợ hãi đã bỏ chạy về các xã, huyện, tỉnh biên giới của Việt Nam trong đó có hai tỉnh Tây Ninh và Bình Phước nán nạn. Trong khoảng thời gian 2015 đến 2018 người Việt kéo nhau ồ ạt chạy về khu vực biên giới Việt Nam đã làm cho tình trạng an ninh biên giới mất ổn định. Ngoài việc giải quyết dòng người qua lại khu vực biên giới thì việc giải quyết ăn ở, việc làm, học hành, phát triển kinh tế và bảo đảm an ninh quốc phòng khu vực biên giới đều là những thách thức không nhỏ cho chính quyền và Nhân dân khu vực biên giới khi người Việt sinh sống bên Campuchia trở về.

3.1.4. Sự quyết tâm của hệ thống chính trị trong thực hiện bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia ở Đông Nam Bộ

Là khu vực có biên giới giáp với nước Campuchia trên bộ, nên các tỉnh thành khu vực Đông Nam Bộ nói chung và hai tỉnh Tây Ninh, Bình Phước nói riêng đều ý thức rất rõ tầm quan trọng cũng như những thách thức, khó khăn của đặc điểm này đối với sự phát triển và ổn định của khu vực. Chính vì thế những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, chính quyền, Nhân dân và cả hệ thống chính trị các tỉnh thành khu vực Đông Nam Bộ, đặc biệt là hai tỉnh Tây Ninh và Bình Phước đã rất nỗ lực, quyết tâm để phát huy hết mọi lợi thế, khắc phục khó khăn nhằm phát triển kinh tế, ổn định xã hội gắn với

bảo đảm an ninh quốc phòng. Sự đồng lòng và quyết tâm cao được thể hiện qua một số công việc cơ bản như:

Từ chủ trương, định hướng lớn của Đảng, Nhà nước trong bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới. Hệ thống chính trị từ tỉnh, thành đến các huyện, xã đều nhanh chóng cụ thể hoá bằng những kế hoạch, hành động của địa phương nhằm thực hiện tốt các chủ trương chung mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Xây dựng lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách phù hợp với từng yêu cầu của nhiệm vụ nhằm đảm bảo nhân lực, vật lực phục vụ tốt nhất cho công tác bảo đảm an ninh chính trị của tỉnh nói chung và khu vực biên giới nói riêng.

Huy động mọi nguồn lực trong và ngoài tỉnh để đáp ứng nhu cầu hợp tác, phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh quốc phòng, nhất là khu vực biên giới.

Luôn có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các cơ quan, đoàn thể, tạo mọi điều kiện cho phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa các cơ quan đoàn thể trong hệ thống chính trị, giữa hệ thống chính trị với Lực lượng vũ trang và Nhân dân.

Nhân dân trong các tỉnh thành, nhất là khu vực biên giới luôn được tuyên truyền, vận động vì thế đã thực hiện tốt mọi chủ trương của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội gắn với an ninh - quốc phòng.

Luôn có chủ trương, kế hoạch hợp tác với các xã, huyện, tỉnh của Campuchia trong thực hiện các nội dung an ninh chính trị, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình bảo đảm an ninh chính trị trên tinh thần đoàn kết, hữu nghị, bình đẳng và cùng có lợi....

Bên cạnh đó, các chủ thể thực hiện bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia trong giai đoạn vừa qua cũng không

ngừng nỗ lực tham gia trực tiếp vào quá trình học tập, nghiên cứu lý luận về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, lên án mạnh mẽ những hành động tuyên truyền sai trái, lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền nhằm chống phá Đảng, Nhà nước, chống phá thành tựu công cuộc xây dựng, bảo vệ tổ quốc của Việt Nam, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc hay phá vỡ mối quan hệ đoàn kết, gắn bó lâu đời giữa hai nước Việt Nam - Campuchia. Những hoạt động trên, một mặt phản ánh những nội dung đã làm nhằm bảo đảm an ninh chính trị nhưng mặt khác cũng thể hiện sự thống nhất, đồng lòng và quyết tâm cao của hệ thống chính trị, của các chủ thể thực hiện bảo đảm an ninh chính trị. Vì thế, góp phần tạo nên những thành tựu to lớn, có được nhiều bài học, kinh nghiệm trong việc bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia ở Đông Nam Bộ thời gian qua và những giai đoạn tiếp theo.

3.1.5. Tình hình an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia ở Đông Nam Bộ trước 2016.

Bằng sự nỗ lực, quyết tâm của cả hệ thống chính trị và sự hợp tác, liên kết chặt chẽ giữa Việt Nam - Campuchia trên các lĩnh vực nên tình hình an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam bộ giai đoạn trước 2016 cơ bản ổn định. Tuy nhiên, do sự tác động của nhiều yếu tố, vì vậy tình hình an ninh chính trị khu vực này vẫn còn tồn tại những bất cập, thách thức nhất định đến sự ổn định, an toàn, an ninh biên giới. Đây được xem là một trong những cơ sở quan trọng cho hoạt động bảo đảm an ninh chính trị giai đoạn sau năm 2016.

- Tình hình về an ninh lãnh thổ

Khu vực Đông Nam Bộ giai đoạn này vẫn chưa hoàn thành công tác phân giới cắm mốc với Campuchia. Tính tới thời điểm 2015, Tây Ninh đã phân giới được khoảng 185/240km; xác định được 92/101 vị trí mốc với 100/109 cột mốc và xây dựng hoàn chỉnh được 100/109 cột mốc [141]. Tức là vẫn còn khoảng hơn 30% khối lượng công việc phân giới cắm mốc vẫn chưa

hoàn thành. Tỉnh Bình Phước dù đã cơ bản hoàn thành cắm xong các mốc chính nhưng các mốc phụ chưa được triển khai. Vì thế, giai đoạn từ 2016 trở đi nhiệm vụ trọng tâm của Bình Phước tập trung hoàn thành cắm mốc phụ, tôn tạo tăng dày cột mốc, cọc dấu trên dọc tuyến biên giới của tỉnh. Khi việc phân giới cắm mốc chưa hoàn thành không những ảnh hưởng đến chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ mà còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ảnh hưởng đến an ninh khu vực biên giới, đến quá trình hợp tác liên kết và về lâu dài sẽ làm ảnh hưởng đến tình đoàn kết hữu nghị giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân hai nước Việt Nam - Campuchia.

Hoạt động hợp tác bảo vệ, ghi nhận thành quả phân giới cắm mốc giữa Việt Nam và Campuchia chưa được phía Campuchia phối hợp tốt. Sau khi tiến hành xong hoạt động cắm mốc trên thực địa, việc ghi nhận thành quả bằng các văn bản pháp lý giữa Việt Nam và Campuchia không phải lúc nào cũng diễn ra suôn sẻ và nhanh chóng. Hai đoạn biên giới của tỉnh Bình Phước từ mốc phụ 77/2 đến mốc phụ 77/3 và từ mốc phụ 75/7 đến mốc phụ 75/9 chưa thể giải quyết dứt điểm là những minh chứng điển hình. Với những lý do khác nhau từ phía Campuchia như: Campuchia muốn hoán đổi đất hoặc là khi Việt Nam triển khai thì phía Campuchia lại không tuân thủ, yêu cầu khảo sát lại... Do đó đã làm ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành phân giới, ghi nhận thành quả phân giới, cắm mốc.

Hoạt động xây dựng đường vành đai biên giới phía Campuchia nhiều nơi chưa tuân thủ đúng các văn bản pháp lý mà hai nước đã ký kết, tiến hành san ủi đất, đóng cọc dấu lấn chiếm vi phạm chủ quyền của Việt Nam, lắp đặt các cống thoát nước trên đường vành đai biên giới, xả thải qua biên giới gây ô nhiễm môi trường, phá hoại hoa màu, ngăn cản người dân Việt Nam sản xuất trên khu vực đất hai bên quản lý quá chờ hoán đổi... Tiêu biểu là sự kiện lực lượng Công binh Campuchia (Tiêu đoàn 174) triển khai làm đường vành đai biên giới đoạn từ mốc phụ 98/6 đến cột Mốc 100 nằm trên địa bàn huyện Tân Châu, Tân Biên tỉnh Tây Ninh các năm 2015, 2016. Hành vi mốc đất san ủi

đường và đặc biệt là cắm cọc tiêu số 6, số 7 lấn sang đất Việt Nam, trùng lên đường biên giới đã gây quan ngại và tác động đến tình hình an ninh khu vực biên giới giữa Việt Nam và Campuchia.

- *Tình hình an ninh tư tưởng*

Giai đoạn trước 2016, tình hình an ninh tư tưởng khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ mặc dù không có những diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến hệ tư tưởng chính trị, vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam nhưng cũng phải đối diện với một số thách thức, nguy cơ sau:

Vấn đề dân tộc, tôn giáo

Tây Ninh và Bình Phước là hai tỉnh có thành phần dân tộc, tôn giáo rất đa dạng. Theo Báo cáo số 350/ BC- UBND của UBND tỉnh Bình Phước về chính sách phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo gắn với QP - AN thì Bình Phước có 41 thành phần dân tộc, trong đó 40 thành phần dân tộc thiểu số với khoảng 200.000 người chiếm gần 20% dân số của tỉnh. Tương tự với Tây Ninh, cũng có 22 thành phần dân tộc, trong đó 21 thành phần dân tộc thiểu số với hơn 20.000 nhân khẩu, chiếm 1,7% dân số của tỉnh. Về thành phần tôn giáo, Bình Phước có 8 tôn giáo chính thức được thừa nhận tư cách pháp nhân, trong đó ở 3 huyện biên giới của tỉnh là Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập có 6 tôn giáo chính hoạt động là Công Giáo, Phật Giáo, Tin lành, Cao Đài, Hòa Hảo và Hồi Giáo. Tỉnh Tây Ninh cũng có 8 tôn giáo được thừa nhận hoạt động chính thức gồm Cao Đài, Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Hồi giáo, Phật giáo Hòa Hảo, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, Baha'i với hơn 800.000 tín đồ chiếm hơn 70% dân số của tỉnh. Các tôn giáo chính này đều có mặt, duy trì hoạt động của mình ở cả 5 huyện biên giới của tỉnh Tây Ninh. Với thành phần dân tộc và tôn giáo phong phú, đa dạng một mặt đã tạo nên những giá trị riêng cho quá trình hội nhập và phát triển của hai tỉnh nhưng cũng mang đến những vấn đề phát sinh ảnh hưởng đến an ninh tư tưởng khu vực biên giới như: xuất hiện các tôn giáo mới, tôn giáo lạ (Thanh Hải Vô Thượng Sư, Pháp Luân Công, Pháp Môn Diêu Âm,

Đức Chúa Trời Mẹ, Nhất Quán Đạo, Cao Đài Huỳnh Đạo...). Các tôn giáo này hoạt động trái phép, tuyên truyền sai sự thật, vì vậy công tác quản lý tôn giáo, công tác định hướng tư tưởng trong đó có tư tưởng chính trị gặp nhiều trở lực.

Một trong những nguy cơ hiện hữu khác liên quan mật thiết đến vấn đề dân tộc, tôn giáo tại khu vực biên giới Đông Nam Bộ chính là hoạt động của các đối tượng Fulro liên quan đến Tin lành Đê-ga. Các đối tượng Fulro này được nhà nước Mông Ta Nha tại Mỹ tài trợ, thường xuyên về các tỉnh Đông Bắc Campuchia, chỉ đạo Fulro ngầm ở tỉnh Mundunkiri kết hợp với lực lượng Funro ngầm ở các tỉnh Gia Lai, Đak Lăk, Đak Nông, Lâm Đồng, Kon Tum và Bình Phước núp bóng cộng đồng dân tộc thiểu số, Tin lành Đê-ga để xây dựng lực lượng, hỗ trợ lẫn nhau, chờ thời cơ đấu tranh đòi đất để thành lập nhà nước tự trị.

Vấn đề an ninh mạng internet

Giai đoạn trước 2016 là giai đoạn đất nước đang từng bước chuyển đổi mạnh mẽ. Về kinh tế, hội nhập quốc tế và khu vực, trong nước diễn ra nhiều sự kiện chính trị, kinh tế, an ninh - quốc phòng quan trọng. Lợi dụng sức mạnh của truyền thông, mạng Internet với các trang mạng xã hội như Facebook, youtube... các thế lực thù địch, phần tử chống đối đăng tải nhiều bài viết có nội dung xuyên tạc, mang tính phản động, đưa thông tin sai lệch, xuyên tạc về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, về đường lối đối ngoại liên quan đến bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới... tiêu biểu là hội nhóm có tài khoản mạng xã hội công khai như: Trảng Bàng Đại Linh Nhân Kiệt, Chúng tôi yêu Việt Nam, Chúng tôi yêu biển, đảo Việt Nam, Tây Ninh trên đường phát triển, Việt Tân, Lisa Phạm, Peter Vo Nguyen... những trang mạng xã hội này đã đưa nhiều thông tin sai sự thật vì thế làm cho Nhân dân cả nước nói chung và Nhân dân khu vực biên giới nói riêng hoang mang, lo sợ, thậm chí sẵn sàng phản ứng lại lực lượng chức năng đang thi hành nhiệm vụ. Tình hình đó không chỉ đặt ra thách thức cho quá trình quản lý mạng internet mà còn liên quan tác động trực tiếp đến niềm tin,

tình cảm của quần chúng nhân dân với Đảng, với chính quyền.

Ngoài các vấn đề trên, còn có các vấn đề, sự kiện trong đời sống chính trị, an ninh, kinh tế, xã hội... xuất hiện ở khu vực biên giới đã tác động đến tư tưởng, tinh thần, niềm tin của Nhân dân như: Tình hình khiếu kiện về đất đai; Vấn đề dịch bệnh; Vấn đề bảo hiểm y tế không còn được ngân sách Trung ương hỗ trợ và đặc biệt là vấn đề người Việt di cư tự do từ Campuchia về Việt Nam. Trong giai đoạn này Chính phủ Campuchia thực hiện việc thu hồi và huỷ bỏ các giấy tờ hành chính cấp sai thẩm quyền đối với người nước ngoài. Đồng thời, chính quyền một số tỉnh, thành phố của Campuchia (Phnôm Pênh, Công Pông Ch'Năng, Công Pông Chàm... ra thông báo yêu cầu người dân (đa số là người Campuchia gốc Việt Nam) sinh sống trên sông, hồ phải tháo dỡ các nhà nổi, lòng bè để thực hiện chủ trương di dời lên bờ sinh sống... Vì thế, nhiều người Việt đã dời Campuchia về Việt Nam. Tỉnh Bình Phước ước tính có khoảng 1.500 người di cư về với 3 huyện biên giới. Tây Ninh từ năm 2013 đến tháng 12/2016, trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận 07 đợt với 263 hộ/1.231 nhân khẩu Việt kiều, người Campuchia gốc Việt di cư tự do về sinh sống, tập trung chủ yếu tại huyện Tân Châu; huyện Tân Biên; khu vực Hồ Dầu Tiếng. Khi người Campuchia gốc Việt di cư về địa bàn hai tỉnh đa số có cuộc sống tạm bợ, không ổn định, không có đất ở và đất sản xuất, sinh sống chủ yếu bằng nghề đánh bắt cá, làm thuê, bán vé số nên thường xuyên di chuyển từ nơi này sang nơi khác, cuộc sống rất khó khăn. Phần lớn không có giấy tờ để chứng minh nhân thân và chưa xác định được Quốc tịch. Vì thế, việc giải quyết giấy tờ tùy thân, việc làm, nhà ở, y tế, học hành cũng là những áp lực lớn cho chính quyền và Nhân dân khu vực biên giới. Nếu không giải quyết tốt sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh khu vực biên giới nói chung và an ninh tư tưởng khu vực biên giới nói riêng bởi nó không chỉ tác động trực tiếp đến tâm tư nguyện vọng của người dân di cư về Việt Nam mà còn là cơ hội cho các thế lực thù địch lợi dụng chống phá và chia rẽ quan hệ giữa

Nhân dân hai nước.

- Tình hình an ninh thể chế

Bên cạnh các hoạt động xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, nâng cao chất lượng hiệu lực, hiệu quả của bộ máy Nhà nước thì vẫn còn một số nội dung đang thách thức đến an ninh thể chế tại khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ như: Trình độ, năng lực, nhận thức của cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị chưa đồng đều; Số lượng cán bộ, đảng viên là người dân tộc thiểu số và người có đạo trong hệ thống chính trị còn ít nhất là tại các xã biên giới. Đơn cử như trường hợp tỉnh Tây Ninh. Theo Quyết định số 2024/QĐ, ngày 2/8/2016 “về Ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X về phát triển nguồn nhân lực tỉnh giai đoạn 2016 - 2020” thì tổng số cán bộ, công chức, viên chức cả tỉnh đến năm 2016 là 21.088.754 người. Về tình trạng chuyên môn và cơ cấu ngạch công chức: tỉ lệ cán bộ công chức có trình độ từ đại học trở lên chiếm 48,48,8%, Sau đại học chiếm 3,7%; còn lại là Cao đẳng, Trung cấp [129]. Tại các cơ quan của tỉnh có khoảng 200 cán bộ, công chức, viên chức, người không chuyên trách là người dân tộc thiểu số. Trong số hơn 37.000 đảng viên của tỉnh thì có khoảng gần 3000 đảng viên có đạo, khoảng 80 đảng viên là người dân tộc thiểu số. Nhiệm kỳ 2011 - 2016 số Đảng viên có đạo trúng cử vào Hội đồng Nhân dân các cấp tổng số 29 người, lần lượt là tỉnh 01, huyện 05, xã 23 người [129]. Tỉnh Bình Phước, theo Quyết định số 2603/QĐ – UBND, ngày 03/12/2014 của UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức các xã, thị trấn thuộc hai huyện Bù Gia Mập và Bù Đăng giai đoạn 2015 – 2020 thì ở những xã miền núi, biên giới của tỉnh: Cán bộ công chức cấp xã chuyên trách có tổng 372 người, trong đó trình độ Tiểu học chiếm 01,30%, Trung học cơ sở chiếm 09,36%, Trung học phổ thông chiếm tỷ lệ 89,34%, Đại học có 38/372 người, chiếm tỷ lệ 10,21%. Trình độ chuyên môn chưa qua đào tạo 66/372 người, chiếm 27,95% và hầu hết chưa có trình độ quản lý hành

chính Nhà nước chiếm 92% [117]. Khi trình độ năng lực chuyên môn, lý luận của đội ngũ cán bộ, đảng viên không đồng đều sẽ tác động trực tiếp đến nhận thức, năng lực chuyên môn và ý thức trách nhiệm trong xây dựng hệ thống chính trị. Với đặc điểm dân cư khu vực biên giới có nhiều đồng bào DTTS, có đạo sinh sống mà trong hệ thống chính trị số lượng cán bộ, đảng viên là người DTTS và có đạo ít sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản lý nhà nước về tôn giáo, dân tộc; ảnh hưởng đến niềm tin, đến khả năng huy động nguồn lực và trách nhiệm của lực lượng này đối với hệ thống chính trị.

Bên cạnh các vấn đề trên thì tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên toàn tuyến biên giới mặc dù đã được tăng cường kiểm soát nhưng vẫn diễn biến phức tạp. Các hoạt động buôn người, vũ khí trái phép, buôn lậu, ma túy... vẫn thường xuyên diễn ra. Bằng chứng là hằng năm trên địa bàn các huyện, xã khu vực biên giới, lực lượng chức năng của Việt Nam đã bắt giữ nhiều đối tượng làm ăn phi pháp như giai đoạn 2014 - 2016 trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã bắt giữ 1.707 vụ/ 1.848 đối tượng, khởi tố 88 vụ/ 222 đối tượng. Xử lý vi phạm hành chính 966 vụ/1.517 đối tượng các loại. Tổng tiền phạt hơn 59.739.000.000đ (Năm mươi chín tỷ bảy trăm ba mươi chín triệu đồng) [17]. Trên địa bàn biên giới tỉnh Tây Ninh, lực lượng chức năng năm 2015 cũng đã phát hiện, bắt giữ 05 vụ/12 đối tượng; tang vật thu giữ 4,48 gam ma túy đá; 9,4 kg sừng Tê-giác; 0,85 m³ gỗ nhóm I; 9000 kg đường cát, 20 tấn sắt phế liệu. Tổng số tiền phạt 867.700.000 đồng... So với năm 2014, tăng 125 vụ, 29 đối tượng. Tổng giá trị hàng hóa khoảng 15 tỷ đồng (tăng khoảng hơn 10 tỷ đồng so với năm 2014) [23].

Các diễn biến phức tạp về tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới đã đặt ra nhiều thách thức cho quá trình bảo đảm an ninh chính trị nhất là an ninh thể chế bởi nó liên quan đến công tác, hoạt động hiệu quả của các cơ quan, lực lượng chức năng của hệ thống chính trị, công tác đối ngoại, hợp tác liên kết giữa hệ thống chính quyền, Nhân dân các tỉnh biên giới

với nhau và giữa các tỉnh biên giới Việt Nam - Campuchia.

Ngoài ra còn có sự hợp tác giữa Việt Nam - Campuchia vẫn tồn đọng những bất cập như trong việc thực hiện các thoả thuận hợp tác mà hai bên đã ký kết, hoặc việc phá hoại hoa màu của người dân Việt Nam đang sản xuất tại khu vực quản lý quá đang chờ xử lý. Với chủ trương cấm người dân khu vực biên giới bán và cho thuê đất, ngày 17/11/2015 chính quyền Thủ tướng Hunsen ký sắc lệnh 08/SL nên việc người dân Việt Nam thuê đất cấp biên giới không thể diễn ra như trước. Thậm chí các lực lượng chức năng Campuchia rất gắt gao, không cho người Việt Nam đưa vật tư, phương tiện vào để sản xuất nông nghiệp... Những hoạt động thiếu thiện chí này, đã làm cho đời sống Nhân dân khu vực biên giới vốn đã khó khăn lại thêm khó khăn. Đồng thời cũng tác động đến quá trình hợp tác liên kết giữa Việt Nam và Campuchia trên nhiều lĩnh vực.

3.2. TÌNH HÌNH BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ KHU VỰC BIÊN GIỚI VIỆT NAM - CAMPUCHIA Ở ĐÔNG NAM BỘ TỪ 2016 ĐẾN 2024

3.2.1. Tình hình bảo đảm an ninh lãnh thổ

3.2.1.1. Hoạt động phân giới cắm mốc và tôn tạo, tăng dày cột mốc

- Ủy ban Nhân dân hai tỉnh biên giới đã nỗ lực thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo phân giới cắm mốc, tạo tiền đề quan trọng triển khai hoạt động phân giới cắm mốc trên thực địa.

Thực hiện theo Quyết định số 1899/QĐ-UBLH Ngày 12/9/2006 Ủy ban Liên hợp phân giới cắm mốc Việt Nam - Campuchia “Về việc thành lập Đội công tác phân giới, cắm mốc biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia thuộc 10 tỉnh biên giới”. UBND Hai tỉnh biên giới khu vực Đông Nam Bộ cũng đã thành lập Ban chỉ đạo phân giới cắm mốc. Cụ thể, UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 8/6/2006 “Về việc thành lập Ban Chỉ đạo phân giới cắm mốc tỉnh Tây Ninh”; ngày 30/6/2009 tỉnh Tây Ninh ra Quyết định số 1276/QĐ-UBND “Về việc thành lập Đội phân giới

cắm mốc biên giới 6B tỉnh Tây Ninh gồm 19 thành viên”; UBND Bình Phước cũng ban hành Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2006 của UBND tỉnh “Về việc thành lập Ban chỉ đạo Phân giới cắm mốc tỉnh” và Quyết định số 1813/QĐ-UBND “Về Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo phân giới cắm mốc tỉnh”. Theo tinh thần của các văn bản trên, Ban chỉ đạo phân giới cắm mốc là chủ thể chính của các tỉnh biên giới thực hiện hoạt động phối hợp với các Bộ, Ngành hoàn thành phân giới cắm mốc và các công trình liên quan; là chủ thể tham mưu, dự trù kinh phí, tiến hành đôn đốc, kiểm tra các hoạt động liên quan phân giới cắm mốc, tôn tạo, tăng dày cột mốc; Lập kế hoạch và phối hợp với Bộ Ngoại giao, các bộ liên quan giải quyết các vấn đề liên quan đến dân cư, đất đai, nhà cửa, công trình ... thuộc phạm vi quản lý của tỉnh trong quá trình phân giới cắm mốc và sau khi hoàn thành phân giới cắm mốc; Trên cơ sở chủ trương của Tỉnh uỷ, UBND chỉ đạo các Sở, Ngành và địa phương tăng cường công tác quản lý Nhà nước về biên giới, giữ gìn an ninh trật tự ở khu vực biên giới, giải quyết tốt các vấn đề phát sinh, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phân giới cắm mốc...

- Hoạt động phân giới cắm mốc và tôn tạo tăng dày cột mốc đã được triển khai mạnh mẽ và đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Giai đoạn này, ngoài thành lập Ban chỉ đạo phân giới cắm mốc, UBND hai tỉnh biên giới còn ban hành nhiều văn bản liên quan như: Quyết định số 59/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 09 tháng 01 năm 2019 “Về việc kiện toàn Ban chỉ đạo phân giới cắm mốc đất liền Việt Nam - Campuchia tỉnh Bình Phước”; Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh “Về việc thành lập Ban Chỉ đạo công tác biên giới tỉnh Bình Phước”; Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh “Về việc ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo công tác biên giới tỉnh Bình Phước”; Kế hoạch số 15/KH-BCĐ phân giới cắm mốc ngày 6 tháng 4 năm 2019, Kế hoạch số 11/KH-BCĐ phân giới cắm mốc ngày 09 tháng 06 năm 2020; Công

văn số 17/BCĐ ngày 18/8/2020 của Ban Chỉ đạo phân giới cắm mốc tỉnh “Về việc xin chủ trương xử lý một số cột mốc có nguy cơ sạt lở cao, ngập lụt trên tuyến biên giới”; Kế hoạch số 17/KH-BCĐ phân giới cắm mốc ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Ban chỉ đạo phân giới cắm mốc tỉnh Bình Phước; Công văn số 2782/UBND-NC ngày 29/9/2022 của UBND tỉnh “Về việc thuận chủ trương xử lý mốc 60/13(3) đang bị sạt lở”; Công văn số 1520 của UBND tỉnh Tây Ninh ngày 10 tháng 7 năm 2020 “về việc phân giới cắm mốc”; Quyết định của UBND tỉnh Tây Ninh số 49/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 “Về việc thành lập Ban Chỉ đạo công tác biên giới tỉnh Tây Ninh”...

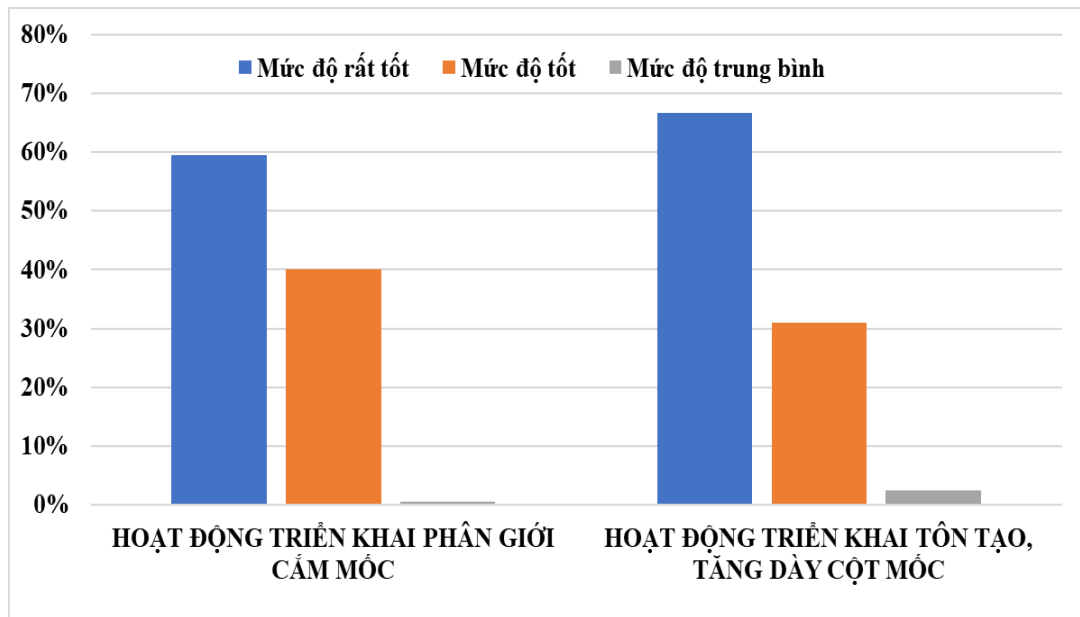
Dưới sự chỉ đạo của UBND các tỉnh biên giới, Ban chỉ đạo phân giới cắm mốc đã phối kết hợp với Bộ ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư... Đồng thời, tiến hành nhiều vòng đàm phán, họp nhóm chuyên gia (Ban chỉ đạo phân giới cắm mốc tỉnh Tây Ninh đã cùng với 02 Đội phân giới cắm mốc số 6 và số 6B của tỉnh tham gia trên 30 cuộc họp Nhóm chuyên gia kỹ thuật liên hợp phân giới cắm mốc biên giới đất liền và các cuộc đàm phán song phương khác với phía Campuchia để thực hiện công tác phân giới cắm mốc trên toàn tuyến biên giới; Từ năm 2015 đến 2020, tỉnh Bình Phước tiến hành 17 lần đàm phán, khảo sát đánh dấu thực địa cùng với phía Campuchia...). Cùng với sự nỗ lực của các sở, ngành, Nhân dân địa phương trong triển khai hoạt động phân giới cắm mốc trên thực địa. Sau nhiều nỗ lực, đến ngày 30 tháng 5 năm 2018 tỉnh Bình Phước đã xác định xong 181/181 vị trí, xây dựng xong 173/173 mốc phụ, đạt 100% [6]. Tại vòng họp nhóm chuyên gia lần thứ 32 tại thủ đô Phnom Penh vào ngày 18 tháng 01 năm 2019, tỉnh Bình Phước và phía Campuchia đã nghiệm thu hết những hồ sơ còn tồn đọng, cơ bản hoàn thành phân giới cắm mốc. Tây Ninh đã phân giới được 221/240 km đường biên và đã xác định được 94/101 vị trí mốc với 102/109 cột mốc chính được hoàn thành. Tổng khối lượng công việc đạt 94,51%, góp phần vào việc hoàn thành 84% khối lượng công tác phân giới cắm mốc trên toàn tuyến biên giới đất liền Việt Nam – Campuchia [15].

Lịch sử hình thành đường biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia khu vực Đông Nam Bộ được xác lập từ thời kỳ Đông Dương thuộc Pháp. Trong giai đoạn này giữa Pháp và Cao Miên đã đạt được hai Công ước ký năm 1870 và 1873. Sau đó, đường biên giới này được sửa đổi, điều chỉnh bởi một số Nghị định của Toàn quyền Đông Dương. Hệ thống mốc cũ trên địa bàn Đông Nam Bộ hiện không còn nguyên vẹn và không phù hợp so với các văn kiện pháp lý đã có hiệu lực giữa Việt Nam và Campuchia. Vì vậy, hai tỉnh biên giới đã đề xuất với Trung ương hướng xử lý. Ngoài ra, việc xây dựng mốc mới cũng được hai tỉnh biên giới tích cực triển khai. Mỗi năm các tỉnh tiến hành tôn tạo, sửa chữa khoảng 30 mốc chính, mốc phụ và các cọc dấu. Đồng thời, tiến hành sơn sửa lại toàn bộ hệ thống mốc bị mờ số ký hiệu trên toàn tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia trên địa bàn hai tỉnh; riêng tỉnh Bình Phước tính đến cuối năm 2019 đã hoàn thành việc tôn tạo, tăng dày cột mốc với kết quả đạt được là hơn 130 mốc chính, mốc phụ, cọc dấu đã được bảo vệ, khôi phục và sửa chữa theo đúng thoả thuận mà hai bên đã trao đổi, ký kết [6].

Kết quả phân giới cắm mốc và tôn tạo, tăng dày cột mốc của các tỉnh biên giới khu vực Đông Nam Bộ thời gian qua đã phản ánh quyết tâm, nỗ lực, sự phối hợp hiệu quả của cả hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh lãnh thổ. Kết quả này cũng được phản ánh qua khảo sát thực tiễn của tác giả, cụ thể:

Kết quả đánh giá về kế hoạch, hoạt động triển khai phân giới cắm mốc: 123/207 phiếu chọn mức độ rất tốt, đạt tỷ lệ 59.4% ; 83/207 phiếu chọn mức độ tốt, đạt tỷ lệ 40.1%, có 01/207 phiếu chọn mức độ trung bình, đạt tỷ lệ 0.48%.

Kết quả đánh giá về kế hoạch, hoạt động triển khai tôn tạo, tăng dày cột mốc: 138/207 phiếu chọn mức độ rất tốt, đạt tỷ lệ 66.67%; 64/207 phiếu chọn mức độ tốt, đạt tỷ lệ 30.92%, có 05/207 phiếu chọn mức độ trung bình, đạt tỷ lệ 2.42% .



3.1.. Kết quả đánh giá về kế hoạch, hoạt động triển khai phân giới cắm mốc và tôn tạo tăng dày cột mốc

3.2.1.2. Hoạt động xây dựng đường tuần tra, cụm công trình biên giới

Để bảo vệ vững chắc an ninh lãnh thổ khu vực biên giới không thể thiếu các công trình xây dựng nhằm phục vụ cho quá trình tuần tra, bảo vệ lãnh thổ thiêng liêng của tổ quốc. Thời gian qua, dưới sự chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và các cơ quan Trung ương, tỉnh Tây Ninh và tỉnh Bình Phước đã chú trọng, đạt được nhiều kết quả tốt trong việc xây dựng các tuyến đường vành đai, cụm công trình biên giới nhằm bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ.

Sau khi có chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, hai tỉnh Tây Ninh và Bình Phước đã tập trung nguồn lực phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Quân Khu 7 và Bộ Quốc phòng tiến hành khảo sát, bảo vệ và tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho các đơn vị thi công đường tuần tra biên giới. Tính đến năm 2021, tỉnh Tây Ninh đã hoàn thành cắm 208 biển báo khu vực biên giới, vành đai biên giới, hoàn thành đường tuần tra biên giới với tổng chiều dài là 130,41 km và 16 đoạn đường nhánh ra các mốc (khoảng 18,3km). Ngoài ra, tỉnh Tây Ninh còn Đầu tư xây dựng các công trình chiến đấu, công trình đảm bảo cho chiến đấu trong khu vực phòng thủ, quy hoạch xây dựng cơ bản Cơ quan Bộ Chỉ huy và 15/15 đồn Biên phòng,

xây dựng đường xương cá ra mốc giới dài 18,374,07 km, gồm 09 đoạn là: 79, 88, 91, 93, 95, 100, 102, 105, 106 (dài 11,93 km), theo tiêu chuẩn cấp 4 miền núi và 07 đoạn ra các mốc: 80, 85, 86, 89, 90, 97, 101 (dài 6.493 m) theo tiêu chuẩn giao thông nông thôn loại C [40].

Tương tự, Quân khu 7 cũng đã chỉ đạo, phối hợp với tỉnh Bình Phước tổ chức xây dựng các tuyến đường tuần tra biên giới. Tính đến năm 2023, Bình Phước đã xây dựng và đưa vào sử dụng 200,5 km đường tuần tra biên giới. Đồng thời, cũng đã xây dựng chốt dân quân thường trực chiến đấu trên địa bàn tuyến biên giới. Đến nay, tỉnh Bình Phước đã xây dựng 11 chốt dân quân thường trực trên tuyến biên giới, 01 chốt dân quân khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư và 02 chốt vùng đệm tại huyện Hớn Quản, nhằm thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu; phối hợp Bộ đội biên phòng tuần tra, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên cương của Tổ quốc [70].

3.2.1.3. Hoạt động tuần tra, phối hợp tuần tra bảo vệ biên giới

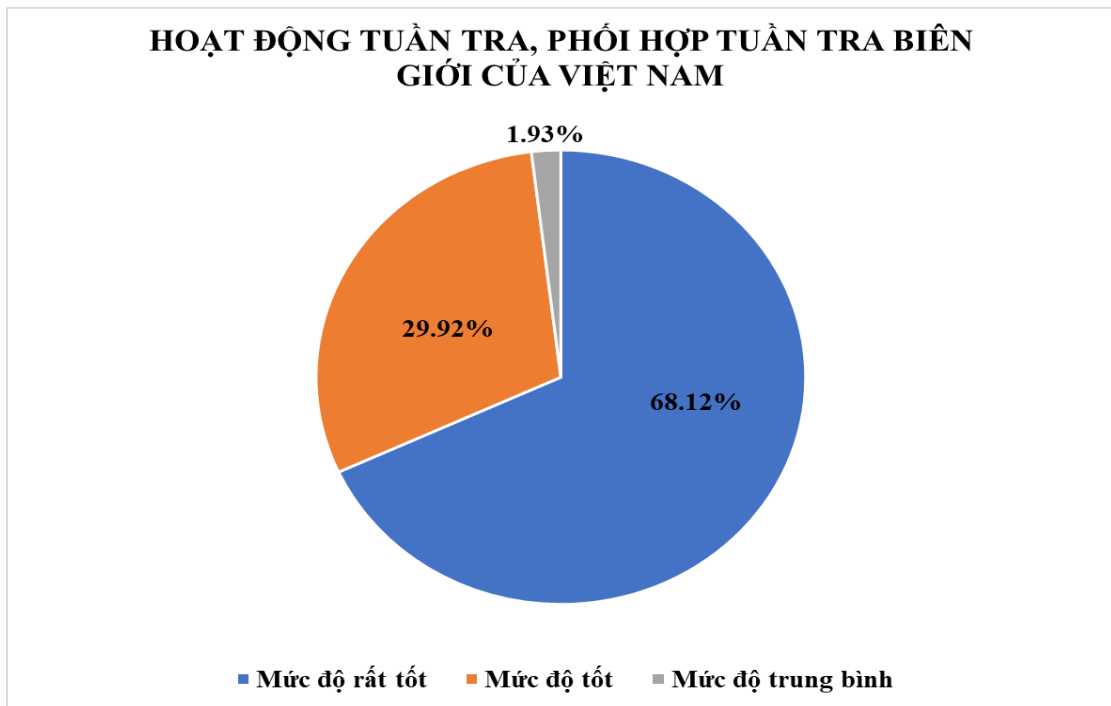
Để bảo đảm an ninh lãnh thổ trên đất liền Việt Nam - Campuchia thì hoạt động tuần tra, phối hợp tuần tra biên giới cũng là những hoạt động được hai tỉnh biên giới khu vực Đông Nam Bộ tiến hành thường xuyên.

Trên cơ sở thực hiện các văn bản như: Nghị quyết số 25/2018/NQ-HĐND, ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh, Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND, ngày 23/4/2019 của UBND tỉnh “Về xác định vành đai biên giới trong khu vực biên giới tỉnh Tây Ninh”, Công văn số 794-CV/TU ngày 07/06/2019 của Ban Thường vụ tỉnh uỷ Bình Phước “Về tăng cường công tác xây dựng, quản lý bảo vệ biên giới”; Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Tây Ninh “Về phối hợp giữa Công an - Quân sự - Biên phòng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia”... hàng tháng các lực lượng chức năng và Bộ đội biên phòng đã triển khai hoạt động tuần tra biên giới nhằm phát hiện kịp thời và xử lý những cột mốc hư hỏng, định kỳ phát quang thông tầm nhìn biên giới, giải quyết kịp thời các vấn đề phát

sinh trên tuyến biên giới, nhất là các hoạt động phá hoại mốc giới, tội phạm biên giới... không để xảy ra vụ việc phức tạp kéo dài.

Ngoài ra hai tỉnh còn tăng cường công tác phối hợp với lực lượng chức năng Campuchia đối diện thực hiện kiểm tra liên hợp đường biên giới định kỳ theo quy định của các văn kiện pháp lý cụ thể: Đã phối hợp với lực lượng Cảnh sát bảo vệ biên giới các tỉnh Svay Rieng, Pray Veng, Tbung Khmum để thường xuyên phối hợp tuần tra, kiểm soát, bảo vệ đường biên cột mốc và phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn các loại tội phạm trên tuyến biên giới. Từ năm 2016 đến nay, Bộ đội Biên phòng Tây Ninh đã tổ chức 342 lần hội đàm, gặp gỡ, giao ban định kỳ và đột xuất với lực lượng bảo vệ biên giới Campuchia, trong đó có 76 lần cấp tỉnh và 266 lần cấp đồn Biên phòng; phối hợp tuần tra song phương 297 lượt với 1.488 lượt cán bộ, chiến sĩ tham gia [40]. Tương tự, tỉnh Bình Phước cũng tổ chức hội đàm định kỳ, đột xuất với các lực lượng bảo vệ biên giới với các tỉnh Campuchia đối diện: Cấp tỉnh: Hội đàm định kỳ 20 lần/240 lượt cán bộ tham gia. Quan hệ đột xuất: 12 lần/210 lượt cán bộ tham gia; cấp đồn: Hội đàm theo định kỳ: 210 lần/1000 lượt cán bộ tham gia. Quan hệ đột xuất: 117 lần = 2.196 lượt cán bộ tham gia; Phối hợp tuần tra song phương với các đơn vị bảo vệ biên giới Campuchia đối diện được 125 lần = 608 lượt CBCS tham gia [16].

Kết quả trên cho thấy hoạt động tuần tra và phối hợp tuần tra biên giới của hai tỉnh biên giới khu vực Đông Nam Bộ đã được quan tâm, triển khai đồng bộ và đạt được nhiều thành tựu. Kết quả này cũng được phản ánh qua khảo sát thực tế của tác giả, cụ thể: Kết quả đánh giá về kế hoạch và hoạt động tuần tra, phối hợp tuần tra biên giới của hai tỉnh biên giới Tây Ninh và Bình Phước: 141/207 phiếu chọn mức độ rất tốt, đạt tỷ lệ 68.12% ; 62/207 phiếu chọn mức độ tốt, đạt tỷ lệ 29.92%, có 04/207 phiếu chọn mức độ trung bình, đạt tỷ lệ 1.93% .



3.2. Kết quả đánh giá về kế hoạch và hoạt động tuần tra, phối hợp tuần tra biên giới của hai tỉnh biên giới Tây Ninh và Bình Phước, Việt Nam

3.2.2. Tình hình bảo đảm an ninh tư tưởng

3.2.2.1. Hoạt động bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ Đảng, Nhà nước trước chiến lược “Diễn biến hoà bình” và phòng chống phát tán, tuyên truyền tài liệu, thông tin giả, sai sự thật

- Hai tỉnh Tây Ninh và Bình Phước đã có nhiều chủ trương, kế hoạch quan trọng về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ Đảng, Nhà nước trước chiến lược “Diễn biến hoà bình” và phòng, chống phát tán, tuyên truyền tài liệu, thông tin giả, sai sự thật nhằm tạo cơ sở và thống nhất trong hành động.

Thực hiện chủ trương của Đảng, từ 2016 đến nay, tỉnh Tây Ninh và tỉnh Bình Phước đã ban hành được hơn 100 văn bản liên quan, tiêu biểu như: Kế hoạch số 61-KH/TU của BTV tỉnh uỷ Tây Ninh ngày 27/12/2017 “Về việc tổ chức học tập chuyên đề năm 2018 “Xây dựng phong cách, tác phong công tác của người đứng đầu, của cán bộ, đảng viên trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Kế hoạch số 06-KH/BCĐ ngày 17/2/2021 của Ban chỉ đạo 35-16 tỉnh Tây Ninh “Về hoạt động bảo vệ nền tảng tư tưởng

của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch năm năm 2021”; Đề án số 05-ĐA/TU, ngày 29/4/2022 của Ban thường vụ tỉnh uỷ Tây Ninh về “Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, phòng, chống âm mưu “Diễn biến hoà bình”, gỡ bỏ các thông tin xấu, độc, xuyên tạc của các thế lực thù địch, giai đoạn 2022-2025”... Tương tự, tỉnh Bình Phước cũng có nhiều kế hoạch, chủ trương như: Công văn số 1213-CV/BTGTU ngày 19/02/2019 của Ban Tuyên giáo tỉnh uỷ “về việc báo cáo tổng kết thực hiện Chỉ thị 34 của Ban bí thư TW về tăng cường đấu tranh chống âm mưu, hoạt động “Diễn biến hoà bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hoá”; Kế hoạch số 194-KH/TU ngày 11/07/2019 của Tỉnh uỷ Bình Phước thực hiện Nghị quyết số 35 của Bộ Chính trị khoá XII “Về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”; Chương trình hành động số 17-Ctr/TU ngày 30/09/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước và Kế hoạch số 64-KH/TU ngày 15/2/2022 của Ban thường vụ tỉnh uỷ “Về nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng trên địa bàn tỉnh”; Đề án số 03- ĐA/TU ngày 16/03/2022 của Ban thường vụ tỉnh uỷ “Về đấu tranh, phản bác quan điểm sai trái, thù địch trên địa bàn tỉnh Bình Phước góp phần tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình hiện nay (giai đoạn 2022 - 2025)”...

- Từ các chủ trương, kế hoạch được ban hành, UBND các tỉnh biên giới tích cực triển khai các hoạt động và đạt được những kết quả quan trọng.

Tuỳ vào chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đoàn thể của hai tỉnh đã tổ chức tuyên truyền, vận động, mở lớp bồi dưỡng, báo cáo thời sự, các cuộc thi... Trong đó phát huy vai trò của Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận và Mặt trận tổ quốc tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh với chương trình tuyên truyền đặc biệt hàng năm đem lại nhiều kết quả trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ Nhà nước, cán bộ, đảng viên. Giai đoạn 2016 đến nay, báo, đài

của tỉnh Tây Ninh đã đăng, phát hơn 5.697 tin, bài có chủ đề về thực hiện Chỉ thị 05 và Nghị quyết trung ương 4 khóa XII; Thành lập được Tổ tuyên truyền ở các xã biên giới [59]. Đến năm 2022, toàn tỉnh đã thành lập, đưa vào hoạt động 254 diễn đàn công khai với hơn 444.000 thành viên. Riêng 05 huyện, thị xã biên giới đã đưa vào hoạt động gần 100 diễn đàn, tiêu biểu: Tây Ninh trên đường phát triển, Bình yên Tây Ninh; Chúng tôi yêu Việt Nam; Tráng Bàng địa linh nhân kiệt... Các diễn đàn này đã đăng tải, chia sẻ, lan toả hơn 96.729 tin, bài, video clip tuyên truyền với phương châm “lấy cái đẹp dẹp cái xấu; lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực”, “phủ xanh thông tin tích cực”, có thể con số này còn khá khiêm tốn so với các tỉnh, thành phố lớn, nhưng với vị trí một tỉnh biên giới, kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn thì kết quả trên là sự nỗ lực rất lớn của địa phương [57]. Tại tỉnh Bình Phước cũng đã có 1.300 người tham gia trực tiếp đội ngũ đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Các trang, nhóm cộng đồng từ cấp tỉnh đến cơ sở được thành lập để phục vụ nhiệm vụ tuyên truyền, đấu tranh, phản bác quan điểm sai trái, thù địch. Riêng cấp tỉnh và 03 huyện biên giới - Ban chỉ đạo 94 nay là Ban chỉ đạo 35 đã thành lập trang facebook “Tự hào Bình Phước”, trang này đã có 41.000 lượt like, 48.200 lượt theo dõi. Báo, đài tỉnh xây dựng chuyên trang, chuyên mục chống “Diễn biến hoà bình” đăng phát mỗi năm hơn 200 tin, bài trên 04 loại hình báo chí; Đã tiến hành phản biện trực diện với trên 100 tài khoản, phát hiện hơn 200 trường hợp chia sẻ thông tin sai trái, thù địch. Không chỉ phát hiện và tiến hành phản bác trực diện trên các mạng xã hội mà lực lượng chức năng, bằng các biện pháp nghiệp vụ đã tiến hành xác minh, xử lý được hơn 50 trường hợp, xử phạt hành chính 183 trường hợp [125] ... Ở các huyện biên giới, để kịp thời phòng ngừa, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Huyện uỷ các tỉnh đã chỉ đạo Ban Tuyên giáo huyện, Phòng Văn hoá - Thông tin và Công an huyện cùng với Ban chỉ đạo 824 tuyên truyền, xây dựng các bài viết nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ Đảng, Nhà

nước. Một số các vụ việc như bắt các đối tượng có hành vi sử dụng mạng facebook để chia sẻ, bình luận, đăng tải nhiều vấn đề nhạy cảm, mang tính tiêu cực, nói xấu, xuyên tạc vai trò của Đảng, Nhà nước cũng được các huyện biên giới tiến hành. Đơn cử như huyện Lộc Ninh, vào tháng 6/2018 khi Quốc Hội thảo luận về dự thảo Luật đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, Luật An ninh mạng, qua công tác nắm bắt tình hình công an huyện đã phát hiện 6 đối tượng có hành vi tuyên truyền sai sự thật, đưa ra những ý kiến phản đối, kêu gọi người dân biểu tình hoặc đã phát hiện 47 cơ sở vi phạm, xử phạt gần 200 triệu đồng về quản lý, sử dụng mạng internet sai mục đích [61] ...

3.2.2.2. Hoạt động bảo đảm trong công tác dân tộc

- Công tác ban hành chủ trương, kế hoạch liên quan vấn đề dân tộc được hai tỉnh biên giới chú trọng, đã đáp ứng nhu cầu của tình hình thực tiễn ở địa phương.

Vấn đề dân tộc luôn là một trong những vấn đề nhạy cảm, luôn là đối tượng để các thế lực thù địch lợi dụng nhằm chống phá Đảng, Nhà nước. Để ngăn chặn được những nguy cơ, thách thức về vấn đề dân tộc, đồng thời tạo tiền đề cho công tác dân tộc hiệu quả hơn, thời gian qua hai tỉnh Tây Ninh và tỉnh Bình Phước đã ban hành các văn bản quan trọng như: Quyết định số 1544/QĐ - UBND của UBND tỉnh Tây Ninh ngày 10/07/2015 “Về việc ban hành kế hoạch triển khai Chiến lược và chương trình hành động thực hiện chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020”; Kế hoạch số 1845/KH - UBND của UBND tỉnh Tây Ninh ngày 27/08/2019 “Về thực hiện Đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018 - 2025”; Kế hoạch số 475/KH - UBND của UBND tỉnh Tây Ninh ngày 22/02/2021 “Về thực hiện đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2025”; Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày 27/02/2016 của UBND tỉnh Bình Phước “Về triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc

thiểu số trên địa bàn tỉnh gắn với mục tiêu phát triển bền vững giai đoạn 2016 - 2020”; Kế hoạch số 308/KH-UBND, ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Bình Phước thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ “Về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 20/3/2019 của UBND tỉnh “Về phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước”; Kế hoạch 168-KH/TU, ngày 08/4/2019 của Tỉnh ủy “về phúc tra, rà soát số liệu và các chính sách thực hiện “Chương trình phát triển kinh tế - xã hội bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh giai đoạn 2018- 2020, định hướng đến năm 2030”...

- Từ những định hướng về chủ trương, định hướng nội dung của UBND hai tỉnh biên giới về công tác dân tộc, các chủ thể trong hệ thống chính trị đã tích cực triển khai nhiều hoạt động nên đời sống vật chất, tinh thần và vị trí, vai trò của đồng bào các dân tộc thiểu số được nâng lên.

Về đầu tư và sử dụng nguồn lực: Hàng năm các sở, ngành địa phương như: Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động Thương Binh và Xã hội, Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo... phối hợp với hệ thống cấp uỷ, chính quyền các huyện, xã biên giới tiến hành tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học nghề và mở các lớp học nhằm giới thiệu mô hình liên kết sản xuất, tạo việc làm. Từ năm 2016 đến 2023, số người dân tộc thiểu số của tỉnh Tây Ninh tham gia các lớp đào tạo là 432 người, sau học nghề khoảng 80% lao động tham gia học nghề có việc làm, tự tạo được việc làm, có thu nhập, nhiều hộ thoát nghèo [128]. Trong giai đoạn này, tỉnh Bình Phước đã quan tâm, hỗ trợ sản xuất cho 2.855 hộ, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng khoảng 100 công trình, tập huấn cho hơn 1000 lượt, cán bộ cơ sở, cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới [133].

Về cơ sở hạ tầng cũng có nhiều cải thiện, hầu hết các tuyến đường liên

thôn, xã, huyện biên giới trên địa bàn hai tỉnh đều được bê tông hoá, nhựa hoá. Người dân khu vực biên giới đã được sử dụng nước sạch, có hệ thống điện lưới vào tận ấp, nhà. Đến cuối năm 2022, 100% xã vùng dân tộc thiểu số thực hiện phát thanh và được phủ sóng truyền hình; Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tây Ninh phối hợp với ban quản lý chương trình cung cấp viễn thông công ích - Bộ Thông tin và Truyền thông hỗ trợ đầu thu truyền hình số mặt đất cho 162/675 hộ gia đình tại các huyện biên giới [130]. Năm 2018, Bình Phước đã đầu tư ngân sách 17.355 triệu đồng để thực hiện các tuyến đường vào khu đất sản xuất cấp cho đồng bào dân tộc thiểu số, xây dựng đập thuỷ lợi tại xã Đak O, huyện Bù Gia Mập; Năm 2020, UBND tỉnh đã phân bổ ngân sách 67.913 triệu đồng cho 3 huyện biên giới là Lộc Ninh, Bù Gia Mập, Bù Đốp để xây dựng đường giao thông, chuyển đổi nghề, hỗ trợ nước sinh hoạt, hỗ trợ di dân định cư... góp phần ổn định tại chỗ cho gần 1.300 đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn. Trong đời sống văn hoá, tỉnh đã chỉ đạo, các sở ngành liên quan đã tổ chức thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư”; triển khai xây dựng nhà văn hoá, trung tâm học tập cộng đồng, trong đó 100% các xã biên giới đã có trung tâm văn hoá - thể thao” [133].

Về công tác cán bộ người dân tộc thiểu số cũng được đẩy mạnh. Hiện toàn tỉnh Tây Ninh có 192 công chức, viên chức, người không chuyên trách là người dân tộc thiểu số công tác tại các cơ quan trong tỉnh. Đến hết năm 2023, toàn tỉnh có 256 đảng viên là người dân tộc thiểu số. Trong bầu cử Đại biểu quốc hội khoá XV và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021- 2026 có 63 người được giới thiệu ứng cử, trong đó có 03 người ứng cử cấp huyện, xã khu vực biên giới. Tính đến 2023, Bình Phước cũng có 2000 đảng viên là người dân tộc thiểu số, trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh có khoảng 1.500/25.000 người. Nhiều cán bộ công chức, viên chức người dân tộc thiểu số được bố trí, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cấp uỷ

Đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội. Có trên 200 đại biểu hội đồng nhân dân. Các cấp là người dân tộc thiểu số ... riêng 3 huyện biên giới chiếm hơn 30% trong tổng số các chỉ tiêu trên [132]. Ngoài ra hai tỉnh còn có chính sách đãi ngộ đối với người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bình quân mỗi năm số tiền dành cho thực hiện chính sách khoảng 600 triệu đồng [133].

3.2.2.3. Hoạt động bảo đảm trong công tác tôn giáo

- UBND và các Sở, Ngành hai tỉnh biên giới luôn chủ động ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác tôn giáo.

Tương tự như vấn đề dân tộc, tôn giáo cũng là chủ đề nhạy cảm, phức tạp, liên quan mật thiết đến tư tưởng, tinh thần của đồng bào có đạo. Nếu không được quan tâm và xử lý tốt sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến niềm tin, uy tín của đồng bào có đạo với Đảng, Nhà nước. Đồng thời, tạo cơ hội để các thế lực thù địch lợi dụng chống phá chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Để công tác tôn giáo có cơ sở, có hướng dẫn thực thi UBND hai tỉnh biên giới cùng các sở ngành liên quan đã chủ động, tích cực ban hành nhiều văn bản, kế hoạch như: Công văn số 56/UBND-DT, ngày 15/3/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh “Về quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW; Hướng dẫn số 27-HD/BTCTU, ngày 28/8/2020 của Ban tổ chức tỉnh uỷ Tây Ninh về một số nội dung cụ thể đảng viên tham gia sinh hoạt tôn giáo”; Kế hoạch số 64/KH - SNV của Sở Nội vụ “Về bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2022 - 2026”; Kế hoạch số 18- KH/TU ngày 28/04/2016 của tỉnh uỷ Bình Phước “Về chủ trương công tác đối với đạo tin lành trong tình hình mới”; Kế hoạch số 122-KH/TU ngày 18/06/2018 của tỉnh uỷ Bình Phước “Về triển khai thực hiện Chỉ thị 18 - CT/TW của Bộ Chính trị về công tác tôn giáo trong tình hình mới”; Kế hoạch số 914/KH-SNV.TG ngày 08/6/2020 “Về việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho 406 vị Trưởng điểm

nhóm đạo Tin lành đang hoạt động tôn giáo trên địa bàn tỉnh Bình Phước”; Công văn số 23 - CV/BCĐ ngày 16/02/2022 của Ban chỉ đạo công tác tôn giáo tỉnh Bình Phước “Về việc tăng cường công tác vận động, đấu tranh, ngăn chặn hoạt động tôn giáo trái pháp luật, các hiện tượng tôn giáo mới, cực đoan (đạo lạ, tà đạo)”...

- Công tác tôn giáo khu vực biên giới luôn được các chủ thể trong hệ thống chính trị cơ sở quan tâm, thực hiện kịp thời nên đạt được nhiều kết quả tốt đẹp. Góp phần củng cố niềm tin của đồng bào có đạo với Đảng, Nhà nước.

Hoạt động tuyên truyền, vận động đồng bào có đạo thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước luôn được các cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội khu vực biên giới đẩy mạnh, nội dung chủ yếu của hoạt động này tập trung vào tuyên truyền, học tập Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là những chủ trương, chính sách về tôn giáo, tín ngưỡng như: Luật An ninh mạng gắn với Tôn giáo, tín ngưỡng; Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, các thủ tục hành chính tín ngưỡng, tôn giáo... Kết quả giai đoạn 2016 - 2022 Tây Ninh đã tổ chức 11.137 cuộc/481.737 lượt người dự; trong đó, có 80% đại diện hộ gia đình, 12.492 đảng viên, hơn 2.300 lượt chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo tham dự [110]. Trong 5 năm qua, tỉnh Bình Phước đã tổ chức mở 24 lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cho 3.184 lượt cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo các cấp và cán bộ không chuyên trách cấp xã, thôn, ấp, khu phố; tổ chức 26 hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho 5.428 đại biểu là chức sắc, chức việc, nhà tu hành, trưởng điểm nhóm, tín đồ các tổ chức tôn giáo trên địa bàn tỉnh [106].

Hai tỉnh Tây Ninh và Bình Phước cũng thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tôn giáo theo chiều sinh của các ngành liên quan.

Từ 2016 đến nay Tây Ninh đã tổ chức 51 lớp bồi dưỡng, tập huấn cho khoảng 8.464 lượt cán bộ, công chức, viên chức, chức sắc, chức việc, nhà tu hành. Ban Chỉ đạo 37 Tỉnh ủy tổ chức 01 lớp tập huấn công tác tôn giáo cho 131 cán bộ, công chức lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo, quản lý các sở, ban, ngành tỉnh, lãnh đạo các địa phương[110]. Đặc biệt, tỉnh Bình Phước đã giải quyết dứt điểm một số hoạt động tôn giáo trái phép, các hiện tượng tôn giáo lạ, lợi dụng tôn giáo như vụ tuyên truyền “Hội thánh đức chúa trời”, “Pháp luân công” ở huyện Lộc Ninh, Bù Đốp năm 2019. Năm 2020 tại huyện Bù Đốp, công an chức năng phát hiện 02 vụ tuyên truyền Đạo trái pháp luật Pháp Luân Công, thu giữ 30 cuốn sách, xử phạt hành chính số tiền 3.570.000 [99] ... Việc phối hợp xử lý các hiện tượng tôn giáo này đã góp phần củng cố niềm tin cho đồng bào có đạo, cho các tổ chức tôn giáo chính thống và bảo đảm được an ninh trật tự, an toàn khu vực biên giới.

UBND và Ban cán sự đảng của hai tỉnh đã chỉ đạo và đôn đốc giải quyết các nhu cầu chính đáng về đất đai; xây dựng, sửa chữa cơ sở của các tôn giáo; rà soát về quy hoạch, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại về đất đai, cơ sở thờ tự có liên quan đến tôn giáo. Kết quả, tỷ lệ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo của Tây Ninh đạt 88,63%; xem xét, giải quyết nhiều vụ khiếu kiện liên quan đất đai tôn giáo về quy hoạch, đền bù trên địa bàn khu vực biên giới [100]. Thời gian qua, UBND tỉnh Bình Phước cũng đã xem xét giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 302/351 cơ sở tôn giáo với tổng diện tích 2.182.726m², cụ thể: Phật giáo 962.856m²; Công giáo 1.091.449m²; Tin lành 95.357m²; Cao Đài và tôn giáo khác 33.074m² [117].

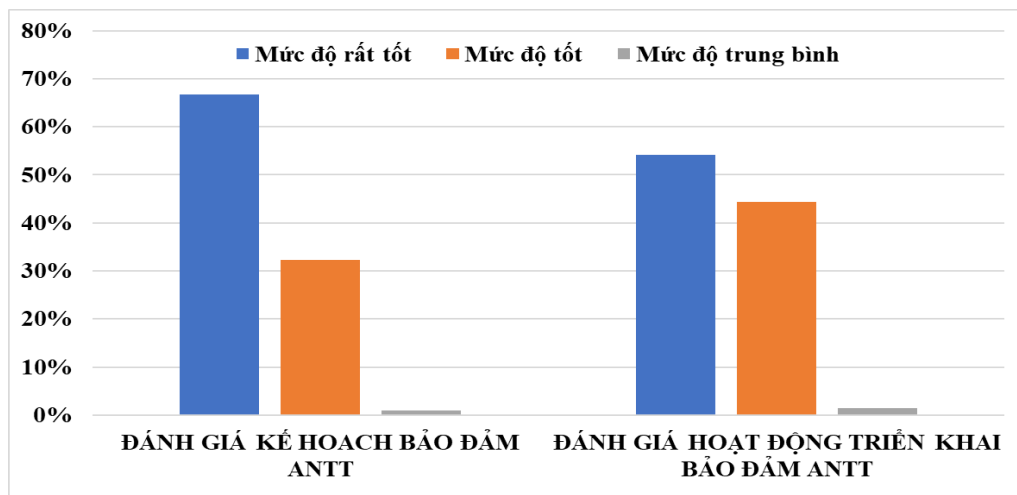
Ngoài ra, các cấp, ngành của hai tỉnh đã tổ chức thăm hỏi, chúc mừng các tôn giáo, chức sắc nhân dịp lễ quan trọng; thường xuyên tổ chức gặp mặt, đối thoại. Mỗi năm các cấp ngành của hai tỉnh tổ chức khoảng 420 đoàn, tặng trên 24.680 phần quà cho chức sắc, người uy tín tiêu biểu; tổ chức nhiều

chuyển tham quan, về nguồn ở trong và ngoài tỉnh với trị giá gần 05 tỷ đồng. Các huyện biên giới của hai tỉnh còn tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đồng bào có đạo tham gia vào các tổ chức chính trị xã hội. Tiêu biểu như huyện Lộc Ninh, Bình Phước tính đến năm 2022 có 22 vị chức sắc, chức việc tôn giáo là thành viên của Ủy ban MTTQ Việt Nam từ cấp huyện đến xã, thị trấn; Hội Liên hiệp phụ nữ thu hút 35 hội viên là người theo đạo, Đoàn Thanh niên 42, Hội Nông dân 17, Công đoàn có 20 Công đoàn viên là người có đạo tham gia Ban chấp hành cấp cơ sở [62]

Từ các hoạt động trên có thể khẳng định, các tỉnh biên giới khu vực Đông Nam Bộ đã có nhiều hoạt động nhằm bảo đảm tốt an ninh tư tưởng khu vực biên giới. Nhận định này cũng trùng khớp với kết quả mà tác giả tiến hành khảo sát. Cụ thể:

Kết quả đánh giá về kế hoạch bảo đảm an ninh tư tưởng: 138/207 phiếu chọn mức độ rất tốt, đạt tỷ lệ 66.67% ; 67/207 phiếu chọn mức độ tốt, đạt tỷ lệ 32.37%, có 02/207 phiếu chọn mức độ trung bình, đạt tỷ lệ 0.97%.

Kết quả đánh giá hoạt động triển khai kế hoạch bảo đảm an ninh tư tưởng: 112/207 phiếu chọn mức độ rất tốt, đạt tỷ lệ 54.11% ; 92/207 phiếu chọn mức độ tốt, đạt tỷ lệ 44.44%, có 03/207 phiếu chọn mức độ trung bình, đạt tỷ lệ 1.45%.



3.3. Kết quả đánh giá về kế hoạch và hoạt động bảo đảm an ninh tư tưởng

3.2.3. Tình hình bảo đảm an ninh thể chế

3.2.3.1. Hoạt động xây dựng tổ chức cơ sở đảng và hệ thống chính quyền cơ sở vững mạnh

- Hai tỉnh biên giới đã triển khai mạnh mẽ và đạt được nhiều thành tựu trong công tác phát triển Đảng viên, tổ chức cơ sở Đảng.

Quán triệt Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 02/02/2008, Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) “Về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên”; Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/10/2016 của Hội nghị lần thứ Tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng”; Kết luận số 18-KL/TW ngày 22/09/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh Chỉ thị số 10-CT/TW của Ban Bí thư khóa X “Về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong tình hình mới”... Đảng bộ các tỉnh biên giới khu vực Đông Nam Bộ đã lãnh đạo, chỉ đạo cấp uỷ các cấp chú trọng và đẩy mạnh công tác kết nạp đảng viên và xây dựng tổ chức cơ sở đảng vững mạnh. Ở các huyện, xã biên giới phải hoàn thành nhiệm vụ không còn tình trạng “trắng đảng viên”. Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của tỉnh uỷ, các sở ngành, huyện, xã biên giới tích cực tìm nguồn, xây dựng, bồi dưỡng và kết nạp được nhiều đảng viên mới, hoàn thành và vượt chỉ tiêu đề ra. Nếu năm 2016, toàn tỉnh Tây Ninh có 33.053 đảng viên, trong đó kết nạp 1.627 đảng viên mới, tăng 1,2% so cùng kỳ năm 2015, đạt 111,6% so kế hoạch. Riêng 20 đảng bộ xã biên giới có 2.940 đảng viên, chiếm 1,78% so với dân số các xã biên giới [27], thì đến năm 2022 tỉnh Tây Ninh đã có 39.626 đảng viên, chiếm 3,28% so với dân số của tỉnh, trong đó 20 đảng bộ xã biên giới có 3.872 đảng viên, chiếm 2,20% so với dân số các xã biên giới. Giai đoạn 2020 đến 2023 bình quân mỗi năm toàn tỉnh kết nạp 1.062 đảng viên (đạt 110,6% kế hoạch), 20 xã biên giới kết nạp được 360 đảng viên (đạt 112,2% kế hoạch) [104]. Tỉnh Bình Phước cũng đạt được nhiều kết quả ấn tượng. Năm 2016 toàn Đảng bộ tỉnh đã có 22 Đảng bộ trực thuộc

tỉnh, 840 tổ chức cơ sở đảng với gần 32.000 đảng viên [88]. Đến năm 2022, toàn Đảng bộ tỉnh đã có 21 Đảng bộ trực thuộc tỉnh, 734 tổ chức cơ sở đảng, gần 37.600 đảng viên. Trong giai đoạn từ năm 2016 đến nay, toàn Đảng bộ tỉnh đã kết nạp hơn 8.400 đảng viên mới, riêng 03 huyện biên giới giai đoạn này cũng đã kết nạp được hơn 1.000 đảng viên [53].

Đi cùng với công tác kết nạp đảng viên là hoạt động nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng. Hàng năm, Tỉnh uỷ hai tỉnh biên giới đã lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng làm tốt công tác sinh hoạt định kỳ; công tác đánh giá, xếp loại; công tác kiểm tra, giám sát và tiến hành xử lý những sai phạm đúng với quy định, điều lệ của Đảng. Theo báo cáo của tỉnh uỷ Tây Ninh và Bình Phước, các tổ chức cơ sở đảng trên địa bàn hai tỉnh luôn được củng cố, kiện toàn, 100% ấp có chi bộ, tỷ lệ đảng viên đạt 2,11% so với dân số. Những chi bộ ở các ấp khu vực biên giới luôn được tỉnh, huyện quan tâm về các điều kiện phát triển đảng viên, chế độ sinh hoạt, tài liệu sinh hoạt chi bộ và cử lực lượng biên phòng tham gia sinh hoạt định kỳ với chi bộ. Từ 2016 - 2023, 100% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, không có cơ sở yếu kém, số đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt trên 96,8% [134].

- Công tác tăng thêm cấp uỷ là cán bộ đồn biên phòng tham gia cấp uỷ cấp huyện, cấp xã biên giới cũng được các tỉnh biên giới chú trọng và đạt được nhiều thành tựu.

Quán triệt sâu sắc chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh, quốc phòng. Ban Bí thư đã ra kết luận số 68-KL/TW, ngày 05/02/2020 và Hướng dẫn số 31-HD/BTCTW ngày 01/07/2020 của Ban Tổ chức Trung ương “Về chủ trương tăng thêm cấp uỷ viên là cán bộ đồn Biên phòng tham gia cấp uỷ cấp huyện, xã biên giới”. Thực hiện các văn bản trên, các tỉnh biên giới khu vực Đông Nam Bộ cũng đã ban hành một số văn bản hực hiện công tác này như: Kế hoạch số 10-KH/TU ngày 09/12/2020 của Ban

Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước “Về chủ trương tăng thêm cấp ủy viên cấp xã, cấp huyện biên giới là cán bộ biên phòng”, Công văn số 3664-CV/TU ngày 10/03/2020 của Ban Thường vụ tỉnh ủy Bình Phước “Về thực hiện Kết luận số 68/KL/TW, Công văn số 989-CV/TU, ngày 09/03/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tây Ninh “Về việc thực hiện chủ trương cơ cấu lãnh, đạo, chỉ huy các đơn biên phòng tham gia cấp ủy các cấp, nhiệm kỳ 2020 - 2025”, Công văn số 1081-CV/TU, ngày 14/07/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tây Ninh “Về việc thực hiện chủ trương tăng thêm cấp ủy viên là cán bộ đơn biên phòng tham gia cấp ủy cấp huyện, cấp xã biên giới”. Quy định số 1210-QĐ/TU, ngày 05/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tây Ninh “Về nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của cấp ủy viên là cán bộ đơn Biên phòng tham gia cấp ủy cấp huyện, cấp xã biên giới”. Trên tinh thần đó, các cấp ủy đảng khu vực biên giới đã quán triệt và triển khai mạnh mẽ hoạt động này. Tính đến 2023, Bình Phước đang duy trì 01 cán bộ tham gia cấp ủy cấp huyện, 9 cán bộ tham gia cấp ủy cấp xã, trong đó có 5 người là cán bộ tăng cường [71]. Tại tỉnh Tây Ninh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ định 05 cán bộ đơn Biên phòng (03 chính trị viên, 02 đơn trưởng) tham gia 05/05 cấp ủy cấp huyện biên giới và 14 cán bộ đơn Biên phòng (06 Chính trị viên phó, 08 Phó đơn trưởng) tham gia 14/20 cấp ủy cấp xã biên giới [40].

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên và tinh gọn bộ máy đã được đẩy mạnh, góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả của bộ máy Nhà nước ở địa phương.

Trên cơ sở chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy và UBND hai tỉnh Tây Ninh, Bình Phước đã ban hành nhiều kế hoạch, đề án nhằm tạo cơ sở thực hiện tinh gọn bộ máy và đào tạo cán bộ, đảng viên của hai tỉnh như: Kế hoạch số 65-KH/TU của tỉnh ủy Tây Ninh, ngày 15/3/2018 “Về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 “Về Kế hoạch

đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025”; Kế hoạch số 23- KH/TU, ngày 17/05/2021 của Ban Thường vụ tỉnh uỷ Tây Ninh “Về Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021-2025”; Quyết định 999-QĐ/TU, ngày 10/04/2018 của Tỉnh uỷ Bình Phước “Về ban hành Đề án triển khai thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả”; Kế hoạch số 134-KH/TU “về tổ chức Lớp bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý tỉnh Bình Phước”; Kế hoạch số 176-KH/TU “Về tổ chức Lớp Bồi dưỡng cán bộ nguồn quy hoạch cấp ủy các cấp của tỉnh Bình Phước nhiệm kỳ 2025 - 2030” ngày 14/08/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; Đề án số 05-ĐA/TU ngày 12/07/2022 của Tỉnh uỷ “Về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030”...

Nhờ có chủ trương kịp thời và đôn đốc sát sao của các cấp uỷ, UBND tỉnh, huyện đối với các đơn vị trực thuộc nên kết quả tinh gọn bộ máy của hai tỉnh Tây Ninh và tỉnh Bình Phước đạt được một số kết quả quan trọng. Tính đến năm 2023, tỉnh Tây Ninh đã sắp xếp tổ chức bộ máy còn 20 cơ quan, tổ chức. Bên trong các cơ quan đã được tinh gọn lại từ 150 phòng, ban, chi cục và tương đương (năm 2017) sắp xếp còn 110 phòng, ban, chi cục và tương đương, giảm 40 [58]. Tỉnh Bình Phước, so với trước khi sắp xếp, cơ quan hành chính cấp tỉnh giảm 57 phòng; cơ quan hành chính cấp huyện giảm 16 đầu mối; đơn vị sự nghiệp công lập giảm 81 đầu mối. Tổng số cơ quan hành chính cấp tỉnh còn 184, cấp huyện 193 đơn vị [109]. Tại một số huyện biên giới như Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tính đến 2021 huyện đã thực hiện chính sách tinh giảm biên chế được 37 người. Tỷ lệ giảm biên chế đạt theo lộ trình đối với các cơ quan thuộc khối hành chính nhà nước đạt 123,5%, các đơn vị trực thuộc Huyện uỷ đạt 200% so với kế hoạch đề ra [65], huyện Lộc Ninh,

tỉnh Bình Phước trước khi thực hiện tinh giảm có 63 tổ chức đảng xuống còn 51, 13 cơ quan chuyên môn xuống còn 07, 09 đơn vị sự nghiệp xuống còn 06 đơn vị [60]

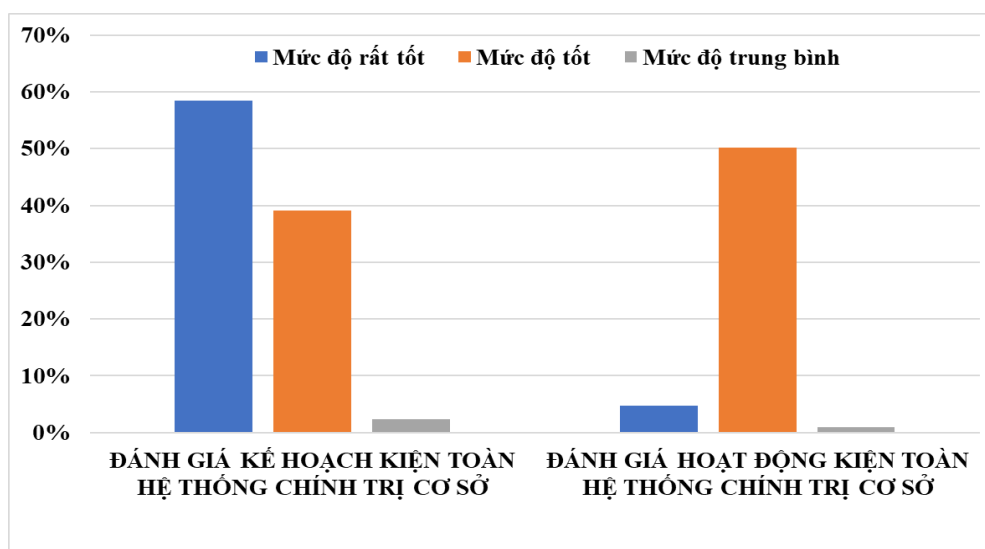
Đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Tính đến năm 2022, tỉnh Tây Ninh đã đào tạo, bồi dưỡng cho 2.365 lượt cán bộ, công chức, viên chức theo các nội dung, chương trình kế hoạch. Trong đó, đào tạo được 660 lượt cán bộ, công chức, viên chức với các nội dung về chuyên môn nghiệp vụ, về lý luận chính trị; Bồi dưỡng được 1.705 lượt cán bộ, công chức, viên chức với các chương trình bồi dưỡng về kiến thức quản lý nhà nước, kiến thức quốc phòng an ninh, chức danh nghề nghiệp, tin học, ngoại ngữ, kỹ năng tuyên truyền và cải cách hành chính[47]. Giai đoạn vừa qua, tỉnh Bình Phước có 329 cán bộ được đào tạo chuyên môn sau đại học; 2.123 cán bộ được đào tạo cao đẳng, đại học; 1.956 cán bộ được đào tạo trung cấp chuyên môn. Về đào tạo cao cấp lý luận chính trị được 2.285 đồng chí, trung cấp lý luận Chính trị - Hành chính 6.442 đồng chí, đã cử 46.274 lượt cán bộ, công chức tham gia và 272 đồng chí thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý tham gia bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về Xây dựng đảng, quản lý nhà nước[113]... Ở các huyện khu vực biên giới công tác này cũng đạt được nhiều kết quả như: Huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước năm 2022, cử 287 cán bộ, công chức viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng. Cử 02 trường hợp hoạt động không chuyên trách cấp xã đào tạo liên thông Cao đẳng quân sự [127] ... Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh từ năm 2016 đến năm 2021, đã cử 52 đồng chí tham gia đào tạo Cao cấp lý luận chính trị, 249 đồng chí tham gia đào tạo Trung cấp lý luận chính trị và 376 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ [63].

Có thể nói, giai đoạn 2016 đến nay các tỉnh biên giới khu vực Đông Nam bộ đã rất chú trọng công tác phát triển đảng viên, tinh gọn bộ máy và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh. Những kết quả đạt được đã

góp phần củng cố hệ thống chính trị, xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở đáp ứng yêu cầu của tình hình mới và đặc biệt là yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh quốc phòng. Nhận định này cũng trùng khớp với kết quả mà tác giả tiến hành khảo sát. Cụ thể:

Kết quả đánh giá về kế hoạch kiện toàn hệ thống chính trị cơ sở: 121/207 phiếu chọn mức độ rất tốt, đạt tỷ lệ 58.45% ; 81/207 phiếu chọn mức độ tốt, đạt tỷ lệ 39.13%, có 05/207 phiếu chọn mức độ trung bình, đạt tỷ lệ 2.42%.

Kết quả đánh giá hoạt động triển khai kế hoạch kiện toàn hệ thống chính trị cơ sở: 101/207 phiếu chọn mức độ rất tốt, đạt tỷ lệ 48.79% ; 104/207 phiếu chọn mức độ tốt, đạt tỷ lệ 50.24%, có 02/207 phiếu chọn mức độ trung bình, đạt tỷ lệ 0.97%.



3.4. Kết quả đánh giá về kế hoạch và hoạt động kiện toàn hệ thống chính trị cơ sở

3.2.3.2. Hoạt động của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong bảo vệ an ninh biên giới

Căn cứ các kế hoạch của Tỉnh ủy và UBND tỉnh Tây Ninh và Bình Phước “Về phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh quốc phòng”; “Về bảo vệ an ninh biên giới trong tình hình mới”... Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam của hai tỉnh Tây Ninh và Bình Phước đã cụ thể hoá thành các chương trình, kế hoạch như: Chương trình phối hợp 05/CTrPH - MTTQ-BCHBP ngày

25/7/2015 giữa Ủy ban MTTQ với Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Bình Phước về “Vận động toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới trong tình hình mới giai đoạn 2015 - 2020”; Kế hoạch số 149/KH- Ủy ban MTTQ tỉnh Bình Phước, ngày 12/04/2019 về “Triển khai công tác tuyên truyền, đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia trên không gian mạng”; Kế hoạch số 33/KH-UBMTTQ tỉnh Tây Ninh, ngày 28/9/2019 “Về triển khai công tác tuyên truyền, vận động bảo vệ biên giới quốc gia trong tình hình mới”; Kế hoạch phối hợp số 78/KHPH-MTTQ-BĐBP ngày 02/05/2020 của Ủy ban MTTQ Việt Nam và Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Tây Ninh “Về phối hợp tổ chức ngày hội biên phòng”; Chương trình phối hợp số 1531/CTPH-MMTQ-BĐBP tỉnh Bình Phước ngày 01/05/2022 “Về Tổ chức phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới trong tình hình mới”...

Trên cơ sở các văn bản trên, MTTQ Việt Nam và các thành viên của Mặt trận ở các cấp đã tiến hành tuyên truyền, vận động, tham mưu, xây dựng lực lượng nòng cốt trong thực hiện phong trào; xây dựng đề xuất, sáng kiến và nhân rộng các mô hình: “Tổ tự quản đường biên, mốc giới”, “Khu dân cư tự quản an ninh, trật tự”, “Điểm sáng chấp hành pháp luật trong cộng đồng dân cư”, “Khu dân cư, thôn, ấp không có tội phạm”. Đồng thời, đẩy mạnh công tác giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo, ý kiến, kiến nghị của nhân dân liên quan đến vi phạm chủ quyền lãnh thổ, an ninh khu vực biên giới. Giai đoạn từ năm 2016 đến nay, MTTQ Việt Nam các cấp tỉnh Tây Ninh và thành viên của Mặt trận đã phối hợp chặt chẽ với Công an, Bộ đội biên phòng, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận của tỉnh trong tuyên truyền, vận động được 516 hộ gia đình có đất sản xuất dọc biên giới nhận và bảo vệ 234,25 km đường biên giới, 81/100 cột mốc và 52/52 ấp giáp biên đăng ký tự quản, góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia; giúp cấp uỷ, chính quyền địa phương và Bộ đội Biên phòng phát hiện, xử lý kịp thời các tình huống xảy ra [80]. Trong các huyện, thị xã biên giới của tỉnh Tây Ninh, MTTQ Việt Nam

và các tổ chức chính trị - xã hội huyện Tân Biên được đánh giá có nhiều nỗ lực và đạt được nhiều kết quả tốt. Cụ thể, đã phối hợp tổ chức được 473 đợt tuyên truyền với sự tham gia trực tiếp của khoảng 75 ngàn lượt người dân; tuyên truyền trên các cụm loa truyền thanh của huyện được 800 giờ. Mô hình điểm sáng pháp luật ở khu dân cư; đẩy mạnh phong trào “Tự quản đường biên cột mốc” được các xã biên giới đồng lòng tham gia với 1.400 hộ gia đình, 22 đơn vị kinh tế đứng chân trên địa bàn ký kết bảo vệ 92 km đường biên giới. Trong công tác xóa đói giảm nghèo, giúp nhân dân vùng biên phát triển kinh tế, đã vận động xây dựng 373 căn nhà Đại đoàn kết với tổng trị giá trên 14 tỷ đồng; vận động nhân dân đóng góp trên 6 tỷ đồng xây dựng gần 27km đường nông thôn... [77].

Đối với MTTQ Việt Nam tỉnh Bình Phước và các thành viên của mặt trận. Giai đoạn từ 2016 - 2024 cũng đã có nhiều hoạt động và đạt kết quả tích cực trên các phương diện, đã tuyên truyền và đã tổ chức được 1.492 buổi với 522.956 lượt người nghe, định kỳ tuyên truyền rộng rãi trên cụm loa truyền thanh của các xã, khu dân cư biên giới được 2.102 giờ. Cấp phát gần 3.000 tờ rơi, tờ gấp, 613 cuốn tài liệu về quy định xử lý vi phạm hành chính về biên giới quốc gia [118]. Hàng năm, Ủy ban MTTQ các cấp đã phối hợp với đồn biên phòng đẩy mạnh thực hiện phong trào “Gia đình văn hoá” nên ở ba huyện biên giới của tỉnh luôn có 70% khu dân cư và trên 90% hộ gia đình đạt chuẩn “Gia đình văn hoá”. Trong hoạt động xóa đói giảm nghèo, Ủy ban MTTQ tỉnh và các huyện biên giới cùng với bộ đội biên phòng và các tổ chức chính trị - xã hội đã vận động xây dựng được 1.766 căn nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo vùng biên giới trị giá khoảng 140 tỷ đồng. Đến 2022 đã có 15/15 xã biên giới của tỉnh với 98/124 thôn, ấp với hơn 14.000 hộ gia đình đã ký kết tham gia bảo vệ 114,934km đường biên giới, 16/28 cột mốc chính, 155 cột mốc phụ và giữ gìn trật tự an toàn khu vực biên giới [118]. Những thành tựu này, đã phản ánh sự linh hoạt, tích cực, chủ động của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã

hội trong giữ gìn an ninh trật tự, an toàn khu vực biên giới.

3.2.3.3. Hoạt động của hệ thống chính trị trong giải quyết vấn đề người Việt di cư tự do từ Campuchia về địa bàn và bảo đảm an ninh, trật tự xã hội khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ

Thực hiện Quyết định số 1748/QĐTTg ngày 29/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ “về việc phê duyệt Đề án tổng thể đối với người dân di cư tự do từ Campuchia về Việt Nam”; Thông tư số 34/2015/TT-BLĐTB-XH ngày 07/9/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội “Về hướng dẫn thực hiện chính sách bảo đảm an sinh xã hội, ổn định đời sống sản xuất cho người dân di cư từ Campuchia về Việt Nam”. Tỉnh ủy hai tỉnh biên giới khu vực Đông Nam Bộ đã ban hành các văn bản hướng dẫn, thi hành việc giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động người Việt Nam di cư tự do từ Campuchia về như: Công văn số 165/CV-UBND tỉnh Tây Ninh ngày 09/10/2014 và Công văn số 41/CV-UBND ngày 06/5/2016 “Về việc giải quyết chính sách an sinh xã hội đối với người dân di cư tự do từ Campuchia về Việt Nam trên địa bàn tỉnh Tây Ninh”; Công văn số 211-CV/TU ngày 19/10/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tây Ninh “Về việc lãnh đạo, chỉ đạo tình hình người Việt Nam di cư tự do từ Campuchia trở về Việt Nam sinh sống trên địa bàn tỉnh”. Kế hoạch số 21/KH-UBND, ngày 02/02/2016 của UBND tỉnh Bình Phước về triển khai Tiểu đề án “Giải quyết các vấn đề về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu và các loại giấy tờ tùy thân khác cho người di cư tự do từ Campuchia về nước” trên địa bàn tỉnh”. Kế hoạch số 170/KH-UBND ngày 04/07/2016 “Về đảm bảo an sinh xã hội, ổn định đời sống, sản xuất cho người di cư tự do từ Campuchia về Bình Phước”; ngày 08/4/2019, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 91/KH-UBND “về bảo đảm an sinh xã hội, ổn định đời sống, sản xuất cho người dân di cư tự do từ Campuchia về tỉnh Bình Phước”.

Trên cơ sở các văn bản trên, sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh và tỉnh Bình Phước đã tiến hành công tác rà soát, thống kê, phân loại lập danh sách theo

nhóm người di cư từ Campuchia về trên địa bàn. Từ đó tiến hành cấp giấy tờ tùy thân cho cộng đồng người Việt di cư tự do về. Giai đoạn 2016 đến nay, tỉnh Tây Ninh đã giải quyết 1.274 trường hợp xác nhận có quốc tịch Việt Nam. UBND các xã biên giới đã đăng ký khai sinh cho 1.680 trẻ em đủ điều kiện. Tính đến cuối năm 2019, tỉnh Bình Phước có 352 hộ với 1.544 nhân khẩu được xem xét, hỗ trợ các điều kiện cần thiết để có giấy tờ tùy thân, đất ở, vay vốn tín dụng, dạy nghề, hỗ trợ việc làm... góp phần ổn định cuộc sống [85].

Ngoài việc cung cấp giấy tờ tùy thân thì việc bảo đảm an sinh xã hội cũng là hoạt động được chính quyền và Nhân dân hai tỉnh biên giới rất quan tâm. Ủy ban Nhân dân hai tỉnh đã chỉ đạo sở Lao động Thương binh và Xã hội phối hợp với các sở, ngành, chính quyền địa phương tiến hành nhiều hoạt động thiết thực về hỗ trợ nhà ở, đất ở, giải quyết việc làm, học nghề, giáo dục cho các hộ dân di cư tự do từ Campuchia về nước gặp khó khăn, với tổng kinh phí thực hiện cho các hoạt động trên của tỉnh Bình Phước là trên 14,5 tỷ đồng. Đồng thời tỉnh Bình Phước cũng tiến hành hỗ trợ 1.047 người Việt Nam di cư tự do từ Campuchia về gặp khó khăn mà chưa nhập quốc tịch, chưa đăng ký hộ khẩu nhưng sinh sống tại tỉnh được mua bảo hiểm y tế [1]. UBND tỉnh Tây Ninh đã chỉ đạo các huyện, thị xã biên giới làm tốt các công tác này, tiêu biểu như huyện Tân Châu. UBND tỉnh Tây Ninh đã chỉ đạo huyện di dời 183 hộ dân sống tạm bợ xung quanh khu vực lòng Hồ Dầu Tiếng thuộc ấp Tà Dơ, xã Tân Thành về ấp Đồng Kèn II, xã Tân Thành tránh gây ô nhiễm nguồn nước và môi trường, hỗ trợ đời sống cho người dân, mỗi hộ được cấp 100 m² đất và cấp một căn nhà trị giá 50 triệu đồng, kinh phí di dời 5.000.000đ/hộ [1]. Đồng thời, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh đã phối hợp với các sở, ngành tổ chức cấp gạo, thuốc chữa bệnh, viện trợ đột xuất cho 2.544 người với hơn 144.480kg gạo, thuốc khử trùng, phòng dịch chi 541 hộ với chi phí 81.1 triệu đồng, thuốc chữa bệnh thông thường 316.2 triệu đồng cho các hộ dân di cư tự do từ Campuchia về Việt Nam. Tại các huyện, xã biên giới vận động được nhiều

mạnh thường quân, các tổ chức tôn giáo hỗ trợ tiền, quà để chăm lo, giúp đỡ những người dân di cư với tổng trị giá trên 1,5 tỷ đồng/năm [53].

Ngoài hoạt động hỗ trợ người Việt từ Campuchia về, thì hoạt động gìn giữ trật tự, an ninh, an toàn khu vực biên giới cũng được các chủ thể trong hệ thống chính trị hai tỉnh Tây Ninh và tỉnh Bình Phước chú trọng. Địa bàn biên giới của hai tỉnh nhiều nơi có địa hình, địa thế phức tạp, việc quản lý quá trình di cư tự do, xâm canh, xâm cư và các loại hình tội phạm cũng có nhiều trở lực, thách thức. Dưới sự chỉ đạo của tỉnh uỷ, UBND, Quân khu 7, lực lượng biên phòng, công an, hải quan đã trở thành lực lượng nòng cốt tham gia trực tiếp, phối hợp tham gia và cùng MTTQ Việt Nam các cấp tiến hành các hoạt động nghiệp vụ, thành lập các chuyên án, kế hoạch, chuyên đề, các tổ chinh sát về phòng chống ma túy và tội phạm. Đồng thời đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, vận động quần chúng Nhân dân... Vì thế, giai đoạn này công tác giữ gìn an ninh, trật tự an toàn khu vực biên giới dù còn nhiều khó khăn nhưng năm nào cũng thu được những kết quả quan trọng. Đơn cử như năm 2023, các lực lượng chức năng biên giới của tỉnh Tây Ninh bắt giữ 10 vụ/18 đối tượng, tang vật thu giữ là hơn 10 kg ma túy tổng hợp, 383 cây cần sa cùng một số tang vật, phương tiện có liên quan; phát hiện 148 đối tượng dương tính với chất ma túy. Đưa đi cai nghiện bắt buộc 18 đối tượng, giáo dục tại địa phương 30 đối tượng, xử phạt vi phạm hành chính 100 đối tượng; hoạt động buôn lậu, vận chuyển trái phép, trộm cắp tài sản, đánh bạc, tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có, cố ý gây thương tích xảy ra 45 vụ/156 đối tượng [23]. Tương tự các lực lượng chức năng tỉnh Bình Phước cũng bắt 20 vụ/49 đối tượng tàng trữ, vận chuyển 34kg ma túy, 300 kg pháo, 04 xe ô tô, 10 xe máy, 02 súng ngắn và một số tang vật liên quan; Hoạt động vi phạm chủ quyền biên giới quốc gia, xuất nhập cảnh trái phép đã bắt và xử lý 86 vụ/ 238 đối tượng; phát hiện và xử lý 02 vụ truyền đạo trái phép và 01 vụ xây nhà nguyện trái phép [22]. Nhờ công tác vận động, tuyên truyền tốt trong Nhân dân mà các cơ quan chức năng

đã được Nhân dân khu vực biên giới cung cấp nhiều tin có giá trị cho Bộ đội biên phòng tỉnh kịp thời đấu tranh, phòng, chống có hiệu quả các loại tội phạm, đã giúp BDBP trong năm 2023 phát hiện và bắt giữ 11 vụ/ 24 đối tượng, thực hiện thành công 18 chuyên án về phòng, chống, mua bán, sử dụng ma túy và giao cho các cơ quan chức năng xử lý đúng pháp luật [77].

3.2.3.4. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ của hệ thống chính trị hai bên biên giới Việt Nam - Campuchia trong phát triển kinh tế, ổn định xã hội và bảo đảm an ninh - quốc phòng

Để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hợp tác, liên kết, hai tỉnh Tây Ninh và Bình Phước đã ký kết nhiều văn bản với các tỉnh Campuchia như: Năm 2014, Tỉnh Bình Phước đã ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác với 05 tỉnh (Kratie, Monduliri, Stung Treng, Kampong Cham, Tboung Khmum) thuộc Vương quốc Campuchia. Tháng 01/2022, Tỉnh đã ký kết lại Biên bản ghi nhớ hợp tác với 04 tỉnh (Kratie, Monduliri, Stung Treng, Kampong Cham) thuộc Vương quốc Campuchia. Ngày 26/10/2022, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Bình Phước đã ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác về nhiều mặt với Ủy ban Mặt trận Đoàn kết phát triển Tổ quốc Campuchia các tỉnh Kratie, Monduliri, Tboung Khmum... tỉnh Tây Ninh đã ký và triển khai thực hiện 04 Thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp tỉnh, cụ thể là Thỏa thuận hợp tác do UBND tỉnh ký với 04 tỉnh thuộc Vương quốc Campuchia: Svay Rieng, Prey Veng, Tboung Khmum, Kampong Cham. Bên cạnh đó, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện giáp biên còn triển khai ký kết 36 văn bản thỏa thuận hợp tác, quy chế phối hợp với các đối tác phía Campuchia...

Trên cơ sở các thỏa thuận, hợp tác giữa hai bên, các chủ thể của hệ thống chính trị đã tiến hành nhiều hoạt động và đạt được nhiều kết quả có ý nghĩa to lớn trong phát triển kinh tế, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn khu vực biên giới.

Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Công an các tỉnh, các huyện biên giới

thường xuyên hội đàm, trao đổi, chia sẻ thông tin, phối hợp với các lực lượng bảo vệ biên giới Campuchia, tiến hành tuần tra song phương nhằm kiểm tra, bảo vệ an toàn, nguyên trạng đường biên, cột mốc biên giới giữa hai nước và kịp thời giải những vấn đề nảy sinh. Giai đoạn 2016 - 2022, tỉnh Bình Phước đã tổ chức hội đàm định kỳ cấp tỉnh với các lực lượng bảo vệ biên giới. Campuchia 120 lần/1440 lượt cán bộ tham gia; Quan hệ đột xuất cấp tỉnh 270 lần/1610 lượt cán bộ tham gia; Cấp đồn biên phòng: Hội đàm theo định kỳ: 2.160 lần/10.800 lượt cán bộ tham gia. Quan hệ đột xuất: 1017 lần = 5.196 lượt cán bộ tham gia; Phối hợp tuần tra song phương được 824 lần = 9.608 lượt cán bộ chiến sĩ tham gia [124]. Bộ đội biên phòng tỉnh Tây Ninh đã tổ chức được 130 lần hội đàm với lực lượng bảo vệ biên giới Campuchia; phối hợp tuần tra song phương 195 lượt với 1.128 lượt cán bộ, chiến sĩ tham gia [40].

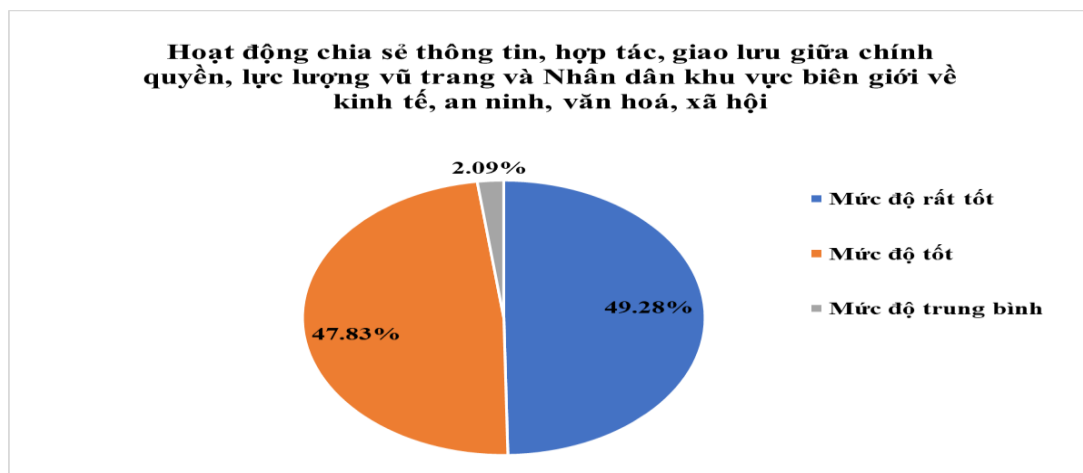
Thực hiện chủ trương về tổ chức phong trào kết nghĩa cụm dân cư hai bên biên giới. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng hai tỉnh phối hợp với Ủy ban MTTQ tỉnh, Huyện ủy, UBND các huyện biên giới ký kết giao lưu với các huyện biên giới Campuchia: giai đoạn vừa qua, ba huyện biên giới của Bình Phước đã tổ chức ký kết giao lưu Nhân dân được 07 cụm dân cư, tỉnh Tây Ninh đã tổ chức ký kết giao lưu Nhân dân được 05 cụm dân cư. Đây là điều kiện thuận lợi để Nhân dân hai bên biên giới được qua lại thăm thân, giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao, trao đổi hàng hóa, khám chữa bệnh, tặng quà, giúp đỡ lẫn nhau khi gặp thiên tai, dịch bệnh, học hỏi kinh nghiệm trong sản xuất, chăn nuôi, nâng cao đời sống, cùng nhau phối hợp trao đổi thông tin, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, bảo vệ an toàn đường biên, cột mốc biên giới giữa hai nước.

Hàng năm, vào các ngày lễ lớn, Tết cổ truyền của 02 nước, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đã cùng với UBND và Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, các Ban, ngành có liên quan tổ chức thăm, chúc mừng các tỉnh Campuchia có chung đường biên giới, đồng thời tổ chức tặng quà cho bà con Việt kiều có hoàn cảnh khó khăn

đang làm ăn, sinh sống tại Vương quốc Campuchia. Trong năm 2023, tỉnh Bình Phước đã hỗ trợ, tặng quà được 07 đợt/2.290 lượt người trị giá 877 triệu đồng. Ngoài ra, còn hỗ trợ lực lượng bảo vệ biên giới Campuchia sửa chữa doanh trại, phương tiện, mua xăng dầu để thực hiện công tác tuần tra song phương, đấu tranh phòng, chống tội phạm, phục vụ bầu cử xã, phường Campuchia với số tiền hơn 12 tỷ 300 triệu đồng [124]. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Tây Ninh đã tổ chức các hoạt động hỗ trợ nhu yếu phẩm cho người dân gốc Việt đang sinh sống tại vương quốc Campuchia đang bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid - 19 trị giá 250 triệu đồng [124].

Kết quả hợp tác, hỗ trợ của hệ thống chính trị hai bên đã góp phần tạo điều kiện cho việc thực hiện thành công nhiệm vụ đối ngoại của các tỉnh biên giới, đồng thời góp phần củng cố hơn nữa mối quan hệ hữu nghị truyền thống Việt Nam - Campuchia. Kết quả tốt đẹp này cũng trùng khớp với kết quả tác giả điều tra xã hội học khi đánh giá về hoạt động chia sẻ thông tin, hợp tác, giao lưu giữa chính quyền, lực lượng vũ trang và Nhân dân khu vực biên giới về kinh tế, an ninh, văn hoá, xã hội....Cụ thể:

Kết quả đánh giá hoạt động chia sẻ thông tin, hợp tác, giao lưu giữa chính quyền, lực lượng vũ trang và Nhân dân khu vực biên giới về kinh tế, an ninh, văn hoá, xã hội: 102/207 phiếu chọn mức độ rất tốt, đạt tỷ lệ 49.28% ; 99/207 phiếu chọn mức độ tốt, đạt tỷ lệ 47.83%, có 06/207 phiếu chọn mức độ trung bình, đạt tỷ lệ 2.09%.



3.5. Kết quả Khảo sát đánh giá hoạt động chia sẻ thông tin, hợp tác, giao lưu giữa chính quyền, lực lượng vũ trang và Nhân dân khu vực biên giới về kinh tế, an ninh, văn hoá, xã hội

3.3. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ KHU VỰC BIÊN GIỚI VIỆT NAM - CAMPUCHIA Ở ĐÔNG NAM BỘ TỪ 2016 ĐẾN 2024

3.3.1. Thành công và nguyên nhân thành công

- Những thành công

Có thể nói giai đoạn từ 2016 đến 2024, hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ đạt được nhiều kết quả to lớn, góp phần quan trọng vào việc bảo vệ Đảng, chế độ chính trị, duy trì hiệu lực, hiệu quả của bộ máy Nhà nước và giữ vững độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của tổ quốc Việt Nam. Từ những kết quả được dẫn chứng, phân tích cụ thể ở trên, có thể khái quát thành công của hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia ở Đông Nam Bộ thời gian qua như sau:

Đã hoàn thành cơ bản công tác phân giới cắm mốc, xây dựng được hệ thống đường tuần tra biên giới và hệ thống an ninh, cụm dân cư liền kề đồn biên phòng, chốt dân quân nhằm trợ giúp cho các lực lượng chức năng thực hiện tuần tra, bảo vệ an ninh, an toàn và trật tự khu vực biên giới. Đồng thời, đã cơ bản giải quyết ổn thoả nhu cầu, lợi ích chính đáng của Nhân dân khu vực biên giới về những thiệt hại sau phân giới cắm mốc và xây dựng đường tuần tra, cụm công trình biên giới. Giúp Nhân dân tin tưởng, yên tâm và hợp tác với các lực lượng chức năng trong bảo vệ an ninh biên giới;

Chính quyền, Nhân dân tại hai tỉnh biên giới nói chung và khu vực biên giới nói riêng đã chủ động, phối kết hợp hiệu quả trong việc ngăn chặn các hoạt động tuyên truyền thông tin giả, sai sự thật, nhất là các thông tin sai lệch trên mạng internet. Đồng thời, đã có nhiều chủ trương, chính sách quan tâm giải quyết các vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo trên địa bàn biên giới, góp phần bảo vệ vai trò, vị trí của Đảng, nền tảng tư tưởng của Đảng trước

các vấn đề nan giải từ thực tiễn cuộc sống. Qua việc tăng cường các hoạt động bảo đảm an ninh tư tưởng, một số cơ quan của các tỉnh biên giới như: Ban dân vận, Ban Tuyên giáo, Phát thanh - truyền hình... đã xây dựng được hệ thống lực lượng phản bác, đấu tranh chống lại những luận điệu xuyên tạc, sai trái thù địch và giữ vai trò “phủ xanh” những thông tin chính thống. Qua đó củng cố niềm tin cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng Nhân dân với Đảng, Nhà nước trước tình hình mới;

Duy trì được sự ổn định và phát triển của hệ thống chính trị. Công tác phát triển đảng viên và xây dựng tổ chức cơ sở đảng khu vực biên giới luôn được chú trọng và đạt được nhiều kết quả tốt đẹp, hoàn thành các mục tiêu đề ra. Trong đó công tác đổi mới sinh hoạt đảng, công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá tổ chức cơ sở đảng được tăng cường trên cơ sở sáng tạo, khách quan và khoa học. Việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy linh hoạt, cơ bản phù hợp với đặc điểm của địa phương, qua đó góp phần bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả của bộ máy Nhà nước. Đồng thời phát huy được vai trò của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong phát triển kinh tế, bảo đảm an ninh quốc phòng ở khu vực biên giới.

Các hoạt động hợp tác, liên kết, hỗ trợ giữa hai tỉnh Tây Ninh và Bình Phước với các tỉnh giáp biên đối diện phía Campuchia cũng được chú trọng và tăng cường hơn. Các hoạt động này không chỉ tập trung ở những cuộc gặp gỡ, trao đổi thông tin, tham vấn về an ninh chính trị, giao lưu văn hoá mà còn phát triển mạnh mẽ về hợp tác kinh tế, đặc biệt là hợp tác khai thác các cửa khẩu quốc tế như Hoa Lư, Xa Mát... Từ đó, tạo điều kiện quan trọng cho quá trình bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới của Việt Nam và củng cố hơn mối quan hệ láng giềng hữu nghị Việt Nam - Campuchia...

- Nguyên nhân của thành công

Những thành tựu đạt được trong hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ giai đoạn từ năm 2016 đến 2024 chủ yếu đến từ những nguyên nhân sau:

Sự lãnh đạo đúng đắn, kịp thời của Đảng, Nhà nước cùng sự quan tâm, tạo điều kiện của hệ thống chính trị, bộ ngành trung ương trong mọi lĩnh vực từ an ninh, chính trị, đến kinh tế, xã hội, quốc phòng, đối ngoại... Trên cơ sở đó, hệ thống chính trị cơ sở ở các tỉnh biên giới luôn chủ động, linh hoạt, cụ thể hoá đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước phù hợp với điều kiện thực tiễn khu vực biên giới vì vậy đã giúp các chủ thể thực hiện bảo đảm an ninh chính trị cơ bản có điều kiện vật chất, tinh thần trong thực hiện nhiệm vụ chung.

Bảo đảm an ninh chính trị là công việc của cả hệ thống chính trị, nhưng nếu không có sự đoàn kết, tương hỗ, quyết tâm, đồng lòng của tất cả các chủ thể thì rất khó có thể hoàn thành nhiệm vụ và tạo ra những thành tựu lớn. Ý thức được tầm quan trọng đó, thời gian qua, các chủ thể trong hệ thống chính trị khu vực Đông Nam Bộ, nhất là tại khu vực biên giới luôn có sự đồng thuận cao và tương hỗ rất nhiều trong các hoạt động từ khâu tham mưu, xây dựng đề án, kế hoạch đến công tác tuyên truyền, vận động, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, tổng kết... đều được các chủ thể chủ động tham vấn kỹ càng, hỗ trợ vật chất, tinh thần, chia sẻ công việc, trọng trách để hoàn thành các mục tiêu đề ra trong các kế hoạch bảo đảm an ninh lãnh thổ, an ninh tư tưởng, an ninh thể chế của địa phương.

Các cơ quan chức năng, lực lượng chuyên trách, đặc biệt là Bộ đội biên phòng luôn chủ động, có nhiều giải pháp phù hợp trong ứng phó với nhiều tình huống phát sinh từ hoạt động phân giới cắm mốc, bảo vệ đường biên mốc giới; trong việc lợi dụng mạng xã hội, vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá Đảng, Nhà nước và chia rẽ mối quan hệ Việt Nam - Campuchia... khi có những sự vụ, sự việc vượt quá chức năng, nhiệm vụ, các lực lượng chức năng đã chủ động, kịp thời báo cáo cấp trên để giải quyết, vì thế tránh được nhiều rủi ro trong hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới.

Quần chúng Nhân dân khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ về cơ bản luôn chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật

của Nhà nước và những quy định của địa phương cư trú. Dưới sự tuyên truyền, vận động của các chủ thể trong hệ thống chính trị đã luôn chủ động, tích cực tham gia vào hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng khu vực biên giới.

Trong quan hệ với Campuchia, UBND các tỉnh, huyện, xã biên giới khu vực Đông Nam Bộ luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, hữu nghị, hợp tác và cùng có lợi. Trong đó luôn tôn trọng và thực hiện đầy đủ các văn bản, thoả thuận mà hai bên đã ký kết; Chủ động gặp gỡ, trao đổi để tìm được tiếng nói chung trong giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hợp tác, liên kết và cả những vấn đề còn khúc mắc, chưa giải quyết dứt điểm giữa hai nước; Thường xuyên tổ chức các đoàn thăm viếng nhân dịp lễ tết, tặng quà, hỗ trợ vật chất và tinh thần cho chính quyền, nhân dân các tỉnh biên giới nước bạn... Vì thế cũng đã tạo nên những điều kiện thuận lợi để đạt được kết quả tốt đẹp trong bảo đảm an ninh chính trị ở khu vực này.

3.3.2. Hạn chế và nguyên nhân hạn chế

- Một số hạn chế

Bên cạnh những thành công, hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ giai đoạn 2016 đến 2024 cũng còn tồn tại một số hạn chế:

Trong bảo đảm an ninh lãnh thổ: Dù rất nỗ lực nhưng việc phân định cắm mốc biên giới vẫn chưa hoàn thành ở tỉnh Tây Ninh, hiện Tây Ninh vẫn còn 07 cột mốc chính chưa được xác định... Hoạt động tôn tạo, tăng dày cột mốc, tuần tra, xây dựng cụm công trình biên giới, khu vực phòng thủ biên giới nhiều nơi vẫn chưa kịp thời, chậm tiến độ; Trong phối hợp với các lực lượng chức năng của Campuchia, dù Việt Nam đã chủ động nhưng hoạt động tuần tra, trao đổi thông tin chưa được liên tục, thông suốt, phía Campuchia trong nhiều trường hợp chưa thực sự chủ động hợp tác toàn diện với Việt Nam, thậm chí tìm mọi cách để trì hoãn, kéo dài và không cung cấp thông tin cần thiết.

Trong bảo đảm an ninh tư tưởng. Công tác dự báo tình hình, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng Nhân dân của các cấp uỷ đảng, chính quyền cơ sở còn chậm. Khi phát hiện thông tin tiêu cực thì công tác xác minh, xử lý chưa nhanh, hình phạt chỉ mang tính răn đe, xử phạt hành chính là chủ yếu, mức phạt chưa cao nên nhiều sự vụ vi phạm vẫn còn tái diễn; Chất lượng các bài viết phản bác các luận điệu xuyên tạc, sai trái, thù địch được đăng tải trên báo, đài của tỉnh, huyện biên giới chưa cao; Công tác đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số, người có đạo trong hệ thống chính trị ở các huyện, xã biên giới chưa nhiều.

Trong bảo đảm an ninh thể chế. Công tác phát triển đảng viên ở các xã biên giới mặc dù có tăng hơn các giai đoạn trước nhưng với số lượng còn ít nên chưa đáp ứng được hoàn toàn nhiệm vụ chính trị. Đơn cử như xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, từ 2021 đến 2024 kết nạp được 26 đảng viên [82]; xã Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập mỗi năm kết nạp được 4 - 7 đảng viên [42]; Tại xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã, giai đoạn 2020 - 2025 số đảng viên phải chiếm 1.75 % dân số. Tuy nhiên theo tính toán, đến 2025 thì dân số của xã sẽ khoảng 16.500 người, do đó, số đảng viên phải đạt trong nhiệm kỳ là 40 người. Nhưng tính tới thời điểm cuối 2023 xã mới chỉ kết nạp được 20 đảng viên [46]. Ở một số khu dân cư, đơn vị trường học và doanh nghiệp tư nhân các xã biên giới, quần chúng nhiều nhưng đưa vào nguồn để phát triển Đảng còn thấp, chất lượng chưa cao, một số Chi bộ ấp nhiều năm liền không kết nạp được đảng viên mới; tình trạng “già hóa” đảng viên ở các chi bộ ấp ngày một cao. Đảng viên có độ tuổi trung bình từ 31 - 50 tuổi chiếm tỷ lệ cao 61%, do đó cơ cấu độ tuổi không có tính kế thừa nên tác động không nhỏ đến vai trò lãnh đạo của chi bộ đối với hệ thống chính trị ở cơ sở [28]; Việc tinh gọn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị nhiều nơi còn cơ học, áp chỉ tiêu từ trên xuống mà chưa đánh giá hết nhu cầu, điều kiện thực tiễn ở các xã, huyện biên giới nên

gây ra tình trạng chông chéo về chức năng, nhiệm vụ và khó khăn trong giải quyết chế độ, chính sách cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Hoạt động giải quyết tình trạng ăn, ở, việc làm cho Việt kiều di cư tự do từ Campuchia về các huyện, xã biên giới vẫn còn nhiều bất cập; Hoạt động phối kết giữa hệ thống chính trị Việt Nam với các cơ quan chức năng bên phía Campuchia còn nhiều hoạt động mang tính giúp đỡ, cung cấp một chiều nên tạo tâm lý ỷ lại, trông chờ từ phía Campuchia đối với Việt Nam...

- Nguyên nhân của hạn chế

Sở dĩ còn tồn tại những hạn chế trong hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ thời gian qua là do một số nguyên nhân sau:

Trong hoạt động phân giới cắm mốc, những đoạn chưa giải quyết dứt điểm và những cột mốc chưa được xác định đều liên quan đến việc hoán đổi đất, đến việc chưa tìm được vật chuẩn và sự hợp tác, phối hợp từ phía Campuchia với hai tỉnh chưa tốt. Hệ thống mốc cũ đều là những mốc cắm từ thời Pháp thuộc, tình trạng hư hỏng nặng, khó tìm kiếm; hệ thống mốc mới có những mốc nằm trên địa hình phức tạp, kết hợp với thời tiết khắc nghiệt nên việc vận chuyển nguyên vật liệu để tôn tạo, bảo vệ mốc giới cũng còn nhiều khó khăn. Hơn nữa, việc phân giới cắm mốc hay việc tôn tạo, tăng dày cột mốc đều nằm trong sự chỉ đạo chung của Đảng và Nhà nước, Bộ Quốc phòng... nên quá trình thực hiện dù chủ động nhưng vẫn phải chờ quyết định từ trung ương, từ các bộ, ban, ngành liên quan phối hợp cùng thực hiện.

Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân về tầm quan trọng của bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới chưa cao, chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của công tác lý luận, công tác dân tộc, tôn giáo, xem nhẹ việc học tập lý luận của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức chưa đồng đều. Việc tinh gọn bộ máy còn áp đặt chủ quan nên chưa thực sự phản ánh hết nhu cầu về sử dụng nguồn nhân lực, chưa tạo nên sức bật, tính hiệu lực hiệu quả của hệ thống chính trị. Công tác đánh giá, xếp loại đảng viên và tổ chức cơ sở đảng còn chạy theo

bệnh thành tích, nặng hình thức nên kết quả cũng chưa phản ánh đúng thực chất;

Điều kiện kinh tế - xã hội khu vực biên giới còn nhiều khó khăn. Các huyện, xã khu vực biên giới là những nơi có cơ sở hạ tầng thiếu thôn, nhiều đồng bào dân tộc sinh sống nên rất khó thu hút cán bộ, đảng viên có trình độ, năng lực về làm việc và cũng gặp nhiều trở lực trong huy động nguồn lực vật chất cho hoạt động bảo đảm an ninh chính trị ở khu vực này.

Sự phối kết giữa các chủ thể của hệ thống chính trị trong bảo đảm an ninh chính trị nhiều nơi, nhiều lúc còn khó khăn, hạn chế; Nhiều chủ thể, tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị chưa có nhiều kinh nghiệm xử lý các vấn đề phức tạp phát sinh trong thực tiễn cuộc sống nhất là vấn đề an ninh mạng, trình độ quản lý mạng; Hình phạt chưa nặng, chủ yếu là phạt hành chính nên tính răn đe chưa cao;

Sự phối kết giữa Việt Nam và Campuchia trong bảo đảm an ninh chính trị còn nhiều bất cập. Khu vực ngoại biên có tình hình an ninh chính trị phức tạp nhất là vào mỗi dịp bầu cử các cấp của Campuchia, các đảng đối lập thường chính trị hoá vấn đề dân tộc, lợi dụng sự gần gũi, gần bó giữa Nhân dân hai bên biên giới để kích động, tuyên truyền sai sự thật về Việt Nam, về chính sách dân tộc của Việt Nam, về mối quan hệ giữa Việt Nam và Campuchia.

Tiểu kết chương 3

Trong chương 3, tác giả đã chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng đến công tác bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia ở Đông Nam Bộ. Những yếu tố này cho chúng ta thấy đâu là điểm tương đồng, đâu là nét khác biệt trong công tác bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ so với các khu vực khác. Trong các yếu tố chi phối, ảnh hưởng đến hoạt động này có những yếu tố tạo điều kiện hết sức thuận lợi như yếu tố tự nhiên, lịch sử, mối quan hệ giữa chính quyền và Nhân dân khu vực hai bên biên giới, sự quyết tâm của hệ thống chính trị Việt Nam nhưng cũng có những yếu tố tạo nên khó khăn, thách thức như tình hình chính trị - an ninh ở Campuchia, sự can dự của các nước lớn vào đời sống kinh tế - chính trị tại Campuchia. Đặc biệt, tác giả đưa nội dung khái quát tình hình an ninh chính trị tại khu vực này trước năm 2016 vào phần yếu tố chi phối để thấy được những vấn đề thách thức hiện hữu đang đặt ra cho hoạt động bảo đảm an ninh chính trị trên cả 03 phương diện là an ninh lãnh thổ, an ninh tư tưởng và an ninh thể chế.

Đứng trước các vấn đề thực tiễn nan giải đang đặt ra, dựa trên khung lý luận đã được xây dựng, tác giả đi vào phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ từ 2016 đến 2024 trên ba nội dung là an ninh lãnh thổ, an ninh tư tưởng và an ninh thể chế. Trong quá trình phân tích, tác giả đã đi từ những chủ trương, kế hoạch của các cấp uỷ Đảng, hoạt động triển khai thực tiễn của các chủ thể trong hệ thống chính trị và kết quả đạt được ở các nội dung bảo đảm an ninh chính trị. Từ đó, tác giả đánh giá hoạt động bảo đảm an ninh chính trị cả trên hai phương diện thành công, hạn chế, đặc biệt chỉ ra những nguyên nhân của thành công, hạn chế. Qua đó làm nền tảng, cơ sở để xây dựng giải pháp cho hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ trong thời gian tới.

Chương 4

MỘT SỐ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ KHU VỰC BIÊN GIỚI VIỆT NAM - CAMPUCHIA Ở ĐÔNG NAM BỘ TRONG THỜI GIAN TỚI

4.1. DỰ BÁO NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG TÌNH HÌNH BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ KHU VỰC BIÊN GIỚI Ở ĐÔNG NAM BỘ THỜI GIAN TỚI

Để đưa ra những dự báo về yếu tố tác động, ảnh hưởng đến bảo đảm an ninh chính trị và dự báo tình hình bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Đông Nam Bộ thời gian tới cần phải dựa trên những luận cứ khoa học xác đáng. Tuy nhiên làm thế nào để có được những luận cứ khoa học xác đáng, thực sự là cơ sở cho dự báo, làm cho những dự báo có độ tin cậy cao thì không phải cách tiếp cận nào cũng có thể áp dụng được. Trong bối cảnh hiện tại, để đáp ứng được phần nào cơ bản những tiêu chí nêu trên, tác giả dùng cách phân tích SWOT. SWOT là một phương pháp phân tích được các nhà nghiên cứu áp dụng rộng rãi trong lĩnh vực kinh tế và cả trong lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn nhất là trong phân tích chiến lược kinh doanh, chiến lược phát triển quốc gia, hoạch định chiến lược đối ngoại và đánh giá quan hệ giữa các chủ thể của cộng đồng quốc tế. SWOT là phương pháp phân tích, đánh giá dựa trên 4 nội dung: 1) Strengths - Điểm mạnh; 2) Weaknesses - Điểm yếu; 3) Opportunities - Cơ hội; 4) Threats - Thách thức. Tác giả cho rằng nếu áp dụng cách phân tích SWOT trong dự báo các yếu tố ảnh hưởng đến an ninh chính trị, hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ sẽ cho chúng ta thấy rõ ràng hơn đâu là những lợi thế, thuận lợi, đâu là những khó khăn, thách thức của hoạt động này trong thời gian tới. Từ đó, có thể nhìn nhận và xây dựng hệ thống giải pháp cho vấn đề nghiên cứu hợp lý hơn. Tuy nhiên, để phù hợp với nội dung nghiên cứu, bảo đảm tính logic cho vấn đề và tránh sự trùng

lập, thay vì trình bày tách riêng từng ý điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức theo đúng tinh thần phân tích của SWOT thì tác giả sẽ trình bày theo hướng gộp chung điểm mạnh với thời cơ, điểm yếu với thách thức. Bởi suy cho cùng thì điểm mạnh và thời cơ cùng hướng đến mục tiêu là chỉ ra những yếu tố tác động thuận lợi và ngược lại những điểm yếu, thách thức cũng chính là những yếu tố tác động khó khăn đến bảo đảm an ninh chính trị ở khu vực này.

4.1.1. Những điểm mạnh, thời cơ tạo điều kiện thuận lợi cho bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Đông Nam Bộ thời gian tới.

Trong hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ thì điểm mạnh của hoạt động này chính là những lợi thế, thế mạnh tác động và tạo điều kiện thuận lợi. Một số điểm mạnh cơ bản có thể nói đến như:

- *Chủ trương, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong quan hệ với Campuchia.*

Trong Báo cáo Chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XII trình Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, khi bàn về định hướng ưu tiên trong đối ngoại thời gian tới. Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “Coi trọng phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị, truyền thống với các nước láng giềng... Đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác song phương với các đối tác, đặc biệt là đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và các đối tác quan trọng khác” [37; tr.163]. Trên cơ sở đó, Nghị quyết số 34-NQ/TW ngày 09/01/2023, của Bộ Chính trị “Về một số định hướng, chủ trương lớn triển khai đường lối đối ngoại Đại hội XIII”, Đảng ta đã “khẳng định và đưa ra các giải pháp chủ yếu về thúc đẩy quan hệ với các nước, nhất là các nước láng giềng đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững lâu dài” [38]. Những chủ trương và định hướng này của Đảng cho chúng ta thấy, chủ thể quan trọng, ưu tiên hàng đầu trong đối ngoại của Việt Nam chính là các nước láng giềng, sau mới đến các đối tác chiến lược và các đối tác khác. Thực tiễn đã chứng minh, suốt thời

gian qua Đảng, Nhà nước Việt Nam luôn tôn trọng quan hệ với các nước láng giềng và chính sự tôn trọng, ưu tiên trong mối quan hệ này đã đem lại nhiều thành quả tốt đẹp trên các lĩnh vực. Vì thế, thời gian tới không có lý do gì để Việt Nam thay đổi chủ trương, chính sách này. Bởi các nước láng giềng, trong đó có Campuchia, đều là những nước có đặc điểm gắn bó mật thiết với Việt Nam “núi liền núi, sông liền sông, văn hoá tương đồng, vận mệnh tương quan”. Trong quan hệ với Campuchia, Việt Nam dành cho Campuchia mối quan hệ “Đặc biệt”, trên tinh thần “Láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài”. Nhờ những chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước nên không những tạo cho mối quan hệ Việt Nam - Campuchia ngày càng gắn bó, mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, trong đó có hệ thống chính trị và Nhân dân tại khu vực biên giới đẩy mạnh quan hệ, hợp tác với các tỉnh biên giới của Campuchia. Đồng thời còn đẩy lùi được nhiều luận điệu sai trái, xuyên tạc nhằm chia rẽ mối quan hệ giữa hai nước, giảm bớt sự hoài nghi chiến lược nhất là trước bối cảnh quốc tế, khu vực có nhiều thay đổi theo hướng bất định khó lường như hiện nay. Vì vậy, đây được xem là yếu tố hết sức thuận lợi giúp các chủ thể thực hiện bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia ở Đông Nam Bộ có được định hướng đúng đắn trong xây dựng chủ trương, kế hoạch và ứng xử trong mối quan hệ với Campuchia trong thời gian qua và sắp tới.

- Hệ thống chính trị cơ sở không ngừng được hoàn thiện vững mạnh

Quán triệt Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 02/02/2008, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) Về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên”; Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng”; Kết luận số 18-KL/TW ngày 22/09/2017 của Ban

Bí thư “Về tiếp tục đẩy mạnh Chỉ thị số 10-CT/TW của Ban bí thư khoá X về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong tình hình mới”; Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 “Về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “Về tăng cường củng cố xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới”... Các tỉnh thành trong cả nước nói chung và hai tỉnh biên giới khu vực Đông Nam Bộ nói riêng thời gian qua đã có nhiều nỗ lực nhằm nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; cải thiện chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; Bộ máy chính quyền các cấp từng bước tinh gọn, phát huy hiệu lực, hiệu quả. Cụ thể: Tính đến hết năm 2023, 100% các xã, thôn, ấp khu vực biên giới có chi bộ đảng sinh hoạt; hơn 90% đảng viên và chi bộ xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ và là chi bộ trong sạch vững mạnh; Đội ngũ cán bộ, đảng viên đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ và trình độ lý luận chính trị. Trong đó 70% có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên. Nhiều đầu mối cơ quan hành chính được tinh gọn, sắp xếp lại nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn và bảo đảm chất lượng công tác... Những thành tựu này giúp hệ thống chính trị cơ sở, trong đó có hệ thống chính trị cơ sở khu vực biên giới ngày càng được củng cố, vững mạnh. Đây là một yếu tố hết sức thuận lợi cho hoạt động bảo đảm an ninh chính trị ở khu vực này bởi: khi có đội ngũ cán bộ, đảng viên có năng lực chuyên môn, trình độ lý luận chính trị cao sẽ giúp các cơ quan, đoàn thể xây dựng được nhiều chủ trương, kế hoạch đúng đắn, phù hợp với đường lối của Đảng và thực tiễn của địa phương. Có nhiều sáng kiến, giải pháp mới giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong các vấn đề và đặc biệt luôn có đủ trình độ để không bị lôi kéo, mua chuộc và mắc sai lầm trong tuyên truyền sai sự thật chống Đảng và Nhà nước.

Khi bộ máy được tinh gọn, tổ chức cơ sở đảng được củng cố sẽ đưa

nhiều hoạt động của hệ thống chính trị hiệu quả hơn, tập trung hơn; giảm bớt phiền hà trong thủ tục hành chính; có khả năng huy động và tập trung nguồn lực cho các hoạt động bảo đảm an ninh chính trị và phát triển kinh tế - xã hội; tạo điều kiện cho quần chúng Nhân dân được nói lên nhu cầu, lợi ích chính đáng và tham gia vào đời sống kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội của địa phương nhiều hơn... qua đó cũng tạo dựng được niềm tin và sự gắn bó của Nhân dân với Đảng, Nhà nước.

- Quan hệ truyền thống hữu nghị giữa chính quyền, Nhân dân hai bên khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia

Như đã trình bày ở các nội dung trước. Nhờ chủ trương đúng đắn của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong quan hệ với Campuchia. Kết hợp với sự gần gũi về địa lý, tương đồng về lịch sử, văn hoá, xã hội nên thời gian qua chính quyền và Nhân dân hai tỉnh Tây Ninh, Bình Phước đều duy trì được mối quan hệ gắn bó với các tỉnh đối diện biên giới của Campuchia. Tây Ninh hiện đã ký kết được 04 văn bản thoả thuận, hợp tác với 04 tỉnh của Campuchia, trong đó có 03 tỉnh biên giới là Svay Riêng, Prey Veng, Tboung Khmum và 01 tỉnh kết nghĩa là Kampong Cham; Bình Phước cũng đã ký kết nhiều văn bản hợp tác với 03 tỉnh giáp biên là Monduliri, Kratie và Tboung Khmum. Các văn bản này đặt nền móng cho quá trình hợp tác liên kết giữa Tây Ninh, Bình Phước và các tỉnh phía đối diện của Campuchia. Từ đó tạo nên những thành tựu to lớn, tăng thêm sự đoàn kết, gắn bó trong các lĩnh vực kinh tế, an ninh quốc phòng, văn hoá, xã hội, giáo dục, y tế... giữa hai bên.

Ngoài ra, chính quyền các huyện, xã biên giới cùng với Bộ đội biên phòng, MTTQ Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội của hai tỉnh còn tổ chức nhiều hoạt động giao lưu văn hoá, văn nghệ, tặng quà, tặng nhu yếu phẩm, tặng tiền mặt cho các xã, huyện đối diện nhân dịp Lễ, Tết, dịch bệnh Covid, những dịp bầu cử HĐND các cấp ở Campuchia... Chính sự hợp tác toàn diện và sự gắn bó mật thiết này đã giúp cho Việt Nam có nhiều cơ hội để thực

hiện hoạt động bảo đảm an ninh chính trị, duy trì mối quan hệ với Campuchia, góp phần giữ vững an ninh biên giới. Đây là những tiền đề, cơ sở quan trọng có tác động thuận lợi giúp Việt Nam tiếp tục triển khai tốt hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ trong thời gian tới.

- Tinh thần trách nhiệm và sự phối kết hợp giữa các chủ thể trong hệ thống chính trị luôn được phát huy mạnh mẽ.

Hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới nói chung và khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia nói riêng luôn được Đảng, Nhà nước khẳng định là công việc của cả hệ thống chính trị. Vì vậy, yêu cầu trước hết đối với các chủ thể phải phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, hoàn thành trọng trách, nhiệm vụ được giao nhưng cũng phải có sự thống nhất, tương hỗ với các chủ thể khác, không thể “mạnh ai nấy làm” dẫn đến công việc chồng chéo, trùng lặp và ảnh hưởng đến kết quả chung.

Thực tiễn những năm qua đã chứng minh, các chủ thể trong hệ thống chính trị tại các khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ luôn hoàn thành nhiệm vụ trọng trách được giao, đồng thời cũng đã phối kết rất chặt chẽ. Trên cơ sở chủ trương của tỉnh uỷ, UBND tỉnh đã xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án liên quan hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới. Trong mỗi kế hoạch, chương trình đều giao nhiệm vụ rõ ràng cho các sở, ban, ngành và hệ thống chính quyền cơ sở. Qua đó, các chủ thể triển khai nhiệm vụ của cơ quan mình, đồng thời thông qua các kênh như toạ đàm, trao đổi, tham mưu, hội họp... nên các chủ thể đã dễ dàng hơn trong nắm bắt thông tin tình hình, huy động lực lượng, nguồn lực tham gia và xây dựng phương án ứng phó. Giảm thiểu tình trạng trùng lặp, gây thất thoát lãng phí thời gian, nguồn lực. Sự chủ động, tích cực này không những giúp cho hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ giai đoạn 2016 đến 2024 đạt được nhiều kết quả tốt đẹp mà còn là yếu tố thuận lợi, là cơ sở quan trọng góp phần thực hiện thành công những nhiệm vụ mới của hoạt động bảo đảm an

ninh chính trị khu vực biên giới trong giai đoạn tiếp theo.

4.1.2. Những khó khăn, thách thức đối với bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ thời gian tới

Bên cạnh một số điểm mạnh được xem như là những yếu tố tác thuận lợi thì còn có một số khó khăn, thách thức ảnh hưởng không nhỏ đến bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ trong thời gian tới như:

- Điều kiện kinh tế - xã hội khu vực biên giới vẫn còn khó khăn

Mặc dù đã được cải thiện đáng kể về mức sống, thu nhập và cơ sở hạ tầng nhưng về cơ bản so với các khu vực khác thì khu vực biên giới vẫn còn nhiều khó khăn thiếu thốn. Cụ thể tính đến hết 2022, tỉnh Bình Phước có thu nhập bình quân đầu người đạt 74,1 triệu/người/năm nhưng 3 huyện biên giới người dân có thu nhập thấp hơn, huyện Bù Gia Mập và Bù Đốp là 45 triệu/người/năm, Lộc Ninh là 55 triệu/người/năm; số xã đạt chuẩn nông thôn mới của khu vực biên giới cũng ít hơn, trong khi cả tỉnh Bình Phước là 70/90, riêng 03 huyện biên giới đạt 20/29 xã; Tỷ lệ người được đào tạo, có việc làm của 03 huyện biên giới cũng thấp hơn, năm 2022 Tỉnh đào tạo cho 5.513 người, chiếm tỷ lệ 9% toàn tỉnh [134]. Tương tự, ở tỉnh Tây Ninh, thu nhập bình quân đầu người năm 2023 cả tỉnh đạt 55,4 triệu/người/năm, nhưng tại các huyện biên giới của tỉnh chỉ khoảng 45-47 triệu/người/năm [76]. Nhiều xã biên giới vẫn chưa đảm bảo nước sạch sinh hoạt, số người dân tham gia bảo hiểm y tế vẫn chưa đạt 100%, nhiều trường học, trạm y tế, điểm sinh hoạt văn hoá thôn, ấp xuống cấp... Những điều kiện khó khăn, hạn chế này tác động vô cùng lớn đến bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới thời gian qua và sắp tới như: Khó huy động nguồn lực tại chỗ trong xây dựng, bảo vệ đường biên, mốc giới; chưa thể trở thành hậu phương vững chắc cho lực lượng vũ trang trong bảo đảm an ninh quốc phòng, các vấn đề liên quan tệ nạn xã hội; Đời sống kinh tế khó khăn, kết hợp với dân trí thấp, không đồng đều sẽ dẫn đến nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên, Nhân dân chưa cao, dễ bị

các thế lực chống đối, phản động lôi kéo, mua chuộc, dễ bị kích động về vấn đề dân tộc, tôn giáo; công tác vận động, tuyên truyền của các chủ thể trong hệ thống chính trị cũng kém hiệu quả...

- Hoạt động chống phá của các thế lực thù địch trong lợi dụng mạng xã hội, vấn đề dân tộc, tôn giáo ngày càng mạnh mẽ, tinh vi

Trong điều kiện phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, sự xuất hiện tràn ngập của các thiết bị điện tử thông minh và hệ thống wifi 4G, 5G phủ sóng rộng khắp như hiện nay. Thì việc tiếp cận thông tin không còn là vấn đề khó khăn. Tuy nhiên, bên cạnh mặt tích cực còn có nhiều vấn đề tiêu cực xuất hiện thách thức hoạt động quản lý, xử lý thông tin. Nếu khâu này không được làm tốt sẽ dẫn đến hiệu ứng lan truyền thông tin độc hại, thông tin xấu, sai sự thật trên mạng xã hội một cách nhanh chóng. Khi đó hậu quả sẽ không thể lường trước được, tác động tiêu cực, nhiều chiều đến đời sống vật chất, tinh thần của mọi tầng lớp Nhân dân và đây thực sự là một công cụ hữu dụng nếu được các thế lực thù địch, phản động sử dụng trong chống phá Đảng, Nhà nước nhất là các vấn đề nhạy cảm như dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền...

Ý thức được tầm quan trọng của vấn đề, những năm qua các tỉnh biên giới khu vực Đông Nam Bộ đã có nhiều hoạt động trong việc cung ứng thiết bị viễn thông; tăng cường công tác tuyên truyền; thành lập nhiều trang, nhóm hoạt động công khai trên các trang điện tử của tỉnh, huyện, trên các mạng xã hội Facebook, Zalo... giúp người dân được tiếp cận đầy đủ những thông tin đúng đắn, chính thống. Đồng thời sau khi có Luật an ninh mạng đã tăng cường các biện pháp xử phạt để răn đe những chủ tài khoản đăng tải thông tin sai sự thật, có hành vi lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo nhằm chống phá chính quyền... Tuy nhiên, vì còn những hạn chế, thiếu sót trong công tác cập nhật thông tin; thiếu kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ làm công tác tuyên truyền, quản lý thông tin, xử lý các sự vụ liên quan vấn đề dân tộc,

tôn giáo; Chính sách dân tộc, tôn giáo còn nhiều bất cập như: chưa giải quyết kịp thời, thoả đáng những tranh chấp đất đai, cơ sở thờ tự, chưa kiểm soát tốt tình hình đối với các tôn giáo lạ, tà đạo, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, tôn giáo, đồng bào có đạo công tác trong hệ thống chính trị còn ít; Biện pháp xử lý còn nhẹ, mang tính chất hành chính, răn đe... Lợi dụng những điểm yếu này, các thế lực thù địch, các lực lượng chống phá liên tục đăng tải thông tin sai lệch, xây dựng đội ngũ để tuyên truyền phát tán thông tin gây ra các hiệu ứng dây chuyền với sức lan toả nhanh chóng, làm cho những thông tin từ sai nhưng có nhiều người quan tâm, đánh giá, bình luận lại thành “sự thật”. Qua đó, nhiều người dân bị kích động, có tư tưởng chống đối, mất niềm tin vào Đảng, Nhà nước. Nghiêm trọng hơn là nhiều cán bộ, đảng viên do nhận thức chính trị còn mơ hồ nên lập trường chính trị không vững vàng, trước các thủ đoạn tuyên truyền, mua chuộc, lôi kéo của các lực lượng chống phá, thù địch nên đã “tự diễn biến, tự chuyển hoá”, tiếp tay cho các thế lực này truyền tải thông tin sai sự thật... Thực tế trên đã và sẽ tác động không nhỏ đến kết quả bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ nếu không được quan tâm, khắc phục.

- Đời sống chính trị tại Campuchia còn diễn biến phức tạp

Như đã giới thiệu, Campuchia là một đất nước đa đảng, bên cạnh một số đảng ủng hộ Đảng CPP, liên minh cùng với CPP để lãnh đạo đất nước Campuchia thì còn có nhiều đảng đối lập, phản đối chính sách lãnh đạo đất nước của đảng CPP. Đảng đối lập lớn nhất, hoạt động chống đối mạnh nhất hiện nay ở Campuchia chính là Đảng Cứu nguy dân tộc Campuchia (CNRP). Những năm gần đây, mặc dù bị giải thể năm 2017 nhưng các đảng viên sống lưu vong ở nước ngoài vẫn quan tâm đến mọi hoạt động của Campuchia. Các thành viên của Đảng này không chỉ phản ứng trước nhiều chính sách an sinh, phát triển kinh tế - xã hội mà còn lên tiếng nhiều lần trong các dự án hợp tác kinh tế, quân sự giữa Campuchia và Trung Quốc. Đối với Việt Nam, hai vấn

đề mà CNRP luôn tuyên truyền, chống phá chính là hoạt động phân giới cắm mốc và vấn đề giải quyết giấy tờ tùy thân cho cộng đồng người Việt ở Campuchia. Vào mỗi dịp bầu cử tại Campuchia, đảng CNRP, kích động các đảng chính trị khác và Nhân dân Campuchia lên án gay gắt hoạt động phân giới cắm mốc với Việt Nam, họ cho rằng “Việt Nam xâm chiếm đất Campuchia”, “Chính quyền ông Hunsen bán đất cho Việt Nam”, thậm chí họ còn tiến hành nhiều hoạt động phá hoại, gây rối ở các khu vực đang tiến hành phân giới cắm mốc... Trước những hành động trên, một mặt chính quyền Campuchia có những động thái làm dịu tình hình chính trị trong nước, mặt khác cũng có lần phải tạm gác hoạt động phân giới cắm mốc với Việt Nam. Gần đây, khi chính quyền thủ tướng Hun Manet đang đối diện với những phản đối của các đảng đối lập trong đó có CNRP xoay quanh quân cảng Ream, kênh đào Funan Techo giữa Campuchia và Trung Quốc thì đã cho phép một cuộc mít tinh diễn ra vào ngày 9/6/2024 để kỷ niệm ngày Pháp ký kết Hiệp định Élysée giao khu vực Nam Bộ của Việt Nam ngày nay cho Quốc trưởng Bảo Đại. Đây vốn dĩ là một Hiệp định bất hợp pháp vì ngày ký Hiệp định là ngày 8/3/1949, trong khi Bảo Đại đã thoái vị trở thành một công dân bình thường vào ngày 30/8/1945 [107]. Hoặc sự kiện ngày 20/9/2024 Chủ tịch đảng CPP – ông Hunsen và Thủ tướng Campuchia Hun Manet đã tuyên bố chính thức rút Campuchia ra khỏi Tam giác phát triển (CLV)... Hành động này của chính quyền ông Hun Manet đã tạo cơ hội cho các đảng đối lập đấu tranh, chống phá vì họ luôn cho rằng vùng đất Nam Bộ là của Campuchia mà Việt Nam đã xâm chiếm nên họ phải giành lại. Vì vậy, đây có thể tiếp tục là một trong những nguyên nhân kích động thù hằn dân tộc, chia rẽ mối quan hệ Việt Nam - Campuchia nếu không được kiểm soát, ngăn chặn kịp thời và đương nhiên cũng là yếu tố thách thức lớn trong hợp tác Việt Nam - Campuchia nói chung và hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ nói riêng trong thời gian tới.

- *Sự can dự của các nước lớn vào Campuchia*

Trước bối cảnh quốc tế, khu vực có những thay đổi nhanh chóng, phức tạp, khó lường, đặc biệt là sự cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc ngày càng gay gắt. Cạnh tranh chiến lược giữa hai nước lớn dẫn đến những thay đổi trong phương cách tập hợp lực lượng, điều này làm cho các chủ thể ở khu vực Đông Nam Á trong đó có Việt Nam và Campuchia đều bị tác động. Đối với Campuchia, những năm qua mặc dù Campuchia luôn chủ trương thực hiện chính sách trung lập nhưng trên thực tế mối quan hệ giữa Trung Quốc và Campuchia không ngừng được củng cố, có nhiều bước tiến mới. Hiện Trung Quốc là nước đầu tư lớn nhất tại Campuchia, theo Hội đồng Phát triển Campuchia (CDC) thông báo từ năm 2012 đến 2017, Trung Quốc đã đầu tư hơn 15 tỷ USD vào Campuchia trong đó tập trung phát triển cơ sở hạ tầng như đường bộ/đường cao tốc, cảng và sân bay, đồng thời đầu tư thêm 11 tỷ USD vào lĩnh vực năng lượng. Trong 6 tháng đầu năm 2023, Campuchia đã phê duyệt 113 dự án đầu tư mới và mở rộng với tổng vốn đăng ký khoảng 1,1 tỷ USD, trong đó gần 65% đến từ các nhà đầu tư Trung Quốc [4]. Về thương mại, cán cân kim ngạch giữa Campuchia và Trung Quốc đã đạt gần 11,2 tỷ USD trong năm 2021, tăng 38% so với năm 2020 [116]. Sự xích lại gần Trung Quốc trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược, phần nào làm ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa Campuchia và Hoa Kỳ, nhất là trong vấn đề nhân quyền, bầu cử hay liên quan đến hoạt động của các đảng đối lập tại Campuchia. Trong nước, với chiến thắng của bầu cử Quốc hội khoá VII đã thành công, Đảng CPP đã thắng áp đảo các đảng đối thủ; sự chuyển giao quyền lực cũng đã diễn ra êm đẹp nhưng chính quyền mới của Thủ tướng Hun Manet vẫn còn đối diện với nhiều khó khăn, áp lực cả về phát triển kinh tế, ổn định chính trị và phải duy trì được chính sách đối ngoại linh hoạt, khéo léo trong ứng xử với các nước lớn nhất là Mỹ và Trung Quốc... Đây là những ưu tiên hàng đầu mà Campuchia phải quan tâm giải quyết trong thời gian tới. Vì vậy, cũng sẽ ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa Việt Nam và Campuchia trong đó có việc phân

giới cấm mốc, có việc giải quyết giải tỏa tùy thân cho cộng đồng người Việt ở Campuchia... Khi việc phân định cấm mốc và nhiều lĩnh vực khác chưa hoàn thành, chưa có nhiều tiến triển tốt đẹp thì những công việc liên quan bảo vệ an ninh chính trị khu vực bên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Campuchia nói chung, bảo vệ an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền giữa Việt Nam và Campuchia ở Đông Nam bộ nói riêng gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt các thế lực thù địch, các đảng chính trị đối lập của Campuchia sẽ tiếp tục lợi dụng để chống phá, chia rẽ mối quan hệ giữa hai nước, chia rẽ niềm tin của Nhân dân với Đảng, chính quyền khu vực biên giới. Coi khu vực biên giới là địa bàn trú chân trong việc lôi kéo các tín đồ tôn giáo thành lập các nhà nước tự trị Khomer Crôm, Đề Ga... Những vấn đề trên đã đặt ra thách thức lớn cho công tác bảo đảm an ninh chính trị trên rất nhiều nội dung nhưng đặc biệt là an ninh lãnh thổ. Bởi trong bối cảnh quốc tế mới vấn đề an ninh lãnh thổ luôn là vấn đề nhạy cảm, phức tạp nếu không giải quyết được sẽ ảnh hưởng đến việc bảo vệ chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và tình cảm gắn bó, hữu nghị giữa những nước láng giềng, có chung biên giới.

- Hoạt động phối hợp trong bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới giữa Việt Nam và Campuchia vẫn còn những bất cập

Trong điều kiện khó khăn về kinh tế, xã hội, môi trường an ninh trong nước còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn. Để góp phần vào quá trình phát triển bên trong và duy trì môi trường hoà bình, ổn định bên ngoài. Chính phủ mới của Campuchia tiếp tục thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình, trung lập. Tuy nhiên do nguồn lực còn hạn chế và phải tập trung vào nhiều mục tiêu phát triển trọng điểm quốc gia nên trong quan hệ với Việt Nam, một mặt tiếp tục thúc đẩy hợp tác toàn diện trên các lĩnh vực nhưng mặt khác chưa tập trung chú trọng giải quyết những vấn đề còn tồn tại, thách thức đang đặt ra trong mối quan hệ giữa hai nước. Đặc biệt, một số hành động của chính quyền các tỉnh đối diện biên giới Việt Nam thường có hoạt động cản trở bảo đảm an

ninh chính trị như: san lấp làm đường vành đai biên giới, cố tình san ủi cọc dấu, xây dựng đường vành đai biên giới chưa đúng với thoả thuận; hoạt động quản lý quá diện tích đất sau phân giới - cản trở hoạt động khai thác hoa màu của người dân khu vực biên giới; công tác tuần tra chung, chia sẻ thông tin, hoạt động giao lưu văn hoá, văn nghệ, thể thao giữa chính quyền và nhân hai bên biên giới phía Campuchia còn thụ động, chủ yếu dựa vào kinh phí từ phía Việt Nam... Vì thế cũng đã gây nên nhiều khó khăn cho các hoạt động bảo vệ an ninh lãnh thổ, trật tự, an toàn khu vực biên giới nhất là các hoạt động liên quan đến sự phối hợp giữa hai nước vì hoạt động này đòi hỏi phải có sự chủ động, thiện chí trên tinh thần đoàn kết, hữu nghị, tương trợ và cùng có lợi.

4.2. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM AN NINH CHÍNH TRỊ KHU VỰC BIÊN GIỚI VIỆT NAM - CAMPUCHIA Ở ĐÔNG NAM BỘ TRONG THỜI GIAN TỚI

Từ những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của thành tựu, hạn chế trong bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Đông Nam Bộ giai đoạn từ 2016 đến 2024. Đồng thời trên cơ sở phân tích những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức qua phân tích SWOT. Tác giả đề xuất một số giải pháp bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ trong giai đoạn tiếp theo như sau:

4.2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và Quản lý của Nhà nước đối với mọi hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới

Công cuộc đấu tranh, xây dựng và bảo vệ tổ quốc đã chứng minh, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là yếu tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi. Trong hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới, sự lãnh đạo của Đảng đã tạo cơ sở vững vàng cho hệ thống chính trị thực hiện mọi mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị thông qua cương lĩnh, chiến lược, nghị quyết, bằng công tác tuyên truyền, vận động, bằng công tác kiểm tra giám sát và bằng hành động gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Trong điều kiện Đảng cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền nên mọi hoạt động liên quan an ninh quốc gia, an ninh chính trị trong đó có an ninh chính

trị khu vực biên giới luôn phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Điều này đã được khẳng định rõ hơn trong Nghị quyết số 44/TW, ngày 24/11/2023 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về Chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới, theo đó phải “giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý, điều hành tập trung, thống nhất của Nhà nước, phát huy vai trò to lớn của Nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc” [39].

Trong quá trình Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý các hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền Việt Nam – Campuchia đã thể hiện được vai trò, trách nhiệm to lớn và tạo nên nhiều kết quả tốt đẹp như giữ vững độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, giữ gìn an ninh trật tự an toàn khu vực biên giới, xây dựng được biên giới hoà bình hữu nghị, ổn định với Campuchia; Làm thất bại nhiều âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, nhân quyền nhằm hạ thấp hình ảnh, uy tín, vai trò của Đảng; Duy trì, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy Nhà nước, nhất là tại cấp cơ sở... Tuy nhiên, thực tế cho thấy sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trong hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ giai đoạn vừa qua vẫn còn chung chung, ở tầm vĩ mô, thiếu cụ thể, thống nhất; trách nhiệm của các chủ thể dù đã được quy định song vẫn có sự chồng chéo nhất định; cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành chưa thích hợp; chưa có nhiều chủ chương, chính sách cụ thể, phù hợp với đặc điểm vùng miền [29] ... Để khắc phục được một số hạn chế và phát huy những thành tựu to lớn nêu trên, nhằm tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia ở Đông Nam bộ, thời gian tới cần:

Tiếp tục hoàn thiện, đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng, gắn quyền hạn với trách nhiệm trong việc thực hiện chức năng lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng đối với hoạt động phát triển kinh tế, xã hội gắn với an

ninh - quốc phòng. Vai trò lãnh đạo của Đảng phải được tăng cường, cụ thể hoá trong các Nghị quyết. Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu cơ bản, chiến lược của Đảng, Nhà nước để có những quy hoạch, kế hoạch phát triển phù hợp với thực tiễn địa phương biên giới, khu vực bên giới.

Các cấp uỷ, chính quyền địa phương ở hai tỉnh biên giới Tây Ninh và Bình Phước trên cơ sở chủ trương, kế hoạch lớn của Đảng và Nhà nước, Tỉnh uỷ cần tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo việc điều chỉnh, bổ sung chiến lược, kế hoạch của địa phương, đồng thời chủ động hoạch định chiến lược, kế hoạch cụ thể cho các hoạt động bảo đảm an ninh chính trị trong phạm vi địa phương mình quản lý. Kịp thời báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo từ Trung ương để có những giải pháp tối ưu giải quyết các vấn đề mới hoặc bất thường nhất là vấn đề phân giới cắm mốc, quản lý khu vực biên giới trước tình trạng nhiều các khu liên hợp vui chơi giải trí, xí nghiệp của Trung Quốc đang xây dựng và hoạt động mạnh mẽ tại phía biên giới Campuchia.

Nhà nước cần tập trung hoàn thiện hơn nữa hệ thống luật pháp, nhất là tập trung vào tính toàn diện, đồng bộ và kỹ thuật pháp lý. Bởi đây là cơ sở quan trọng quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của các chủ thể và có các chế tài để giải quyết các vấn đề xâm phạm, đe dọa an ninh chính trị và chủ quyền của quốc gia. Theo đó UBND hai tỉnh biên giới căn cứ trên chủ trương, định hướng, pháp luật ... chủ động xây dựng các đề án, kế hoạch, chương trình của địa phương trên tất cả các lĩnh vực trong đó tập trung nguồn lực cho các hoạt động ở khu vực biên giới. Lãnh đạo, kiểm tra, giám sát chặt chẽ các chương trình, kế hoạch của cấp cơ sở (cấp xã).

4.2.2. Nâng cao nhận thức, năng lực cho cán bộ, đảng viên và quần chúng Nhân dân về tầm quan trọng của bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới

Bảo đảm an ninh chính trị là hoạt động liên quan mật thiết đến việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ vị trí, vai trò của Đảng, tính hiệu lực,

hiệu quả của bộ máy Nhà nước, sự thống nhất toàn vẹn lãnh thổ và sự ổn định phát triển chung của quốc gia - dân tộc. Vì thế, trách nhiệm này không chỉ của riêng ai mà của cả hệ thống chính trị, của mọi tầng lớp Nhân dân nhất là các chủ thể trong hệ thống chính trị cơ sở và nhân dân khu vực biên giới - Nơi có vị trí chiến lược quốc phòng an ninh trọng yếu của đất nước. Tuy nhiên, để hoạt động này đạt kết quả cao yêu cầu cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân khu vực biên giới phải có nhận thức đầy đủ, đúng đắn về tầm quan trọng, ý nghĩa của bảo đảm an ninh chính trị. Vì nhận thức sẽ là yếu tố tiên quyết tác động đến thái độ, hành vi của mỗi cá nhân cũng như cơ quan, tổ chức.

Thực tiễn thời gian qua trên địa bàn hai tỉnh biên giới khu vực Đông Nam Bộ nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân còn nhiều hạn chế, chưa thực sự ý thức hết tầm quan trọng của bảo đảm an ninh chính trị nên chưa nghiêm túc, chủ động, nhiệt tình trong mọi hoạt động, làm ảnh hưởng đến kết quả, nghiêm trọng hơn còn là kẽ hở để các thế lực thù địch lợi dụng chống phá Đảng và Nhà nước. Để nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân khu vực biên giới, thời gian tới cần:

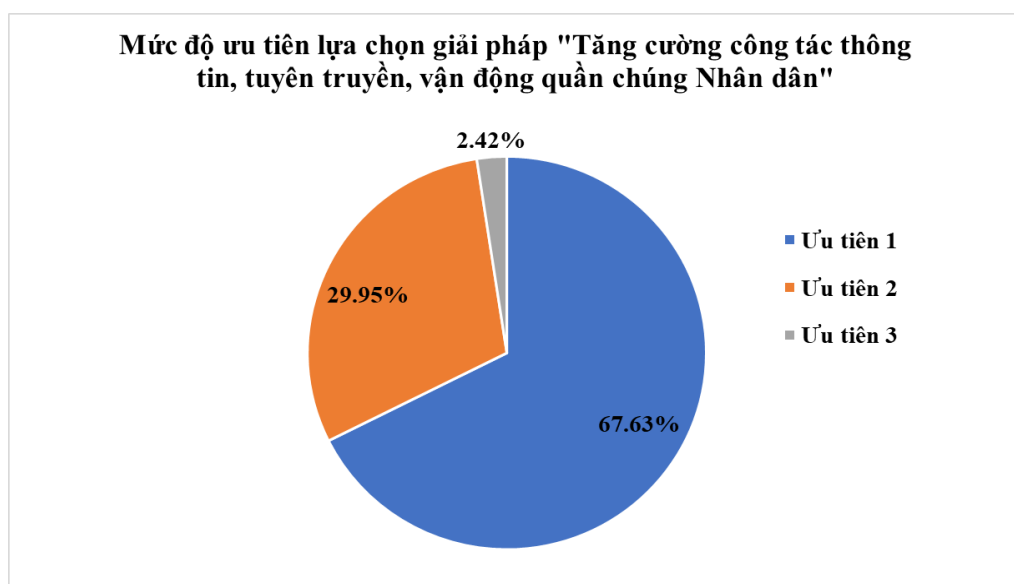
- Đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên: Các cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể từ tỉnh đến xã cần rà soát và tăng cường số lượng cán bộ, đảng viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về trình độ lý luận, chuyên môn, nghiệp vụ... Giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình cho các Trung tâm bồi dưỡng chính trị, Trường chính trị tỉnh trong việc đào tạo, bồi dưỡng lý luận cho đội ngũ cán bộ cơ sở; Mở rộng, liên kết hợp tác với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các trường Đại học... để mở các lớp cao cấp lý luận chính trị, các lớp bồi dưỡng chức danh, các lớp ngoại ngữ, tiếng dân tộc...; lựa chọn đúng đối tượng tham gia học để tránh người cần thì không được tham gia, người không cần thì tham gia gây lãng phí mà không đảm bảo hiệu quả; sau mỗi khoá học có khảo sát đánh giá để biết về hiệu quả khoá học, những hạn chế, vướng mắc nhằm rút kinh nghiệm trong các khoá sau; Đội

ngũ giảng viên tham gia giảng dạy lý luận phải đảm bảo về nội dung, chất lượng đặc biệt phải có kinh nghiệm, hiểu biết về các vấn đề thực tiễn; Nội dung đào tạo cho các lớp học phải phù hợp với đối tượng để học viên có thể tiếp thu tốt nhất kiến thức, nhất là nội dung dành cho cán bộ cấp xã và ấp ở khu vực biên giới; nếu cần có thể có những khoá học riêng cho cán bộ là người dân tộc thiểu số trên địa bàn các xã biên giới; Hàng năm, nên có hoạt động tổng kết việc đào tạo, bồi dưỡng lý luận cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Có khen thưởng, kỷ luật rõ ràng để mỗi cán bộ, đảng viên không những cố gắng tích lũy tri thức, nâng cao trình độ hiểu biết mà còn thấy được vai trò, trách nhiệm của mình, phát huy tính chủ động, sáng tạo trong hoạt động chung của cơ quan, đơn vị.

- Đối với quần chúng Nhân dân: Các cấp uỷ đảng nhất là cơ quan dân vận, tuyên giáo kết hợp với MTTQ Việt Nam ở cấp cơ sở, Lực lượng vũ trang đẩy mạnh công tác truyền truyền, vận động. Cần có sự thay đổi về nội dung và hình thức. Ngoài việc treo băng rôn, áp phích, phát thanh truyền hình, các trang mạng xã hội về những thông tin liên quan đến an ninh biên giới... tùy vào điều kiện tình hình, kinh tế, xã hội cụ thể của từng khu vực biên giới (xã, huyện) có thể thông qua các hoạt động: Giao lưu, tổ chức các cuộc thi, tăng cường các chương trình như “mái ấm biên cương”, “con nuôi biên phòng”, “nâng bước em đến trường”, “tiếng kèn vùng biên” của bộ đội biên phòng tỉnh để giúp người dân vừa được nghe vừa được thấy, vừa có cơ hội giao lưu, học hỏi nhưng cũng có cơ hội để giải quyết phần nào những khó khăn thường nhật của cuộc sống. Ngoài ra, khu vực biên giới Đông Nam Bộ là khu vực có khá nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống vì thế việc tuyên truyền vận động phải tính toán đến yếu tố tiếng dân tộc. Do vậy ngoài tiếng Việt thì cần có thêm chương trình, hoạt động sử dụng tiếng dân tộc. Trong quá trình thực hiện công tác tuyên truyền, vận động của các chủ thể cần có sự phối hợp nhịp nhàng, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, liên tục, tránh tình trạng “việc ai

nảy làm”, trùng lặp nội dung gây nhàm chán. Gắn các nội dung tuyên truyền với những sự kiện quan trọng của đất nước, địa phương và nội dung phải vừa ngắn gọn, xúc tích hợp phù hợp đối tượng nhưng vẫn bảo đảm bảo đảm đúng chủ trương, đường lối [83]. Phát huy vai trò của lực lượng thanh niên xung kích ở các địa phương trong việc cùng ăn, cùng ở, cùng làm và cùng học, cùng tham gia các phong trào bảo vệ an ninh biên giới với Nhân dân. Qua đó, sẽ nâng cao hiệu quả của công tác tuyên truyền vận động, giúp người dân nâng cao cảnh giác, ý thức và trách nhiệm trong bảo vệ an ninh chính trị khu vực biên giới.

Giải pháp đẩy mạnh tuyên truyền, vận động là một trong những giải pháp mà tác giả đã tiến hành khảo sát và nhận được kết quả phản hồi tích cực. Trong bảng khảo sát của tác giả, khi được hỏi về giải pháp “Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, vận động quần chúng Nhân dân và cho biết mức độ ưu tiên của giải pháp” thì có tới 140/201 phiếu chọn ưu tiên 1, đạt tỷ lệ 67,63%; 62/201 phiếu chọn ưu tiên 2, đạt tỷ lệ 29,95%; 5/201 phiếu chọn ưu tiên 3, đạt tỷ lệ 2,42%. Điều này cho thấy, đây là một trong những giải pháp quan trọng, cần được ưu tiên áp dụng trong bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới.



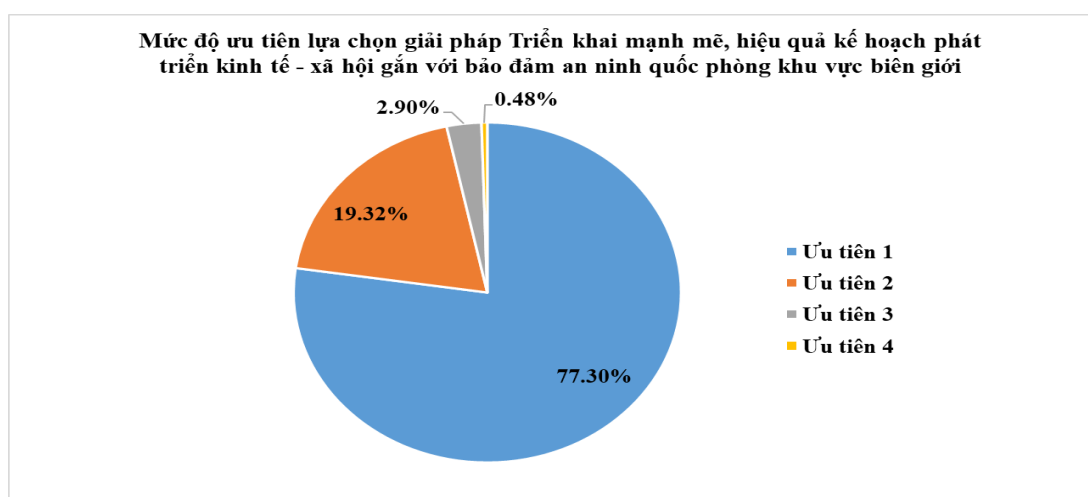
4.1. Kết quả điều tra lựa chọn giải pháp “Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, vận động quần chúng Nhân dân”

4.2.3. Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội nhằm cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân khu vực biên giới

Khu vực biên giới Đông Nam Bộ là khu vực có vai trò to lớn trong phát triển kinh tế vùng, là khu vực trọng yếu về an ninh, quốc phòng của khu vực phía Nam và cả nước. Tuy nhiên, đây cũng là nơi hội tụ của nhiều yếu tố khó khăn, kìm hãm sự phát triển trong đó đặc biệt là yếu tố con người và hạ tầng cơ sở. Muốn khắc phục được hai yếu tố đó thì công việc quan trọng là phải phát triển kinh tế - xã hội để đưa đời sống vật chất, tinh thần của người dân biên giới tăng lên. Có tiềm lực về kinh tế ắt sẽ ổn định về xã hội và cơ sở để bảo đảm được an ninh, quốc phòng. Do vậy phải tập trung phát triển kinh tế, chấn hưng khu vực biên giới, đáp ứng yêu cầu tình hình mới [30].

Thực hiện mục tiêu đó, trong các giai đoạn vừa qua, hai tỉnh biên giới ở Đông Nam Bộ là Tây Ninh và Bình Phước đã có nhiều chủ trương, chương trình, kế hoạch, đề án nhằm quy hoạch phát triển tổng thể, vực dậy đời sống kinh tế - xã hội của các huyện, xã khu vực biên giới và thu lại được nhiều kết quả. Kết quả này đã được phản ánh thông qua các con số, chỉ tiêu cụ thể cho các lĩnh vực trong phần thực trạng như: thu nhập bình quân đầu người, tốc độ tăng trưởng kinh tế, giao thông nông thôn, các công trình điện, đường, trường trạm... mặc dù đây là những thành quả không thể phủ nhận được của chính quyền và Nhân dân khu vực biên giới nhưng trên thực tế còn khá khiêm tốn, nhiều xã biên giới dân cư còn rất thưa thớt, vẫn còn tình trạng thiếu điện, nước sinh hoạt, việc làm của người dân chủ yếu vẫn dựa vào từ thu hoạch hoa màu, trồng cây lâu năm, nhiều tuyến đường liên thôn, xã vẫn đi lại khó khăn, mức độ bê tông hoá dù có nhưng diện tích bề mặt còn nhỏ, hẹp... Tất cả những khó khăn, thiếu thốn này cho thấy vẫn rất cần có thêm nhiều chủ trương, chính sách, kế hoạch, đề án phát triển kinh tế - xã hội dành cho khu vực biên giới

nhiều hơn nữa, hiệu quả hơn nữa. Đây cũng là giải pháp nhận được nhiều ưu tiên lựa chọn trong khảo sát của tác giả. Khi được hỏi về giải pháp và mức độ ưu tiên thực hiện giải pháp “Triển khai mạnh mẽ, hiệu quả kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh quốc phòng khu vực biên giới”, Kết quả lựa chọn: 160/201 phiếu chọn ưu tiên 1, đạt tỷ lệ 77,29%; 40/201 phiếu chọn ưu tiên 2, đạt tỷ lệ 19,32%; 6/201 phiếu chọn ưu tiên 3, đạt tỷ lệ 2,90%; 1/201 phiếu chọn ưu tiên 4, đạt tỷ lệ 0,48%. Điều này cho thấy, đây là một trong những giải pháp cần được ưu tiên lựa chọn trong bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới.



4.2. Kết quả khảo sát lựa chọn giải pháp “Triển khai mạnh mẽ, hiệu quả kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh quốc phòng khu vực biên giới”

Để các kế hoạch, chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực biên giới Đông Nam Bộ thời gian tới hiệu quả hơn cần:

Cần tăng cường phối hợp khảo sát liên ngành tình hình khu vực biên giới giữa Sở Kế hoạch đầu tư, Sở Công thương; Sở Nông nghiệp, Sở Tài nguyên môi trường... và chính quyền cấp huyện, xã biên giới để từ đó có cơ sở đề xuất đề án, xây dựng kế hoạch trong đó nên ưu tiên các đề án giải quyết được nhu cầu nguồn lực tại chỗ như các nhà máy, công ty sản xuất, chế biến nông - lâm nghiệp... Đây là những công việc rất quan trọng, một mặt giúp tỉnh uỷ, huyện uỷ và các sở ngành địa phương có những thông tin thực tế, hữu

ích qua đó biết được khu vực nào, xã nào có thế mạnh gì, còn thiếu thốn gì để xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án đáp ứng được yêu cầu, mong muốn và phát huy được những nguồn lực tại địa bàn biên giới.

Các sở, ngành của hai tỉnh biên giới Tây ninh và Bình Phước, tùy vào chức năng, nhiệm vụ phát huy tối đa vai trò trong tham mưu, xây dựng, thực thi các đề án, kế hoạch một cách khoa học, với tinh thần trách nhiệm cao nhất. Mạnh dạn đề xuất các giải pháp liên quan đến tài chính để tỉnh uỷ có phương án xin hỗ trợ từ trung ương hoặc xã hội hoá cho các hạng mục, công trình phù hợp.

UBND tỉnh cần ưu tiên các kế hoạch, chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực biên giới có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, nơi dân cư thưa thớt. Vì đây thường là những nơi, những đối tượng dễ bị tổn thương trước các điều kiện về kinh tế - xã hội so với các vùng khác. Khu vực dân cư thưa thớt nếu không có sự hỗ trợ, ưu tiên còn gây có khăn, ít có sự tương trợ cho các lực lượng chức năng, đặc biệt là Bộ đội biên phòng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, an toàn khu vực biên giới.

Khi các kế hoạch, dự án được triển khai, cần có sự phối hợp tốt hơn giữa các sở ngành và chính quyền địa phương từ tỉnh đến xã trong mọi thủ tục hành chính, trong giải phóng mặt bằng, giải ngân tài chính... và đặc biệt có thể ưu tiên nguồn lao động tại chỗ, tại các xã địa bàn biên giới để người dân có thể tham gia các dự án này nhằm giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống.

Sở Kế hoạch, đầu tư, sở Công thương, sở Xây dựng... tham mưu UBND tỉnh tập trung các kế hoạch, đề án Phát triển hơn nữa vai trò của các cửa khẩu quốc tế như Mộc Bài, Tân Nam, Xa Mát, Hoa Lư. Bởi đây là những khu vực giữ vai trò quan trọng, không chỉ thúc đẩy giao lưu, hợp tác kinh tế giữa Việt Nam - Campuchia mà còn là nơi thu hút hợp tác kinh tế vùng. Nếu xây dựng, quản lý, sử dụng các cửa khẩu quốc tế tốt sẽ giúp kinh tế của các tỉnh, huyện, xã biên giới có nhiều cơ hội trong xuất - nhập khẩu, logistic, tiền tệ, việc

làm và có thêm những cơ hội mở rộng đối tác kinh tế trong và ngoài nước.

4.2.4. Củng cố mối quan hệ Việt Nam - Campuchia ngày càng ổn định, phát triển

Duy trì mối quan hệ truyền thống, hữu nghị với Campuchia được coi là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu trong bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia. Bởi nếu mối quan hệ hai bên diễn ra tốt đẹp sẽ là cơ sở vững chắc cho các hoạt động bảo đảm an ninh lãnh thổ, an ninh tư tưởng và cả an ninh thể chế. Thực tiễn thời gian qua đã chứng minh, các tỉnh biên giới khu vực Đông Nam Bộ đã duy trì được mối quan hệ hữu nghị với phía nước bạn Campuchia trên tất cả các kênh, các lĩnh vực vì thế hoạt động triển khai phân giới, cắm mốc, tôn tạo tăng dày cột mốc hay làm đường vành đai, tuần tra biên giới; phối hợp giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo, di cư tự do, tệ nạn xã hội... đều đạt được nhiều thành quả. Các cấp chính quyền và bộ đội biên phòng của Việt Nam đã duy trì được các cơ chế gặp gỡ, trao đổi, tham vấn và ủng hộ, giúp đỡ, tặng quà nhân các dịp lễ tết với các lực lượng chức năng và chính quyền các tỉnh, huyện, xã biên giới phía Campuchia. Trong đó, ở cấp tỉnh Bình Phước và Tây Ninh đã ký kết các thoả thuận hợp tác cụ thể với các tỉnh biên giới nước bạn là tỉnh Tboung Khmum, Svay Rieng và Prey Veng, Mondulakiri, Kratie. Hoạt động này đã thắt chặt hơn nữa mối quan hệ truyền thống, hữu nghị giữa Việt Nam - Campuchia nói chung và các tỉnh biên giới của hai nước nói riêng. Tuy nhiên, trong quá trình hợp tác, liên kết giữa hai bên vẫn còn tồn tại không ít khó khăn, thách thức như: Thành tựu hợp tác kinh tế, thương mại chưa cân xứng với tiềm năng, hai bên chưa hoàn thành phân giới cắm mốc, sự chống phá của các thế lực thù địch bên ngoài và của các đảng chính trị đối lập với đảng CPP bên trong đất nước Campuchia, thiếu thông tin trong hợp tác giữa hai bên biên giới nên gây ra nhiều vấn đề phát sinh trong thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ an ninh lãnh thổ... Trước thực tế đó, để mối quan hệ hai bên biên giới Việt Nam -

Camuchia thời gian tới đạt thêm nhiều kết quả hơn và gắn bó mật thiết hơn trên tinh thần tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, cùng có lợi để làm tiền đề, cơ sở cho các hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới phía Việt Nam cần:

Tăng cường quan hệ cấp cao giữa lãnh đạo Đảng, Nhà nước với Campuchia, đưa mối quan hệ hai nước tiếp tục đi vào chiều sâu, thực chất trên các lĩnh vực. Tăng cường hơn nữa mối quan hệ với Hoàng gia Campuchia và Đảng Bảo hoàng và có lộ trình phù hợp với một số chính đảng ôn hoà của Campuchia theo tinh thần tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Tăng cường trao đổi, hợp tác giữa Nhân dân hai nước nhất là Nhân dân khu vực biên giới [64].

Chính quyền và Nhân dân khu vực biên giới tiếp tục thực hiện nghiêm túc các thoả thuận hợp tác, văn kiện pháp lý mà hai nước Việt Nam - Campuchia và các tỉnh biên giới hai nước đã đạt được trong giai đoạn vừa qua. Bởi hoạt động này thể hiện thiện trí và trách nhiệm của Việt Nam trong mối quan hệ với phía nước bạn Campuchia. Đồng thời tích cực triển khai các thoả thuận song phương đã ký với các tỉnh, huyện biên giới nước bạn. Qua đó sẽ tăng cường hoạt động trao đổi, buôn bán, kiểm soát tốt dòng người qua lại biên giới và đặc biệt phối hợp tốt hơn trong giải quyết các vấn đề an ninh, an toàn, trật tự khu vực biên giới.

Chính quyền các tỉnh, huyện, xã khu vực biên giới duy trì thường xuyên hơn nữa hoạt động gặp gỡ, trao đổi giữa hai bên. Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng vẫn tiếp tục các hoạt động thăm hỏi, tặng quà chúc mừng nhân dịp lễ, tết truyền thống, bầu cử... Vì hoạt động này không những giúp duy trì mối quan hệ giữa hai nước mà còn dễ dàng xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình hợp tác.

Khi xuất hiện những tình huống liên quan hợp tác trong khi làm đường vành đai, tuần tra biên giới, phân định cắm mốc, bảo vệ đường biên, mốc giới mà bất lợi cho Việt Nam thì các lực lượng thực thi nhiệm vụ phải bình tĩnh,

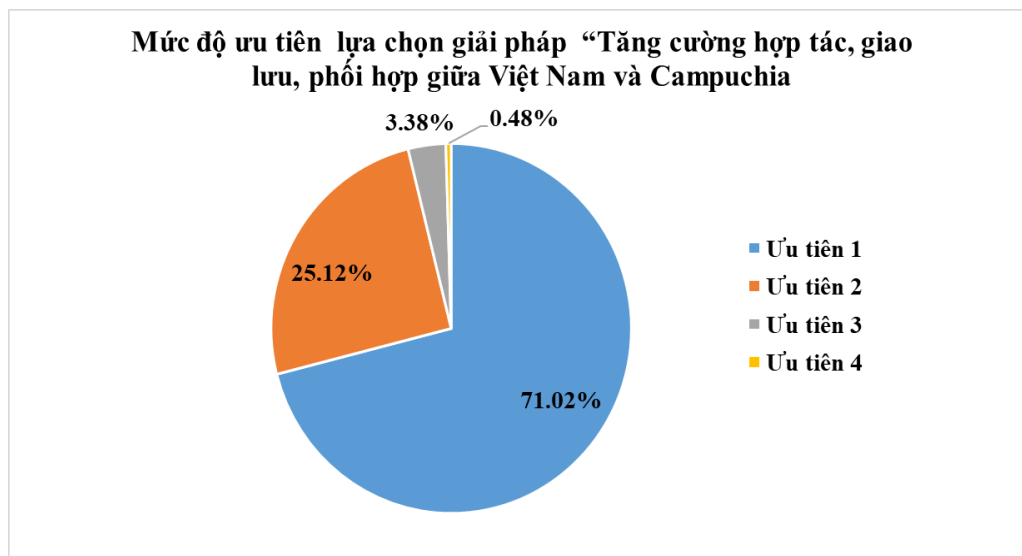
khôn khéo trong ứng xử trên hiện trường, báo cáo nhanh và xin ý kiến chỉ đạo kịp thời từ tỉnh uỷ để có những định hướng, giải pháp phù hợp tránh xung đột, hiểu lầm trong quan hệ hai bên.

Các lực lượng chức năng, chính quyền và Nhân dân khu vực biên giới của Việt Nam cần chủ động hơn trong xây dựng những giải pháp, kiến nghị trình cấp trên để hỗ trợ kịp thời về vật chất như lương thực, thực phẩm, thuốc, thiết bị y tế... đối với nhân dân Campuchia khi gặp các vấn đề rủi ro do từ dịch bệnh, hạn hán, lũ lụt; đồng thời giải quyết tốt hơn nữa những trường hợp di cư tự do về Việt Nam, có nguyện vọng ở lại Việt Nam làm ăn sinh sống hoặc có những hỗ trợ về phương tiện, pháp lý khi lực lượng này muốn trở lại Campuchia. Khi giao đất canh tác cho các hộ từ Campuchia về phải cử lực lượng chức năng tư vấn, giúp đỡ và giám sát để tránh trường hợp đất bị bỏ không hoặc bị sang nhượng bất hợp pháp.

Cần tập trung phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh tại khu vực biên giới vì có như vậy Việt Nam mới có nguồn lực mạnh, tạo uy tín trong hợp tác, trong giải quyết mọi vấn đề với phía nước bạn Campuchia. Nhất là trong bối cảnh hiện nay khi mà nhiều nước lớn trong khu vực và trên thế giới đầu tư, viện trợ cho Campuchia rất nhiều. Tại các khu vực biên giới Campuchia giáp ranh Tây Ninh và Bình Phước đã có hàng chục công ty của Trung Quốc được thành lập, các công ty này hoạt động khép kín nên các lực lượng chức năng của Việt Nam rất khó tiếp cận, cản trở công tác điều tra và bảo vệ an ninh, an toàn khu vực biên giới.

Các hoạt động nhằm hướng đến thực hiện giải pháp củng cố mối quan hệ Việt Nam - Campuchia ngày càng phát triển, ổn định cũng nhận được nhiều ưu tiên lựa chọn trong khảo sát của tác giả. Khi được hỏi về giải pháp và mức độ ưu tiên thực hiện “Tăng cường hợp tác, giao lưu, phối hợp giữa Việt Nam và Campuchia”, Kết quả lựa chọn: 147/201 phiếu chọn ưu tiên 1, đạt tỷ lệ 71,01%; 52/201 phiếu chọn ưu tiên 2, đạt tỷ lệ 25,12%; 6/201 phiếu

chọn ưu tiên 7, đạt tỷ lệ 3,38%; 1/201 phiếu chọn ưu tiên 4, đạt tỷ lệ 0,48%.



4.3. Kết quả khảo sát lựa chọn giải pháp “Tăng cường hợp tác, giao lưu, phối hợp giữa Việt Nam và Campuchia”

4.2.5. Các tỉnh biên giới cần tiếp tục chủ động, linh hoạt trong xây dựng các cụm công trình biên giới

Nhằm hiện thực hoá chủ trương lớn của Đảng trong bảo vệ an ninh tổ quốc là “từ sớm, từ xa”, xây dựng “thế trận quốc phòng toàn dân”, lấy dân nhân là điểm tựa vững bền, coi “mỗi người dân là một cột mốc sống” trong bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới. Vì thế thời gian qua, các tỉnh biên giới khu vực Đông Nam bộ đã chú trọng triển khai các đề án về xây dựng các công trình biên giới, trong đó đặc biệt xây dựng “cụm dân cư liên kề chốt dân quân, đồn biên phòng” nhằm xoá dần “vùng trắng” về dân cư trên toàn tuyến biên giới. Về xây dựng các cụm công trình biên giới, hai tỉnh Tây Ninh và Bình Phước cũng đạt được nhiều kết quả như: đã xây dựng được đường vành đai, tuần tra biên giới, công trình chiến đấu, công trình đảm bảo cho chiến đấu trong khu vực phòng thủ. Triển khai xây dựng công trình phòng thủ, công sự chiến đấu cho các Đồn Biên phòng; Xây dựng đường xương cá ra mốc giới... Đây đều là những thành quả lớn mà chính quyền và nhân dân các tỉnh đã đạt được. Tuy nhiên, những thành quả trên đặt trong điều kiện khu vực biên giới

đất liền ở Đông Nam Bộ là khu vực có vai trò trọng yếu về mặt quốc phòng an ninh, đồng thời với đường biên giới khá dài thì kết quả đó vẫn chưa đáp ứng được nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao phó. Thời gian tới, công tác này cần được thực hiện mạnh mẽ hơn và để điều quả cần tập trung làm tốt các công việc sau đây:

Ủy ban Nhân dân các tỉnh lãnh đạo các sở ngành liên quan, bộ đội biên phòng tỉnh tích cực khảo sát thực tiễn, xây dựng các đề án trình Quân khu 7 và Trung ương để nhận được sự quan tâm hơn nữa về chủ trương và kinh phí. Đặc biệt phải ưu tiên, quan tâm đến yếu tố tự nhiên, xã hội của hai tỉnh, nơi có địa hình biên giới rừng núi, mùa mưa rất khó vận chuyển nguyên vật liệu và xa dân, dân cư thưa thớt lại chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số. Vì thế, công tác tham mưu xây dựng kế hoạch, sử dụng nguồn lực và dự trù kinh phí phải sát, phù hợp với tình hình;

Ủy ban Nhân dân hai tỉnh cần tiếp tục điều chỉnh cơ chế, chính sách để giúp người dân yên tâm sinh sống, học tập và canh tác tại khu vực biên giới nhất là trong điều kiện điện, đường, trường, trạm và hệ thống nước sinh hoạt còn nhiều khó khăn; Có thể xã hội hoá hoặc kêu gọi nguồn đầu tư từ các mạnh thường quân (cá nhân, tổ chức) trong và ngoài tỉnh để có được những khoản viện trợ, ủng hộ tiến tới xây dựng nhà cửa và các điều kiện sống thiết yếu cho người dân định cư khu vực biên giới;

Bộ đội biên phòng các tỉnh tăng cường, mở rộng hơn các hoạt động phối kết với chính quyền để hỗ trợ và vận động nhân dân vùng biên tham gia các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về xây dựng thế trận an ninh nhân dân, quốc phòng toàn dân, bảo vệ đường biên, mốc giới và các cụm công trình biên giới.

Ủy ban Nhân dân và Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng chủ động, sắp xếp bố trí dân cư, các cụm, làng, xã chiến đấu, các chốt, trạm, đài quan sát, đồng thời cải tạo các hang động, điểm cao địa hình có giá trị quân sự nhằm

tạo dựng thế trận phòng thủ “liên hoàn, vững chắc” trong khu vực phòng thủ của tỉnh [112].

4.2.6. Đẩy mạnh công tác đấu tranh, phản bác các luận điệu sai trái, thù địch trong tình hình mới ở các huyện, xã biên giới theo tinh thần Nghị quyết 35 của Bộ Chính trị

Đứng trước tình hình an ninh, kinh tế thế giới, khu vực và trong nước có nhiều thay đổi. Các thế lực chống phá Đảng, Nhà nước Việt Nam đã thực hiện nhiều hoạt động ngày càng tinh vi, phức tạp hơn nhất là lợi dụng sự phát triển của khoa học công nghệ, tận dụng các trang mạng xã hội để tuyên truyền sai sự thật, làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, Nhà nước, làm ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân. Thực hiện Nghị quyết số 35 của Bộ Chính trị, các tỉnh biên giới khu vực Đông Nam Bộ đã thành lập Ban chỉ đạo 35, phối hợp với sở Thông tin và truyền thông, sở Nội vụ, Ban Dân vận, Tuyên giáo đã có nhiều hoạt động “phủ xanh” thông tin chính thống trên các trang mạng xã hội, đồng thời thành lập các tổ phản ứng nhanh phản bác các thông tin sai trái, xuyên tạc. Không chỉ gỡ bỏ, phản bác các thông tin này mà thậm chí còn xử phạt, bắt giữ, xử phạt hành chính nhiều đối tượng có hành vi tuyên truyền thông tin giả, sai sự thật... góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ Đảng, Nhà nước và Nhân dân trong tình hình mới. Tuy nhiên, với diễn biến phức tạp của nhiều vấn đề an ninh, chính trị, kinh tế - xã hội như hiện nay, kết hợp với đặc thù là khu vực biên giới còn nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội, lại là cửa ngõ - phen dậu quốc gia nên thường là địa bàn mà các thế lực thù địch lợi dụng để chống phá vì thế công tác đấu tranh, phản bác các luận điệu sai trái, thù địch ở khu vực này, nhất là tại các xã biên giới - nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, trình độ dân trí chưa cao, điều kiện kinh tế khó khăn còn nhiều hạn chế, bất cập. Để công tác đấu tranh, phản bác các luận điệu sai trái, thù địch theo tinh thần NQ 35 ở các huyện, xã biên giới thời gian tới đạt nhiều kết quả, cần làm tốt hơn các công

việc sau đây:

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ đảng từ tỉnh đến xã đối với việc định hướng chính trị, định hướng dư luận xã hội và xử lý dư luận xã hội. Bởi hầu hết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn cuộc sống, những vấn đề mà các thế lực thù địch lợi dụng công kích, chống phá, xuyên tạc đều là những vấn đề liên quan trực tiếp đến uy tín của Đảng, Nhà nước, Lãnh tụ vì thế cấp uỷ các cấp luôn bám sát tình hình để có những chỉ đạo, định hướng kịp thời [88].

Thay đổi cách tiếp cận, xử lý thông tin, văn bản liên quan công tác 35 ở các cấp từ tỉnh đến huyện, xã. Đồng ý rằng công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là một trong những công tác quan trọng, liên quan đến sự tồn vong, uy tín của Đảng nhưng việc tiếp cận thông tin, kế hoạch không thể lúc nào, nội dung nào cũng ở chế độ mật. Vì nếu thông tin nào, kế hoạch nào cũng ở chế độ mật thì việc tiếp cận thông tin, phối hợp thực hiện hành động giữa các chủ thể trong hệ thống chính trị, xây dựng kế hoạch hành động của từng chủ thể cũng sẽ gặp trở lực. Vì thế, cần phải có những phương án phù hợp cho từng vấn đề. Nội dung nào thực sự phải bảo vệ ở chế độ mật thì bảo vệ còn nội dung nào, kế hoạch nào mang tính phổ biến rộng rãi để cả hệ thống chính trị và nhân dân cùng biết, cùng làm thì không cần thiết phải để ở chế độ mật.

Tỉnh uỷ cần ban hành nhiều chủ trương nhằm nâng cao nhận thức chính trị, đào tạo chuyên môn vững chắc cho đội ngũ làm công tác 35 ở các cấp đặc biệt là cấp huyện, cấp xã bởi đây là những lực lượng chủ chốt xây dựng kế hoạch, xử lý vấn đề và tiếp xúc trực tiếp với nhân dân. Nếu đội ngũ cán bộ làm công tác này không đủ bản lĩnh chính trị, không có năng lực chuyên môn rất khó hoàn thành tốt nhiệm vụ, thậm chí có thể bị lôi kéo, mua chuộc, dao động trước các vấn đề phát sinh. Khi ấy niềm tin của quần chúng Nhân dân với Đảng, với Nhà nước, với đội ngũ cán bộ sẽ giảm rất nhanh, đặc biệt khu vực biên giới nơi có điều kiện kinh tế khó khăn, thiếu thông tin nên dễ tác

động đến tâm lý, tình cảm của mỗi cán bộ, đảng viên cũng như người dân ở khu vực này.

Các lực lượng chức năng như công an, biên phòng, hải quan, toà án của tỉnh cần kết hợp chặt chẽ và đẩy mạnh hơn công tác xử lý, có nhiều biện pháp chế tài hơn với những đối tượng tuyên truyền, phát tán thông tin giả, sai sự thật, nhất là trên mạng xã hội. Vừa tăng mạnh về mức phạt kinh tế nhưng cũng tăng mức trách nhiệm hình sự nếu có để làm bài học cảnh tỉnh, răn đe những đối tượng chống phá. Lực lượng an ninh, công an, Bộ đội biên phòng và các lực lượng khác liên quan cần phối hợp tốt hơn trong công tác điều tra, xác minh và xử lý các đối tượng chống phá này. Công bố tuyên truyền rộng rãi để mọi người dân được biết nhằm nâng cao cảnh giác, tránh bị lợi dụng.

4.2.7. Phát huy vai trò, sức ảnh hưởng của chức sắc, chức việc tôn giáo, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số về việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước [13]

Trong cộng đồng tôn giáo và vùng đồng bào DTTS, ngoài yếu tố giáo lý, giáo luật và những quy định, luật lệ riêng của mỗi dân tộc, tôn giáo thì các chức sắc, chức việc của mỗi tôn giáo và người có uy tín trong các tộc người là những người có tiếng nói tác động nhiều đến nhận thức, hành vi của các tín đồ và đồng bào dân tộc thiểu số. Để thuận lợi thực hiện mục tiêu phát triển, ổn định đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; để lương giáo hoà hợp và để phát huy vai trò của cộng đồng tôn giáo, đồng bào dân tộc thiểu số trong quá trình xây dựng, bảo vệ tổ quốc thì việc các chủ thể trong hệ thống chính trị thường xuyên tìm đến các chức sắc, chức việc tôn giáo, người có uy tín để tìm hiểu tâm tư, lắng nghe nguyện vọng của đồng bào, đồng thời nhờ uy tín của các vị này trong việc tuyên truyền, vận động người dân tham gia thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và chính quyền địa phương về dân tộc, tôn giáo, về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng... được xem là giải pháp hiệu quả. Thời gian qua, cấp uỷ,

chính quyền, MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở các tỉnh biên giới Đông Nam Bộ đã làm tốt công tác này. Thông qua đội ngũ cán bộ, thông qua các chương trình thăm hỏi, tặng quà nhân dịp lễ tết, ốm đau; các hoạt động thiện nguyện, hoạt động biểu dương... đã góp phần duy trì được mối quan hệ tốt đẹp với các vị chức sắc, chức việc và người có uy tín trên địa bàn quản lý. Để công tác này thời gian tới đạt thêm nhiều kết quả tốt hơn. Cấp uỷ, chính quyền, MTTQ Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội hai tỉnh biên giới cần tập trung vào:

Duy trì thường xuyên hơn nữa sự kết nối giữa các chủ thể trong hệ thống chính trị nhất là MTTQ, các tổ chức chính trị, Bộ đội biên phòng, các cán bộ, chiến sĩ tại các đồn biên phòng khu vực biên giới với đội ngũ chức sắc, chức việc và người có uy tín. Vì sự gặp gỡ, tiếp xúc thường xuyên sẽ giúp các chủ thể duy trì được mối quan hệ ổn định, kịp thời nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số và đồng bào có đạo. Có thể đưa các vị chức sắc, chức việc này tham gia một số hoạt động của địa phương mà phù hợp với tôn giáo, văn hoá dân tộc như hoạt động thiện nguyện; hoạt động tôn vinh những giá trị của các dân tộc, tôn giáo; Các dịp kỷ niệm, ngày lễ lớn của dân tộc; Tết cổ truyền các dân tộc, Tết nguyên Đán....

Ủy ban Nhân dân các tỉnh biên giới kết hợp với Ban tôn giáo chính phủ, MTTQ Việt Nam các cấp, các lực lượng chức năng quan tâm, giải quyết thoả đáng vấn đề liên quan lợi ích của các tôn giáo như: xây dựng các cơ sở thờ tự, hội họp, thuyết giáo... Vì đây sẽ là sợi dây kết nối, quyết định mối quan hệ giữa hệ thống chính quyền địa phương với các vị chức sắc tôn giáo tốt hay không tốt; là những hoạt động liên quan đến uy tín, phẩm hạnh của họ đối với tôn giáo của mình. Nếu những lợi ích này họ không thể tiến hành thuận lợi thì rất khó giúp tìm được tiếng nói chung trong các vấn đề khác.

Khi xảy ra tranh chấp giữa các tôn giáo trên địa bàn quản lý, các cơ quan

chức năng thụ lý, xét xử phải công tâm, minh bạch, khách quan, không nên có sự ưu ái, đối xử không công bằng giữa các tôn giáo, giữa các cơ sở tôn giáo. Để tránh hiểu lầm không đáng có, làm hoài nghi chủ trương hoà hợp lương giáo, đoàn kết tôn giáo của Đảng và Nhà nước, tạo cơ hội cho các thế lực thù địch lợi dụng chống phá.

Ủy ban Nhân dân các tỉnh biên giới lãnh đạo các sở, ngành trong tỉnh, thông qua chức năng nhiệm vụ của tổ chức xây dựng và triển khai nhiều kế hoạch nhằm khuyến khích, động viên thêm các chức sắc tôn giáo, người có uy tín tham gia là thành viên, là hội viên hay Ban chấp hành của MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp [105]. Vì có như vậy sẽ giúp hoạt động tôn giáo và hoạt động thực hiện chính sách về tôn giáo, dân tộc, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng sẽ gắn liền, hỗ trợ lẫn nhau. Vì các vị chức sắc tôn giáo sẽ biết cách đưa các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước vào trong đời sống đồng bào có đạo và đưa các hoạt động tôn giáo luôn tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.2.8. Xem xét, đề nghị và áp dụng các mức hình phạt cao hơn đối với những sự vụ tuyên truyền sai sự thật, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá Đảng, Nhà nước

Như đã phân tích ở các phần trước, khu vực biên giới là khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, dân cư thưa thớt, trình độ dân trí thấp, nhiều đồng bào DTTS sinh sống... vì thế việc hiểu đầy đủ thông tin, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về dân tộc, tôn giáo vốn dĩ cũng gặp nhiều khó khăn, không dễ dàng thuận lợi như các vùng khác. Trong bối cảnh khó khăn chồng khó khăn ấy thì các thế lực thù địch coi đây là vùng đất màu mỡ để tuyên truyền sai sự thật, dụ dỗ, kích động người dân chống phá Đảng, Nhà nước. Một số lực lượng khác thì tuyên truyền, lôi kéo người dân tham gia các loại tôn giáo không được pháp luật thừa nhận (Đạo lạ, tà đạo) gây mất ổn định an ninh, an toàn trật tự khu vực biên giới. Để đời sống đồng bào các dân tộc

thiểu số và đồng bào có đạo thực hiện nghiêm túc chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo, không để người dân vi phạm pháp luật, đồng thời duy trì an ninh, an toàn khu vực biên giới. Thời gian qua, các cấp uỷ Đảng, các lực lượng chức năng và Bộ đội biên phòng hai tỉnh biên giới đã phối hợp tuyên truyền, vận động, chú trọng phát triển kinh tế, hạ tầng để nâng cao nhận thức, đời sống vật chất tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số và đồng bào có đạo tại khu vực biên giới. Song song với đó, các lực lượng chuyên trách, thông qua biện pháp nghiệp vụ, chuyên môn đã xử lý nhiều vụ việc liên quan đến việc tuyên truyền sai sự thật, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá Đảng, Nhà nước hay việc tổ chức các loại tôn giáo lạ trên địa bàn. Tuy nhiên, các hình thức xử phạt vẫn còn mang tính răn đe, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nên việc vi phạm pháp luật về dân tộc, tôn giáo, việc xuất hiện các loại tôn giáo lạ, tà đạo vẫn diễn ra làm ảnh hưởng đến tinh thần, niềm tin của nhân dân và ảnh hưởng đến an ninh trật tự khu vực biên giới, gây khó khăn trong công tác quản lý tôn giáo ở khu vực biên giới. Những vấn đề này nếu không được giải quyết dứt điểm, để kéo dài dẫn đến tình trạng coi thường pháp luật, thiếu hợp tác với hệ thống chính quyền, với lực lượng chức năng, thậm chí có thể tạo cơ hội cho các thế lực thù địch tập hợp lực lượng chống phá Đảng, Nhà nước... Để công tác phòng chống các loại tội phạm liên quan vấn đề dân tộc, tôn giáo có hiệu quả thì ngoài việc tuyên truyền, thuyết phục các cơ quan chức năng phải nghiên cứu và đưa vào thực thi các biện pháp chế tài, khung hình phạt sao cho thoả đáng, có thể ở mức cao nhất trong khung hình phạt cho cùng một mức phạm tội để các đối tượng không thể phạm pháp. Xử lý công khai và tuyên truyền rộng khắp trên các phương tiện truyền thông để cảnh tỉnh người dân không bị lôi kéo, dụ dỗ tham gia vào các hoạt động chống phá, vi phạm pháp luật.

4.2.9. Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng và đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên khu vực biên giới nhằm

đáp ứng yêu cầu của tình hình mới

Để bảo vệ Đảng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ chế độ, Nhà nước trước hết phải có đội ngũ đảng viên “vừa hồng, vừa chuyên”, phải có tổ chức cơ sở đảng vững mạnh nhằm đảm bảo rằng mọi chủ trương, đường lối của đảng đều được hệ thống chính trị cơ sở, nhân dân hiểu rõ, ủng hộ. Trước bối cảnh quốc tế, trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, tác động nhiều chiều đến tâm tư, nguyện vọng của nhân dân nói chung và đội ngũ cán bộ, đảng viên nói riêng. Trước bối cảnh mới, dưới sức ảnh hưởng của truyền thông, mạng xã hội, sự kích động, lôi kéo của các thế lực thù địch và trước những khó khăn của cuộc sống nhiều cán bộ, đảng viên hoang mang, dao động và đánh mất niềm tin vào Đảng, Nhà nước, chế độ chính trị, nguy hiểm hơn đã trở thành lực lượng tiếp tay cho các hành vi tuyên truyền sai sự thật, “tự diễn biến, tự chuyển hoá” làm ảnh hưởng đến cơ quan, tổ chức [83] ... Khu vực biên giới vốn là khu vực rất nhạy cảm về các vấn đề kinh tế - xã hội, dân tộc, tôn giáo. Vì thế khu vực này nếu không có đội ngũ đảng viên vững niềm tin, tổ chức cơ sở đảng không vững mạnh thì khó trở thành phen dậu, thành trì vững chắc để bảo vệ tổ quốc trước nhiều nguy cơ. Thực tiễn những năm qua, các tỉnh biên giới khu vực Đông Nam Bộ đã rất nỗ lực làm công tác phát triển đảng viên, lựa chọn những quần chúng ưu tú, bổ sung vào hàng ngũ của Đảng những lực lượng xung kích, có bản lĩnh chính trị. Các tổ chức cơ sở đảng cũng đã cố gắng chuyển mình đột phá trong thay đổi hình thức, nội dung sinh hoạt, đánh giá, kiểm tra, giám sát... nên cũng đã đạt được nhiều thành tựu, góp phần xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình đó cũng bộc lộ nhiều khó khăn, hạn chế như: nội dung, hình thức sinh hoạt của nhiều tổ chức cơ sở đảng còn sơ sài, cứng nhắc, đơn điệu; buông lỏng khâu kiểm tra, giám sát; khâu đánh giá chất lượng cuối năm còn nặng về hình thức hoặc có nơi lại xem đây như một buổi để đầu tó, không mang tinh thần xây dựng vì thế làm cho nhiều đảng viên, tổ chức cơ sở đảng

xa rời Đảng; Công tác phát triển đảng viên nhất là tại các xã, các huyện biên giới còn thiếu nguồn vì nhiều thanh niên trong độ tuổi học hành, lao động đã không có mặt thường xuyên tại địa phương, có các đảng viên là đồng bào dân tộc thiểu số nên chất lượng đảng viên, tổ chức cơ sở Đảng chưa thực sự mạnh. Để khắc phục những hạn chế, thách thức trên, các tỉnh khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ cần tập trung vào:

Đối với công tác phát triển đảng viên: Các cấp uỷ đảng từ tỉnh đến xã nên xem xét mở rộng nguồn kết nạp đảng viên, ở khu vực biên giới đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên trong trường học, trong các công ty, xí nghiệp khu vực biên giới, trong lực lượng vũ trang và trong quần chúng nhân dân. Nếu nguồn quần chúng ưu tú là con em đồng bào dân tộc thiểu số thì khuyến khích, tạo cơ hội cho đội ngũ này được tham gia nhiều lớp bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn và có chính sách đãi ngộ nếu về địa phương công tác.

Tỉnh uỷ, huyện uỷ khu vực biên giới cần chú trọng vào xây dựng các đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện của địa phương để giữ chân nguồn nhân lực tại chỗ và thu hút thêm nguồn nhân lực từ các khu vực khác đến sinh sống, làm việc. Qua đó, sẽ có nguồn quần chúng ưu tú phong phú hơn, chất lượng hơn... Đi cùng với đa dạng hoá nguồn thì cũng cần xây dựng bộ tiêu chí, điều kiện cụ thể cho từng nguồn để tránh việc cùng một tiêu chí nhưng môi trường này dễ đạt được còn môi trường khác, không gian khác sẽ khó và như thế tại nơi dễ đạt được tiêu chí, điều kiện vào đảng sẽ khó bảo đảm chất lượng đảng viên.

Đối với tổ chức cơ sở đảng: Cấp uỷ các cấp nên tham mưu và thực hiện mạnh mẽ việc thay đổi hình thức sinh hoạt đảng. Không cứng nhắc theo quy định về thời gian, địa điểm mà có thể linh hoạt tùy vào đặc điểm riêng mang đặc thù của tổ chức cơ sở đảng. Cần đẩy mạnh chất lượng sinh hoạt chi bộ theo tinh thần Chỉ thị 10 - CT/TW, Hướng dẫn 12- HD/BTC TW ngày 06/7/2018 về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; Phát huy nguyên tắc tập trung dân chủ,

tránh tình trạng áp đặt chí ý, nguyện vọng từ cấp uỷ lên các đảng viên; Trong khâu kiểm tra, giám sát, đánh giá cần thực hiện công khai, minh bạch, thẳng thắn chỉ ra khuyết điểm trên tinh thần phê bình và tự phê bình, tinh thần trách nhiệm và xây dựng tránh tình trạng miệt thị, chỉ trích.

Các cấp uỷ đảng cần làm tốt hơn khâu vận động quần chúng ưu tú vào đảng. Các đảng viên, cấp uỷ làm sao cho quần chúng hiểu rằng vào Đảng vừa là vinh dự, vừa là động lực, trách nhiệm với bản thân, quê hương, đất nước tránh tình trạng chỉ thấy lợi ích mà không thấy trách nhiệm hoặc chỉ thấy trách nhiệm, nghĩa vụ mà ko thấy lợi ích. Bởi nếu không làm rõ được điều này sẽ làm triệt tiêu niềm đam mê, động lực vào Đảng của quần chúng, khó có thể phát triển đảng viên nhất là tại khu vực biên giới - nơi có nhiều khó khăn, phức tạp về an ninh chính trị, kinh tế - xã hội.

Các cấp uỷ đảng tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo chi bộ các ấp, xã biên giới sinh hoạt các chuyên đề về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được tổ chức thường xuyên, định kỳ hơn; nội dung sinh hoạt chuyên đề tại một số chi bộ phải thực sự sát với tình hình nhiệm vụ chính trị của chi bộ, có tiêu chí đánh giá sự chuyển biến của cán bộ, đảng viên qua học tập, sinh hoạt từng chuyên đề rõ ràng để từ đó đề ra các giải pháp lãnh đạo nhằm nâng cao tính Đảng, tính chiến đấu, tính giáo dục trong sinh hoạt đảng.

4.2.10. Triển khai mạnh mẽ hơn công tác tăng cường cán bộ Bộ đội biên phòng tham gia cấp uỷ cấp cơ sở khu vực biên giới

Nhằm đáp ứng nhiệm vụ mới cho các khu vực biên giới, đặc biệt hướng đến xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, trong đó có nhiệm vụ “xoá vùng trắng” đảng viên, gắn phát triển kinh tế - xã hội khu vực biên giới với bảo đảm an ninh quốc phòng và gắn chặt tình đoàn kết quân dân. Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 68-KL/TW, ngày 05/02/2020 về “Thực hiện chủ trương thí điểm tăng cường cán bộ đồn Biên phòng tham gia cấp uỷ huyện

biên giới để nhân rộng trên phạm vi cả nước; sau đó Ban tổ chức Trung ương đã có Hướng dẫn số 31-HD/BTCTW, ngày 01/7/2020 về “Thực hiện kết luận của Ban Bí thư về chủ trương tăng thêm cấp ủy viên là cán bộ đồn biên phòng tham gia cấp ủy cấp huyện, cấp xã biên giới, hải đảo”, Quán triệt theo tinh thần của các văn bản trên, các tỉnh khu vực biên giới Đông Nam bộ thời gian đã làm tốt công tác này, tạo nên những kết quả tươi mới cho việc xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh: Khi các cán bộ Bộ đội biên phòng tham gia cấp uỷ đã có nhiều tham mưu trong phát triển đội ngũ đảng viên, xây dựng nguồn đảng viên cho địa phương từ các chiến sĩ ưu tú khi tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự, xoá “vùng trắng” đảng viên; từng bước nâng chất lượng sinh hoạt chi bộ, đặc biệt là đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Tham mưu cấp uỷ xây dựng được các Nghị quyết phát triển hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, phát triển kinh tế - xã hội; Cùng cán bộ, đảng viên tham gia nhiều hoạt động đền ơn, đáp nghĩa, các phong trào bảo vệ an ninh biên giới, hỗ trợ cán bộ đảng viên và nhân dân khu vực biên giới vượt qua những khó khăn do thiên tai, dịch bệnh... Qua đó, đã tạo nên những thành tựu to lớn trong bảo đảm an ninh chính trị. Tuy nhiên, thời gian tới để công tác này được tốt hơn cần thực hiện một số nhiệm vụ:

Phát huy vai trò tham mưu của Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng các tỉnh biên giới với quân khu 7 và tỉnh uỷ Tây Ninh, Bình Phước. Phải có sự thống nhất từ chủ trương đến hoạt động, từ cấp tỉnh đến cấp xã để công tác này có được những điều kiện thuận lợi hơn. Đảng uỷ bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng các tỉnh cần đẩy mạnh xây dựng quy chế phối hợp với cấp uỷ các huyện biên giới. Các đảng uỷ, chi bộ đồn Biên phòng cũng phải xây dựng quy chế phối hợp với đảng uỷ các xã biên giới nơi địa bàn đơn vị đứng chân.

Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng các tỉnh căn cứ tình hình, điều kiện cụ thể để cử cán bộ các đồn biên phòng tham gia cấp uỷ các cấp cơ sở bảo đảm số lượng, chất lượng hiệu quả theo đúng quy định. Ngoài đủ điều kiện về

trình độ chuyên môn, lý luận còn phải là người tâm huyết, không ngại khó khăn gian khổ do thiếu thốn về vật chất, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ. Ưu tiên những cán bộ chiến sĩ biết tiếng dân tộc thiểu số [31].

Cấp uỷ các cấp cơ sở ở khu vực biên giới cần hỗ trợ, phối hợp và tạo điều kiện để các cán bộ Bộ đội biên phòng có thể tham gia nhiệt tình, đóng góp công sức cho việc nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở và những hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Cán bộ Bộ đội đồn biên phòng khi tham gia cấp uỷ phải làm tốt hơn công tác phối hợp với các đồng chí cấp uỷ viên cùng cấp trong triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao. Quan tâm, theo dõi các chi bộ trực thuộc đảng uỷ xã được phân công phụ trách để chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc triển khai việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới; đóng góp ý kiến, trao đổi thông tin góp phần nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng và năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu chi bộ, xây dựng địa bàn vững mạnh; thường xuyên tiếp xúc, củng cố mối quan hệ gắn bó mật thiết với cấp uỷ, chi bộ và Nhân dân vùng biên giới.

Tỉnh uỷ và Đảng uỷ Bộ đội biên phòng các tỉnh biên giới nên tập trung tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc trong tiêu chuẩn về trình độ lý luận như: Quy định tiêu chuẩn chức vụ cán bộ chỉ huy đồn Biên phòng không yêu cầu trình độ lý luận chính trị, còn tiêu chuẩn cấp uỷ viên cấp huyện và xã, tỉnh quy định phải có trình độ trung cấp lý luận chính trị. Do đó, nhiều cán bộ đồn Biên phòng chưa có trình độ lý luận chính trị trung cấp và cần có thời gian đào tạo lý luận chính trị để bảo đảm tiêu chuẩn tham gia cấp uỷ; Việc đào tạo trình độ Trung cấp lý luận chính trị cho cán bộ Bộ đội Biên phòng tỉnh không do cấp uỷ địa phương cử đi học, mà thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Bộ đội Biên phòng Việt Nam, nên vẫn còn lãnh đạo đồn Biên phòng chưa được đào tạo lý luận chính trị... Vì thế cũng tác động đến công tác bố trí cán bộ đồn biên phòng tham gia cấp uỷ các cấp khu vực biên giới.

4.2.11. Thực hiện tinh giảm bộ máy nhưng theo hướng tôn trọng điều kiện thực tế của địa phương, không áp đặt chỉ tiêu, máy móc, cơ học cho cấp cơ sở khu vực biên giới

Để đáp ứng nhiệm vụ của tình hình mới nhằm tăng cường sự lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước đồng thời hướng đến nâng cao chất lượng, hiệu quả của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động công, phục vụ nhân dân, phục vụ quốc gia trước quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng. Việc tinh gọn, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị là việc làm cần thiết, tác động lớn đến sự chuyển mình phát triển của đất nước. Quán triệt Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương lần thứ sáu, khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Những năm qua, hai tỉnh biên giới khu vực Đông Nam Bộ cũng đã nỗ lực thực hiện tinh gọn, sắp xếp tổ chức bộ máy và đạt được nhiều kết quả: Tổ chức của bộ máy của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở được kiện toàn, giảm trung gian, tinh gọn đầu mối; các tổ chức sau khi được sắp xếp đã hoạt động ổn định, phát huy hiệu quả, tránh được chồng chéo nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị... Tuy nhiên việc thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy vẫn còn một số hạn chế, khó khăn, bất cập. Chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ thực tiễn và mục tiêu đề ra nhất là chưa bố trí được cơ sở hạ tầng, chưa có chính sách đãi ngộ tiền lương, phụ cấp cho những chức danh kiêm nhiệm, thực hiện chỉ tiêu tinh giảm còn áp đặt cơ học, chưa đánh giá đúng trên cơ sở điều kiện thực tiễn của địa phương... Vì thế đã ảnh hưởng đến hiệu quả của tinh gọn, sắp xếp tổ chức bộ máy và ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính trị. Để khắc phục những hạn chế, thách thức trên, thời gian tới các tỉnh, huyện biên giới cần:

Tỉnh uỷ cần tham mưu, kiến nghị Trung ương ban hành các Nghị Định, thông tư liên quan cơ chế chính sách thực thi sau tinh gọn, sắp xếp bộ máy sao cho phù hợp, đồng bộ với hoạt động tinh gọn, sắp xếp bộ máy như: Khoán kinh phí rõ ràng cho các tổ chức hội đặc thù, hợp đồng khoán việc, chế độ, chính sách đối với chức danh kiêm nhiệm... Đây đều là những nội dung chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể nên rất khó cho các cấp cơ sở khi thực hiện chính sách sau tinh gọn, sắp xếp [32]. Vì vậy cần phải có sự quan tâm và triển khai kịp thời hơn trong giai đoạn tiếp theo.

Nhiều chức danh kiêm nhiệm như Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ấp ở các xã biên giới gặp khó khăn do chưa có thời gian đào tạo, bồi dưỡng cũng như tạo nguồn nhân sự. Vì thế, công việc quan trọng hiện tại để giúp cho thời gian tiếp theo hoạt động này không còn lúng túng, bị động dẫn đến kém hiệu quả chính là các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương phải chú trọng khâu tìm nguồn, đào tạo, bồi dưỡng nguồn đáp ứng những tiêu chuẩn của chức danh kiêm nhiệm.

Ủy ban Nhân dân các cấp cơ sở khu vực biên giới cần tham mưu, kiến nghị cấp trên tìm hướng khắc phục ngay những dấu hiệu máy móc, cơ học sau sắp xếp bộ máy của một số cơ quan, đơn vị như: Phòng Tài nguyên - Môi trường, Trung tâm phát triển quỹ đất là hai cơ quan có chức năng, nhiệm vụ, tài khoản, con dấu khác nhau nhưng sau sắp xếp thì Trung tâm phát triển quỹ đất trực thuộc Phòng Tài nguyên - Môi trường làm phát sinh khâu trung gian, gây khó khăn trong công tác chỉ đạo; Phòng Nội vụ, Phòng Lao động - Thương Binh và xã hội không tương đồng về chức năng, nhiệm vụ, đối tượng quản lý khác nhau cũng sáp nhập thành một nên khối lượng công việc tăng, số lượng biên chế giảm vì vậy công tác điều hành, chỉ đạo cũng gặp nhiều khó khăn; Tương tự, Phòng Văn hoá và thông tin là cơ quan chuyên môn; Trung tâm Văn hoá - Thể thao là đơn vị sự nghiệp; Đài phát thanh - truyền hình là đơn vị sự nghiệp nhưng thuộc Bộ Thông tin và truyền thông, Bộ Nội vụ chứ không thuộc

Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch như Trung tâm Văn hoá - Thể thao. Ba đơn vị trên đều có tư cách pháp nhân, có tài khoản, con dấu riêng. Khi sáp nhập gặp khó khăn trong bố trí công chức, viên chức, chế độ phụ cấp... Đây là những bất cập cần được UBND các cấp tham mưu, kiến nghị với Trung ương để có những biện pháp giải quyết phù hợp. Bởi nếu không được quan tâm và có hướng xử lý kịp thời sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả công việc, quản lý điều hành, chế độ đãi ngộ, tâm tư tình cảm của cán bộ, viên chức người lao động. Trong bối cảnh các huyện, xã biên giới còn nhiều khó khăn, khó thu hút nguồn lực, nhân tài, muốn tăng cường chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, đáp ứng nhiệm vụ, điều kiện mới thì cũng cần phải quan tâm giải quyết những bất cập này.

Ủy ban Nhân dân từ tỉnh đến xã biên giới cần nghiêm túc đánh giá kết quả hoạt động của bộ máy sau tinh gọn mỗi năm để rút được ra những kinh nghiệm, khắc phục những bất cập phát sinh trong quá trình thực hiện, kịp thời báo cáo, trình xin ý kiến chỉ đạo của cấp trên để giải quyết ổn thoả, tránh những tiêu cực, trì trệ làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động chung của cả bộ máy hệ thống chính trị.

4.2.12. Tăng cường công tác phối hợp giữa các chủ thể của hệ thống chính trị trong mọi hoạt động bảo đảm an ninh chính trị

Bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới không phải là công việc của riêng một cơ quan, đoàn thể mà là nhiệm vụ chung của cả hệ thống chính trị. Mỗi một chủ thể sẽ có vai trò, vị trí, trách nhiệm riêng. Tuy nhiên, để đạt được kết quả tốt, ngoài công việc riêng mang tính đặc thù thì cũng cần có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các chủ thể. Trong đó các cấp uỷ đảng có vai trò ban hành chủ trương, kế hoạch trên cơ sở chủ trương chung của Đảng và Nhà Nước; UBND là chủ thể cụ thể hoá các chủ trương từ các cấp uỷ đảng thành các đề án, hành động, chương trình cho các sở ngành, cơ quan chuyên môn địa phương thực hiện; lực lượng vũ trang trong đó nòng cốt là Bộ đội biên phòng tỉnh có nhiệm vụ tham mưu, phối hợp với UBND, cơ quan đoàn thể các cấp,

dưới sự chỉ đạo của Quân khu và Bộ Quốc phòng thực hiện những công việc liên quan chức năng, nhiệm vụ; MTTQ Việt Nam các cấp cùng với các tổ chức chính trị - xã hội có nhiệm vụ vận động, tuyên truyền cán bộ đảng viên và nhân dân tham gia hoạt động bảo đảm an ninh chính trị, thực hiện giám sát, phản biện để kịp thời khắc phục những hạn chế, thiếu sót. Thời gian qua, các chủ thể của hệ thống chính trị khu vực Đông Nam Bộ đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, hoàn thành mục tiêu đề ra. Song việc phối hợp, tạo điều kiện cho nhau giữa các chủ thể vẫn thiếu chặt chẽ, còn tâm lý làm thay, ỷ lại hoặc cho rằng bảo đảm an ninh chính trị là công việc của Bộ đội biên phòng nên đã ảnh hưởng đến kết quả chung. Để sự phối hợp giữa các chủ thể trong hệ thống chính trị cơ sở được tốt hơn trong những giai đoạn tiếp theo cần thực hiện một số công việc sau:

Ủy ban Nhân dân các tỉnh biên giới cần ban hành những văn bản mang tính pháp lý để tạo điều kiện cho sự phối hợp giữa các chủ thể nhất là giữa MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội với bộ đội biên phòng trong thực hiện các hoạt động, nhất là những hoạt động liên quan các phong trào, trương trình như: “Phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới”; “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”; Chương trình: “Mái ấm cho người nghèo nơi biên giới”, “Ngân hàng bò giống, dê giống”, Chương trình “Vi sức khỏe cộng đồng”; Chương trình “Nâng bước em đến trường - Con nuôi đồn Biên phòng”; “Hũ gạo tình thương giúp phụ nữ đồng bào dân tộc có hoàn cảnh khó khăn”...

Các sở, ngành, cơ quan chuyên môn địa phương như: Tuyên Giáo, Dân Vận, Ngoại vụ, Phát thanh - truyền hình cũng cần tăng cường ký kết hợp tác với MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ chung, liên quan an ninh chính trị để đảm bảo thông suốt từ khâu vận động, tuyên truyền; cung cấp các thông tin cần thiết; phối hợp triển khai,

sơ kết, tổng kết đánh giá và rút kinh nghiệm... Từ đó tránh được sự trùng lặp, chồng chéo về nội dung, đơn điệu về hình thức góp phần tạo nên những thành tựu mới trong bảo đảm an ninh chính trị.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp khu vực biên giới cần chủ động phối hợp với các cơ quan, đoàn thể nhất là Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh triển khai thực hiện tổ chức các hoạt động thiết thực trên vùng biên giới; Tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động tập thể, hộ gia đình, cá nhân; Đổi mới phương pháp và hình thức tuyên truyền theo hướng phù hợp với điều kiện thực tế khu vực biên giới, chú trọng đến chủ thể được tuyên truyền, vận động là đồng bào dân tộc thiểu số; tinh gọn bộ máy, trong đó chú ý đến nhân lực và hiệu quả sử dụng nhân lực trong các Ban vận động; Đẩy mạnh hơn công tác giám sát, phản biện của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội đối với hệ thống chính trị. Để ngày càng tìm được tiếng nói chung, củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước và giúp các chủ thể có những cơ sở điều chỉnh hoạt động của mình ngày càng hiệu quả hơn [105].

Tiểu kết chương 4

Từ những nghiên cứu về tình hình thế giới, khu vực và trong nước. Từ kết quả hoạt động bảo đảm an ninh chính trị, trong chương 04, tác giả tập trung làm rõ hai vấn đề:

Một là, Để tìm cơ sở cho việc xây dựng giải pháp phù hợp, hiệu quả. Trên cơ sở thực trạng của hoạt động bảo đảm an ninh chính trị, đồng thời dựa trên những biến động của tình hình an ninh, kinh tế, chính trị thế giới, khu vực và chính trong mối quan hệ Việt Nam - Campuchia. Tác giả đã lấy mô hình phân tích SWOT để áp dụng vào vấn đề nghiên cứu. Trên cơ sở áp dụng SWOT tác giả đã dự báo những điểm thuận lợi, những khó khăn, thách thức và cả những cơ hội của hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Đông Nam Bộ trong thời gian tới. Trong đó những yếu tố được xem như là

điểm mạnh chính là đường lối, chủ trương của Đảng, thành tựu hợp tác và quan hệ nóng ấm giữa chính quyền, nhân dân các tỉnh biên giới Việt Nam - Campuchia, hệ thống chính trị cơ sở không ngừng được củng cố vững mạnh. Tuy nhiên, bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ thời gian tới cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức như: Tình hình kinh tế - xã hội khu vực biên giới còn khó khăn, thù đoạn chống phá của các thế lực thù địch đối với Việt Nam ngày càng tinh vi, sự chống phá của các đảng đối lập tại Campuchia... Song vượt lên những khó khăn này, hoạt động bảo đảm an ninh chính trị vẫn có nhiều cơ hội lớn như cơ hội hoàn thành phân giới cắm mốc, cơ hội củng cố hệ thống chính trị, phát triển kinh tế - xã hội vùng biên và nâng tầm mối quan hệ Việt Nam - Campuchia.

Hai là, Từ phân đánh giá thực trạng bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Đông Nam Bộ giai đoạn 2016 - 2024, từ việc làm rõ những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức trong bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia ở Đông Nam Bộ trong thời gian tới, tác giả xây dựng một số giải pháp như: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và Quản lý của Nhà nước đối với mọi hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới; Nâng cao nhận thức, năng lực cho cán bộ, đảng viên và quần chúng Nhân dân về tầm quan trọng của bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới; Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội nhằm cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân khu vực biên giới; Củng cố mối quan hệ Việt Nam - Campuchia ngày càng ổn định, phát triển; Đẩy mạnh công tác đấu tranh, phản bác các luận điệu sai trái, thù địch trong tình hình mới ở các huyện, xã biên giới theo tinh thần Nghị quyết 35 của Bộ Chính trị; Phát huy vai trò, sức ảnh hưởng của chức sắc, chức việc tôn giáo, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số về việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; Triển khai mạnh mẽ hơn công tác tăng cường cán bộ chiến sĩ bộ đội biên phòng tham gia cấp uỷ cấp huyện, cấp xã khu vực biên giới.

KẾT LUẬN

Bảo đảm an ninh chính trị nói chung và bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới nói riêng có ý nghĩa to lớn đối với an ninh quốc gia. Bởi đây không chỉ là hoạt động hướng đến bảo vệ Đảng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng mà còn bảo vệ chế độ chính trị, hiệu lực hiệu quả của bộ máy Nhà nước và chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ. Đối với khu vực biên giới đất liền thì hoạt động này còn thêm ý nghĩa to lớn, bao trùm hơn khi liên quan đến vai trò phen dậu của biên cương đối với nội địa, liên quan đến tình đoàn kết hữu nghị giữa Việt Nam với các nước láng giềng, khu vực. Vì thế đây không chỉ là công việc của một vài cá nhân, tổ chức mà là công việc chung, trọng trách chung của cả hệ thống chính trị và quần chúng Nhân dân.

Là khu vực có vị trí trọng yếu cả về kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng đối với ổn định, phát triển của khu vực phía Nam và cả nước nên việc đẩy mạnh hoạt động bảo đảm an ninh chính trị đặc biệt là ở khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ giữ vị trí ưu tiên hàng đầu của các chủ thể trong hệ thống chính trị cơ sở. Từ việc nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ giai đoạn 2016 - 2024, luận án góp phần làm sáng tỏ một số nội dung sau:

1) Luận giải những vấn đề lý luận chung về bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia. Cụ thể, luận án xây dựng và làm rõ nội hàm khái niệm bảo đảm an ninh chính trị và bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền. Trên cơ sở đó xây dựng nội dung, chỉ ra chủ thể thực hiện bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền. Đồng thời chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng và ý nghĩa của việc bảo đảm an ninh chính trị biên giới đất liền đối với vai trò, vị trí của Đảng, đối với sự ổn định và phát triển của hệ thống chính trị Việt Nam, góp phần củng cố sâu sắc hơn quan hệ giữa Việt Nam với các nước láng giềng và góp phần vào hoà bình, ổn định của khu vực, thế giới.

2) Trên cơ sở khung lý thuyết đã được xây dựng, tác giả làm rõ hơn những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ. Trong các yếu tố đó, có cả các yếu tố tác động thuận lợi như yếu tố về lịch sử, văn hoá, xã hội, vị trí địa lý, quan hệ giữa chính quyền và nhân dân hai bên biên giới... nhưng cũng có yếu tố tác động khó khăn, gây trở ngại cho công tác này như tình hình chính trị bất ổn tại Campuchia, sự can dự của các nước lớn vào đời sống kinh tế - chính trị Campuchia... Từ việc chỉ ra những yếu tố trên, tác giả đã khái quát tình hình an ninh chính trị khu vực này giai đoạn trước 2016 trên cả ba nội dung là an ninh lãnh thổ, an ninh tư tưởng và an ninh thể chế để chứng minh rằng hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới là hoạt động cần thiết, đáp ứng nhu cầu thực tiễn đang đặt ra. Qua đó, tác giả đi vào phân tích những hoạt động và những kết quả đạt được trong bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ từ 2016 - 2024. Để làm rõ được nội dung này, tác giả đi từ việc hình thành kế hoạch, chủ trương, đến hoạt động cụ thể của các chủ thể trong hệ thống chính trị khu vực biên giới và cuối cùng là nêu ra những kết quả đạt được trong bảo đảm an ninh lãnh thổ, an ninh tư tưởng và an ninh thể chế. Những kết quả đạt được đã phản ánh quyết tâm, nỗ lực của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể và Nhân dân khu vực biên giới trong bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa và chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia Việt Nam. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tốt đẹp, thì hoạt động bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia ở Đông Nam Bộ vẫn còn có những hạn chế nhất định, ngoài việc chỉ ra những hạn chế, tác giả cũng đã đưa ra các nguyên nhân của hạn chế, để từ đó có thêm cơ sở xây dựng giải pháp cho hoạt động này trong thời gian tới.

3) Từ việc phân tích thực trạng, chỉ ra những thành công, nguyên nhân của thành công, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế. Để xây dựng các giải pháp có tính thuyết phục tác giả đã kết hợp với việc đưa ra dự báo về những

yếu tố tác động, dự báo về tình hình bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ thời gian tới bằng phân tích SWOT. Qua đó chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của hoạt động này. Sự tích hợp của các dữ liệu, sự kiện được phân tích, tác giả xây dựng các nhóm giải pháp cho bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở Đông Nam Bộ giai đoạn tiếp theo. Những giải pháp mà tác giả đưa ra có thể còn có những thiếu sót nhất định nhưng cũng đã được cân nhắc, lựa chọn, có tính hệ thống và có cơ sở khoa học. Nếu được quan tâm áp dụng đồng bộ sẽ góp phần thiết thực cho bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia ở Đông Nam bộ trong những năm sắp tới.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN LUẬN ÁN

1. Đặng Thị Thảo (2019), “Bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia (Nghiên cứu thực tiễn tỉnh Bình Phước)”, Tạp chí *Khoa học chính trị*, số 6, tr.66 -71.
2. Đặng Thị Thảo (2024), “Phân giới cắm mốc trên đất liền Việt Nam - Campuchia, Thực trạng và một số kiến nghị, Tạp chí *Quản lý nhà nước*, số 336- 01, tr.131.
3. Đặng Thị Thảo (2024), “Bảo đảm an ninh tư tưởng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh hiện nay”, Tạp chí *Sinh hoạt lý luận*, số 3, tr. 44-48.
4. Đặng Thị Thảo (2024), “Công tác bảo đảm an ninh lãnh thổ khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia ở tỉnh Bình Phước”, Tạp chí *Lý luận chính trị và truyền thông*, Chuyên đề số 1, tr.181 - 183.
5. Đặng Thị Thảo (2024), “Xây dựng hệ thống chính trị bảo đảm an ninh thể chế khu vực biên giới ở tỉnh Bình Phước hiện nay”, Tạp chí *Khoa học chính trị*, Số 6, tr.78-83.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đông Anh (2016), “Việt kiều từ Campuchia về Bình Phước và Tây Ninh: Bộn bề khó khăn nhưng không để dân đói”, Báo *Lao động điện tử*, <https://laodong.vn> ngày 14/10/2016
2. Bùi Đức Anh (2014), “Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia”, Tạp chí *Cộng sản*, số 87 (3-2014)
3. Phạm Ngọc Anh - Trần Văn Dũng (2020), *Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và an ninh quốc gia trong tình hình mới*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội
4. Quỳnh Anh (2023), “Dấu ấn Trung Quốc tại Campuchia: Những công trình trọng yếu hàng tỷ USD”, Tạp chí điện tử *Đầu tư tài chính*, <https://vietnamfinance.vn>, ngày 29/07/2023
5. Nguyễn Thị Anh (2020), “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về an ninh chính trị trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở Đông Nam bộ” Đề tài cơ sở Học viện Chính trị khu vực II, năm 2020
6. Ban chỉ đạo phân giới cắm mốc tỉnh Bình Phước (2019), Báo cáo số 34/BCĐ ngày 20/8/2019, về việc báo cáo tình hình kết quả thực hiện phân giới cắm mốc biên giới Việt Nam - Campuchia trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2006 đến nay
7. Ban Chỉ đạo phân giới cắm mốc tỉnh Bình Phước (2021), Báo cáo số 12/BCĐ ngày 16/8/2021 về việc báo cáo tình hình quản lý thực tế so với đường biên giới đã phân giới cắm mốc
8. Ban Chỉ đạo phân giới cắm mốc tỉnh Bình Phước (2020), Công văn số 17/BCĐ ngày 18/8/2020 “về việc xin chủ trương xử lý một số cột mốc có nguy cơ sạt lở cao, ngập lụt trên tuyến biên giới”
9. Ban Chỉ đạo phân giới cắm mốc tỉnh Bình Phước (2019), Báo cáo số 34/BCĐ ngày 20/8/2019 “về việc báo cáo tình hình phân giới cắm mốc”
10. Lê Thị Bân (2009), “Giữ vững hoà bình, an ninh biên giới trên địa bàn

- tỉnh Tây Ninh thời kỳ hội nhập”, Tạp chí *Quốc phòng toàn dân*, số 4
11. Đặng Xuân Bình (2013), “Vai trò của bộ đội biên phòng trong giải quyết “điểm nóng” về an ninh quốc gia ở khu vực biên giới”, Tạp chí *Khoa học giáo dục biên phòng*, số 35
 12. Đỗ Thị Thanh Bình, Bùi Nam Khánh (2018), Một số giải pháp tăng cường hợp tác đảm bảo an ninh biên giới đất liền Việt Nam – Campuchia, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 7/2018
 13. Phạm Lê Xuân Bình (2013), “Bộ đội biên phòng vận động đồng bào dân tộc Mông tự quản đường biên, mốc giới và an ninh trật tự khu vực biên giới trong tình hình mới”, Tạp chí *Khoa học giáo dục biên phòng*, số 35 (tháng 11/2013)
 14. Bùi Nam Khánh, Đỗ Thị Thanh Bình (2018), “Hợp tác giữa Việt Nam – Campuchia trong bảo đảm an ninh tuyến biên giới đất liền”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 1 (112), 3/2018
 15. Bộ Ngoại giao (2021), Công văn số 745/BNG-UBBG ngày 12 tháng 3 năm 2021 “Về việc thông báo số liệu đường biên, mốc giới và cọc dấu trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia”.
 16. Bộ Chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Bình Phước (2021), Báo cáo số 2019/BC-BCH ngày 13/10/2021 “về kết quả công tác đối ngoại quốc phòng, đối ngoại biên phòng”
 17. Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Bình Phước, Báo cáo số 1712/BC-BCH, ngày 08/08/2016 “về Công tác đối ngoại biên phòng”
 18. Bộ Chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Bình Phước (2019), Báo cáo số 2912/BC-BCH ngày 04/12/2019 “về tổng kết công tác đối ngoại biên phòng năm 2019”
 19. Bộ Chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Bình Phước (2020), Báo cáo số 2853/BC-BCH ngày 06/11/2020 “về tổng kết công tác đối ngoại biên phòng năm 2020”
 20. Bộ Chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Bình Phước (2021), Báo cáo số

- 2019/BC-BCH ngày 13/10/2021 “*về tổng kết công tác đối ngoại biên phòng năm 2021*”
21. Bộ Chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Bình Phước (2023), Báo cáo số 1505/BC-BCH ngày 26/09/2023 “*về tổng kết công tác đối ngoại biên phòng năm 2023*”
 22. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Bình Phước (2023), Báo cáo số 1931/BC-BCH ngày 29/09/2023 “*về Kết quả công tác biên phòng năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024*”
 23. Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Tây Ninh, Báo cáo số 312/BC-BCH ngày 06/08//2015 “*về Tình hình và kết quả đấu tranh phòng chống ma túy và tội phạm năm 2015*”.
 24. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Tây Ninh (2023), Báo cáo số 1302/BC-BCH ngày 02/10/2023 “*về Báo cáo kết quả công tác biên phòng năm 2023*”.
 25. Trần Nam Chuân (2010), “*Mấy biện pháp tăng cường hợp tác quốc tế bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới*”. Tạp chí *Nghiên cứu pháp luật*, số 11 (72)
 26. Nguyễn Đình Chiến (2010), *Nghiên cứu các giải pháp tăng cường ổn định chính trị, an ninh biên giới Việt - Lào trong tình hình mới*, Đề tài khoa học cấp bộ - Bộ quốc phòng, Bộ khoa học và Công nghệ, Hà Nội
 27. Cổng Thông tin điện tử Tây Ninh (2017), “*Tổng kết công tác tổ chức xây dựng đảng năm 2016 và triển khai nhiệm vụ năm 2017*”, <https://www.tayninh.gov.vn>, Ngày 19/01/2017
 28. Bùi Dũng (2013), “*Huyện ủy Bù Đốp tổ chức tọa đàm về thúc đẩy phát triển đảng viên cơ sở 2023*”, <https://budop.binhphuoc.gov.vn>, ngày 10/11/2023
 29. Nguyễn Quang Dũng (2013), “*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước về kết hợp kinh tế với quốc phòng an ninh, đối ngoại trong quản lý bảo vệ biên giới quốc gia thời kỳ hội nhập*”, Tạp chí

Khoa học giáo dục biên phòng, số 31, 3/2013, tr.9

30. Nguyễn Quang Dũng (2013), “Một số yêu cầu kết hợp kinh tế với quốc phòng an ninh, đối ngoại trong quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới”, Tạp chí *Khoa học giáo dục biên phòng*, số 30, tháng 1/2013, tr.22
31. Nguyễn Quang Dũng (2013), “Bộ đội biên phòng tham gia phòng, chống diễn biến hoà bình ở khu vực biên giới”, Tạp chí *Khoa học quân sự*, số 2
32. Phạm Đình Dũng (2019), “Xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc trong chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia”, Tạp chí *Chiến lược quốc phòng*, số 7
33. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 47, Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 5, 1Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 60, Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội
36. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, phần II, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội
38. Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 34-NQ/TW, ngày 09/1/2023, của Bộ Chính trị, “Về một số định hướng, chủ trương lớn triển khai đường lối đối ngoại Đại hội XIII”
39. Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 44-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban chấp hành TW Đảng khoá XIII về “Chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới”
40. Đảng uỷ Biên phòng Tây Ninh (2021), Báo cáo số 76-BC/ĐUBP ngày 21/9/2021 “Về việc Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”

41. Đảng uỷ Biên phòng Tây Ninh (2023), Báo cáo số 212-BC/ĐUBP ngày 12/5/2023 “Về Sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 16/4/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược Quốc phòng Việt Nam (2018-2023)”
42. Đảng uỷ xã Bù Gia Mập, Báo cáo số 91-BC/ĐU, ngày 27/12/2023 về Tình hình thực hiện Nghị quyết năm 2023 và Phương hướng nhiệm vụ năm 2024
43. Hồng Đăng (2020), “Giữ vững an ninh, phát triển kinh tế khu vực biên giới Tây Nam”, <https://www.qdnd.vn>, ngày 5/11/2020
44. Văn Đỗ, Tâm Hiếu (2021), “Campuchia cho phép một đảng mới được thành lập trước thềm bầu cử”, <https://vov.vn>, ngày 23/6/2021
45. Trần Đơn (2014), “Quân khu 7 xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới, biển, đảo tổ quốc”, Tạp chí *Khoa học quân sự*, số 1/2014
46. Việt Đức, Vinh Quang (2023), “Phát triển đảng ở biên giới Tây Nam: “Bài toán” không dễ giải”, <https://vov.vn>, ngày 25/10/2023
47. Nguyễn Tiến Hiệp (2022), “Tây Ninh nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, CC,VC đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”, Tạp chí *Quản lý nhà nước điện tử*, <https://www.quanlynhanuoc.vn>, ngày 21/06/2022
48. Trần Xuân Hiệp (chủ biên) (2018), *Quan hệ Việt Nam - Campuchia từ sau chiến tranh Lạnh đến nay*, Nxb. Thông tin và truyền thông
49. Nguyễn Huy Hoàng và Trần Xuân Hiệp (2019), “Thực trạng an ninh chính trị biên giới Việt Nam - Campuchia”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 7
50. Đặng Thị Thanh Hoa (2018), *Đảm bảo an ninh chính trị vùng dân tộc thiểu số biên giới Việt - Lào tỉnh Điện Biên hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Hà Nội
51. Trương Thị Hoài (2017), “Giải pháp góp phần xây dựng hệ thống chính trị ở các xã biên giới của tỉnh Bình Phước hiện nay”, Sở Nội vụ tỉnh Bình

Phước Online, ngày 07/11/2017

52. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình Chính trị học* (dùng cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị), Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội
53. Hội thảo “Công tác dân vận góp phần xây dựng tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển”, ngày 10/02/2023, tại Cơ quan thường trực T78
54. Mạc Đình Huân (2022), “Bình Phước – Ý chí và khát vọng phát triển”, Tạp chí *Cộng sản điện tử*, <https://dangcongsan.vn>, ngày 26/10/2022
55. Nguyễn Tấn Hưng (2012), “Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh Bình Phước thời kỳ mới”, Tạp chí *Quốc phòng toàn dân*, số 11/2012.
56. Nguyễn Văn Hưởng (2007), “Giữ vững an ninh chính trị - xã hội để hội nhập và phát triển”, Tạp chí *Cộng sản*, số 780
57. Nguyễn Thị Xuân Hương (2022), “Tây Ninh: Phát huy vai trò của mạng xã hội trong tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước”, *Tạp chí Tuyên giáo điện tử*, ngày 08/8/2022
58. Nguyễn Thị Vân Hương (2023), “Tây Ninh tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị”, *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử*, ngày 25/12/2023.
59. Thanh Huyền (2020), “Tây Ninh: Bảo vệ Đảng bắt đầu từ công tác tuyên truyền”, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, <https://dangcongsan.vn>, ngày 25/9/2020
60. Huyện ủy Lộc Ninh (2021), Báo cáo số 76-BC/HU ngày 08/04/2021 “về sơ kết 03 năm thực hiện Quyết định 999-QĐ/TU
61. Huyện ủy Lộc Ninh (2020), Báo cáo số 12-BC/HU ngày 16/12/2020 Về Sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị 46-CT/TW ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự trong tình hình mới”

62. Huyện uỷ Lộc Ninh (2022), Báo cáo số 222-BC/HU ngày 10/11/2022 “về Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ Thị số 18-CT/TW ngày 10/01/2028 của Bộ Chính trị “về công tác tôn giáo trong tình hình mới”
63. Huyện uỷ Tân Châu (2021), Báo cáo số 82-BC/HU ngày 5/4/2021 “về kết quả đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2016 - 2021”
64. Bùi Nam Khánh, Đỗ Thị Thanh Bình (2018), “Hợp tác giữa Việt Nam và Campuchia trong đảm bảo an ninh tuyến biên giới đất liền”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 1(112)
65. Oanh Kiều (2021), “Xây dựng đảng bộ huyện Tân Biên vững mạnh về tổ chức và cán bộ”, <https://tayninh.dcs.vn>, ngày 24/9/2021
66. Lê Hữu Lâm (2013), “Bảo vệ an ninh quốc gia trong các mối đe dọa an ninh phi truyền thống trong tình hình hiện nay”, Tạp chí *Khoa học quân sự*, số 2
67. Tô Lâm (2021), *Những điểm mới về an ninh quốc gia trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội
68. Phùng Tiến Lăng (2012), “Bộ đội biên phòng tỉnh Bình Phước đẩy mạnh xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện”, Tạp chí *Quốc phòng toàn dân*, số 9/2012
69. Vũ Đình Liêm (2021), *Hoạt động đảm bảo an ninh, trật tự của bộ đội biên phòng ở khu vực biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội
70. Thanh Liêm (2023), “Xây dựng điểm dân cư liên kè - kế sách bảo vệ biên giới hoà bình ổn định”, Báo Dân tộc điện tử, <https://baodantoc.vn>, ngày 17/04/2023
71. Cẩm Liên (2023), Vững chắc thế trận lòng dân - Dấu ấn đảng viên quân hàm xanh, Báo Bình phước online, <https://baobinhphuoc.com.vn>, ngày 07/10/2023
72. Mai Thị Hồng Liên (2020), “Góp bàn về nội hàm khái niệm an ninh chính trị ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Sinh hoạt lý luận*, số 7 (172)
73. Mai Thị Hồng Liên (2021), “Đảm bảo an ninh chính trị ở các tỉnh Tây

- Nguyên trong tình hình mới”, Tạp chí *Sinh hoạt lý luận*, số 6 (179)
74. Vũ Viết Lợi (2012), “Bộ đội biên phòng Tây Ninh làm tốt công tác tham mưu và tham gia xây dựng nền biên phòng toàn dân vững mạnh”, Tạp chí *Quốc phòng toàn dân*, số 10/2012
 75. Luật Biên giới quốc gia (2003), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003
 76. Trịnh Long (2023), “Tây Ninh xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 triển khai đồng bộ, rộng khắp”, Tạp chí Con số & Sự kiện, <https://consosukien.vn>, ngày 17/10/2023
 77. Công Luận (2019), “Phát huy vai trò của MTTQ trong bảo vệ an ninh biên giới“, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tây Ninh điện tử, <https://mattrantoquoc.tayninh.gov.vn>, ngày 31/10/2019
 78. *Luật An ninh quốc gia năm 2004 và các văn bản hướng dẫn thi hành*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006
 79. MTTQVN – BCHBĐBP tỉnh Bình Phước (2023), Báo cáo số 83/BC-MTTQ-BCHBP ngày 07/06/2023 về *Sơ kết chương trình phối hợp “vận động toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới”*
 80. Đặng Minh - Nam Khánh (2022), “Phát huy vai trò của MTTQ Việt Nam trong việc tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi”. Tạp chí *Cộng sản điện tử*, <https://dangcongsan.vn>, ngày 18/11/2022
 81. Quang Minh (2018), "Bình Phước: Chú trọng bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới", *Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam*, ngày 06/11/2018
 82. Hoàng Mỹ (2024), “Nâng cao chất lượng phát triển đảng viên”, Báo Bình Phước Online, <https://baobinhphuoc.com.vn>, ngày 14/3/2024
 83. Nguyễn Thế Mau, “Một số giải pháp chủ yếu giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nước ta trong tình hình mới”, Tạp chí *Nghệ thuật quân sự Việt Nam*, số 5(170), tháng 11 + 12, năm 2018
 84. Lê Văn Nam (2020), *Phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc*

phòng, an ninh ở các tỉnh biên giới phía Bắc, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội

85. Thanh Nga (2019), “Ngày lên bờ của Việt kiều Campuchia”, Bình Phước online, <https://baobinhphuoc.com.vn>, ngày 02/06/2019
86. Nghị định số 34/2000/ND-CP NGÀY 18/8/2000 của Chính phủ về *Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*
87. Lý Văn Ngoan, Lê Minh Hiếu (2021): “Quan hệ xuyên biên giới với việc đảm bảo quốc phòng, an ninh (nghiên cứu thực tiễn tỉnh Tây Ninh)”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 5
88. Mai Đức Ngọc (2021), “Đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên mạng xã hội - Thực trạng và giải pháp”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 2
89. Mỹ Nguyên, “Chào mừng kỷ niệm 20 năm tái lập tỉnh Bình Phước”, <http://dongphu.edu.vn>
90. Trần Hữu Phúc (2013) “Biện pháp ngoại giao của bộ đội biên phòng trong quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia”, Tạp chí *Khoa học giáo dục biên phòng*, số 30, tháng 1/2013.
91. Nguyễn Hoài Phương (2012), “Bộ đội biên phòng tỉnh Tây Ninh đẩy mạnh công tác vận động quần chúng ở khu vực biên giới”, Tạp chí *Quốc phòng toàn dân*, số 12
92. PV (2022), “Tổng kết 20 năm công tác phân giới cắm mốc biên giới đất liền Việt Nam – Campuchia”, <https://dangcongsan.vn>, ngày 05/03/2022
93. Phan Duy Quang (2016), *Nhận thức của Đảng cộng sản Việt Nam về an ninh chiến lược từ 1986 đến nay*, Đề tài cơ sở - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
94. Nguyễn Hồng Quân (2013), *Những tác động của tình hình quốc tế, trong nước và một số giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia trong thời kỳ hội nhập quốc tế*, Tạp chí *Khoa học giáo dục biên phòng*, số 31, tháng 3/2013

95. *Quy định mới về Quản lý biên giới quốc gia* (2006), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
96. Nguyễn Thái Sinh (2013), “Tăng cường quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững”, Tạp chí *Khoa học giáo dục biên phòng*, số 31
97. Bùi Minh Soái (2022), “Bộ đội biên phòng tỉnh Bình Phước thực hiện tốt công tác đối ngoại biên phòng”, Tạp chí *Quốc phòng toàn dân*, số 9/2022
98. Nguyễn Tài Sơn (2018), "Xây dựng “Thế trận lòng dân” vững chắc ở biên giới Tây Ninh" Tạp chí điện tử *Biên Phòng*, ngày 10/11/2018
99. Sở Nội vụ tỉnh Bình Phước (2020), Báo cáo số 70/BC-SNV ngày 06 tháng 11 năm 2020 “*Về Báo cáo tình hình, kết quả công tác quản lý Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2021*”
100. Sở Nội vụ tỉnh Tây Ninh (2023), Báo cáo số 94/BC-SNV, ngày 26 tháng 05 năm 2023 “*về Báo cáo sơ kết thực hiện Quyết định số 43-QĐ/TTg ngày 11/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2022-2026*”
101. Trương Văn Tài (2012), “Bộ đội biên phòng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới biển, đảo”, Tạp chí *Quốc phòng toàn dân*, số 11/2012
102. Nguyễn Ngọc Thanh (2013), “Khái niệm đấu tranh phòng, chống hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia ở khu vực biên giới của bộ đội biên phòng”, Tạp chí *Khoa học giáo dục biên phòng*, số 32, tháng 5/2013.
103. Vũ Hồng Thanh (2012), “Mùa xuân Ả Rập và những bài học đối với công tác bảo đảm an ninh chính trị”, Tạp chí *Cộng sản*, số 840
104. “Tây Ninh cần quan tâm tổ chức cơ sở đảng ở những nơi còn yếu”, <https://nhandan.vn>, ngày 17/03/2024

105. Phùng Văn Thắng (2020), “Bàn về một số giải pháp bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới Việt Nam – Campuchia trong tình hình mới”, Tạp chí *Chiến lược quốc phòng*, số 8
106. Ngọc Thành (2020), “Bình Phước làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo”, <https://danvanbinhphuoc.vn>, ngày 3/06/2020
107. Thông tấn xã Việt Nam (2024), 75 năm sau hiệp định Élysee: Campuchia đang “bắn” vào quá khứ, *Tin tham khảo nội bộ*, ngày 11/6/2024
108. Nguyễn Thị Thanh Thuỷ (2020), *Phòng ngừa các tội xâm phạm an ninh quốc gia ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội
109. Tỉnh uỷ Bình Phước, Kết luận số 135-KL/TU “về sơ kết 03 năm thực hiện quyết định 999-QĐ/TU ngày 10/4/2018 của tỉnh uỷ”
110. Tỉnh uỷ Tây Ninh (2022), Báo cáo số 355/BC-TU, ngày 02/10/2022 “về Báo cáo kết quả 05 năm thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW, ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị về công tác tôn giáo trong tình hình mới”
111. Tổng cục Thống kê, Báo cáo số 279/BC-TCTK ngày 06/10/2024 về tình hình kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng đầu năm 2024
112. Nguyễn Thiện Toàn, (2012), “Kinh nghiệm xây dựng khu vực phòng thủ ở Tây Ninh”, Tạp chí *Quốc phòng toàn dân*, số 11/2012
113. Nguyễn Hồng Trà (2023), “Nâng cao kỹ năng chính trị và trình độ cho cán bộ lãnh đạo”, <https://bptv.vn>, ngày 06/06/2023
114. Trần Công Trục (2021), *Lãnh thổ Việt Nam lịch sử và pháp lý*, Nxb. Thông tin và truyền thông, Hà Nội
115. Trung tâm Từ điển Bách khoa quân sự, Bộ Quốc phòng (2004), *Từ điển Bách khoa Quân sự Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội
116. Trung tâm WTO và Hội nhập Liên Đoàn thương mại và công nghiệp Việt Nam (2022) “Đầu tư của Trung Quốc vào Campuchia tăng mạnh”, <https://aecvcci.vn>, ngày 07/3/2022

117. Minh Tuấn (2022), “Công tác quản lý Nhà nước về đất đai Tôn giáo trên địa bàn tỉnh Bình Phước”, <https://binhphuoc.gov.vn>, ngày 28/02/2022
118. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bình Phước (2022), Báo cáo số 52/BC-MTTQ ngày 02/06/2022 “về Sơ kết chương trình phối hợp “Vận động toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới”
119. UBND tỉnh Bình Phước, Quyết định số 2603/QĐ – UBND, ngày 03/12/2014 của UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức các xã, thị trấn thuộc hai huyện Bù Gia Mập và Bù Đăng giai đoạn 2015 – 2020.
120. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (2022), Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 “*về việc thành lập Ban Chỉ đạo công tác biên giới tỉnh Bình Phước*”
121. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (2022), Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 26/5/2022, “*về việc ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo công tác biên giới tỉnh Bình Phước*”
122. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (2022), Công văn số 2782/UBND-NC ngày 29/9/2022 “*về việc thuận chủ trương xử lý mốc 60/13(3) đang bị sạt lở*”
123. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (2022), Báo cáo số 273 /BC- UBND “*Về việc Báo cáo kết quả hoạt động đối ngoại năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023*”
124. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (2020), Báo cáo số 106/BC-UBND, ngày 15/4/2020 *Về sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ “về tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới 2015 - 2020”*
125. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (2019), Báo cáo số 257/BC - UBND, ngày 10/10/2019 “*Về kết quả xây dựng nền quốc phòng toàn dân*

2009 - 2019”

126. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (2022), Báo cáo số 08/BC-UBND, ngày 07/01/2022 “*về Sơ kết 03 năm thực hiện Đề án xây dựng Chốt dân quân biên giới, 01 năm thực hiện Kế hoạch xây dựng Điểm dân cư liền kề Đồn, Trạm biên phòng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025*”
127. Ủy ban nhân dân huyện Bù Gia Mập (2022), Báo cáo số 287/BC-UBND ngày 05/12/2022 “*về kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022*”
128. Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh (2023), Báo cáo số 570-BC/UBND ngày 31/1/2023 “*Về việc Sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết 16-NQ/TW ngày 10/10/2027 của Bộ chính trị về phát triển kinh tế - xã hội các xã biên giới đất liền kết hợp tăng cường, củng cố quốc phòng an ninh và đối ngoại*”
129. Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, Quyết định số 2024/QĐ, ngày 02/8/2016 “*về Ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X về phát triển nguồn nhân lực tỉnh giai đoạn 2016-2020*”
130. Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh (2021), Báo cáo số 185/ BC-UBND ngày 16/6/2021 “*về kết quả thực hiện Nghị định số 05 NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc*”
131. Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh (2023), Báo cáo số 76-BC - VHXXH, ngày 21/6/2023 “*về công tác cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số*”.
132. Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh (2023), Báo cáo số 156/UBND-VHXXH ngày 18/10/2023 *về công tác cán bộ, công chức, viên chức người Dân tộc thiểu số*
133. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (2021), Báo cáo số 262/BC-UBND ngày 15/9/2021 “*về Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh*”

Bình Phước giai đoạn 2016 - 2020”.

- 134.Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (2022), Báo cáo số 350/BC- UBND ngày 09/11/2022 “*Về thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh khu vực biên giới, vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Phước*”.
- 135.*Văn bản pháp luật về Biên giới quốc gia* (2004), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
- 136.Nguyễn Thành Văn, “Cuộc đấu bản đồ và lãnh thổ”, <https://tuoitre.vn>, ngày 19/9/2016
- 137.Viện nghiên cứu Chiến lược và Khoa học công an (2005), *Từ điển bách khoa Công an nhân dân Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội
- 138.Vương Trần (2024), “Cơ đồ đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng sau gần 40 năm đổi mới”, <https://laodong.vn>, ngày 03/02/2024
- 139.Lê Hồng Vương (2017) "Kinh nghiệm quản lý, ngăn ngừa các "điểm nóng" trên thế giới của bộ đội biên phòng Tây Ninh", Tạp chí *Quốc phòng toàn dân*, ngày 10/6/2017
- 140.Đỗ Danh Vượng (2018), "Phát huy sức mạnh "biên giới lòng dân" quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới quốc gia", <https://tapchicongsan.org.vn>, ngày 06/9/2018
- 141.Phương Vy (2017), “Tây Ninh: Công tác đối ngoại biên phòng góp phần tích cực bảo vệ biên giới”, <https://www.bienphong.com.vn>, ngày 03/01/2017
- 142.Lê Anh Xuân (2009), *Từ điển Từ Hán Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
- 143.Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1998), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội

144. https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%ADnh_tr%C3%AD_Campuchia#:~:text=C%C3%A0c%20%C3%ADnh%20tr%C3%A0%20Hi%E1n,kho%C3%A0ng%2058%20%C3%A0ng%20ph%C3%A0i%20kh%C3%A1c.

Tài liệu nước ngoài

145. Joseph J. Romm (1993), “Defining national security The nonmilitary aspect”, Published by the Council on Foreign Relations Press, 58 East 68th St., New York, NY 10021.
146. Bijan Karimi (2016), “Applying the Economic, Homeland and National Security Analysis Framework”, Homeland Security Affairs, Volume 12 Essay 4; Peter J. Katzenstein Conclusion “National Security in a Changing World”.
147. James D. Ramsay and Terrence M. O’Sullivan, “There’s a Pattern Here: The Case to Integrate Environmental Security into Homeland Security Strategy”, Homeland security affairs, Volume 9, article 6 (May 2013).
148. Svetlana và Jasmina, “Culture as national security interest”, International scientific, Security and peace Journal, 304:323.21.
149. Gurmeet Kanwal, “Indian border security poor management in evidence”, Institute of Peace and Conflict Studies, No 55, October, 2007.
150. Pushpita Das, “India’s approach to border management from barriers to bridges”, Manohar parrikar institute for defence studies and analyses New Delhi, 2021.
151. OZ. Hassan (2015), Political security: from the 1990s to the Arab Spring, Contemporary Politics, Vol. 21, No. 1, 86–99,
152. Liu Xue Lian 刘雪莲, Ou Yang Hao Yue 欧阳皓玥, 从共存安全到共生安全：基于边境安全特殊性的思考, 《国际安全研究》2019年第2期.
153. Zhang Bao Ping 张保平, (我国边境安全的基本态势), 太平洋学报 2018年第4
154. Li Zhi Huan 李智环, 边境多民族口岸社区非传统安全问题研究 ——以中缅边

境片马口岸为例),《贵州民族研究》2019年第6期.

- 155.Qin Jin Biao 覃进标, 对边境地区社会治安防控的思考——以广西边境地区为例, 广西警官高等专科学校学报, 2013年第2期
- 156.Huang Cai Wen 黄彩文, He Guang Han 和光翰, 中缅边境地区外籍劳务人员与边疆安全,学术探索2016年8月
- 157.Bai Li You 白利友, 中国的陆地边境治理及其研究, 新视野, 2017年第5期
- 158.B.C.Карлаков, “Современные политико-экономические вызовы национальной безопасности Российской Федерации”, Вестник Финансового университета. 2019; 9 (6).
- 159.Г.В. Лепеш, “Современные угрозы безопасности границ и устойчивого развития”, Вопросы сервисной техники и технологий № 4(46), 2018.
- 160.Григорьев В. Н, “Способы охраны границы Российской Федерации”, Социальные и политические науки. 2010, №1(16).
- 161.M.V. Kazanin, “вызов и три для пограничной безопасности Китайской Народной Республики”, Евразийский профсоюз: Вопросы международных отношений, Выпуск 5(14), 2015.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN

Để có cơ sở đánh giá đúng việc bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia ở Đông Nam Bộ hiện nay và nghiên cứu, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa việc bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia ở Đông Nam Bộ thời gian tới, xin đồng chí vui lòng cung cấp một số thông tin vào phiếu khảo sát.

Chúng tôi cam kết những thông tin đồng chí cung cấp chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu. Rất mong nhận được sự quan tâm, chia sẻ của đồng chí!

Đồng chí vui lòng: Đánh dấu **X** vào các **ô trống** hoặc **cho ý kiến** vào các **chỗ trống**.

Trân trọng cảm ơn!

NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1: Theo đồng chí bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền Việt Nam – Campuchia ở Đông Nam Bộ gồm các nội dung nào sau đây.

STT	Nội dung bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam – CPC ở Đông Nam Bộ	Chọn	Không chọn
1	<i>Bảo đảm an ninh lãnh thổ</i>	☐	☐
1.1	Xây dựng kế hoạch phân định cắm mốc, tôn tạo cột mốc	☐	☐
1.2.	Triển khai phân định cắm mốc, tôn tạo, tăng dày cột mốc	☐	☐

1.3.	Hoạt động bảo vệ kết quả phân định cắm mốc, vành đai biên giới	☐	☐
1.4	Hoạt động bảo đảm an ninh trật tự, an toàn khu vực biên giới	☐	☐
1.5	Hoạt động khác...	☐	☐
2	<i>Bảo đảm an ninh tư tưởng</i>	☐	☐
2.1.	Hoạt động xây dựng kế hoạch bảo vệ vai trò lãnh đạo của đảng, nền tảng tư tưởng của đảng..	☐	☐
2.2.	Hoạt động triển khai thực hiện kế hoạch bảo vệ vai trò lãnh đạo của đảng, nền tảng tư tưởng của đảng.. trong hệ thống chính trị	☐	☐
2.3	Hoạt động phối hợp giữa hệ thống chính trị và nhân dân trong bảo vệ vai trò lãnh đạo của đảng, nền tảng tư tưởng của đảng	☐	☐
2.4.	hoạt động khác.....	☐	☐
3	<i>Bảo đảm an ninh thể chế</i>	☐	☐
3.1.	Hoạt động xây dựng kế hoạch kiện toàn bộ máy của hệ thống chính trị cơ sở.	☐	☐
3.2	Hoạt động xây dựng lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh biên giới	☐	☐
3.3	Hoạt động triển khai thực hiện kiện toàn bộ máy chính quyền cơ sở.	☐	☐
3.4	Hoạt động phối hợp giữa hệ thống chính trị với lực lượng vũ trang trong các hoạt động phát triển kinh tế, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới	☐	☐
3.5	Hoạt động phối hợp giữa hệ thống chính trị, lực lượng vũ trang với nhân dân trong các hoạt động phát triển kinh tế, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới	☐	☐
3.6	Hoạt động khác.....	☐	☐

Câu 2: Đồng chí đánh giá thế nào về kết quả bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia ở địa phương của đồng chí ?

STT	Nội dung bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia ở Đông Nam Bộ	Kết quả			
		Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém
1	<i>Bảo đảm an ninh lãnh thổ</i>	☐	☐	☐	☐
1.1	Về kế hoạch trong phân giới cắm mốc	☐	☐	☐	☐
1.2	Về kế hoạch tôn tạo, tăng dày cột mốc	☐	☐	☐	☐
1.3	Về kế hoạch bảo vệ, phối hợp bảo vệ mốc giới	☐	☐	☐	☐
1.4	Hoạt động triển khai phân giới cắm mốc	☐	☐	☐	☐
1.5	Hoạt động tôn tạo, tăng dày và bảo vệ mốc giới	☐	☐	☐	☐
1.6	Hoạt động tuần tra biên giới của LLVT, chính quyền địa phương	☐	☐	☐	☐
1.7	Hoạt động phối hợp tuần tra biên giới giữa lực lượng chức năng, chính quyền Việt Nam và Campuchia	☐	☐	☐	☐
1.8	Hoạt động chia sẻ thông tin bảo vệ an ninh biên giới giữa chính quyền, lực lượng vũ trang Việt Nam và Campuchia	☐	☐	☐	☐
1.9	Hoạt động phối hợp giải quyết các vấn đề an ninh biên giới giữa Việt Nam và Campuchia...	☐	☐	☐	☐
1.10	Hoạt động khác.....	☐	☐	☐	☐
2	<i>Bảo đảm an ninh tư tưởng</i>	☐	☐	☐	☐
2.1	Xây dựng kế hoạch bảo vệ vai trò lãnh đạo và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.	☐	☐	☐	☐
2.2	Xây dựng kế hoạch phòng chống phát tán các loại	☐	☐	☐	☐

	tài liệu chống phá đảng, Nhà nước khu vực biên giới				
2.3	Xây dựng kế hoạch ngăn chặn các hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo.. để chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân	☐	☐	☐	☐
2.4	Hoạt động triển khai kế hoạch bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong hệ thống chính trị cơ sở, lực lượng vũ trang.	☐	☐	☐	☐
2.5	Hoạt động phối hợp triển khai kế hoạch bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng giữa hệ thống chính trị cơ sở và nhân dân.	☐	☐	☐	☐
2.5	Hoạt động triển khai kế hoạch phòng chống phát tán các loại tài liệu chống phá đảng, Nhà nước khu vực biên giới	☐	☐	☐	☐
2.6	Hoạt động triển khai kế hoạch ngăn chặn các hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo...nhằm chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân.	☐	☐	☐	☐
2.7	Hoạt động phối hợp giữa Việt Nam và chính quyền, nhân dân Campuchia trong bảo vệ an ninh tư tưởng khu vực biên giới	☐	☐	☐	☐
2.8	Hoạt động khác.....	☐	☐	☐	☐
3	<i>Bảo đảm an ninh thể chế</i>	☐	☐	☐	☐
3.1	Xây dựng, kiện toàn hệ thống chính trị cơ sở	☐	☐	☐	☐
3.2	Xây dựng lực lượng và bố trí lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh biên giới	☐	☐	☐	☐
3.3	Kế hoạch phát triển kinh tế, giữ vững an ninh, trật tự an toàn khu vực biên giới	☐	☐	☐	☐
3.4	Kế hoạch phối kết hợp giữa hệ thống chính trị cơ	☐	☐	☐	☐

	sở, lực lượng vũ trang trong bảo đảm an toàn, an ninh khu vực biên giới.				
3.5	Kế hoạch phối kết hợp giữa hệ thống chính trị cơ sở, lực lượng vũ trang và nhân dân trong bảo đảm an ninh, an toàn khu vực biên giới.	☐	☐	☐	☐
3.6	Hoạt động triển khai kế hoạch kiện toàn bộ máy hệ thống chính trị cơ sở	☐	☐	☐	☐
3.7	Hoạt động thực hiện kế hoạch bố trí các lực lượng chuyên trách bảo. vệ an ninh biên giới	☐	☐	☐	☐
3.8	Hoạt động triển khai kế hoạch phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo vệ an ninh trật tự khu vực biên giới	☐	☐	☐	☐
3.9	Hoạt động phối kết hợp giữa hệ thống chính trị cơ sở, lực lượng vũ trang trong bảo đảm an toàn, an ninh khu vực biên giới.	☐	☐	☐	☐
3.10	Hoạt động phối kết hợp giữa hệ thống chính trị cơ sở, lực lượng vũ trang và nhân dân trong bảo đảm an ninh, an toàn khu vực biên giới.	☐	☐	☐	☐
3.11	Hoạt động chia sẻ thông tin, hợp tác, giao lưu giữa chính quyền, lực lượng vũ trang và nhân dân khu vực biên giới về kinh tế, an ninh, văn hoá, xã hội...	☐	☐	☐	☐
3.12	Hoạt động phối hợp xử lý những vấn đề vi phạm như: buôn lậu, ma túy, xâm canh, xâm cư, buôn người... giữa cơ quan chức năng hai nước Việt Nam – Campuchia	☐	☐	☐	☐
3.13	Hoạt động khác.....	☐	☐	☐	☐

Câu 3: Đồng chí đánh giá thế nào về mức độ phối hợp giữa các chủ thể thực hiện bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia ở Đông Nam Bộ.

STT	Chủ thể và nội dung	Mức độ		
		Không phối hợp/ không kịp thời	Ít phối hợp	Thường xuyên phối hợp/ Kịp thời
1	Sự phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành trong hệ thống chính trị cơ sở về bảo vệ an ninh chính trị khu vực biên giới	☐	☐	☐
2	Sự phối hợp giữa chính quyền cơ sở với lực lượng vũ trang trong hoạt động phân giới cắm mốc	☐	☐	☐
3	Sự phối hợp giữa chính quyền cơ sở với lực lượng vũ trang trong hoạt động bảo vệ mốc giới	☐	☐	☐
4	Sự phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể trong việc bảo vệ vai trò lãnh đạo, nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ an ninh khu vực biên giới	☐	☐	☐
5	Sự phối hợp giữa chính quyền cơ sở và nhân dân trong việc bảo vệ vai trò lãnh đạo, nền tảng tư tưởng của Đảng; phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh, an toàn khu vực biên giới	☐	☐	☐
6	Sự phối hợp giữa lực lượng vũ trang (Bộ đội biên phòng) với chính quyền, tổ chức đoàn thể	☐	☐	☐

	và nhân dân trong bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới.			
7	Sự phối hợp giữa chính quyền, nhân dân hai nước Việt Nam – Campuchia trong bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới	☐	☐	☐
8	Sự phối hợp giữa lực lượng vũ trang hai nước Việt Nam – Campuchia trong bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới	☐	☐	☐
9	Khác.....	☐	☐	☐

Câu 4: Đồng chí biết được những thông tin về bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở địa phương đồng chí từ đâu?

- ☐ 1. Qua việc tham gia ban hành văn bản
- ☐ 2. Qua việc thực hiện kế hoạch, chủ trương
- ☐ 3. Qua tuyên truyền, giáo dục
- ☐ 4. Tự tìm hiểu
- ☐ 5. Khác (*Vui lòng ghi rõ*)

Câu 5: Đồng chí đánh giá như thế nào về mức độ tác động của các yếu tố sau đến bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia ở Đông Nam Bộ?

STT	Yếu tố tác động	Mức độ tác động		
		Tác động nhiều	Ít tác động	Không tác động
1	Tình hình an ninh chính trị thế giới và khu vực	☐	☐	☐
2	Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước	☐	☐	☐

3	Chủ trương, kế hoạch của địa phương vùng biên giới	☐	☐	☐
4	Sự phối hợp giữa cơ quan, đoàn thể trong hệ thống chính trị cơ sở về xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với an ninh quốc phòng khu vực biên giới	☐	☐	☐
5	Sự phối hợp giữa cơ quan, đoàn thể trong hệ thống chính trị cơ sở về xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng,	☐	☐	☐
6	Sự phối hợp giữa hệ thống chính trị cơ sở, lực lượng vũ trang và nhân dân về xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với an ninh quốc phòng khu vực biên giới	☐	☐	☐
7	Sự phối hợp giữa hệ thống chính trị cơ sở, lực lượng vũ trang và nhân dân về xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.	☐	☐	☐
8	Mối quan hệ giữa hai nước Việt Nam – Campuchia	☐	☐	☐
9	Mối quan hệ giữa chính quyền và nhân dân hai nước Việt Nam – Campuchia khu vực biên giới	☐	☐	☐
10	Ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong bảo đảm an ninh chính trị biên giới	☐	☐	☐
11	Khác.....	☐	☐	☐

Câu 6: Theo đồng chí công tác bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia ở Đông Nam bộ hiện nay đang đặt ra những vấn đề gì? (được chọn nhiều đáp án)

- ☐ 1. Vấn đề từ chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước
- ☐ 2. Vấn đề trong xây dựng kế hoạch, thực hiện kế hoạch của địa phương
- ☐ 3. Vấn đề trong sự phối hợp giữa hệ thống chính trị với LLVT và nhân dân
- ☐ 4. Vấn đề trong sự phối kết hợp giữa Việt Nam và Campuchia
- ☐ 5. Môi trường an ninh, chính trị thế giới và khu vực
- ☐ 6. Đặc điểm chính trị của Campuchia
- ☐ 7. Khác (Vui lòng ghi rõ).....

Câu 7: Theo đồng chí những giải pháp nào sau đây cần thực hiện nhằm bảo đảm an ninh lãnh thổ khu vực biên giới Việt Nam – Campuchi ở Đông Nam Bộ hiện nay? (Được chọn nhiều đáp án).

STT	Giải pháp	Mức độ ưu tiên			
		Ưu tiên 1	Ưu tiên 2	Ưu tiên 3	Ưu tiên 4
1	Đảng và Nhà nước cần có chủ trương, chính sách kịp thời, cụ thể.	☐	☐	☐	☐
2	Chủ trương, kế hoạch của chính quyền địa phương phải linh hoạt, đúng đắn, kịp thời.	☐	☐	☐	☐
3	Cần có sự phối hợp tốt hơn nữa giữa hệ thống chính trị với LLVT và nhân dân	☐	☐	☐	☐
4	Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, vận động	☐	☐	☐	☐
5	Cần có sự phối hợp, hợp tác chặt chẽ hơn giữa Việt Nam và Campuchia	☐	☐	☐	☐

6	Ý kiến khác:	☐	☐	☐	☐
					
					
					

Câu 8: Theo đồng chí những giải pháp nào sau đây cần thực hiện nhằm bảo đảm an ninh tư tưởng khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia ở Đông Nam Bộ hiện nay? (Được chọn nhiều đáp án).

STT	Giải pháp	Mức độ ưu tiên			
		Ưu tiên 1	Ưu tiên 2	Ưu tiên 3	Ưu tiên 4
1	Cần có nhiều chủ trương, kế hoạch kịp thời, phù hợp với tình hình cụ thể khu vực biên giới	☐	☐	☐	☐
2	Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao nhận thức chính trị của đội ngũ CB, ĐV khu vực biên giới	☐	☐	☐	☐
3	Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân	☐	☐	☐	☐
4	Có nhiều phương án, biện pháp đấu tranh bảo vệ Đảng, Nhà nước; các phương án phải linh hoạt, xử lý các vụ việc phải triệt để và nhất quán.	☐	☐	☐	☐
5	Đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội đồng thời quan tâm nhiều đến vấn đề dân tộc, tôn giáo khu vực biên giới.	☐	☐	☐	☐
6	Tăng cường công tác phối hợp, trao đổi thông tin với phía nước bạn Campuchia.				
7	Ý kiến khác:	☐	☐	☐	☐
					
					
					

Câu 9: Theo đồng chí những giải pháp nào sau đây cần thực hiện nhằm bảo đảm an ninh thể chế khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia ở Đông Nam Bộ hiện nay? (Được chọn nhiều đáp án).

STT	Giải pháp	Mức độ ưu tiên			
		Ưu tiên 1	Ưu tiên 2	Ưu tiên 3	Ưu tiên 4
1	Cần tiếp tục hoàn thiện hơn nữa bộ máy hệ thống chính trị cơ sở	☐	☐	☐	☐
2	Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đặc biệt là cán bộ người dân tộc thiểu số khu vực biên giới	☐	☐	☐	☐
3	Triển khai mạnh mẽ, hiệu quả kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh quốc phòng khu vực biên giới.	☐	☐	☐	☐
4	Tăng cường sự phối hợp giữa hệ thống chính trị và LLVT trong bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới	☐	☐	☐	☐
5	Tăng cường hợp tác, giao lưu, phối hợp giữa Việt Nam và Campuchia.	☐	☐	☐	☐
6	Ý kiến khác:	☐	☐	☐	☐

Câu 10: Đồng chí hiện đang công tác tại:

- | | |
|--|--|
| ☐ 1. Văn phòng tỉnh uỷ | ☐ 6. Ban tuyên giáo huyện uỷ |
| ☐ 2. Ban tuyên giáo tỉnh uỷ | ☐ 7. Lực lượng vũ trang |
| ☐ 3. Sở Ngoại vụ | ☐ 8. UBND, HĐDN xã |
| ☐ 4. Sở nội vụ | ☐ 9. MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội |
| ☐ 5. Văn phòng huyện uỷ | ☐ 10. Khác (vui lòng ghi rõ) |

PHỤ LỤC 2
KẾT QUẢ ĐIỀU TRA BẢNG HỎI LUẬN ÁN

Câu 1: Theo đồng chí bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới đất liền Việt Nam – Campuchia ở Đông Nam Bộ gồm các nội dung nào sau đây?

STT	Nội dung bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam - CPC ở Đông Nam Bộ	Chọn	Tỷ lệ	Không chọn	Tỷ lệ
1	<i>Bảo đảm an ninh lãnh thổ</i>				
1.1	Xây dựng kế hoạch phân định cắm mốc, tôn tạo cột mốc	202	97,58%	5	2,42%
1.2.	Triển khai phân định cắm mốc, tôn tạo, tăng dày cột mốc	202	97,58%	5	2,42%
1.3.	Hoạt động bảo vệ kết quả phân định cắm mốc, vành đai biên giới	204	98,55%	3	1,45%
1.4	Hoạt động bảo đảm an ninh trật tự, an toàn khu vực biên giới	204	98,55%	3	1,45%
1.5	Hoạt động khác...	Tuần tra biên giới thường xuyên; Tuần tra biên giới đường mòn lỏi mở; Tăng cường giao lưu biên giới			
2	<i>Bảo đảm an ninh tư tưởng</i>				
2.1.	Hoạt động xây dựng kế hoạch bảo vệ vai trò lãnh đạo của đảng, nền tảng tư tưởng của đảng..	201	97,10%	6	2,90%
2.2.	Hoạt động triển khai thực hiện kế hoạch bảo vệ vai trò lãnh đạo của đảng, nền tảng tư tưởng của đảng.. trong hệ thống chính trị	204	98,55%	3	1,45%
2.3	Hoạt động phối hợp giữa hệ thống chính trị và nhân dân trong bảo vệ vai trò lãnh đạo của đảng, nền tảng tư tưởng của đảng	205	99,03%	2	0,97%
2.4.	Hoạt động khác.....	Giao lưu với xã bạn biên giới			

3	<i>Bảo đảm an ninh thể chế</i>				
3.1.	Hoạt động xây dựng kế hoạch kiện toàn bộ máy của hệ thống chính trị cơ sở.	202	97,58%	5	2,42%
3.2	Hoạt động xây dựng lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh biên giới	203	98,07%	4	1,93%
3.3	Hoạt động triển khai thực hiện kiện toàn bộ máy chính quyền cơ sở.	201	97,10%	6	2,90%
3.4	Hoạt động phối hợp giữa hệ thống chính trị với lực lượng vũ trang trong các hoạt động phát triển kinh tế, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới	202	97,58%	5	2,42%
3.5	Hoạt động phối hợp giữa hệ thống chính trị, lực lượng vũ trang với nhân dân trong các hoạt động phát triển kinh tế, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới	204	98,55%	3	1,45%

Câu 2: Đồng chí đánh giá thế nào về kết quả bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia ở địa phương của đồng chí ?

STT	Nội dung bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia ở Đông Nam Bộ	Kết quả							
		Rất tốt	Tỷ lệ	Tốt	Tỷ lệ	Trung bình	Tỷ lệ	Kém	Tỷ lệ
1	Bảo đảm an ninh lãnh thổ								
1.1	Về kế hoạch trong phân giới cắm mốc	123	59,42%	83	40,10%	1	0,48%	0	0,00%
1.2	Về kế hoạch tôn tạo, tăng dày cột mốc	138	66,67%	64	30,92%	5	2,42%	0	0,00%
1.3	Về kế hoạch bảo vệ, phối	141	68,12%	65	31,40%	1	0,48%	0	0,00%

	hợp bảo vệ mốc giới								
1.4	Hoạt động triển khai phân giới cắm mốc	122	58,94%	82	39,61%	3	1,45%	0	0,00%
1.5	Hoạt động tôn tạo, tăng dày và bảo vệ mốc giới	122	58,94%	82	39,61%	3	1,45%	0	0,00%
1.6	Hoạt động tuần tra biên giới của LLVT, chính quyền địa phương	141	68,12%	62	29,95%	4	1,93%	0	0,00%
1.7	Hoạt động phối hợp tuần tra biên giới giữa lực lượng chức năng, chính quyền Việt Nam và Campuchia	107	51,69%	96	46,38%	3	1,45%	1	0,48%
1.8	Hoạt động chia sẻ thông tin bảo vệ an ninh biên giới giữa chính quyền, lực lượng vũ trang Việt Nam và Campuchia	106	51,21%	96	46,38%	4	1,93%	1	0,48%
1.9	Hoạt động phối hợp giải quyết các vấn đề an ninh biên giới giữa Việt Nam và Campuchia...	119	57,49%	84	40,58%	3	1,45%	1	0,48%
2	Bảo đảm an ninh tư tưởng								
2.1	Xây dựng kế hoạch bảo vệ vai trò lãnh đạo và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.	142	68,60%	64	30,92%	1	0,48%	0	0%
2.2	Xây dựng kế hoạch phòng chống phát tán các loại tài liệu chống phá đảng, Nhà nước khu vực biên giới	146	70,53%	59	28,50%	2	0,97%	0	0%
2.3	Xây dựng kế hoạch ngăn	138	66,67%	67	32,37%	2	0,97%	0	0%

3.1	Xây dựng, kiện toàn hệ thống chính trị cơ sở	121	58,45%	81	39,13%	5	2,42%	0	0,00%
3.2	Xây dựng lực lượng và bố trí lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh biên giới	139	67,15%	61	29,47%	7	3,38%	0	0,00%
3.3	Kế hoạch phát triển kinh tế, giữ vững an ninh, trật tự an toàn khu vực biên giới	109	52,66%	96	46,38%	2	0,97%	0	0,00%
3.4	Kế hoạch phối kết hợp giữa hệ thống chính trị cơ sở, lực lượng vũ trang trong bảo đảm an toàn, an ninh khu vực biên giới.	107	51,69%	98	47,34%	2	0,97%	0	0,00%
3.5	Kế hoạch phối kết hợp giữa hệ thống chính trị cơ sở, lực lượng vũ trang và nhân dân trong bảo đảm an ninh, an toàn khu vực biên giới.	109	52,66%	97	46,86%	1	0,48%	0	0,00%
3.6	Hoạt động triển khai kế hoạch kiện toàn bộ máy hệ thống chính trị cơ sở	101	48,79%	104	50,24%	2	0,97%	0	0,00%
3.7	Hoạt động thực hiện kế hoạch bố trí các lực lượng chuyên trách bảo. vệ an ninh biên giới	135	65,22%	68	32,85%	4	1,93%	0	0,00%
3.8	Hoạt động triển khai kế hoạch phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo vệ an ninh trật tự khu vực biên giới	104	50,24%	99	47,83%	4	1,93%	0	0,00%
3.9	Hoạt động phối kết hợp giữa hệ thống chính trị cơ	101	48,79%	102	49,28%	4	1,93%	0	0,00%

	sở, lực lượng vũ trang trong bảo đảm an toàn, an ninh khu vực biên giới.								
3.10	Hoạt động phối kết hợp giữa hệ thống chính trị cơ sở, lực lượng vũ trang và nhân dân trong bảo đảm an ninh, an toàn khu vực biên giới.	101	48,79%	105	50,72%	1	0,48%	0	0,00%
3.11	Hoạt động chia sẻ thông tin, hợp tác, giao lưu giữa chính quyền, lực lượng vũ trang và nhân dân khu vực biên giới về kinh tế, an ninh, văn hoá, xã hội...	102	49,28%	99	47,83%	6	2,90%	0	0,00%
3.12	Hoạt động phối hợp xử lý những vấn đề vi phạm như: buôn lậu, ma túy, xâm canh, xâm cư, buôn người... giữa cơ quan chức năng hai nước Việt Nam – Campuchia	91	43,96%	108	52,17%	8	3,86%	0	0,00%

Câu 3: Đồng chí đánh giá thế nào về mức độ phối hợp giữa các chủ thể thực hiện bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia ở Đông Nam Bộ.

STT	Chủ thể và nội dung	Mức độ					
		Không phối hợp/ không kịp thời	Tỷ lệ	Ít phối hợp	Tỷ lệ	Thường xuyên phối hợp/ Kịp thời	Tỷ lệ
1	Sự phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành trong hệ thống chính trị cơ sở về bảo vệ an ninh chính	2	0,97%	10	4,83%	195	94,20%

	trị khu vực biên giới						
2	Sự phối hợp giữa chính quyền cơ sở với lực lượng vũ trang trong hoạt động phân giới cắm mốc	2	0,97%	8	3,86%	197	95,17%
3	Sự phối hợp giữa chính quyền cơ sở với lực lượng vũ trang trong hoạt động bảo vệ mốc giới	0	0,00%	11	5,31%	196	94,69%
4	Sự phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể trong việc bảo vệ vai trò lãnh đạo, nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ an ninh khu vực biên giới	1	0,48%	11	5,31%	195	94,20%
5	Sự phối hợp giữa chính quyền cơ sở và nhân dân trong việc bảo vệ vai trò lãnh đạo, nền tảng tư tưởng của Đảng; phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh, an toàn khu vực biên giới	0	0,00%	14	6,76%	193	93,24%
6	Sự phối hợp giữa lực lượng vũ trang (Bộ đội biên phòng) với chính quyền, tổ chức đoàn thể và nhân dân trong bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới.	1	0,48%	15	7,25%	191	92,27%
7	Sự phối hợp giữa chính quyền, nhân dân hai nước Việt Nam – Campuchia trong bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới	1	0,48%	21	10,14 %	185	89,37%
8	Sự phối hợp giữa lực lượng vũ trang hai nước Việt Nam – Campuchia trong bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới	1	0,48%	8	3,86%	198	95,65%

Câu 4: Đồng chí biết được những thông tin về bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới ở địa phương đồng chí từ đâu?

1. Qua việc tham gia ban hành văn bản: 142 lựa chọn
2. Qua việc thực hiện kế hoạch, chủ trương: 160 lựa chọn
3. Qua tuyên truyền, giáo dục: 167 lựa chọn
4. Tự tìm hiểu: 100 lựa chọn
5. Khác
 - Bài đăng tuyên truyền trên mạng xã hội
 - Công tác đối ngoại định kỳ 6 tháng/ năm
 - Chi bộ cung cấp
 - Thông tin do Huyện ủy, Ủy ban nhân dân cung cấp
 - Thông qua internet và mạng xã hội
 - Tham gia tổ chức và ăn tết cổ truyền của nước bạn

Câu 5: Đồng chí đánh giá như thế nào về mức độ tác động của các yếu tố sau đến bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia ở Đông Nam Bộ?

STT	Yếu tố tác động	Mức độ tác động					
		Tác động nhiều	Tỷ lệ	Ít tác động	Tỷ lệ	Không tác động	Tỷ lệ
1	Tình hình an ninh chính trị thế giới và khu vực	156	75,36%	41	19,81%	10	4,83%
2	Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước	183	88,41%	14	6,76%	10	4,83%
3	Chủ trương, kế hoạch của địa phương vùng biên giới	177	85,51%	19	9,18%	11	5,31%
4	Sự phối hợp giữa cơ quan, đoàn thể trong hệ thống chính trị cơ sở về xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với an ninh quốc phòng khu vực biên giới	155	74,88%	39	18,84%	13	6,28%

5	Sự phối hợp giữa cơ quan, đoàn thể trong hệ thống chính trị cơ sở về xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng,	154	74,40%	41	19,81%	12	5,80%
6	Sự phối hợp giữa hệ thống chính trị cơ sở, lực lượng vũ trang và nhân dân về xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với an ninh quốc phòng khu vực biên giới	179	86,47%	16	7,73%	12	5,80%
7	Sự phối hợp giữa hệ thống chính trị cơ sở, lực lượng vũ trang và nhân dân về xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.	171	82,61%	24	11,59%	12	5,80%
8	Mối quan hệ giữa hai nước Việt Nam – Campuchia	180	86,96%	17	8,21%	10	4,83%
9	Mối quan hệ giữa chính quyền và nhân dân hai nước Việt Nam – Campuchia khu vực biên giới	166	80,19%	31	14,98%	10	4,83%
10	Ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong bảo đảm an ninh chính trị biên giới	173	83,57%	23	11,11%	11	5,31%

Câu 6: Theo đồng chí công tác bảo đảm an ninh chính trị khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia ở Đông Nam bộ hiện nay đang đặt ra những vấn đề gì? (được chọn nhiều đáp án)

1. Vấn đề từ chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước 150
2. Vấn đề trong xây dựng kế hoạch, thực hiện kế hoạch của địa phương 128
3. Vấn đề trong sự phối hợp giữa hệ thống chính trị với LLVT và nhân dân 134
4. Vấn đề trong sự phối kết hợp giữa Việt Nam và Campuchia 154

5. Môi trường an ninh, chính trị thế giới và khu vực 121
6. Đặc điểm chính trị của Campuchia 118
7. Khác (*Vui lòng ghi rõ*).....
 - Công tác đối ngoại với Campuchia
 - Sự hài hòa trong quan hệ

Câu 7: Theo đồng chí những giải pháp nào sau đây cần thực hiện nhằm bảo đảm an ninh lãnh thổ khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia ở Đông Nam Bộ hiện nay? (Được chọn nhiều đáp án)

[illegible]

Câu 8: Theo đồng chí những giải pháp nào sau đây cần thực hiện nhằm bảo đảm an ninh tư tưởng khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia ở Đông Nam Bộ hiện nay? (Được chọn nhiều đáp án).

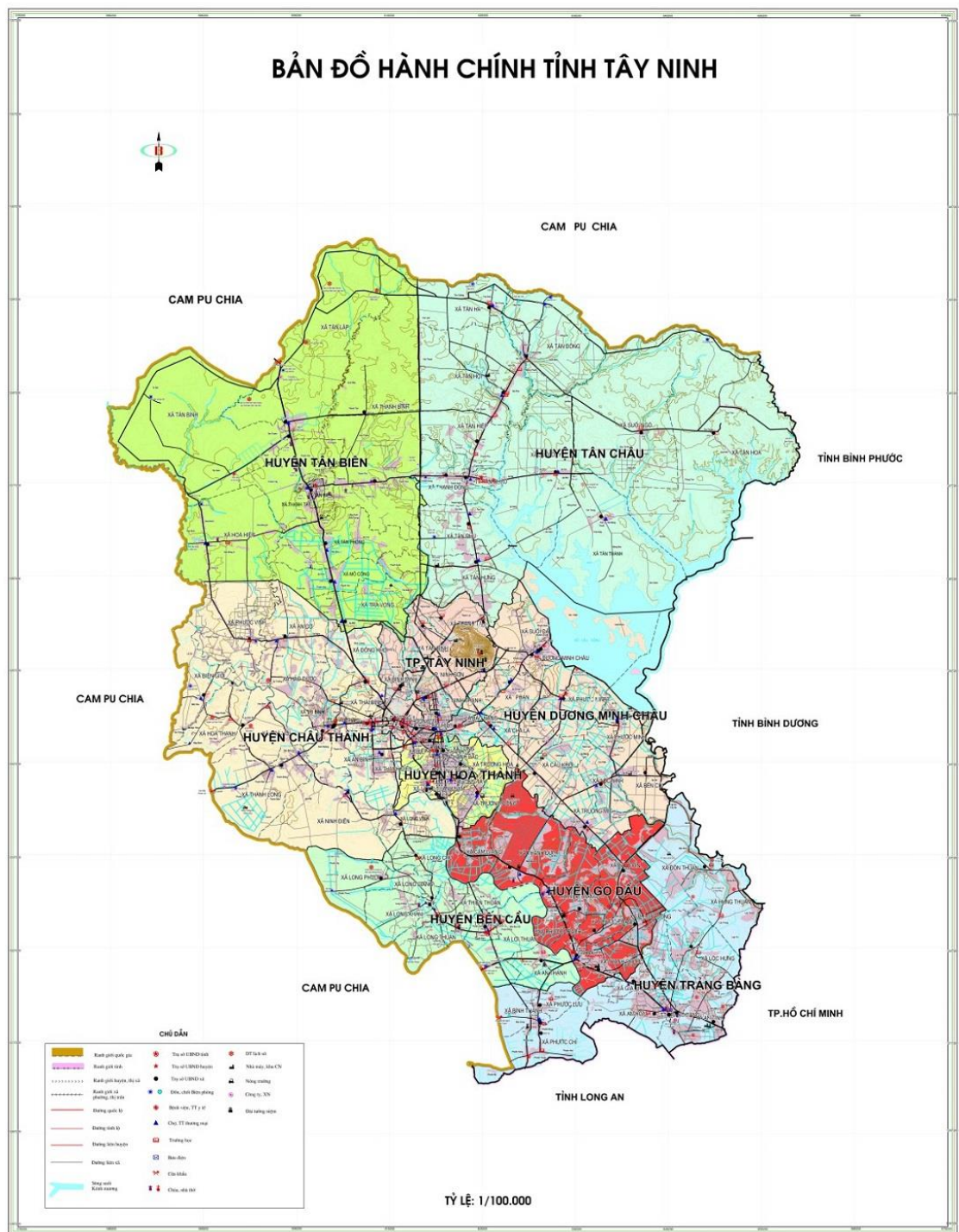
[illegible]

Câu 9: Theo đồng chí những giải pháp nào sau đây cần thực hiện nhằm bảo đảm an ninh thể chế khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia ở Đông Nam Bộ hiện nay? (Được chọn nhiều đáp án).

[illegible]

Câu 10: Đồng chí hiện đang công tác tại:

1. Văn phòng tỉnh uỷ: 0
2. Ban tuyên giáo tỉnh uỷ: 21
3. Sở Ngoại vụ: 20
4. Sở nội vụ: 19
5. Văn phòng huyện uỷ: 0
6. Ban tuyên giáo huyện uỷ: 0
7. Lực lượng vũ trang: 31
8. UBND, HĐND xã: 47
9. MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội: 26
10. Khác (vui lòng ghi rõ).....
 - ✓ Phó Bí thư Đảng Ủy: 1
 - ✓ Đảng Ủy xã: 1
 - ✓ Giáo viên: 11
 - ✓ Đoàn Thanh niên: 1
 - ✓ Phòng kinh tế hạ tầng: 4
 - ✓ Người hoạt động không chuyên trách: 1
 - ✓ Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh: 1
 - ✓ Văn phòng HĐND-UBND huyện: 7
 - ✓ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Tân Biên: 5
 - ✓ Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu: 11



BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH PHƯỚC

